Nguyệt san KBC ®

NĂM THỨ 24
THÁNG 2 NĂM 2024

NGUYỆT SAN KBC

CỐ VẤN PHÁP LUẬT:
Tổ Hợp Luật Sư
ĐỖ PHỦ & ANH TUẤN

BAN CHỦ BIÊN:
NGUYỄN HUY HÙNG
LS TRẦN THANH HIỆP
ĐỖ QUÝ TOÀN
TRƯỜNG SƠN LÊ XUÂN NHỊ
ĐINH LÂM THANH
TRẦN VĂN GIANG
HỒNG HUY

CỘNG TÁC VIÊN:
PHẠM PHONG DINH
TRẦN VĂN NGÀ
PHẠM TÍN AN NINH
MƯỜNG GIANG
BẢO ĐỊNH
HỒ ĐẮC HUÂN
NGUYỄN VĂN KHANH
CAPTOVAN
NGỌC HẠNH (Phượng Vĩ)
NGÔ MINH HẰNG
BÁC SĨ HOÀNG CƠ LÂN
TAM BÁCH ĐINH BÁ TÂM
Nhóm HUYNH ĐỆ CHI BINH
(tại Japan, Pháp, Na Uy, Hòa Lan và Đông Bắc Hoa Kỳ)

TRÌNH BÀY BÌA & TRANG TRONG:
H' NGUYÊN

HÌNH ẢNH:
GOOGLE SEARCH

PHÁT HÀNH:
HỒNG HUY: (714) 254-5141
QUẢNG CÁO:
TÔ PHẠM THÁI: (714) 412-9013

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN:
9353 Bolsa Ave., K17
Westminster, CA 92683

Email:
nguyetsanKBC@gmail.com

Kính Chúc Quý Chiến Hữu và Độc Giả
Một Năm Mới AN KHANG - THỊNH VƯỢNG

TRONG SỐ BÁO NÀY:

LÊ CẦN THƠ . TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM VỚI NHỮNG NGƯỜI CON XA XỨ . 02 | **NGUYỄN CÔNG TRỨ** . CẢNH TẾT . **NGUYỄN KHUYẾN** . KHAI BÚT . 05 | **PHAN BỘI CHÂU** . BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN . **TẢN ĐÀ** . NGÀY XUÂN THƠ RƯỢU . 06 | **TRÀM CÀ MAU** . CÓ NHỮNG MÙA XUÂN CŨ . 07 | **VŨ HOÀNG CHƯƠNG** . XUÂN CẢM . **ĐINH HÙNG** . BƯỚM XUÂN . 12 | **HÀ THƯỢNG NHÂN** . NHỚ HÀ NỘI . MƯA BUỒN LONG GIAO . **CAO TIÊU** . ĐÓN HƯƠNG XUÂN . XUÂN DẠ ẨM . 13 | **VŨ KHẮC KHOAN . MẶC ĐỖ** . VIẾT BÁO TẾT TRƯỚC 1975 . 14 | **NGUYỄN MẠNH CÔN** . 15 | **NGUYỄN SỸ TẾ** . **TRẦN LÊ NGUYỄN** . 16 | **THANH NAM** . **DUYÊN ANH** . 17 | **THẢO TRƯỜNG** . **NGUYỄN ĐÌNH TOÀN** . 18 | **TÚY HỒNG** . **NGUYỄN XUÂN HOÀNG** . 19 | **TẠ TY** . THƠ GỬI NGƯỜI LÍNH BIÊN KHU . 20 | **TÔ THÙY YÊN** . HỒN VÔ SỞ CƯ . 21 | **PHAN LẠC TIẾP** . CÂY KHẾ NGÀY XƯA . 22 | **THANH TÂM TUYỀN** . TẦM XUÂN . 27 | **VƯƠNG ĐỨC LỆ** . NGẪU HỨNG MÙA XUÂN . **TRẦN TUẤN KIỆT** . ĐƯỜNG XUÂN . **CAO ĐÔNG KHÁNH** . MAI NGỦ TRONG NHÀ . 29 | **PHẠM PHONG DINH** . PHIÊN TRỰC CUỐI NĂM . 30 | **DOÃN NGỌC THANH** . CÁ VƯỢT VŨ MÔN . 42 | **BÙI GIÁNG** . THƯ XUÂN . 44 . NẮNG NGUYÊN ĐÁN . 45 | **HÀ HUYỀN CHI** . THỦY TIÊN . **TUỆ NGA** . VẠN LÝ HƯƠNG . **TRẦN VĂN NAM** . MÙA XUÂN TỪ GIÃ VIRGINIA . 46 | **ĐỖ QUÝ TOÀN** . THI SĨ . **THÁI TÚ HẠP** . TÌNH EM THÁNG GIÊNG . 47 | **VĨNH CHÁNH** . NHỮNG CÁI TẾT NĂM XƯA . 48 | **NGUYỄN MẠNH TIẾN** . XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ . 51 . NỬA ĐỜI TỰ CẢM . 53 | **PHAN LẠC PHÚC** . QUA CƠN MÊ . 54 | **ĐÀO TRUNG ĐẠO** . ĐÊM XUÂN VƯỢT SÔNG HẬU . XUÂN THÌ . 62 | **SONG VŨ** . NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN SỐ MỆNH . 63 | **VĨNH HẢO** . ĐỪNG BẢO XUÂN TÀN HOA RỤNG HẾT . 69 | **LUÂN HOÁN** . XUÂN CA . **CAO TẦN** . THƯ QUÊ HƯƠNG . 73 | **HOÀNG KHỞI PHONG** . GIÓ Ở QUÊ NHÀ . 74 | **TRẦN MỘNG TÚ** . TƯỜNG VI . **THƯỜNG QUÁN** . TRƯA XUÂN VỀ QUA NHÀ CŨ . 76 | **THẾ UYÊN** . CON ĐƯỜNG QUA MÙA ĐÔNG . 77

Lê Cần Thơ

TẾT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM VỚI NHỮNG NGƯỜI CON XA XỨ

Không phải ngẫu nhiên, mà là một tổng hợp tôi muốn ghi nhận ở đây – cái mốc thời gian gần 50 năm – kể từ cái ngày của Tháng Tư oan nghiệt, kéo theo biết bao sự chia lìa đau xót của nhiều người Việt Nam, trong đó không biết chính xác là bao nhiêu người đã vĩnh viễn nằm xuống trong trại "tù cải tạo", trong rừng sâu, dưới lòng biển cả,... khi phải trả giá cho hai chữ "tự do" đúng nghĩa của nó. Bây giờ trên hai triệu người Việt Nam xa xứ, định cư rải rác trên hàng trăm quốc gia toàn thế giới đang sống với tâm trạng "lưu vong" và cứ mỗi năm, vào dịp Tết cổ truyền, chạnh lòng khi hướng về quê hương đã trở thành "cố xứ" với biết bao tâm trạng khác nhau... Dĩ nhiên tâm trạng của những người xa xứ bởi biến cố đau thương của đất nước, chắc sẽ khác nhau với tâm trạng của những thế hệ sau nÀy ra nước ngoài, hoặc du học, hoặc đi làm việc để tìm sự sống. Nhưng, xa đất nước với động lực nào, "những người con xa xứ" sẽ dễ cảm thông nhau tại một giao điểm đáng nhớ, đó là *"Tết cổ truyền Việt Nam"*.

Ở Việt Nam có chín ngày lễ tết trong năm, nhưng Tết Nguyên Đán là Tết cổ truyền được tổ chức linh đình và long trọng nhất, diễn ra suốt ba ngày, từ ngày mùng Một đến mùng Ba tháng Giêng âm lịch. Vào chiều ngày 30 tháng Chạp, người ta làm cỗ để cúng và rước tổ tiên về. Nửa đêm Ba Mươi rạng mùng Một, tức là đêm Trừ Tịch, người ta làm lễ cúng Trời Đất để tiễn năm cũ và đón năm mới. Việc cúng vào thời điểm nầy được gọi là cúng Trừ Tịch hay cúng Giao Thừa. Thường thì sau khi cúng Giao Thừa, người ta đua nhau đi lễ chùa và lễ đền miếu, hái lộc đầu năm, có người lại xin xăm, bói quẻ đầu năm; chọn giờ và chọn hướng để xuất hành cho được tốt để đem lại may mắn cho gia đình. Vào đầu năm mới, các nhà văn nhà thơ thường "khai bút"; các vị quan xưa thì chọn ngày tốt trong đầu năm để "khai ấn". Sáng sớm mùng Một, các gia đình đều pha trà làm lễ cúng gia tiên và đốt pháo mừng Tết, đi xông nhà, xông đất. Các con cháu mừng tuổi cha mẹ, ông bà và được cho tiền mừng tuổi. Sáng mùng Hai, gia đình đi lễ tổ tiên bên Ngoại. Mùng Ba, các gia đình đều làm hoá vàng (đồ bằng giấy giả làm vàng được đốt đi sau khi cúng lễ) để tiễn gia tiên; cũng ngày này, các môn sinh đi lễ nhà Thầy, Cô. Bởi vậy, ca dao Việt Nam có câu: *"Mùng Một thì ở nhà cha, Mùng Hai nhà vợ, mùng Ba nhà thầy."*

Tết là dịp để mọi người hân hoan chúc cho nhau những điều tốt lành nhất cho năm mới, là khởi đầu cho niềm hy vọng mới. Tết cũng là ngày đoàn tụ, là dịp để bày tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên, với những bậc tiền hiền đã dày công dựng nước và giữ nước. Tết còn mang ý nghĩa đoàn kết, tha thứ, cởi mở, biết ơn và vui sống của mọi người dân Việt... Đời sống văn hoá của dân tộc Việt trải dài hàng mấy ngàn năm văn hiến, ông cha đã tích lũy biết bao kinh nghiệm để truyền dạy cháu con và những sự truyền dạy đó trở nên những "lề thói" mãi đến bây giờ vẫn còn. Trong thời đại văn minh hiện tại, qua trao đổi và giao tiếp với trào lưu tiến hoá của loài người, dân tộc Việt cũng đã loại bỏ dần đi những điều không cần thiết, giữ lại những phong tục cổ truyền rất đẹp, vì đó là biểu tượng của một nền văn hoá tuyệt vời của dân tộc: tục lệ thờ cúng gia tiên trong những dịp lễ tết, tục lệ kiêng cử lời ăn tiếng nói, chọn

hướng xuất hành, hái lộc đầu năm, lì xì mừng tuổi, v.v... Có lẽ nhờ vậy mà những tâm tình ghi nhận được vào dịp Tết phản ảnh phần nào tâm lý, tình cảm và đạo đức của con dân Việt – những người con xa xứ đang hướng về quê cha đất tổ trong dịp Tết cổ truyền.

"Mùa Xuân đã đến rồi, vậy mà lòng người vẫn buồn vậy sao. Có mấy người hiểu được cảnh sống xa quê mỗi khi xuân về là thế nào không nếu như họ chưa một lần sống xa nhà. Trên đất Việt lúc này mai đang nở rộ chào đón một mùa xuân, chào đón một năm mới an lành. Trong khi đó tôi phải đón xuân tại một nơi xa quê hương tới nửa vòng trái đất (...). Mỗi khi tưởng tượng trong đầu hình ảnh cành mai nở là lòng tôi lại rạo rực nhớ về quê hương yêu dấu. Nơi gắn bó với tôi bao nhiêu kỷ niệm buồn vui, nơi đang sống và làm việc tất cả những người thân và bạn bè tôi. Ôi, hai tiếng 'quê hương' sao mà thân thương là thế. Hỡi những người yêu dấu ơi, có ai hiểu lòng tôi không?" (M.Đ. Thịnh)

"Bỗng nhiên tối nay tôi không thể nào chợp mắt được bởi tuy xa quê nhà, nhưng vẫn dõi theo giờ giấc Việt Nam và biết bây giờ nơi ấy mọi người đang rạo rực chờ đón phút thiêng liêng của năm mới, đón bình minh hạnh phúc. Có tha hương mới thấu hiểu tâm tình của những đứa con luôn nhớ về nơi quê hương xứ sở, cũng bánh chưng, cũng dưa hành đầy đủ, nhưng sao không tìm được hương vị thân quen..." (Ng.T.Huỳnh)

"Tôi đã cố gắng quên đi cái không khí Tết ở Việt Nam để khỏi phải nao lòng khi nghĩ về nó. Thế nhưng khi đọc những dòng cảm xúc của những người con xa quê hương, xa gia đình về giây phút thiêng liêng, thời khắc giao thời, tôi đã khóc rất nhiều. Tôi đã nhìn thấy tất cả những hình ảnh đón Tết của cả 27 năm qua. Tôi đã rất nhớ nhà, nhớ Mẹ, nhớ những người thân, nhớ cái se lạnh và mưa xuân. Tôi nhớ vào khoảng Giao Thừa thường có mưa xuân nhẹ nhàng. Tôi nhớ nồi bánh chưng bà nấu, nhớ cả nồi canh măng mẹ thường nấu cho tôi..." (D.K.Van)

"Lại thêm một năm nữa tôi không được hưởng cái Tết cổ truyền của Việt Nam, vậy là năm thứ 13 rồi đó. Giờ khắc này tôi thật nhớ đến gia đình nhiều hơn bao giờ hết, nhớ đến cái xóm nhỏ thân yêu mà thuở ấu thơ vào những ngày gần Tết, ai cũng bận rộn hết. Người sửa chữa nhà, người lại sơn cửa. Ba mẹ tôi hay bảo anh em tôi phải quét vôi lại cái nhà, lau chùi bàn thờ. Bộ lư đồng luôn được lau bóng. Sân vườn phải tươm tất, chưng bày hoa đầy lối vào nhà..." (Helen Do, France)

Những thanh niên đi lao động nước ngoài, các du học sinh – thế hệ trẻ chỉ mới xa nhà, xa quê một vài năm thì tâm tư, tình cảm có thể chia sẻ tương đối giống nhau, chẳng hạn *"Ở nơi xứ người, nơi tôi sống (một thành phố của châu Âu) không khí Tết gần như không có. Nhớ gia đình, tôi chỉ biết nâng cốc chúc bố mẹ, vợ, con gái, em gái qua* webcam. *Như vậy cũng là tốt lắm rồi, cảm giác về không gian như gần lại, nỗi nhớ được san sẻ bớt."* (một sinh viên VN tại Vương Quốc Bỉ); *"Ngày Tết ta ở bên Tây chỉ là ngày bình thường, lũ sinh viên chúng tôi vẫn phải đi học. Lúc này ở Việt Nam chắc mọi người đang ra đường vui lắm. Chợt nhớ ba năm về trước, cầm tay cô bạn gái đi đón xuân quanh bờ hồ giữa biển người, rồi ngắm pháo hoa, rồi hai đứa đi hái lộc mang về nhà... Thời gian trôi nhanh quá, thế là đã ba cái xuân ở Bordeaux..."* (Ng.Q. Toàn - sinh viên ở Bordeaux, Pháp); *"Với những người con xa quê như chúng tôi, vào thời khắc thiêng liêng này, tất cả đều bồi hồi nhớ về quê hương, gia đình với bao tình cảm nhớ nhung. Càng buồn và cô đơn vì thành phố Barcelona nơi chúng tôi sinh sống và học tập không có không khí Tết như những thành phố khác do cộng đồng người Việt ở đây rất ít..."* (V.M.Cường - Tây Ban Nha); *"Mỗi lần Tết sắp sang, Mẹ lại hỏi con có về không? Con lại trả lời Mẹ để con sắp xếp, rồi cuối cùng con lại không thể. Có lúc thì là kỳ thi, có lúc lại là công việc. Mẹ nói chỉ muốn biết con có về không để Mẹ còn tính sẽ gói bao nhiêu bánh chưng và nấu bao nhiêu chè. Mẹ nói là Mẹ gói thêm bánh chưng để con mang đi sau Tết nữa. Rồi Mẹ nói nếu con bận không về được thì cũng không sao, Mẹ lại đỡ thêm bao nhiêu là thứ. Mẹ biết không hai tiếng 'không sao' của Mẹ theo con suốt cả năm trời, bên tai con mọi nơi, khi con làm mọi việc. Để rồi mỗi khi mùa đông tới, trở về căn phòng thuê nhỏ xíu của mình bên này, con lại nhớ tới hai chữ 'không sao' của Mẹ. Nhiều đêm nhớ Mẹ, nhớ nhà, con tự bảo mình* 'Mẹ không sao đâu, Mẹ nói Mẹ không sao mà,' *mà nước mắt rơi lúc nào không biết nữa..."* (V.Nguyễn - London, xa quê 4 năm).

Với những người Việt định cư vĩnh viễn tại một quốc gia, chẳng hạn ở Úc, ở Canada, ở Hoa Kỳ,

ở những nơi tập trung đông đảo người Việt,... bà con vẫn nhớ làng quê, thôn xóm, họ hàng mỗi độ Xuân về, Tết đến, thế nhưng sinh hoạt thường ngày đã trở nên quen thuộc gần gũi hơn, nên tâm trạng dành cho ngày Tết cổ truyền đặc biệt hơn. *"Cộng đồng người Việt tổ chức hội chợ Tết, có múa lân, đốt pháo và những cửa hàng bán quà Tết, cũng như văn nghệ Việt Nam. Những khu chợ Việt Nam rất đông đúc. Ở đây có đủ hoa quả, kẹo, bánh chưng, bánh tét, báo Xuân..."* (L.U.Vy - Melbourne, Australia)

Cách nửa vòng trái đất, nhưng người Việt ở Mỹ vẫn tổ chức Tết Nguyên Đán đậm nét dân tộc. Trước đó mấy ngày, các khu chợ người Việt tấp nập mua bán. Ở đây có đủ mặt hàng từ bánh, mứt, kẹo, đến bánh chưng, cành đào, mai vàng,... Các hội đồng hương người Việt tại Mỹ tổ chức đón Tết thật trang trọng vẫn theo tục cổ truyền, có múa lân, văn nghệ, phát tiền lì xì cho trẻ em. Dù lần đầu tiên hay đã nhiều năm xa quê, các gia đình cũng đều tổ chức đón Tết sum vầy tại gia.

Anh T. Thắng (Lowell) cho biết: *"Bà con dòng họ tề tựu tại nhà anh để cúng ông bà, lì xì cho con cháu và sau đó là tiệc tùng. Với những bà con ở xa không về chung vui cùng gia đình được thì mọi người gọi điện thoại để chúc Tết."* Còn anh Ng. Ngọc (Los Angeles) nói *"Năm nào cũng giữ thói quen nấu bánh chưng để nhớ lại những kỷ niệm xưa kia ở quê nhà. Với tôi, Tết không thể thiếu bánh chưng."* Anh L. Quang sống ở San Jose viết: *"Không khí Tết tại đây lúc nào cũng nhộn nhịp, chắc là vì dân số người Việt Nam tại đây lớn, kinh tế ở đây khá hơn. Bạn có thể thấy không khí Tết bắt đầu từ hôm 23 tháng Chạp, mọi người chuẩn bị để đưa ông Táo chầu trời. Các chợ nhộn nhịp từ 8 giờ sáng. Hoa năm nay nhiều hơn và đẹp hơn mọi năm, giá cả có phần rẻ hơn..."* Có lẽ hội nhập cuộc sống nơi có đông người Việt nên S.Q.H. Phạm viết: *"Riêng tôi, năm đầu tiên đón Tết xa quê hương cũng cảm thấy không cô đơn. Có một lý do rất đơn giản, là vì tôi đang sống trong cộng đồng người Việt đông nhất tại hải ngoại – khu Little Saigon, California. Trong không khí đón Tết nơi đây, thật lòng tôi muốn nói lời cảm ơn tất cả những người đã gìn giữ được cái hồn Tết nơi xa xôi này. Quả thật, nơi đây không thiếu thứ gì ở Việt Nam có. Những đòn bánh tét, những cái bánh chưng gói trong lá chuối xanh, những lọ dưa món, hộp mứt, cành đào, cây mai trong chậu,... mới đẹp làm sao! Vài người bạn của tôi ở những tiểu bang khác, thậm chí một chị bạn ở Los Angeles cũng thèm được xuống khu vực Phước Lộc Thọ để đi chợ hoa, để hưởng không khí Tết. Họ luôn nói với tôi may mắn khi sống ở đây. Không cần ngẫm lại tôi cũng thấy đúng. Bởi nhờ tất cả những hoạt động nhộn nhịp vào những ngày Xuân này mà tôi thực sự không buồn và khóc nhiều khi nhớ và nghĩ về gia đình và về Tết ở Việt Nam."*

Vâng, đúng như bạn S.Q.H.Phạm vừa viết. Nhưng chúng ta cũng cần nhìn lại đôi nét về Tết đang diễn ra tại quê nhà, qua hình ảnh ghi nhận mới nhất, có thể bắt gặp những sinh hoạt cổ truyền của dân tộc còn được nhắc nhở với nỗi rộn ràng chào đón Giao Thừa: Một buổi chiều quây quần đầm ấm với gia đình bên bữa cơm tất niên rồi cùng người yêu xúng xính trong bộ quần áo mới xuống phố đón Xuân, với lời chúc *"Một năm an khang thịnh vượng."* Những hình ảnh ngọt ngào, hạnh phúc của đêm Giao Thừa mãi đọng lại trong lòng những người dân đất Việt. Hãy ghi thật đậm sâu các hình ảnh sau đây: Tạ ơn tổ tiên đã phù hộ một năm làm ăn bình yên khi thắp nhang cúng vái trước bàn thờ gia tiên; sau đó cả gia đình quây quần bên nhau trong bữa cơm tất niên. Xuống phố đón giao thừa. Xem pháo hoa báo hiệu thời khắc đầu tiên của năm mới, giây phút đó chính là sự giao hoà của Trời Đất. Mọi người hân hoan chào đón năm mới. Chúc Mừng Năm Mới ... và không quên vào chùa thắp nhang lạy Phật, cầu Trời Phật phù hộ cho năm mới tràn đầy hạnh phúc, hái lộc đầu năm...; cũng đừng quên "lì xì" mừng tuổi con trẻ. Bởi vì *"Từ ngày xa Việt Nam, tôi mới biết rằng mình yêu Việt Nam nhiều đến thế. Tôi thấy nhớ tất cả, từ những gì xấu nhất cho đến đẹp nhất của Việt Nam."* (Y. Hùng)

Và, khi quý bạn đọc đến những dòng nầy thì không khí Tết cổ truyền Việt Nam có thể đã trôi qua mất rồi. Nhịp sống bình thường đã trở lại, và chỉ còn mong đợi cái Tết năm sau, nếu chúng ta còn duyên may, còn có Phước - Lộc - Thọ trong cuộc đời dành cho những người con mãi mãi sống xa xứ được dịp trang trải tâm tư tình cảm của mình đối với quê hương đất nước mến yêu. ■

LÊ CẨN THƠ
(Nhà thơ, nhà văn, nhà báo;
hiện sống hưu trí tại Houston, Texas, Hoa Kỳ)

Thơ Xuân của Người Xưa

Nguyễn Công Trứ
(1778 - 1858)

CẢNH TẾT

Ai dám chê ta tết nhất nghèo
Nghèo mà lịch sự đố ai theo
Bánh chưng chất chặt chừng ba chiếc
Rượu thuốc ngâm đầy độ nửa siêu
Trừ Tịch kêu vang ba tiếng pháo
Nguyên Tiêu cao ngất một gang nêu
Ai xuân ta cũng chơi xuân với
Chung đỉnh ơn vua ngày tháng nhiều. ■

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Nguyễn Khuyến
(1835 - 1909)

KHAI BÚT

Ình ịch đêm qua trống các làng
Ai ai mà chẳng nức xuân sang
Rượu ngon nhấp giọng đưa vài chén
Bút mới xô tay thử một hàng
Ngoài lũy nhấp nhô cờ cụ Tổng
Cách ao lẹt đẹt pháo thầy Nhang
Một năm, một tuổi, thầy cho tớ
Tuổi tớ càng cao tớ lại càng. ■

NGUYỄN KHUYẾN

BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN

Dậy! Dậy! Dậy!
Bên án một tiếng gà vừa gáy
Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng
Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng?
Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng
Hai mươi năm lẻ đã từng bao chua với xót
Trời đất may còn thân sống sót
Tháng ngày khuây khỏa lũ đầu xanh
Thưa các cô, các cậu, lại các anh:
Trời đã mới, người càng nên đổi mới
Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội
Ghé vai vào xốc vác cứu giang san.
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan
Dây đoàn thể quyết ghe phen thành nghiệp lại
Ai hữu chỉ từ nay xin gắng gỏi
Cởi lốt xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần
Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc, chẳng thèm ăn
Đúc gan sắt để dời non lấp bể
Xối máu nóng rửa vết dơ nô lệ
Mới thế này là mới hối chư quân
Chữ rằng: *nhật nhật tân, hựu nhật tân.* ■

PHAN BỘI CHÂU

Phan Bội Châu
(1867 - 1940)

Tản Đà
(1889 - 1939)

NGÀY XUÂN THƠ RƯỢU

Trời đất sinh ta rượu với thơ
Không thơ không rượu sống
như thừa
Công danh hai chữ mùi men nhạt
Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ
Mạch nước sông Đà tim róc rách
Ngàn mây non Tản mắt lơ mơ
Còn thơ còn rượu còn xuân mãi
Còn mãi xuân còn rượu với thơ. ■

TẢN ĐÀ

Tràm Cà Mau

CÓ NHỮNG MÙA XUÂN CŨ

"Ai đâu trở lại mùa thu trước
Nhặt lấy cho tôi những lá vàng
Với của hoa tươi muôn cánh rã
Về đây đem chắn nẻo xuân sang."
(Chế Lan Viên)

Thế chiến thứ Hai chấm dứt, dân Việt chưa kịp vui mừng với nền độc lập non nớt sau tám mươi năm nô lệ, thì Pháp đem quân trở lại. Cu Bé theo bố mẹ, anh chị em chạy giặc về quê. Khỏi phải học hành gì cả. Sướng quá!

Đồn Tây đóng ở cầu sắt, bên bờ sông, cách làng Cu Bé một cánh đồng. Mỗi ngày, hai thanh niên được phái ra đứng ở đầu làng, nhìn về phía đồn Tây để canh chừng. Khi nào thấy Tây băng qua cánh đồng đi về hướng làng, thì hô hoán lên mật khẩu *"Trâu ăn lúa, bò ăn khoai."* Mật khẩu được chuyền từ miệng người này qua người kia, lan rộng rất mau trong làng. Mọi việc đều ngưng lại, bỏ dở, để đi trốn Tây. Thanh niên chạy về phía làng sau, đàn bà con gái thì chui xuống hầm bí mật đào giữa các gốc tre, bờ mương, nơi cây cối rậm rạp che khuất miệng hầm. Chỉ còn ông bà già và trẻ con ở lại với mặt mày xanh xao run sợ, vì chưa biết chuyện gì có thể xảy ra.

Năm đó, dù chiến tranh đang lan tràn, bom đạn nổ thường trực trên đầu, dân làng vẫn không quên ăn Tết. Bà nội Cu Bé ngào mứt, gói bánh chưng, làm heo. Con cháu chạy giặc về đồng đảo, phải có gì cho chúng ăn. Dân làng tạm quên cái bất trắc của chiến tranh để vui xuân.

Đêm Ba Mươi Tết, bà nội dặn dò con cháu, sáng mồng Một không được nói những lời xấu xa, không được quét nhà, không được gây gổ nhau, và nhất là đừng "đạp đất" nhà ai, vì sợ "huông" cho họ suốt năm. Thế mà sáng mồng Một Tết, mới bảnh mắt, anh Phi bảo Cu Bé qua nhà bà con bên cạnh đòi cái lồng chim. Anh Phi là người giữ trâu cho ông bà nội. Không biết anh định đùa nghịch, hay thù ghét chi ai trong gia đình đó. Anh Phi thường cho Cu Bé những con dế, những con chim non khóe mỏ còn màu vàng ửng, nhắm mắt há to miệng lúc lắc đòi ăn. Anh Phi bảo, thì Cu Bé đi liền, đội mưa phùn và đạp đường đất trơn nhão nhẹt. Nhà bên cạnh mới mở cửa. Bà cụ chủ nhà xô Cu Bé ra, không cho vào, vì sợ bị đạp đất, xui cho cả năm. Bà hỏi: *"Mày đi đâu? Ai cho mày đạp đất nhà tao?"* Cú Tí nói: *"Cháu qua đòi cái lồng chim."* Nghe thế, là cả nhà hoảng hồn, nhao nhao lên, xỉ vả, Cu Bé vuốt mặt không kịp. Các cô các chú hăm dọa đánh cho nhừ đòn. Cu Bé tức lắm, không hiểu sao đòi cái lồng chim mà bị xỉ vả tắt mặt, tắt mày như thế này. Giận quá, Cu Bé nói: *"Trả cái lồng chim cho cháu, rồi cháu về."* Chú Út chạy ra véo tai rồi cóc mấy cái lên đầu Cu Bé đau điếng. Chú đá cho Cu Bé một đá sau mông, té sấp xuống đất bùn, áo quần bê bết lấm. Cu Bé tức ứa gan, vừa khóc, vừa chạy về. Anh Phi giữ trâu thấy thế, vội vàng lánh mặt. Cu Bé bị ông bà nội dẫn xuống, cho mười roi mây vào đít có lằn ngang dọc. Bà nội bảo: *"Đầu năm ăn đòn, thì suốt năm có mà nhừ xương ra."* Buổi chiều, Ông bà nội mang áo dài khăn đóng, qua xin lỗi người bà con láng giềng, vì thằng cháu đã làm điều khó tha thứ được. Ông nội phạt, cắt phần bánh tét của Cu Bé. Cu Bé vẫn ấm ức, cứ nghĩ rằng người lớn không công bằng, xử oan cho Cu Bé.

Gần Tết, vì ham chơi, nên cái anh có nhiệm vụ canh giặc Pháp đứng đầu làng lơ đãng, để Tây về đến bên bờ tre mới phát giác ra. Dân làng chạy tán loạn, súng nổ đì đùng. Tiếng hô *"Trâu ăn lúa, bò ăn khoai"* vang vang, hốt hoảng. Nhiều người chạy không kịp

bị bắt. Bố Cu Bé vừa băng qua hàng rào tre sau nhà, thì mấy mũi súng chĩa vào người. Mấy ông Tây giọng lơ lớ hỏi: *"Việt Minh?"* Bố Cu Bé trả lời: *"Không, không."* Nhưng Tây trói tay bố ra sau lưng, bắt đi. Tây vào nhà, ông bà Cu Bé cùng đám cháu nhỏ mũi nước còn thò lò, đều dong tay lên cao đầu hàng. Có đứa dong mỏi quá, xuội tay xuống, Bà nội kéo tay nó lên lại. Mặt ông bà nội xanh mét, lo sợ Tây lục lọi và tìm ra mấy cái hầm kín của nhóm đàn bà đang ẩn núp. Thấy mấy cái bánh chưng trên bàn thờ, một ông Tây dùng dao găm cắt ra, xem thử bên trong chứa gì.

Mấy ông Tây hôi khét, mùi thuốc súng, mang áo quần lụng thụng, quần có túi lớn hai bên bắp vế, mà dân quê gọi là túi bắt gà. Dân làng sợ nhất là ông Tây mắt mèo. Mắt ông xanh lè như mắt mèo và đầu tóc màu rơm khô. Thường thường ông này đánh trần, dù cho giữa mùa đông miền Trung gió lạnh. Da ông đỏ như da gà đá và lông lá quăn queo phủ đầy. Không biết vì nghịch ngợm, hay vì điên khùng, ông Tây mắt mèo thường không gài nút quần phía trước, để cái của quý lòng thòng ra ngoài. Có ít nhất là ba người đàn bà trong làng bị Tây mắt mèo hãm hiếp, vì chạy trốn không kịp, hoặc vì tưởng đã lớn tuổi, nó không thèm dòm đến. Bởi vậy, nên về sau, chỉ có các cụ thật già mới khỏi xuống hầm bí mật. Tây mắt mèo vào nhà chú Tô, chú đang ngồi dệt vải, và không chạy trốn kịp. Chú Tô bị bệnh phù thủng và đau bụng báng. Da chú căng nước bủng mét, cái bụng chú phình ra như đàn bà có chửa. Tây mắt mèo tưởng chú là đàn bà, mừng quá, đưa cánh tay hộ pháp giật một cái mạnh, đứt dây lưng quần của chú, và kéo tuột quần chú xuống. Ông Tây thấy chú cũng có bộ phận đàn ông lòng thòng, nổi giận đạp chú một đạp văng vào khung cửi. Chú dập mặt, gãy xương, đau đến mấy tháng chưa lành. Sau này Cu Bé nghe người lớn nói, ông Tây mắt mèo hiếp luôn cả trâu bò, và có lần bị trâu quay sừng lại ủi cho ông bị thương, nên từ đó vắng bóng ông.

Ủy Ban Kháng Chiến làng cũng có lập một Đội Tự Vệ, trang bị mấy cây mã tấu, và hai cây súng xưa cổ. Súng có hình dáng súng nhưng không biết bắn có nổ hay không. Mỗi khi Tây về làng ruồng bố, thì Đội Tự Vệ này chạy rất mau, và chạy xa hơn ai cả, có lẽ họ chạy nhanh nhờ còn trẻ và khỏe mạnh.

Sau khi Tây rút ra khỏi làng, dân chúng lại tiếp tục ăn Tết, xem như không có chuyện gì xảy ra. bà nội và mẹ khóc lóc vì bố bị Tây bắt đi, không biết sống chết ra sao. Đêm đó, Tây còn bắn cà-nông về làng, đạn rít, hú trên cao, rồi nổ ầm ầm. May mắn, dân làng không ai bị thương. Chỉ có một con bò bị mảnh đạn ghim vào mông.

Tây bắt giam bố Cu Bé một thời gian, thấy tốn cơm, tốn công canh gác, nên thả về. Chú Bát là Phó Chủ Tịch Ủy Ban tại làng, bí mật nhắn bố Cu Bé đừng về làng mà gặp phiền phức.

Gần chục năm sau, nước Pháp hao tiền tốn của, phí không biết bao nhiêu xương máu thanh niên, mà không thực hiện được "hảo ý khai hóa" cho dân tộc ba nước Đông Dương. Tây đã rút về nước hơn hai năm trước. Cu Bé đã mười sáu tuổi, bề giọng, cao nhồng, bao tử như cái thùng không đáy, nằm đâu ngủ đó, trong nhà vẫn kêu cái tên nằm nôi này. Bây giờ anh là một thanh niên khỏe mạnh, mỗi sáng tập thể dục, ở trần bắp thịt cuồn cuộn.

Tết năm đó, Cu Bé đã biết lén rót rượu nhấp từng ngụm nhỏ, và nhăn mặt vì hơi rượu cay. Thanh bình trên khắp quê hương miền Nam. Bài hát có tên "*Thanh bình ca*" vang dội phố phường, thôn xóm. Dân chúng vui mừng, rộn rã tươi cười đón mùa xuân sang. Các trường trung học tổ chức chương trình văn nghệ cuối năm. Cu Bé được thủ một vai phụ trong vở kịch "*Giảng sách dưới trăng*", anh sung sướng và hãnh diện lắm. Mỗi ngày về nhà, cứ lải nhải mấy câu mở đầu của vở kịch: "*Khoan khoan thư cưu, tại hà chi châu, yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu,*" làm chị Cả điên đầu vì phải nghe câu nói nhàm tai. Mấy đứa con gái cùng trang lứa trong xóm, biết Cu Bé có chân trong ban kịch, nhìn anh với ánh mắt khâm phục.

Hội chợ bày ra ở cổng trường Thương Bạc, dân chúng ào ào lũ lượt kéo nhau đi chơi. Chen chúc nhau làm bụi bay mù trời. Trai gái, già trẻ, ai cũng gắng đi vào hội chợ một lần cho biết. Ban đêm có diễn kịch vui, làm bà con được dịp cười thỏa thích. Hội chợ có võ đài thi đấu quyền Anh, thu hút hầu như gần hết thanh niên, và lũ con trai loai choai của toàn thành phố. Có những võ sĩ danh tiếng từ Sài Gòn ra đấu. Đám thanh niên ngu ngơ không biết gì nhiều, nhưng bàn tán rất hăng say về thân thế sự nghiệp của các võ sĩ, và các thế võ trong trận đấu. Bạn bè Cu Bé bắt chước, về nhà dùng áo quần và khăn bao hai nắm tay, cho to như cái bao tay võ sĩ, rồi đấm nhau túi bụi. Trai gái trong thành phố có dịp vào hội chợ nhìn nhau, và chào hỏi nhau, nói một đôi câu, mà thường ngày họ không bao giờ dám tiếp xúc, gợi chuyện. Các anh lớn, thì đi theo các chị trêu chọc, nói nhảm. Các chị làm mặt nghiêm, đứng đắn, nhưng thỉnh thoảng cũng liếc nhìn các anh trai, và biết đi chậm lại để các anh khỏi lạc các chị trong đám đông. Ngày mồng Một Tết được tiền lì xì, thằng bạn trong xóm kéo Cu Bé leo lên chòi lá đánh bài chòi. Hy vọng kiếm được nhiều tiền hơn trong cái trò đen đỏ này. Có sáu cái chòi lợp lá, chia làm hai phía đối diện, ở giữa là một cái chòi trung ương. Cu Bé được phát cho một nắm thẻ tre, trên mặt thẻ có dán hình quân bài. Thằng bạn Cu Bé xòe bó bài ra và cười nham nhở sung sướng, hắn nói:

"Năm nay mình mở màn vừa có cả con 'Nọc Đượng' vừa có 'Bạch Tuyết', âm dương đề huề. Thế thì hai đứa mình, nếu không có vợ, thì cũng có đào trong năm nay."

" Có vợ để cạp đất mà ăn à? Có đào để bị bố đánh cho tét đít ra?"

Sau một hồi trống, một anh cầm loa đi rao hát cầu nói vần, rất bình dân tục tĩu :

"Năng cường, năng nhược, năng khuất, năng sinh, nó thiệt cục gân, ngồi gần con gái trần trần chẳng xìu."

Bạn Cu Bé nghe rao, hớn hở reo lên, và cầm dùi đánh mõ lóc cóc. Nó chìa con Nọc Đượng ra, kèm thêm con Bạch Tuyết người cầm loa rao thêm một cầu nữa, còn tục tĩu hơn cầu trước, để loan báo con Bạch Tuyết tiếp theo. Cả khu bài chòi cười ầm lên vui vẻ. Cu Bé không biết tại sao thiên hạ cười, thằng bạn giải thích rằng con bài Nọc Đượng tượng trưng cho bộ phận kín của người đàn ông, con Bạch Tuyết tượng trưng cho bộ phận của đàn bà. Bạch Tuyết tiếp theo nọc đượng, nên thiên hạ cười. Cu Bé gãi đầu, đỏ mặt.

Suốt mấy giờ chơi bài chòi, Cu Bé và thằng bạn thua sạch tiền. Cu Bé tiếc tiền cứ xuýt xoa. Thằng bạn cười nói: *"Đen bạc thì đỏ tình, điều này ứng vào hai con bài mở màn. Thế nào cũng linh nghiệm. Vui lên. Mất cái này, được cái kia."* Cu Bé mới lớn, thấy con gái thì cũng thích thích, chứ chưa bao giờ nghĩ đến chuyện tình yêu. Vừa về đến nhà, thì Cu Bé nghe tiếng mẹ la mắng con Thúi, một con nhỏ giúp việc trong gia đình, đã bị đuổi từ tháng trước. Có lẽ nó mới từ quê lên thăm. Mẹ nói:

"Tao đã bảo, không thể nuôi mầy được nữa. Tao đã có người giúp việc khác rồi, chăm chỉ và giỏi hơn mầy."

Con Thúi nói với giọng tha thiết trong nước mắt run run:

" Xin Bà cho con ở lại. Con ở với Bà, không lấy tiền công. Bà muốn con làm việc gì, con cũng làm cả. Tội nghiệp con."

"Mày đi kiếm nơi khác. Chán chi gia đình muốn nuôi người giúp việc! Hay để tao kiếm nơi khác giúp cho mày, nhưng má mày phải bằng lòng mới được."

Giọng con Thúi òa khóc:

"Con chỉ muốn ở với Bà thôi. Con không muốn ở nơi nào khác."

"Sao vậy?"

"Ở nơi khác con nhớ anh Cu Bé. Về quê mấy tháng không đêm nào con ngủ được, vì nhớ anh Cu Bé."

Cái lý do mà con Thúi vừa thẳng thắn nói toạc ra, làm mẹ tái mặt, hoảng sợ, làm Cu Bé ngượng, xấu hổ, muốn chạy lại đá cho con Thúi vài đá cho hả giận. Việc chi mà con Thúi nhớ Cu Bé? Bạn của Cu Bé thì ré lên cười và trêu chọc. Hắn la toáng lên:

"Mi là 'ý trung nhơn' của con Thúi. Bà con ơi, thằng Cu Bé sướng quá trời đất. Đúng quẻ bài chòi đầu năm. Cu Bé nọc đượng, Thúi bạch tuyết. Đen bạc đỏ tình, thiên hạ có nói sai đâu!"

Thế là thằng bạn rêu rao lên cho khắp xóm biết rằng, con Thúi mê thằng Cu Bé, muốn làm vợ thằng Cu Bé. Lũ con nít thêu dệt thêm nhiều chuyện động trời, để trêu chọc Cu Bé. Mấy đứa khác nghe, tưởng thật. Thế là Cu Bé xấu hổ không dám ngước mặt nhìn ai. Bọn con gái trong xóm, thấy Cu Bé thì quay phắt mặt đi khinh bỉ. Có vài đứa con gái trước đây có cảm tình thầm với Cu Bé, cũng không thèm liếc nhìn đến Cu Bé nữa, vì chúng không muốn hạ thấp mình xuống ngang hàng con Thúi, một đứa tồi đời. Cu Bé giận con Thúi, khi không gieo tai vạ cho anh. Thành phố nhỏ, một cái ho không đúng cách của người nào đó, cả thành phố đều biết. Mỗi khi thấy bọn con gái cúi đầu thì thầm, thì Cu Bé nghĩ rằng, chúng đang bàn tán đến câu chuyện của anh. Tiếng đồn đến thấu các bạn bè trong lớp, chúng nó trêu chọc, gọi Cu Bé là "Henri Sến", ngụ ý nhân tình của "Mari Sến". Giận đời, Cu Bé trở nên ít nói, và chăm học, học cho hơn bạn bè, học để trả thù đời. Nhờ chăm học, Cu Bé thi đậu liền liền, và đi Sài Gòn học đại học để xóa cái tiếng tăm bị con Thúi thương. Bây giờ, không ai biết đến cái tên Cu Bé, mà chỉ biết Sơn, cái tên trong khai sinh.

Tết Mậu Thân năm 1968 Sơn về Huế ăn Tết cùng gia đình, và nhân tiện định đi xem mắt một cô giáo mới ra trường, mà mẹ đã nhắm từ trước. Chưa kịp xem mắt vợ, thì chiến tranh lan tràn, Bắc quân chiếm và kiểm soát thành phố. Sơn chui lên trần nhà trốn, và không ra trình diện theo lệnh của "Cách Mạng". Vài người bạn cũ, nay đi theo Bắc quân đến tận nhà hỏi thăm Sơn. Mẹ trả lời là đi đánh bài từ tối Ba Mươi Tết chưa thấy về. Tất cả công chức, quân nhân và thanh niên đều phải đi trình diện chính quyền mới. Ngày đầu trình diện xong, bố Sơn được cho về. Nhưng mấy lần sau, thì bố Sơn bị giữ lại. Cả nhà lo lắng đi thăm dò tin tức. Mẹ nhờ bạn cũ của Sơn, những người có mang băng đỏ dò la tin tức. Họ bảo là *"Đừng lo. Cách mạng luôn luôn khoan hồng với tất cả mọi người."*

Sơn ẩn nấp trên trần nhà hơn mười ngày, trong lòng lo sợ, thỉnh thoảng súng nổ rất gần. Nằm mà lo, lắng tai nghe từng bước chân, từng tiếng nói vọng lên. Khi căn nhà bị đạn trái phá nổ sập một góc lớn, Sơn phải chui xuống. Lấy áo quần đàn bà mang vào, ngắn cũn cỡn, trùm khăn che đầu. Sơn ẵm bà nội chạy trốn bom đạn, những khi gặp lính miền Bắc, Sơn cúi gầm mặt xuống. Bà nội vừa đúng một trăm tuổi, nhưng còn minh mẫn và còn đi lại được. Thân bà nhẹ bỗng như đứa trẻ con. Cả nhà Sơn chạy vào hướng hồ Tịnh Tâm, tạm thời nương náu trong chái nhà hoang đổ nát ba phần tư.

Bà nội cứ nói mãi về chuyện chạy giặc năm xưa, thời chạy giặc Cờ Đen, Cờ Vàng ngoài Bắc, rồi chạy giặc Tây, khi thành Hà Nội thất thủ. Bố của bà nội đã ở lại cùng chết với chủ tướng Hoàng Diệu năm xưa. Bà khóc, nói

rằng suốt một đời lo chạy giặc. Chạy giặc Tây, giặc Tàu, giặc Nhật, giặc Mỹ rồi giặc Cộng. Bà thì thầm hỏi: *"Có gặp hai chú không?"* Bà muốn ám chỉ hai ông chú đi kháng chiến từ mùa thu xưa.

Bà đã chết vì sợ, lạnh, đói, trong lần chạy giặc này. Xác bà được vội vã vùi nông trong khu vườn. Lúc này, mẹ thúc hối Sơn phải tìm cách trốn đi một mình. Sơn chạy thoát được về phía đồn Mang Cá, đi nhờ trực thăng xuôi Đà Nẵng rồi về Sài Gòn.

Bố Sơn bị bắt, được dẫn đi về hướng núi. Ông bị trói tay và giam trong căn nhà cũ. Bố gặp con Thúi ở đây, hắn mang dép râu, đội nón tai bèo, áo quần đen, lưng mang súng ngắn. Hình như nó làm chỉ huy đám quân sự vùng này. Bố sợ bị trả thù, cúi mặt xuống tránh nó. Nhưng con Thúi nhận ra được bố của Sơn. Hắn chào, và hỏi thăm sức khỏe. Ông gọi nó là *"Chị Thúi"*, hắn nghiêm mặt bảo rằng, hắn không còn là Thúi nữa, bây giờ hắn là *"Hồng Chuyên"*.

Hắn ngượng ngập hỏi thăm về anh Cu Bé. Bố Sơn nắm lấy cơ hội, bảo là anh Cu Bé nhắc đến Thúi hoài. Con Thúi đỏ mặt và cười sung sướng. Hôm sau, nó thả ông ra, cho về. Nó nói: *"Ông không phải là thành phần có tội với cách mạng, ông được về."* Bố của Sơn vừa mừng, vừa sợ. Mừng là được thả, nhưng sợ bị bắt lại trên đường về. Ông nói: *"Tôi cám ơn chị lắm, nhưng làm sao mà đi đường đây? Chị có cách nào xin cho tôi một giấy chứng nhận, hay giấy gì đó không?"* Con Thúi suy nghĩ một giây, rồi xé một miếng giấy nhàu nhò, viết quệch quạc mấy chữ : *"Cấp cho đồng chí Long giấy này để đi về nhà.* Ký tên: *Hồng Chuyên."* Cầm tờ giấy mà ông bố của Sơn thêm sợ, và ngán ngẩm. Nhưng ông cũng lận vào lưng cho đỡ lo.

Thế mà nhờ tấm giấy đó, ông đã đi qua không biết bao nhiêu trạm kiểm soát. Những người tự nhận là cách mạng này, vốn là chúa nghi ngờ, không hiểu sao mà họ tin được tấm giấy này, e có lẽ nhờ nét chữ cong queo như vẽ bùa đó chăng?

Sau này, nghe mấy ngàn người bị bắt như bố của Sơn đều bị chôn sống trên đường rút quân. Mẹ Sơn đem tiền về quê tặng mẹ con Thúi, như là một lối trả ơn cứu tử. Mẹ con Thúi kể chuyện rằng, hai năm trước, thằng em con Thúi là trung sĩ quân đội Cộng Hòa, trong đoàn quân đánh chiếm lại làng, mà con Thúi thì chỉ huy quân giải phóng chống cự, bị thua chạy. Bà kết luận, thời buổi đảo điên, chị em hai phe giết nhau.

Sau khi miền Nam thua trận, Sơn ăn Tết trong trại "tù cải tạo". Cùng với ba người bạn đói vàng mắt, ngồi xệp trên sàn uống nước trà giả, nấu bằng cơm cháy rang khô. Cùng nhắc lại những đòn bánh tét xanh thơm mùi lá chuối, những miếng mứt gừng cay thấm họng. Ước mơ mỗi đứa có một bát cơm trắng đầy, ăn với muối hột cũng ngon đến nhức răng. Một anh bạn nói:

"Nếu biết có ngày nay, thì xưa dấu sách vào bụi cây, đi chăn trâu, bắt ốc, hái rau, thì đâu đến nỗi sa vào vòng tù tội?"

"Sinh ra trên đất nước này thật là khổ. Không biết bao giờ thì chúng ta được thả về, gặp lại vợ con nhỉ? Không biết các bà làm sao mà nuôi con, sống được. Nhiều đêm, nằm lo cho vợ con mà không ngủ được."

" Lo cho riêng cho mình còn chưa xong đây, lo ra bên ngoài trại giam, cũng là phí sức, không được gì. Cứ xem như đây là nơi phải sống suốt đời còn lại, thì lòng sẽ nhẹ nhàng, không bồn chồn chi nữa."

Một anh bạn ngâm nga :

"Bao giờ cọc sắt nở hoa, Bà Đen hết đá thì ta mới về."

"Hôm kia, ông già quản giáo nói rằng, các anh đều mang tội chết, được cách mạng khoan hồng cho sống, là may mắn lắm rồi, đừng đòi hỏi gì hơn."

"Bây giờ vợ con, gia đình bên ngoài ăn Tết ra sao nhỉ? Giá như chiều nay, được thả về đến nhà, thì các anh sẽ làm điều gì trước tiên?"

"Rán mà sống, rồi thế nào cũng sẽ được cùng vợ con sum vầy. Sông còn cạn, núi còn mòn, thì bọn 'cuội' có bao giờ tồn tại mãi được? Cứ hy vọng. Còn thở, thì còn hy vọng. Tôi có linh cảm rằng, chúng ta sau này sẽ được sống xứng đáng, như một con người, có tư cách, có nhân phẩm."

Một anh bạn thở dài nói tiếp:

"Chỉ sợ chết vì đói, vì suy dinh dưỡng, bệnh tật. Anh đã chôn bao nhiêu bạn tù rồi, anh biết rõ."

Sau ba năm tù, Sơn được thả về. Sung sướng như được bay bổng lên trời. Nhưng chỉ một thời gian ngắn, Sơn nhận ra bên ngoài cũng chỉ là một nhà giam nới rộng. Sống trong lo sợ, ngột ngạt, và phải lo sao cho có ăn hai bữa mỗi ngày. Đêm ngủ trong tù yên tâm hơn giấc ngủ bên ngoài. Sợ tiếng bước chân giữa đêm khuya, sợ bị đập cửa, sợ bị soát nhà. Bị hăm dọa thường trực, không yên ổn sống. Cứ nhấp nhỏm hoài.

Trước Tết hai tuần, Sơn xuống chiếc xuồng đuôi tôm nhỏ xíu, mong manh để đi ra biển, thì anh tự xem như mình đã chết rồi. Mong được chết ngoài biển khơi, hít thở được chút không khí của bầu trời tự do trong chốc lát, thì đã là mãn nguyện. Thuyền chết máy nhiều ngày, rồi như có phép lạ, thuyền cập bến Mã Lai. Thanh niên Mã Lai trên bãi biển phất tay xua đuổi, họ làm dấu cắt ngang cổ để hăm dọa. Cuối cùng nhóm năm người của Sơn cũng được chính quyền địa phương cho vào tạm trú trong một vườn dừa. Tạm giam lỏng trong một vòng dây nhỏ, lỏng lẻo, bao quanh bốn gốc cây dừa. Nằm trên cát, giữa trời, dưới bóng tàn dừa, năm người trẻ tị nạn thấy tương lai tự do mở

ra trước mắt mà lòng lâng lâng sung sướng. Đêm đó, khi họ bắt đầu ngủ, thì chị Năm khóc rấm rứt nho nhỏ. Tiếng khóc làm những người khác thức giấc. Chú Út nói xẵng giọng:

" Chị nhớ nhà? Có nhớ nhà, thì sáng mai kêu lính Mã Lai chở chị về lại Việt Nam. Đến được đây là đã sướng như tiên rồi, còn bày đặt khóc lóc."

"Khỉ nào. Đừng nói vậy." Chị vừa hít mũi vừa nói, "Hôm nay là Tết rồi đó. Bây giờ cũng gần Giao Thừa. Nghĩ đến ông bà, cha mẹ, không ai hương khói cúng kiếng. Và tết nhất mà nằm bờ ngủ bụi như thế này, tủi thân, tôi không cầm được nước mắt."

Anh Hai, người lớn tuổi nhất trong đám nói:

"Ừ nhỉ. Hôm nay đúng là ngày mồng Một Tết rồi đó. Vui mừng vì được tự do, nên quên mất ngày tháng. Thôi, dậy nấu nước trà, cúng Giao Thừa, ăn Tết."

"Trà đâu mà nấu, nói như đang ở nhà."

"Hồi chiều tôi lượm được cái xác bao trà dùng liền, nhét trong hốc cây dừa. Nấu dùng tạm."

Năm người tị nạn khốn khổ thức dậy, gom bẹ dừa, nhóm lửa cao. Nấu một ca trà, đặt lên miếng đá nhỏ kê bên gốc dừa làm bàn thờ. Một bẹ dừa khô có than đang cháy đỏ, đặt dốc ngược thay chân nhang. Họ thay phiên nhau vái và khấn nguyện. Cầu cho đất nước mau qua khỏi cơn khổ đau u ám. Cầu cho bản thân được bình yên khỏe mạnh. Trên bãi cát bên gốc dừa, lễ cúng Giao Thừa của năm kẻ tị nạn như trò chơi trẻ con, thiếu mất vẻ trang nghiêm đứng đắn. Anh Hai bảo rằng, dù cho lễ cúng nghèo nàn đơn sơ, nhưng nếu có linh thiêng, thì tổ tiên bên kia thế giới cũng sẽ thấu cho lòng thành này. Năm người chuyền nhau ca nước trà, hớp từng ngụm. Nhắc chuyện những Tết năm xưa nơi quê nhà. Giữa lúc đó, mây đen ngùn ngụt kéo đến, gió lồng lộng trên biển đen từng hồi. Trận mưa to hạt xối xả trút xuống. Năm người chen sát vào nhau như lũ gà con mắc mưa, trùm chiếc mền lên đầu che gió. *"Mưa xống đất chúng ta,"* một người nói qua tiếng rào rào của mưa và tiếng hú của gió. Đám thuyền nhân lần xa ra khỏi gốc dừa, sợ gió đánh rơi trái từ cao xuống vỡ đầu, chết uổng cái tự do vừa tìm thấy được.

Sơn về định cư tại San José của tiểu bang California, hàng năm khi Tết đến, anh đem vợ con đi hội chợ Tết do cộng đồng tị nạn Việt Nam tổ chức để tìm một chút bóng dáng quê hương. Năm đó, khi Sơn đang còn đứng nghiêm sau lễ chào cờ hát quốc ca, và mặc niệm. Sơn nghe tiếng như reo mừng: *"Anh Cu Bé!"* Sơn quay lại, thì thấy con Thúi, hắn mang váy đầm, áo bành tô, tóc uốn, có vẽ sang trọng. Sơn lúng túng nói:

"Con Thúi, mầy ... mầy ... À xin lỗi, chị Hồng Chuyên, chị làm gì ở đây? Chị cũng chào lá cờ Quốc Gia? Chị không đi làm công tác cho nhà nước cộng sản chứ?"

" Bây giờ em là Mạ-Rìa (Maria), em không có quyền đi tị nạn sao? Chào cờ thì đã sao? Ăn cây nào rào cây đó."

"Chị là người của 'cách mạng' sao lại phải đi tị nạn? Tôi thấy có cái gì không ổn."

Thúi cười, bình tỉnh nói:

"Ngày trước em lầm. Về sau biết không thể nào sống nỗi với bọn đó. Tính em, có thì nói có, không thì nói không. Không thể nói không thành có. Đói khổ bần cùng, không thể nói ra thành ấm no hạnh phúc được. Bởi vậy, em bị kiểm thảo, phê bình liên miên, bị trù dập. Em nhận ra sự thực. Toàn một bọn láo khoét, dóc lác, ác độc. Em chán, và bỏ đi tìm tự do."

Sơn ngần ngại nói, mà không sợ mất lòng:

"Nhưng tay chị đã nhuốm ... máu quá nhiều. Chị đã giết bao nhiêu người trong Tết Mậu Thân?"

"Không, em không giết ai cả. Chúng nó giết. Em có muốn cản cũng không được. May em đã cho ông về nhà sớm, nếu không, thì em cũng không biết làm thế nào để giúp ông."

Nghe con Thúi nhắc đến bố, Sơn lặng người trong thoáng chốc. Đúng là gia đình còn mang ơn cứu tử của nó. Con Thúi cúi đầu nói tiếp:

"Anh không bao giờ hiểu được tấm lòng của em. Bao năm rồi, em không, không ... bao giờ ... quên được ... anh, dù bây giờ đã có chồng, có con... Em biết anh khinh em con nhà nghèo, hèn hạ, không thèm để mắt đến. Nhưng em cứ thương anh."

Nghe con Thúi nói vậy, Sơn càng thêm bực mình. Ngày xưa hắn đã làm Sơn xấu hổ với xóm làng không biết bao nhiêu năm. Sơn thở dài. Thúi nói rất tự tin:

"Ai cũng có lúc làm điều sai trái. Miễn sao biết hối cải. Em cũng có quyền bỏ nơi tối tăm ra nơi sáng chứ? Ai cũng có quyền mưu cầu hạnh phúc riêng cho cá nhân mình. Sống ở đất Mỹ đã bao năm, mà coi bộ anh cũng chưa hết khinh em quê mùa."

Sơn tròn mắt nhìn con Thúi. Làm sao nó biết cái câu mở đầu của hiến pháp Hoa Kỳ? À, có lẽ nó học được trong khi thi nhập tịch nước Mỹ chăng? Qua phút ngạc nhiên, Sơn ấp úng nói:

"Đúng. Ai cũng có quyền đi tìm hạnh phúc. Nhưng không được giả đi tìm hạnh phúc mà làm công tác gián điệp cho bọn độc tài ngu cuồng lạc hậu."

Mặt con Thúi có vẻ giận, hắn gằn giọng:

"Để được cái giải gì? Cả thế giới đã cạch mặt bọn chúng rồi. Em có ngu thật, nhưng cũng không đến nỗi ngu đến mức đó."

Sơn vẫn nhìn con Thúi với ánh mắt nghi ngờ. ■

TRÀM CÀ MAU
(Nhà văn,
hiện sống hưu trí tại Orange County, California)

Vũ Hoàng Chương
(1916 - 1976)

XUÂN CẢM

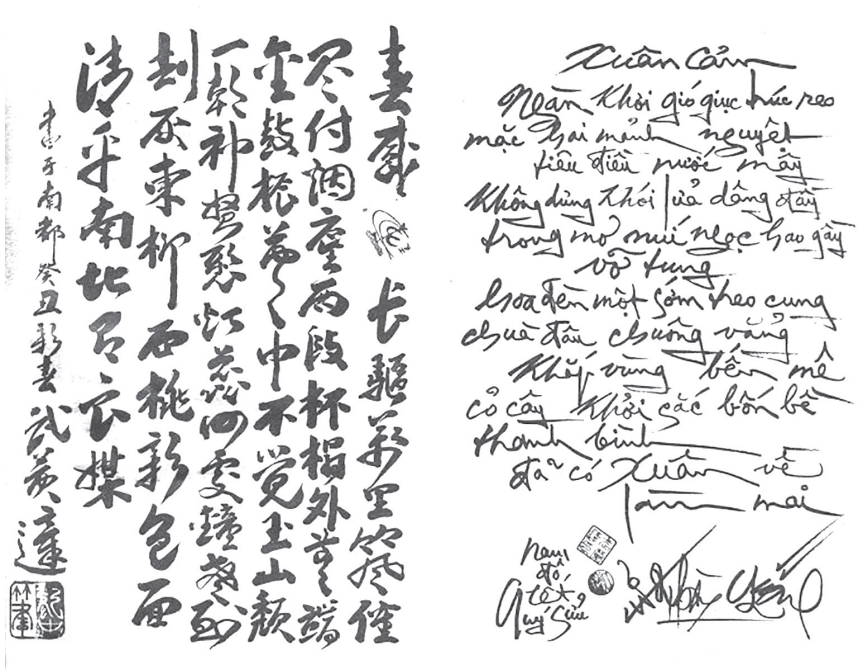

Trường khu vạn lý trúc phong thổi
Tận phó yên trần lưỡng đoạn bồi
Tháp ngoại võ đoan kim cổ trấn
Mộng trung bất giác ngọc sơn đồi
Nhất triều thân nổ huyền đăng nhị
Hà xứ chung thanh đáo kiếp hồi
Đồng liễu Tây đào tản sắc diện
Thanh bình Nam Bắc hữu lương mối.

Ngàn khơi gió giục trúc reo
Mặc hai mảnh nguyệt tiêu điều nước mây
Không dưng khói lửa dâng đầy
Trong mơ núi ngọc hao gầy võ tung
Hoa đèn một sớm treo cung
Chùa đâu chuông vẳng khắp vùng bến mê
Cỏ cây khởi sắc bốn bề
Thanh bình đã có Xuân về làm mai. ■

Tết Quý Sửu (1973)
VŨ HOÀNG CHƯƠNG

BƯỚM XUÂN

ĐINH HÙNG

Em trở về đây với bướm xuân
Cho tôi mơ ước một đôi lần
Em là người của ngày xa lắm
Lòng cũ hai ta cũng chẳng gần

Em trở về đây để nắng hồng
Hồn xưa còn đẹp ý xưa không?
Trăng tình chưa nguyện lời hoa bướm
Em chẳng về đây để ngỏ lòng

Một thời mây biếc đã trôi qua
Nay tưởng cây vàng lại nở hoa
Em chẳng mơ gì, tôi chẳng nói
Đôi hồn không biết có nhìn xa?

Tôi vẫn chiêm bao rất nhẹ nhàng
Đèn khuya xanh biếc, mộng thường sang
Nhưng rồi em rõ lòng tôi khổ
Em sẽ đi xa trước giấc vàng. ■

Đinh Hùng
(1920 - 1967)

Hà Thượng Nhân
(1919 - 2011)

NHỚ HÀ NỘI

Đêm nay đối bóng mình ta uống
Rượu cũng hình như có lệ pha
Đất trích Tâm Dương đưa tiễn bạn
Ngàn sau còn lại khúc Tỳ Bà
Xa quê mới chỉ vài trăm dặm
Bạch Lạc Thiên lòng đã xót xa
Ta nhớ bỗng dưng mà nhớ quá
Chùa khuya chuông đổ tiếng ngân nga...
Tiếng ai chào hỏi bên hàng xóm?
Những luống hoa tươi mận Ngọc Hà
Nhớ chợ Đồng Xuân, hồ Bảy Mẫu
Em ơi, em nhớ mách giùm ta
Liệu đề Yên Phụ khi trăng tỏ
Vạt áo tình nhân vẫn thướt tha?
Nhiều lúc đi qua vườn Bách Thảo
Tóc ai có đẫm ánh trăng ngà?
Mùa xuân mỗi độ hoa đào nở
Lòng rộn ràng chăng trận Đống Đa?
Thề Húc, Ngọc Sơn chiều Chủ Nhật
Hồ Gươm, ghế đá tiếng rao quà
Em về Hàng Bột, Khâm Thiên hỏi:
Những bạn bè quen có nhớ ta?
Em tới Bạch Mai, ra phố Huế
Mùa xuân còn vẳng khúc hùng ca
Gầm cầu những kẻ nghèo xơ xác
Phúc Xá còn chăng cảnh lúc xưa?
Em trả lời giùm, tôi muốn hỏi
Hỏi bao nhiêu nữa, cũng không vừa
Mà thôi! Hãy để tôi thương nhớ
Đầu bạc dù cho mái tóc thưa
Hà Nội của ta ngày trẻ lại
Đường xa lòng vẫn thấy không xa. ■

MƯA BUỒN LONG GIAO

(Trại tù Long Giao, 1975)

Trời có điều chi buồn
Mà trời mưa mãi thế
Cây cỏ có chi buồn
Mà cỏ cây đẫm lệ
Mà cỏ cây lệ tuôn?

Anh nhớ em từng phút
Anh thương con từng giây
Chim nào không có cánh
Cánh nào không thèm bay
Người nào không có lòng
Lòng nào không ngất ngây.

Gởi làm sao nỗi nhớ
Trao làm sao niềm thương
Nhớ thương như trời đất
Trời đất cũng vô thường
Ngày xưa chim hồng hộc
Vượt chín tầng mây cao
Ngày xưa khắp năm châu
Bước chân coi nhỏ hẹp
Bây giờ giữa Long Giao
Ngồi nghe mưa sùi sụt
Cuộc đời như chiêm bao
Có hay không nẻo cụt?
Anh châm điếu thuốc lào
Mình say, mình say sao? ■

HÀ THƯỢNG NHÂN

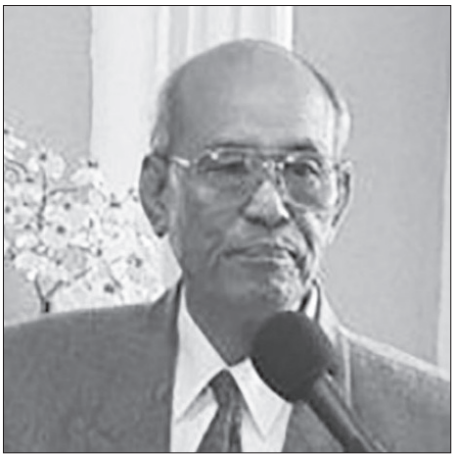

Cao Tiêu
(1920 - 2012)

ĐÓN HƯƠNG XUÂN

Hồng thắm đào tươi cúc điểm vàng
Thơ xuân thanh khí mộng đài trang
Ngâm cao gửi bạn lời sơn hải
Say lớn cười ta chén dạ quang
Gió Bắc sắt se tình vạn mối
Mưa Nam rạo rực ý ngàn hàng
Bao năm lệ chép vào bi sử
Nhịp chiến chinh còn súng nổ vang.

XUÂN DẠ ẨM

UỐNG RƯỢU ĐÊM XUÂN

Thi cảm nhập sơn xuyên
Thảo hoa sương ảo diệu
Thiên địa nguyệt thanh huyền.
(Tặng bạn thơ Mai Thảo)

Đêm xuân uống rượu quán cao
Nghe nguồn thi cảm nhập vào núi sông
Cỏ hoa sương xuống bềnh bồng
Trăng xanh huyền hoặc,
mung lung đất trời. ■

CAO TIÊU

Viết Báo Tết trước 1975

Vũ Khắc Khoan
(1917 - 1986)

Nghĩ lại, tôi thấy hầu như vắng hẳn mùa xuân trong những gì tôi đã viết. Có lẽ là vì tôi thường hay viết kịch. Mà kịch thì hình như chỉ sống được trong một khí hậu đặc biệt không thể ấm được như mùa xuân, cái khí hậu hoặc ngột ngạt, oi ả một căn phòng bức gió chở một cơn bão táp: *Lôi Vũ*, hoặc xám ngoét vô tính vô tình sân khấu Beckett. Có lẽ là như vậy.

Nhưng nhớ kỹ lại, mùa xuân cũng có thấp thoáng trong vở kịch một màn tôi viết từ hồi còn ở ngoài Bắc, cách đây khoảng hai mươi năm: *Giao Thừa*. Nhưng thấp thoáng, vì mới Giao Thừa, vì vẫn là cuối đông chờ thai nghén một mùa xuân, giữa cái chết chóc của chiến tranh chờ một mầm sống thanh bình. Lúc đó, khoảng 1952. Chúng tôi đang hồi hộp chờ đợi. Sự chờ đợi kết liễu bằng một lên đường: 1954. Tự đó – cũng không hẳn là vì đó – hầu như mùa xuân đã không trở lại tác phẩm của tôi.

Nhưng ... mùa xuân, nếu là Tết, thì ... lại khác. Thú thực tôi vẫn còn yêu lắm, ở cuộc sống, cái không khí sửa soạn bước sang xuân, sửa soạn khởi đi tự một cái gì. Hôm nay, già nửa đời người, đã quá bước vào cái tuổi tri thiên mệnh, mà đối với tôi, cái quãng thời gian lắng lòng chờ đợi tự đêm trừ tịch một mức vi ti chuyển mình của thời gian, vẫn giữ nguyên vẹn cái chất huyền nhiệm của một cái gì thật là khó ... phân tích. Có ai phân tích...?

Có thể là do đà quyến dụ của hồi tưởng. Tôi nhớ mãi, cảm giác tồn tại nguyên vẹn trong tôi: mưa nhỏ bay luồn vào cổ áo, gió bấc thì thào như hơi thở lạnh ướt mà êm mà ấm của người yêu, những đốm lửa trong lòng trời đen mực quánh đêm trừ tịch – lửa của bếp kho dừ một nồi cá thu lẫn với những miếng thịt heo chặt to miếng, lửa của lò bánh chưng soi sáng một vài gò má ửng hồng, một cài canh Tam Cúc thấu đêm, lửa của một vệt pháo xiết, một tràng pháo Bình Đà, lửa của một nén hương nhà ai sớm lễ Giao Thừa, lửa của lòng người con gái thành tâm hái lộc, lòng người tha hương dẻo bước ven đê hướng về làng cũ để kịp đón Giao Thừa. Nhớ nữa ... nhớ mãi, dai dẳng là cái cảm giác những năm thơ ấu, đang nghe giở một chuyện ma giữa đêm khuya Ba Mươi mà phải dứt ra đứng đái đầu hiên, gió lạnh luồn lên tận bụng, cái cảm giác lạ lùng (như mở ra, mở vào những mênh mông xa vắng mà nhớ, mà muốn trở về) khi những chiếc khánh kêu gọn và sắc và tươi trên đầu cây nêu ngoài ngõ vắng giữa trời mù mịt sương đêm tháng cũ, mặt đã dàng kín bãi ngô xa tắp sau nhà, cái cảm giác ướt át lành lạnh co ro đương đợi người nhà mổ lợn ném cho cái bong bóng, cái cảm giác nhớp lạnh và bùng nhùng của tay nắng niu, của mu bàn chân chạm vào chiếc bong bóng lợn. ■

Mặc Đỗ
(1917 - 2015)

Nếu tôi nhớ đúng, từ ngày bắt đầu viết đều hầu như tôi chưa viết gì về Xuân và Tết. Nói để mà cười, lý do chính là cái tội rất xao lãng "hàng Tết", có người hỏi đến thường cận ngày và không có hứng đành bỏ qua.

Tết đến với tôi từ tuổi lớn không thấy hào hứng bao nhiêu, vì từ nhỏ cho tới lớn tôi sống ở thành phố, không có quê để về ăn Tết. Theo ý tôi Tết chỉ đẹp và có ý nghĩa ở thôn quê. Có nhiều dịp trong những tháng Xuân và cả

trong những ngày Tết, tôi có về vùng quê, nhưng có rung cảm cách nào thì vẫn là Tết của người khác. Mô tả cái Tết của người khác, chi bằng để cho người khác làm việc đó, tốt đẹp hơn, chân thành hơn.

Ở thành phố, gia đình tôi vẫn ăn Tết như mọi người đúng như tục lệ, nhưng cái Tết ở thành phố, ngay cả ở Hà Nội ngày xưa, không làm tôi xúc động bao nhiêu, một dịp nghỉ xả hơi dài hơn những dịp khác vậy thôi.

Thứ nhất trong những ngày Tết là được nằm đắp mền đọc sách cả ngày, những bữa ăn không đều đặn như ngày thường, có quá bữa thì một góc bánh chưng đã thay được. Tết ở Hà Nội đã vậy, Tết ở Sài Gòn thì khỏi nói... ■

Nguyễn Mạnh Côn
(1920 - 1979)

Có mấy điều đáng nói, trước hết về Tết và mùa Xuân, là trong Nam – "trong Nam" ở đây là Sài Gòn – vì từ ngày di cư ở luôn tại đây không có mùa Xuân. Tôi muốn nói về mùa Xuân có mưa phùn và gió lạnh căm căm. Tôi không đủ giàu tưởng tượng để "thấy" mình ở giữa mùa Xuân trong khi quạt máy chạy vù vù vẫn không làm cho gường chiếu bớt khô, bớt nóng.

Thứ hai, nói về Tết, thì thực tế ngày Tết là ngày hội họp đại gia đình (họ hàng và gia đình của anh, chị, em), của sự chưng diện và tiêu pha, của tiếng pháo chen lẫn tiếng chúc mừng, của rượu ngọt, bánh chưng, hoa đào, hoa thủy tiên. Tất cả những cái đó, từ lâu rồi, không có đối với tôi, kể cả ở ngoài Bắc (trừ tiếng pháo và khói pháo) vì họ hàng tôi đối với nhau không thân, các chị các em tôi đối với tôi không quý. Một phần khác, từ khi 20 tuổi ra đời tự lập, tôi chưa bao giờ có tiền để được hưởng cái Tết như nhiều người khác.

Đó là nói về thực tế đời sống. Về phương diện văn chương thì, số Tết năm Ất Dậu (1945) trong bài *"Chúc Mừng Bạn Đọc"* trên tuần báo Thông Tin tôi đã viết đại ý rằng: Mùa Xuân của chúng ta thì mưa phùn lầy lội, gió bấc rét mướt, mà Tết đến nhà nghèo càng thấy mình nghèo hơn, còn việc thế giới thì mỗi năm một thêm loạn ly. Nói cho rõ hơn là mặc dù hồi bấy giờ mới được 25 tuổi, tôi đã có những ý nghĩ tương đối xác thật về mùa Xuân và cái Tết – những ý nghĩ một phần nào đượm tính chất xã hội, có lẽ do ảnh hưởng của mấy năm học trường Thăng Long. Tuy nhiên, kể từ khi vào Nam, tôi bắt đầu được công nhận như một nhà văn thật sự. Và cũng bắt đầu được các toà soạn báo định kỳ yêu cầu viết cho một số Tết mà họ chủ trương.

Truyện ngắn đầu tiên tôi viết để đăng vào số Tết – cố nhiên phải viết từ mấy tháng trước – là truyện *"Em Chờ Anh Trong Nghĩa Nặng Vợ Chồng"*. Mặc dù trong nội tâm không có ấm hưởng gì về cái Tết, tôi vẫn hiểu rằng Tết đồng nghĩa với đoàn tụ, với nhớ nhung quê hương, với tha thứ mọi lỗi lầm (đối với mình) của kẻ khác, với đón chờ những đổi thay thuận lợi như ước muốn. Con người ở trong cảnh huống tuyệt vọng nào cũng tìm cho kỳ được một lý lẽ nào đó để lừa dối chính mình, để tin tưởng, dù chỉ trong giây phút, rằng hạnh phúc vẫn có thể đến với hắn.

Trên căn bản những định luật ấy, tôi viết truyện một cán bộ tin tưởng và theo cộng sản đến chối bỏ và tàn nhẫn với vợ con. Nhưng đến khi "phóng tay phát động" thì cộng sản đuổi anh ta ra khỏi đảng và quân đội. Hết đường đi, vì Ba Mươi Tết, anh ta liều về với gia đình, và được vợ, cùng những tá điền nghèo của gia đình anh ta trước kia tha thứ, thông cảm.

Tết năm sau, tôi viết truyện *"Kỳ Hoa Tử"* và một cô gái Việt lai Nhật, yêu nước và thương dân nghèo, nên vào đảng Cộng Sản. Kỳ Hoa Tử được nhiệm vụ quyến rũ một chàng trai tài ba vào đảng. Hai người lấy nhau, và người chồng trở thành một cán bộ kháng chiến có uy tín đối với dân chúng. Viên tổng bí thư của đảng muốn lợi dụng uy tín ấy, sai anh ta tố cáo một nhân vật trung ương rất đạo đức. Anh ta không chịu. Viên tổng bí thư bày mưu khiến cho anh ta biết rõ quá khứ của Kỳ Hoa Tử. Rồi giả mạo giấy tờ, khiến cho anh ta trước khi chết, tin rằng Kỳ Hoa Tử không hề yêu anh ta mà chỉ ăn ở với nhau làm vợ chồng để báo cáo hành vi của chồng với đảng. Kỳ Hoa Tử điên trước khi chết, và chết ngay sau khi sinh một đứa con được một người mang ơn cũ nhận nuôi, vào một ngày cuối tháng Chạp.

Đây là một truyện ngắn thuộc loại tố Cộng như truyện trước. Ngoài cái "đinh" khác là sự chuyển hướng của cộng sản từ kháng chiến quốc gia sang cách mạng quốc tế nên phải giết bỏ những cán bộ cao cấp có đầu óc ái quốc hẹp hòi ... danh nghĩa. Tết bị gán ghép một cách khá giả tạo.

Rồi sau đó tôi còn viết nhiều truyện Tết nhưng không có gì liên hệ đến Tết cả, điều đáng ghi nhận là báo đặc biệt bao giờ cũng tăng số trang nên tôi được dịp viết những "truyện vừa" khoảng 40 đến 50 trang sách in chữ nhỏ. Đây là loại chuyện có đề án như lý thuyết, như truyện *"Tình Cao Thượng"*, *"Giấc Mơ Của Đá"* và *"Yêu Anh Vượt Chết"*, đưa ra những đề nghị giải thích nguồn gốc của tình yêu, của linh hồn, của vòng luân hồi, v.v....

Truyện mới nhất mà tôi viết nhân dịp Tết là truyện *"Cháo Trần Châu, Mắm Mắt Phượng"*. từ 40 năm nay tôi vẫn nhớ câu chuyện cổ tích này, mà mẹ tôi kể cho tôi nghe trong cảnh nghèo nàn và mưa bão. Ông Hoàng Tử phải được đói mới thấy cháo ngô, mắm hến là ngon. Trong thâm tâm, khi viết lại câu truyện, tôi thấy rất hài lòng, như đã trả thù được sự giầu sang trong sự sống thanh bạch của tôi. Nhưng trong truyện không có một chữ *"Xuân"* hay một chữ *"Tết"* nào.

Tết và mùa Xuân, tóm lại, chỉ là dịp để tôi viết được một vài truyện ưng ý. Tôi vốn đi có tâm hồn lệch lạc, quá nặng về lý trí, quá nhẹ về tâm cảm, nên từ khi lớn tôi không được thật sự hưởng thụ tình yêu. Đó thật sự là một điều mà tôi luôn luôn tiếc hận cho tôi. ■

Nguyễn Sỹ Tế
(1922 - 2005)

Tôi chưa viết về Mùa Xuân và Tết Nguyên Đán như là đề tài chính yếu trong những tác phẩm của tôi. Mà chỉ như là những khung cảnh thiết yếu cho những thảm kịch của tôi. Tôi nhớ lại "*Con Tàu Cuối Xuân*" là một truyện ngắn. Thảm kịch của một thiếu nữ hai mươi ba tuổi *"cha và anh chết bất đắc kỳ tử ở hậu phương, lặn lội về quê tìm mẹ để hay tin người đã đi lấy chồng, đi cùng u già trên con tàu cuối xuân từ cảng trở về thủ đô."* Và người thiếu nữ tự vẫn để được an giấc ngàn năm trong chiếc xe lửa cũ khi vừa đến cầu Long Biên.

"Trắng Chiều": một vở kịch ngắn. Câu chuyện một anh hoạ sĩ luôn luôn thay đổi quan niệm về hội họa, mất mát nhiều về tình yêu nhưng rồi cũng được những đền bù tình cảm. Chuyện xảy ra tại một phòng triển lãm mùa xuân. *"Mưa"*: một vở kịch ngắn. Lòng ghen tuông vô thức của một đứa con nhỏ đối với mẹ nó trong cảnh bần hàn của một Tết Nguyên Đán chiến tranh. ■

Trần Lê Nguyễn
(1923 - 1999)

Ngày xưa thỉnh thoảng gần cuối năm anh em ra báo Tết, báo Xuân có bảo tôi viết bài. Tôi không biết viết gì về Tết, về Xuân, lượm lặt ít chuyện vụn vặt trong năm viết vào mấy trang *"Nhật Ký"*. Thành ra tôi có viết bài cho báo Tết, báo Xuân nhưng hình như không viết gì về Tết, về Xuân thì phải! Bây giờ, không anh em nào bảo tôi viết nữa, nếu hôm nay ông Mai Thảo[1] không bảo tôi viết ít dòng về Tết Nguyên Đán của ta. ■

[1] Nhà văn Mai Thảo (1927 - 1998)

Thanh Nam
(1931 - 1985)

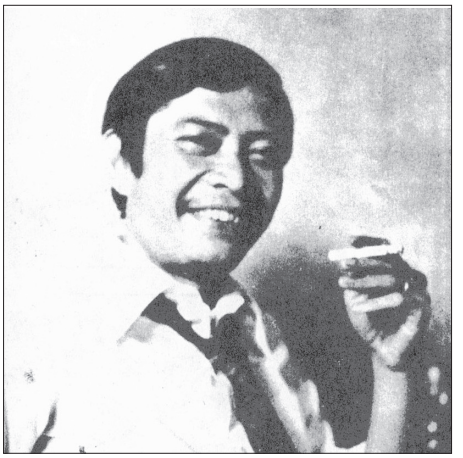

Từ hai chục năm nay, kể từ khi có phong trào báo Xuân và những giai phẩm phát hành trong dịp Tết, mỗi năm tôi phải "sáng tác" ít nhất là năm truyện ngắn về Xuân. Tất cả những bài viết đó chẳng đáng kể gì, bởi nó đã được viết theo sự yêu cầu của Tòa Soạn hoặc của những người chủ biên và viết chỉ với mục đích kiếm tiền. Riêng có một truyện ngắn đăng trên một số báo Xuân năm 1953 là đối với riêng tôi còn đôi chút đáng được nhắc lại. Truyện ngắn đó gần giống như một đoạn hồi ký ngắn, viết về tuổi thơ buồn bã của tôi, một cái Tết sống nhờ gia đình một người bác mà một đứa trẻ mười hai tuổi là tôi thuở đó, lần đầu tiên biết thế nào là đau đớn, tủi nhục, bỏ trốn hết mọi người để tìm đến một chỗ vắng vẻ để được tự do khóc và nhớ đến mẹ. Truyện viết đã lâu quá rồi và tôi cũng không còn giữ được số báo đó, tới nay nhiều lúc định viết lại nhưng mỗi lần viết được nửa bài lại thấy gượng gạo, mất hết tự nhiên và xúc động lúc đầu.

Gần đây, trong số những bài đăng báo Xuân, cũng có một bài tự lấy làm thích thú. đó là bài đăng trên Khởi Hành Xuân Canh Tuất, bài thơ làm để đón tuổi bốn mươi của mình: "*Tuổi bốn mươi rồi thương lắm thay.*" Bài thơ như một tính số ngắn về già nửa cuộc đời đã qua của mình, tuy chưa tạo được cái giọng cảm khái như mong muốn nhưng đó là một trong số hiếm hoi những bài tôi viết cho chính mình! ■

Duyên Anh
(1935 - 1997)

Khi tôi thấy lòng mình rộn ràng nhìn mọi người sửa sọan đón xuân, là lúc gia đình tôi sa sút. Dưới bảy tuổi, cậu bé nào cũng giống tôi. Chỉ vui thôi, thiếu buồn. Không buồn. Và cậu bé nhìn niềm vui chứ không cảm nổi niềm vui. Bởi đó, những mùa xuân cũ, mẹ tôi bảo vui lắm, cả nhà về quê nội để ăn Tết, bố tôi xông đất nhà bằng những bánh pháo nổ giòn, tôi biết là vui lắm và không làm sao hồi tưởng được. Tôi còn nhỏ, đôi cánh mơ mộng chớm nhú, chưa đủ sức lãng du về vùng trời kỷ niệm. Cho nên, cái vui lắm đã gợi thêm cái buồn lắm ở năm tôi tám tuổi. Năm ấy thật buồn. Bố tôi bảo năm nay không về quê nội chúc Tết ông bà tôi trước Tết như năm ngoái. Tôi hiểu ngay tâm sự của bố tôi. Người Việt Nam nào cũng nặng tình quê hương, bỏ quê hương đi nơi khác mưu sinh, tết nhất phải trở về. Và phải trở về với manh quần tấm áo mới, với túi tiền rủnh rỉnh, với bộ mặt rạng rỡ. Với những bánh pháo nổ lớn, xác pháo đỏ ối ngập sân nhà mình. Quê tôi nghèo khổ từ thuở khai thiên lập địa. Ít gia đình nào dám đón xuân bằng một bánh pháo dài. Pháo ông lệnh càng hiếm. Những bánh pháo của bố tôi làm hãnh diện cho ông bà nội tôi. Bố tôi thường mua để dành tự hôm Táo Quân lên chầu Trời. Năm ấy, tối Ba Mươi tháng Chạp, bố tôi vẫn không mua pháo. Người nói: *"Mình về chúc Tết ông bà sáng mồng Ba rồi sáng mùng Bốn đi ngay."* Tôi hỏi: *"Có đốt pháo không hở Bố?"* Bố tôi lắc đầu: *"Năm nay, Bố hết tiền mua pháo."* Tôi buồn ghê quá. Tôi buồn thật sớm. Nỗi buồn đến với tôi vào mùa xuân tám tuổi và đồn trú mãi ở hồn tôi tận hôm nay.

Cho nên, truyện viết về Tết của tôi thật buồn. Năm 1960, tôi viết truyện Tết đầu tiên cho Giai phẩm Tết Chỉ Đạo, nhan đề *"Con Sáo của Em Tôi"*. Truyện buồn quá làm "rỏng" cả năm. Tôi đã cố gắng viết một truyện Tết cho nó có vẻ vui vui, tin tưởng, nhưng không được, Tạp chí Văn, số 4, đăng truyện ngắn *"Ánh Lửa Đêm Tù"* của tôi, (số Tân Niên thì phải, năm 1965) truyện viết về tình người le lói trong đêm tối vào một đêm đón xuân. Vẫn buồn. Tôi cũng cho đăng ở tờ Nghệ Thuật (số Tết hay Tân Niên, tôi quên rồi) truyện ngắn *"Mùa Xuân"*, *"Con Hoang"*, *"Tình*

Yêu và Thù Hận". Truyện của một tên du đãng muốn làm lại cuộc đời. Nó sắp được rời trại Tế Bần rồi. Nhưng phải sau Tết người ta mới cho nó về. Nó nhớ con nó. Người ta tổ chức võ đài. Đứa nào thắng thì đứa ấy được đi một vòng Sàigòn coi chợ Tết với giám thị. Thằng du đãng của tôi nó nhớ con quá, nó âm mưu một vụ ... "tình yêu". Nó nhập cuộc tỉ thí. Nó đã thắng sau khi tưởng chết. Nó thắng với khuôn mặt đẫm máu. Ra Sàigòn, nó kiếm cách trốn giám thị về thăm con. Nó định trở lại trại Tế Bần nhưng con nó níu kéo nó. Thằng du đãng quên hết mọi tối tăm, đầy đọa tương lai, nó ở nhà ngủ với con. Cái Tết, sự xum họp của nó vất vả và buồn thảm quá. Tết thì không nên buồn. Mà tôi, cứ viết truyện Tết là phải nghĩ đến dĩ vãng buồn của mình. Vậy không nên viết truyện Tết nữa, trong *"Con Thúy"*, có một chương viết về Tết. Hơi vui một tí. Năm nay, viết cho Văn cái đoản văn Tết, Tết Việt Nam mang nặng ý nghĩa của sum vầy, đoàn tụ, vui vẻ. Tết là không được buồn. Khi ta buồn là ta không có Tết. Và ta đừng bắt ai, dù chỉ một người, buồn lây với câu truyện viết báo Tết của ta. ■

Thảo Trường
(1936 - 2010)

Trong mấy năm gần đây, vì viết truyện đăng báo hàng ngày nên dường như ngòi bút của tôi đã theo về cái dòng "văn chương" sản xuất hàng loạt ngày ngày. Tôi nhớ rõ là trước đây tôi chỉ viết truyện ngắn. Và viết theo cảm hứng. Thành ra cái thích thú nó không chừng. Còn bây giờ, trong tình cảnh này, như đã nói tôi viết hàng ngày, vì thế cảm hứng có khi có mà cũng có khi bị ... "động viên".

Trong khi làm nghề viết báo hàng ngày như vậy cứ hàng năm gần Tết chủ báo lại đặt hàng thêm một bài Xuân. Thế thì cái Xuân hay cái Nguyên Đán đó, dù muốn dù không cũng bị viết theo cái kiểu "động viên" luôn. Vì thế hầu như đã lâu tôi không còn coi lại những truyện ngắn trước kia của mình, tôi không còn nhớ Tết Nguyên Đán và mùa Xuân đã bao lần là cảm hứng thật sự khi tôi sáng tạo. Quả thật không còn nhớ rõ. Có lẽ phải đọc lại, phải sống lại cái thế giới cũ đó mới nhớ được.

Còn bây giờ, Nguyên Đán và mùa Xuân. Trong tình cảnh này. Quả thật nó cũng chỉ như những sự nhàm chán hàng ngày của tôi. Nguyên Đán và mùa Xuân nếu có đến với tôi cũng chỉ như một thứ truyện ngắn đăng báo hàng ngày, nó cũng chỉ như tất cả những chán mứa của đời sống hàng ngày. Và đó là địa ngục của tôi. Và đó là nỗi thất vọng lớn lao nhất. Ta không còn cảm thấy gì nữa. Ta hoàn toàn là nhàm chán. Không rõ ai khác có giống ta không? ■

Nguyễn Đình Toàn
(1936 - 2023)

Trước hết tôi thường viết theo thời tiết, một phần có lẽ vì lười biếng, phải ngồi viết trong một ngày mưa, tôi thích thấu vào trang sách của mình ít dòng về một trận mưa, đôi khi trận mưa kéo dài lê thê suốt mấy trang. Cũng như thế, nhiều khi một cuốn sách nào đó của mình được viết dở dang vào mùa xuân, thời tiết đã xúi bẩy tôi cưỡng không được, phải kể lể một chút gì về cái bầu không khí mình đang thở, kể ngược lại không chừng, bởi vì mùa xuân Sàigòn là mùa xuân nóng lại làm nhớ tới cái lạnh của mùa xuân miền Bắc, mùa xuân Hà Nội. Nhưng cứ viết mãi, tôi nghiệm ra rằng, tôi nói về mùa xuân không phải do những đòi hỏi cấp thiết, hàng ngày, mà rõ ràng là tôi đã yêu mến và luyến tiếc mùa xuân, thích Tết và sợ Tết. Còn có ngày nào trọng đại hơn ngày Nguyên Đán? Bao nhiêu ngày Nguyên Đán đã trôi qua trong đời mình, đã trôi tuột cả đi, cũng giống như trăm ngàn ngày khác, Hà Nội mà tôi tưởng mình đã nhớ từng viên gạch bên lề đường, bây giờ tôi cũng không còn dám tưởng chắc có thật như vậy chăng, những ngày Tết được về quê ăn Tết, buổi sáng thức dậy, mơ màng nhìn ra sân, thấy sương mù, hoa hồng bạch và xác pháo, từng ấy thứ vẫn cứ lẩn khuất trong tôi dù những mùi

hương đã phai nhạt, thành thử có thể tôi đã viết về mùa xuân, về Tết, như một cách nhìn lại tuổi thơ của mình, có thể như vậy, ngay trong cuốn sách đầu tiên của tôi, hình như tôi đã viết thế... ■

Túy Hồng
(1938 - 2020)

Hình như những ai lỡ làm nghệ sĩ sáng tạo đều cũng đem mùa xuân và cái Tết vào tác phẩm của mình. Ngày Một và tháng Một, sự bắt đầu rực rỡ đó là kỷ niệm lớn. Nhà văn, nhà thơ thấy rõ những lúc mình nhỏ, những lúc mình lớn và những lúc mình già. Tết là một nghi lễ hết sức giàu có. Nghệ sĩ sẵn sàng làm đứa bé con trước nghi lễ đỏ xanh tím vàng và linh thiêng đó. Được ở trong mùa xuân, đang đứng trong ngày mùng Một ... sướng tuyệt trần, thích tuyệt trần.

Tôi đã đem mùa xuân vào truyện ngắn, tôi đã đem cái Tết vào truyện ngắn. Truyện *"Ngày Xuân Đêm Xuân"*. Hồi đó tôi mới làm văn nghệ, viết bài đăng báo Xuân tất nhiên, phải viết truyện Tết. Tôi nghĩ đại vậy. Bây giờ, tôi quá khôn đi rồi, tôi viết truyện thường vào báo Xuân hoài, mặc dù mấy anh phụ trách báo Xuân cứ dục viết sao cho có vẻ Tết một tí và có vẻ "Huế Huế" một tí.

Viết về sự bắt đầu của một năm tại lòng mình thật là khó. Không độc đáo được. Vì Tự Lực Văn Đoàn đã xài nhiều quá rồi... Và mọi người đã xài nhiều quá rồi, mặc dù những kỷ niệm nằm tồn kho đó bao giờ cũng dồi dào và sống mạnh.

Có một sự thật cần thú nhận: không bao giờ tôi muốn viết bài cho báo Xuân. vì cả năm viết nhiều quá rồi. Cuối năm phải nghỉ. Độc giả nếu thấy tên tôi nằm ở tờ báo Xuân nào, độc giả có quyền nghĩ tôi viết vì tiền. Nhất là mùa xuân này, tôi viết đến tám tờ báo... Viết vì tiền chứ không phải viết vì tòa báo bắt ép như mọi năm... ■

Nguyễn Xuân Hoàng
(1940 - 2014)

Tết Nguyên Đán năm đó, khi nhận lời viết cho Tạp chí Văn Học một truyện ngắn về Xuân, tôi tự nghĩ rằng đây là cách giải quyết nỗi ám ảnh của chính tôi về những giọt nước mắt khô của mình trong ngày cha tôi lìa đời. Tôi muốn soát xét tâm hồn tôi bằng cách tìm kiếm lại một lần sau cùng mối liên lạc giữa tôi và người cha, một kỷ niệm êm đềm, một hình ảnh dễ thương, trong đó có tiếng roi của cha vụt ào ạt trên lưng, không có đôi mắt đỏ ngầu vì rượu, không có những lời nguyền rủa không thương tiếc.

Và tôi đã nhớ lại, phải, bắt gặp lại cái hình ảnh buồn rầu, và thảm thương của hai cha con chúng tôi ôm nhau ngủ vùi bên bếp lửa giữa đêm Ba Mươi tháng Chạp lạnh tái tê trong một căn chòi hiu quạnh dưới chân núi ít khi có dấu chân người, đón chờ một mùa xuân không bao giờ có vì tôi đã thất lạc mẹ và các em trong một trận càn quét của giặc Pháp.

Lúc gần sáng ngày mùng Một Tết, cha tôi đập tôi dậy, và qua lớp phên thưa, cha tôi ra dấu cho tôi lắng nghe có tiếng gì lạ bên kia bờ suối sau nhà, chỗ buộc con ngựa con của tôi. Quả thật như vậy, con cọp trong rừng đã về và đang sửa soạn bữa thịt ngựa bên khe suối.

Tết năm đó, chúng tôi chào mừng năm mới bằng tất cả sự buồn bã có thể có được của mọi người trên thế gian. Và đó cũng là lần đầu tiên và duy nhất tôi nhìn thấy cha tôi ngồi thừ người bên ly rượu đầy với những ngấn lệ trên khóe mắt.

Truyện ngắn này lúc đầu tôi chọn cái tên là *"Mùa Xuân, Căn Nhà Ngói Đỏ"*, nhưng khi trao cho Trần Phong Giao[2] in thành sách dưới hình thức Văn Uyển, giới thiệu một tác giả một tác phẩm tôi cắt bỏ chữ *"Mùa Xuân"* và chỉ để lại *"Căn Nhà Ngói Đỏ"*. ■

[2] Trần Phong Giao (1932 - 2005)

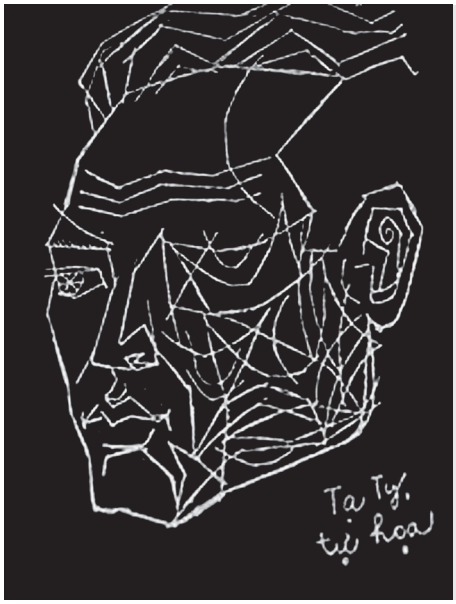

Tạ Tỵ
(1922 - 2004)

THƠ GỬI NGƯỜI LÍNH BIÊN KHU

Tôi viết bài thơ bé nhỏ
Gửi đến anh Người lính biên khu
Người lính dựng cờ đất nước.

Anh đã sống từ muôn ngàn năm trước
Và ngàn sau còn nhắc mãi tên anh
Hỡi người lính biên khu
Tôi nhớ anh khi mùa xuân chợt tới
Lá trên cành đã hé búp xanh
Đẹp như giấc mộng nguyên lành.

Anh lính biên khu ơi
Đêm nay anh đứng gác
Nóc chòi canh bé nhỏ
Sao chứa nổi hồn anh
Đồi núi biên cương
Rừng thẳm xây thành
Mưa, mưa xuống giăng buồn đêm Trừ Tịch.

Đêm Ba Mươi đứng gác
Tôi biết anh khao khát
Một ly cà phê đắng
Một khói thuốc lá thơm
Đêm Ba Mươi trời tối như căm hờn
Đêm Ba Mươi gió lùa qua vọng gác
Anh nhớ đến quê hương
Nhìn lớp mưa mù giăng giăng đầu núi.

Đêm Ba Mươi
Đêm Ba Mươi trời đổ
Từng dòng thác lá vàng trôi
Trên mầu giấy trắng
Xuống đầy bát tôi
Tôi nhớ đến anh
Đêm Ba Mươi
Chắc trời lạnh nẻo biên cương
Không đốm lửa ấm lòng quan tái
Tiếng hú rừng sâu tím màu hoang dại
Anh đứng đây mà nghe cả mùa xuân
Ấm lòng đơn anh kể chuyện một mình
Những câu chuyện ngày xưa đẹp quá
Đẹp như mắt của người yêu
Dịu hiền ôi bàn tay thon nhỏ
Đã từng ấp ủ bao ngày
Ngồi suốt canh trường nghe gió đùa mái
Mộng những gì
Cho nắng cháy mùa xuân
Mất hoa niên
Tình cũ nhạt phai dần.

Đêm nay đêm Ba Mươi
Anh ngồi trong tình thương rộng lớn
Của đất mẹ mến yêu
Đọc thơ tôi, anh có nhớ nhung nhiều
Ngâm thơ tôi trong chòi canh tắt lửa
Ngoài trời mưa trắng xóa đêm Ba Mươi
Thèm cà phê, thuốc lá nhạt môi cười
Đêm Ba Mươi
Anh nhìn núi đồi biên giới
Rồi nhìn sang vĩ tuyến
Căm hờn mắt quắc trong đêm
Còn mùa xuân nào nữa
Ai về chiếm lại quê hương
Ngày anh về men rượu ấm ngả đường
Có cà phê, thuốc lá
Có muôn vàn đôi mắt lạ
Nhìn anh như trút cả tình thương
Lên chiến bào còn ngát khói sa trường.

Đêm nay đêm Ba Mươi
Phiên gác nửa đêm Trừ Tịch
Anh thèm thuốc lá, cà phê
Anh thèm ly rượu
Để mừng Xuân Chiến Thắng
Để mẹ già hết nhìn đăm đắm
Vợ hiền thôi nhắc ngày đi
Mắt khô rồi những giọt lệ phân kỳ.

Đêm Ba Mươi
Anh ôm súng trên chòi canh tắt lửa
Nhìn mưa mù phủ lấp lối biên cương
Chim từ qui nhắc mãi nhịp canh trường
Và suối lạ reo sâu lòng rừng thẳm
Anh ghì súng mơ Mùa Xuân Chiến Thắng
Anh về lấy lại quê hương
Chữa lành vết thương nửa trời đất Việt

Ngày anh về
Có cà phê, thuốc lá
Có tình tôi gửi đến mừng anh
Mộng mùa xuân ngày ấy vẫn nguyên lành. ■

TẠ TỴ

Tô Thùy Yên
(1938 - 2019)

HỒN VÔ SỞ CƯ

Thôi đã mấy đời chim khách nôn nả
Ghé cổng báo mừng lầm
Trúc ra hoa, trúc chết
Khóm trúc nhà thôi đã mấy đời hoa
Chàng chưa về
Sao chàng mãi chưa về?
Gió nước cầu âu mọi nhắn hỏi
Họa bèo mây biết loáng thoáng tin chàng
Mảng mảng huyền thoại lữ hành rách tứ tán
Kẻ chiêm nghiệm trần gian
Miên viễn đang trên đường...
Mộng rủ dẫn...
Tâm tư trời đất nghe chưa trọn
Nỡ nào tự ý bỏ ra ngang?
Lịch sử mỗi thời, một mặt nạ
Đất thay tên
Người chẳng nhận ra nhau
Đời có sao sống vậy,
Ai vừa ý chính mình?
Thơ viết đã trăm bài,
Vẫn tình si một bài chưa tụ tứ
Ta thấy lạ lẫm mặt trời mọc
Tạo vật chừng đang mở, mở ra
Rừng lên tiếng rừng, biển tiếng biển
Tràn vui xôn xao mênh mang ta
Mừng run rủi gió đưa gió đẩy
Quán dốc, đường quan
Tình cố trl đãi người sơ ngộ
Chim hối giục chiều
Cạn, cạn này chén hôm nay
Trời đất, ồ, tính khí thất thường
Chén mai sau nào dám hẹn
Đứng chỗ kiếp người,
Nhón chân, phóng mắt
Xây xẩm muôn trùng cuộc hậu lai
Con vượn non cao khóc cách biệt...
Bóng ta tách vượt ta
Gió thổi qua truông, gió kéo qua đầm
Ta mờ người chạy đuổi
Càn, càn băng hiện tại lạnh rồi thây...
Ngồi, ngồi lại, định thần cõi sáng tối
Rũ bỏ mọi bình sinh
Giẫy, giẫy phá tư thể tù ngột
Chàng hóa thân từ mỗi độ hoa
Bước, bước tiếp khỏi tầm tiếng hú cất thăm dò
Hú, hú tiếp...
Sao nghĩa đời không xuất lộ cho?
Hoa nở hẳn đau nở
Mỗi bài thơ, một biển dâu riêng
Cùng nỗi chết ăn đời ở kiếp
Mọi việc chừng không đáng nói thêm
Đêm nao, chợt động lòng trăng sáng
Tiền sự mơ màng như chuyện ai
Cát nổi, cát lặng, cát nổi, lặng...
Hồn hỡi hồn, hồn vô sở cư... ■

(9-2005)

TÔ THÙY YÊN

Phan Lạc Tiếp

CÂY KHẾ NGÀY XƯA

Mẹ tôi sinh ra tôi năm trước, năm sau lại sinh em bé. Sữa mẹ chỉ đủ cho em bé, nên tôi phải uống nước cơm thay sữa. Khi tôi lên ba, mẹ tôi lại sinh em bé nữa, nên nhà neo quá. Mẹ tôi nhờ bác Đồ Gái cho chị Đan ra *"đỡ tay đỡ chân cho Thím."*

Chị Đan hơn tôi vừa một giáp. Lúc tôi lên ba, chị Đan đã mười lăm. Từ lúc có chị, hầu như lúc nào tôi cũng ở bên cạnh chị. Chị cho tôi ăn, thay quần áo và tối đến hai chị em đắp chăn kín trùm đầu.

Những đêm trời không có trăng, bầu trời đầy sao lấp lánh. Chị đưa tôi ra sân chỉ cho tôi hình ông Thần Nông lưng cong một dãy ngôi sao, và có hai cái dải mũ cũng là hai dải sao nhưng mờ nhạt cao vút lên trời. Ông Thần Nông lúc đầu hôm còn ngồi đó, đến khuya đã cúi xuống, chị bảo *"Ông Thần Nông đi cấy đấy..."*

Tôi nhìn quanh bầu trời, sao bát ngát, chị bảo *"Mỗi ngôi sao cầm tinh cho một con người."* Lâu lâu có một ngôi sao đổi ngôi, bay loè ra thành một vệt dài, chị bảo *"Thế là có một người mới mất đấy."*

Ôi chao, sao nhiều quá đếm chả nổi, thì chị bảo cách đếm: *"Một ông sao sáng, hai ông sáng sao, ba ông sao sáng..."* Tôi đếm như thế, thả hồn mình vào bầu trời bát ngát, cao rộng rồi chìm vào giấc ngủ.

Nhiều hôm trời chuyển mưa, có khi có bão, sấm chớp ầm ầm, tôi sợ lắm, nhất là mẹ tôi lại đi chợ vắng nhà. Nằm trong chăn, nhìn qua cửa sổ, bầu trời vần vũ, tối đen, tôi thắc mắc không biết những ông sao bây giờ ở đâu. Những lúc như thế chị vào nằm cạnh tôi cho tôi đỡ sợ và chị hát, giọng hát ngọt ngào bát ngát:

"Đêm qua chớp bể mưa nguồn
Hỡi người tri kỷ (a) có buồn hay (a) không...?"

Nghe chị hát, tâm hồn tôi trở nên yên ổn và tôi chìm vào giấc ngủ hồi nào không hay. Những hôm trời nắng, chị lấy cơm nguội với tôm khô kho khế, đem ra gốc cây khế cho tôi ăn. Cơm nguội bùi, tôm ngọt đậm, các lát khế chua chua. Tôi chạy nhảy tung tăng, chị bưng bát cơm chạy theo tôi. Có khi chị ngồi trên hòn đá dưới gốc cây khế, hoa khế tím rơi đầy trên nền đất mịn. Chị nhìn lên cây khế, cành khế gió thổi xôn xao, chị lại hát:

"Trèo lên cây khế nửa ngày
Ai làm chua xót (a) lòng mày, khế ơi..."

Có khi chị lấy cái sào dài khoèo quả khế chín vàng trên cành cao cho tôi ăn. Tôi ăn một tí là chán. Chị xé từng cánh khế, chấm muối ớt ăn thật là ngon. Chị xuýt xoa, đôi mắt long lanh, có khi chảy cả nước mắt mà chị vẫn cười.

Tháng Tám đến, mẹ tôi mua cho tôi một ông "tiến sĩ giấy", loại vừa vừa, mặt vẽ bằng giấy nhưng có vạt áo dài xoè ra, hai tay là hai vòng giấy xun xun vòng trước ngực. Tôi bày "ông tiến sĩ" vào cái mâm chõng bằng tre. Các em gái tôi đứa thì được cái đèn con thiềm thừ, đứa thì được cái đèn con cá, đôi khi còn có cả một đàn con giống bằng bột nhuộm màu xanh, đỏ. Mắt các con giống là những hột cườm.

Đẹp thì có đẹp, nhưng tôi không thích các thứ đó. Tôi thích cái tàn, cái tán như lũ trẻ con hàng xóm, cắm quanh cái kiệu bát cống có chạm những đầu rồng. Nhưng nhà tôi nghèo, nhưng thứ đó đắt lắm. Để bù lại, chị Đan mua thêm cho tôi một quả bưởi đào, lột vỏ xòe ra như một bông sen, bày bên những quả hồng ngâm xanh ửng vàng. Đến hôm Rằm, lúc trăng sáng nhất, trẻ con nhà giầu đem kiệu ra rước ở Ngã Ba. Tiếng trống rước to nhỏ rập rình như ngày mở hội làng. Những đèn nến, đèn lồng thắp sáng lung linh. Các kiệu ấy trở nên đẹp lạ lùng. Vì ngoài "ông tiến sĩ" to, mặt là cái vỏ trứng gà điểm nhãn sắc sảo, môi son, áo mão bằng trang kim lóng lánh, để giữa những tàn, lọng, bát bửu hệt như ở sân đình những ngày tế thần hoàng. Chị Đan dẫn tôi đi xem. Chị bảo: *"Ai học giỏi, thi đỗ Tiến Sĩ thì*

được hàng Tổng, hàng Huyện đón rước như thế đấy. Em cố học giỏi, đỗ cho cao cho chị mừng..." Rồi chị kể chuyện hai vợ chồng anh học trò nghèo qua câu hát:

"Sáng giăng giải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách (chứ) bên nàng quay tơ."

Năm tôi lên sáu thì chị về nhà chị. Tôi tấm tức, khóc hoài vì nhớ chị. Bây giờ tôi ngủ chung với hai đứa em, đắp chung một cái chăn bông rộng mênh mông như che kín được cả trời. Buổi đầu hôm, ba anh em bò từ cuối giường lên đầu gường, đùa vui, cười rúc rích. Khi mệt và bắt đầu buồn ngủ, tôi lại nhớ chị quá. Quanh tôi như trống trải, thiếu vắng thế nào. Tôi bồi hồi nhớ chị, nhớ những lời chị hát, nhớ mùi bồ kết, mùi chanh toả ra thơm ngây ngất từ làn tóc chị. Tôi như chột đi khi không có chị.

Ngày Tết đến, đêm Ba Mươi trời tối đen đặc lại. Tôi đi từ nhà trên xuống bếp như ôm cả cả cái náo nức chờ đón mùa xuân vào lòng. Mẹ tôi ngồi bên bếp lửa. Ánh lửa bập bùng. Có thể đó là một nồi cá chép kho cùng với thịt để ăn với bánh chưng. Có thể đó là nồi măng khô ninh với chân giò. Trên gác bếp có treo mấy cái giò mỡ, kẹp chặt trong những thanh tre dài. Mỡ thấm cả ra ngoài lá chuối xanh, đọng lại trắng ngần. Trên nhà trên, đèn nến lung linh, ánh lên các nét chữ sơn son thiếp vàng ở những bức đại tự. Cảnh con hạc xoải cánh bay đi, còn ngoảnh cổ lại để nhìn cành tùng khẳng khiu chơ vơ chờ đợi, trên nền câu đối vải. Thầy tôi trong áo the, khăn xếp, đi đi lại lại, thắp những tuần hương lên khắp các bàn thờ. Những lúc như thế, giờ của năm cũ sắp qua, năm mới sắp đến thì chị Đan đến. Chị mặc áo dài tứ thân, thắt bao hoa lý, bưng cái mâm gỗ đậy lồng bàn. Chị đặt mâm lễ vật trước bàn thờ, mở lồng bàn ra. Đó là một mâm chè lam. Những thỏi chè vuông dài màu xám có rắc làn bột bỏng màu trắng xung quanh. Chị lễ phép thưa: *"Mẹ cháu bảo cháu đem chút lễ vật đến cúng ông bà bên ngoại..."* Thầy tôi cười: *"Bác Đồ cẩn thận quá. Năm nào cũng nhớ đến các cụ..."* Chị nhìn tôi, cười bảo: *"Mai, à sang năm mới chứ, em nhớ đến xông đất nhà chị nhá..."* Tôi chỉ đợi có thế, tôi mừng là chị chẳng bao giờ quên tôi. Chị về. Những bước chân chị bước trên lối ngõ có lờ mờ hình cái cung bằng vôi trắng mà anh cả tôi mới vẽ hồi chiều. Đêm đen thẫm bưng lấy mắt, lạnh ngọt. Tiếng các khánh đất va vào nhau kêu cung kinh từ ngọn cây nêu dựng sát tường hoa gần cổng, âm thanh rời rạc, khô cứng như phát ra từ cõi nào mơ hồ xa, huyền hoặc.

Sáng mùng Một đầu năm, sau khi lễ ông bà ở nhà và đã được thầy mẹ tôi mừng tuổi, tôi muốn đến nhà chị Đan ngay. Anh cả dắt tôi đi. Tôi mặc áo dài mới. Cái áo gọi là mới thực ra là cái áo anh tôi đã mặc rồi, đã cũ, mẹ tôi "soạn" lại, cắt ngắn bớt cho tôi mặc và mới được nhuộm thâm lại ngày trong năm. Quần chúc bâu trắng sột soạt, đi guốc, bước lóc cóc trên đường gạch, tôi đến nhà chị. Dọc đường gặp bao nhiêu là người, ai cũng mặc quần áo mới, có người đã bắt đầu đi lễ Ông Vải. Có những anh lớn hơn tôi độ vài ba tuổi cắp cái cháp đen đựng trầu cau, theo người lớn đi lễ các nhà thân thuộc.

Ngoài chùa vẫn còn lặng lẽ. Tiếng chuông êm ả truyền đi. Qua góc ao đình, nơi có cây bàng nằm lả gọn ra mé nước, rẽ trái là lối vào nhà chị. Dinh cơ của các ông Bá, ông Lý ở phía trong, tường gạch cao ngất.

Nhà chị, nhà tranh nằm ngay phía ngoài, đầu con ngõ. Hai cánh cổng dán hai bức tranh Thiên Bồng vẽ hai ông tướng mặt đỏ, râu dài, cầm gươm canh cửa. Tôi chưa gọi chị đã mở cổng đón tôi. Anh tôi đứng đằng sau, chị bảo: *"Thôi chú về đi, lát nữa tôi đem trả em..."* Anh tôi cười rồi về. Tôi xà vào lòng chị. Chị mặc áo mới, yếm mới. Tóc chị thơm thật là thơm. Chị hôn lên má tôi. Rồi chị vạch túi áo cánh trắng ra, đưa cho tôi một đồng xu đồng mới tinh, đỏ au. Tôi sướng lắm, cầm vào lòng bàn tay thật chắc. Chị lại hôn tôi nữa rồi mới dắt tôi vào nhà, lên nhà trên mừng tuổi bác Đồ Gái. Bác Đồ Gái ngồi sẵn trên phản ở gian giữa, bác cười: *"Lớn rồi đấy, sắp đi học rồi đấy cháu nhỉ... Cháu tôi lên mấy rồi nào..."* Bác mừng tuổi cho tôi một đồng chinh màu vàng mỏng mảnh. Cám ơn Bác Đồ xong, tôi lại chạy ra với chị. Chị nhìn tôi, ôi đôi mắt chị sao mà âu yếm thế. Tôi xà vào lòng chị và quên mất đồng xu, đồng chinh tôi đã buông ra, rơi ở đâu rồi. Chị vuốt tóc tôi. Chị nói: *"Em được nhiều tiền mừng tuổi quá nhỉ."* Lúc đó tôi mới hoảng hốt nhớ đến các đồng tiền mừng tuổi, không biết đã để đâu. Tôi khóc thì chị cười. Chị xòe bàn tay ra, đồng xu và đồng chinh mừng tuổi nằm giữa lòng bàn tay chị. Chị lấy dải yếm lau nước mắt cho tôi, rồi lấy dải rút quần của tôi xâu các đồng tiền, buộc lại. Buông tà áo dài của tôi xuống, chị kéo tôi vào lòng. Hơi ấm hoà trong mùi tóc của chị thơm nồng bay tỏa bao phủ quanh tôi, chị nhẹ nhàng ghì cằm chị vào đầu tôi và chị đọc những câu thơ mà sau này tôi mới biết là của Nguyễn Bính:

"... Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay
Hoa xoan đã nát dưới chân giầy
Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ
Mẹ bảo mùa xuân đã cạn ngày..."

Lời thơ dịu dàng, lãng đãng ru tôi vào giấc ngủ. Khi tôi tỉnh dậy, bác

Đồ Gái nói đùa: *"Con trai lớn rồi đấy. Sắp lên bảy rồi. Tuổi cắp sách đến trường rồi."* Vâng, *"Năm nay tôi lên bảy. Tôi đã lớn. Tôi không chơi đùa lếu lổng như những năm còn bé..."* Đó cũng là đoạn văn đầu tiên, sau khi tôi học hết vần bằng, vần trắc trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Đồng Ấu.

Buổi học đầu tiên của tôi chị Đan cũng đưa tôi đi.

Tôi học ở nhà chú Phương, con cụ Lang. Chú Phương mặc quần áo trắng hồ lơ, tóc chải ngược về phía sau, cài lại bằng một vòng dây thép uốn. Chú đi guốc, gót chân đỏ chót. Ngồi cạnh tôi là Cái Gái. Cái Gái đã lớn lắm, cao bằng chị Đan, là con cô Thầy. Cái Gái bị tật từ nhỏ, chân đi không khoèo, tay cầm bút thật vụng, viết mãi chẳng được một chữ, nước rãi còn chảy ra nhoè cả mặt chữ. Cái Gái phải gọi tôi bằng anh, vì họ hàng sao đó, *"Bé bằng củ khoai, cứ vai mà gọi."* Cái Gái gọi tôi bằng anh ngọt sớt. Học được mấy hôm tôi đã viết đủ các mặt chữ cái kể cả "chữ in" cũng như "chữ viết". Và chỉ độ một tháng tôi đã học hết vần bằng, vần trắc, tôi đã đọc được các bài ngắn mà bài đầu tiên là bài *"Hôm nay tôi đi học..."* Dưới bài bao giờ cũng có câu cách ngôn như: *"Ăn vóc học hay."*

Cái Gái lúc ấy vẫn lết bết với mấy chữ *n, m* mà mực tím nhoè nhoẹt vì nước rãi. Hàng ngày tôi phải viết hộ Cái Gái cho hết trang. Bù lại Cái Gái bao giờ cũng trả công cho tôi rất hậu. Khi thì một quả chuối tây, khi thì một cái kẹo bột. Và chẳng bao lâu tôi đã viết ám tả được. Tôi thích lắm, tôi viết các câu thơ của Nguyễn Bính vào một cuốn sổ nhỏ. Các câu thơ này trước đó tôi đã thuộc lòng qua các câu hát của chị Đan và của anh tôi nữa.

Cô Thầy là mẹ của Cái Gái. Cô Thầy làm nghề thầy bói, hai mắt mù cả. Nhà cô ở tận Ngõ Đồng Mát, cuối con đường gạch, lối đi ra đồng. Cô rất đông khách, nhất là các ngày Hai, ngày Bảy là ngày phiên chợ Nủa, khách phải ngồi đợi ở sân. Nhà cô tuy là nhà tranh nhưng cũng đẹp, có nhà trên, nhà ngang và nhà bếp như hình chữ U mà các cụ bảo là hình chữ "Môn". Gian giữa để bàn thờ Ông Vải. Gian bên có hình con cá hoá long mầu tím vẽ thẳng vào tường. Những vảy cá xanh tím ẩn hiện trong lớp thủy ba.

Gần nóc nhà là bàn thờ Thổ Công, cái mũ giấy óng ánh tráng kim. Bên cạnh là bàn thờ Ngũ Hổ, có hình vẽ năm con hổ năm mầu thật dữ ngồi quanh cái hộp vuông như hòm ấn vua ban. Sát bàn thờ chính là cỗ ghế ngựa, nơi Cô làm lễ và tiếp khách. Tuy ở nhà nhưng Cô Thầy ăn mặc rất chỉnh tề, áo cánh bên trong, áo dài bên ngoài, Cô còn thắt lưng dài to bản mầu tím.

Bắt đầu buổi xem bói bao giờ Cô cũng ôm theo cái tráp đen. Mở tráp ra, Cô bày những đồng tiền xám xịt mà người ta bảo đó là những đồng tiền lấy từ trong mả người chết, gọi là "tiền cải mả", nên rất linh thiêng. Cô sờ lên mặt những đồng tiền, xếp úp các đồng tiền lại. Rồi cô cười, nói với thân chủ:

"Nào cho tôi biết ngày sinh tháng đẻ nào..."

Người khách trịnh trọng xưng tên tuổi. Cô lấy ngón tay cái bấm lên những đốt tay, giương đôi mắt chỉ có lòng trắng như nhìn vào một cõi xa săm huyền bí nào. Nếu là người trẻ, thường cô cười và nói: *"Có đấy xem về tình duyên phải không..."* Người khách thưa *"Vâng!"* Cô đốt một nén hương, đặt ngang miệng đĩa đựng các đồng tiền cải mả và tiền đặt quẻ, lâm râm khấn *"... thất thập nhị hiền thu nhập tiền nhang..."* Cô hạ đĩa tiền xuống, lấy những ngón tay sần sùi bốc những đồng tiền trên đĩa, giơ cao rồi buông xuống đĩa. Cô nói: *"Sơ vi đơn."* Mỗi lần như thế gọi là một lần gieo quẻ. Tuỳ theo các đồng tiền xấp, ngửa, ba lần gieo là một quẻ. Căn cứ vào đó cô đoán quẻ cho thân chủ. Với các cô còn trẻ, mới lấy chồng, tôi thường nghe cô nói: *"Số cô trắc trở. Tưởng là chuột sa chĩnh gạo, hoá ra chuột sa chĩnh nước đầy, phải không cô?"* Thân chủ chỉ biết *"Vâng!"* Cô Thầy lại nói: *"Thật là vui từ trong cửa vui ra, buồn từ ngã bảy ngã ba buồn về đấy, cô ạ."*

Nếu là người già cả xem gia đạo, Cô cũng gieo quẻ như trên, nhưng thường là *"Động mả ông Tam Đại đấy bà ạ. Mả như là có cái rễ cây nó đâm vào ngôi mộ của cụ nhà đấy..."* Thân chủ chỉ còn biết *"Lạy Thánh mớ bái, xin Thầy chỉ bảo cho."* Lúc ấy thường thì Cô bảo thí chủ ra ngoài bờ dậu, ngoảnh mặt về phía đồng, ngắt một cành lá đem vào cho Cô xem lại. Cô đếm những chiếc lá để định quẻ và thí chủ phải đặt quẻ lần nữa. Vì động mả rất quan trọng nên Cô thường nói: *"Phải lễ Phật trước, lễ quỷ thần sau."* Người xem bói chỉ còn biết nghe theo lời Cô dạy, sửa một cái lễ khá cầu kỳ, *"Phải lấy đủ đất đình, đất chùa, đất chợ, đất ngã ba và đất giếng; nước vang hoà với nước vôi; chín cái kim làm xương. Tất cả trộn vào nhau, nặn thành hình con rùa, đem táng ở đầu ngôi mộ ông Tam Đại. Nước vang hòa với nước vôi rảy quanh mả một nửa, còn một nửa hắt qua mái nhà gian giữa..."*

Ngoài ra còn phải sửa một cái lễ *"mâm trên xôi chuối, vàng tốt một trăm, mũ vàng một chiếc; mâm thứ hai cơm canh..."* Sợ gia chủ không nhớ được, Cô thường bảo *"Phải viết ra, và có thằng cháu tôi đây, nó học giỏi lắm, viết cho bà..."* Thường Cô

bảo lấy cái bao hương xé ra, lộn mặt trong, viết các lời chỉ dẫn, và bao giờ tôi cũng được năm xu. Đó là những đồng tiền đầu tiên tôi kiếm được trong đời. Năm xu của những năm đầu 1940 cũng mua được mấy cái bánh tẻ. Khi khách đã về, Cô thường nói: *"Biết khi nào Cái Gái mới viết được thông thạo như cháu."*

Từ khi tôi đi học, chị Đan không còn ở nhà tôi nữa. Bác Đồ gái ra bảo với mẹ tôi: *"Thím cho cháu nó về. Em bé đã lớn, mà cháu nó cũng gần 20 rồi đấy, cũng phải có thời giờ cho người ta trông vào..."* Chị Đan về nhà chị. Chị giúp bác Đồ Gái dệt cửi. Những hôm tan học sớm, tôi ra nhà chị.

Thấy tôi bao giờ chị cũng mỉm cười, ngừng tay thoi và thế nào cũng có cái gì cho tôi ăn. Khi thì một quả hồng ngâm, khi thì bát cơm nguội ăn tép kho. Ăn xong, tôi đọc cho chị nghe các bài học thuộc lòng mới nhất, như:

"Xuân đi học coi người hớn hở
Gặp cậu Thu đi ở giữa đàng
Hỏi rằng sao đã vội vàng
Trống chưa nghe đánh đến tràng làm chi
Thôi hãy gượm đùng đi anh ạ
Này con khăng tôi đã sẵn rồi..."

Tôi lớn dần lên với các bài học ấy và cũng dần xa chị. Chị chỉ ra nhà tôi "làm giúp" khi nhà tôi có giỗ Ông, giỗ Bà mà thôi. Năm ấy, năm Ất Dậu 1945, đêm mùng 9 tháng 3, có tiếng súng lốp bốp từ trên tỉnh vọng về. Sáng ra người ta kháo nhau *"Nhật nó đảo chính Tây rồi."* Ở Ngã Ba, gia đình ông Tây Ký Rượu đã đóng cửa trốn đi đâu mất tăm. Rồi máy bay hai mình của Đồng Minh bay trên bầu trời cao vút, thật nhanh. Nhanh gấp mấy lần những chiếc máy bay của Tây bốn cánh vuông vức kêu ò è, bay chậm rì mãi chưa qua khỏi vùng trời làng tôi. Lúc ấy tôi vẫn hay ra nhà chị Đan, nhưng có khi không gặp chị. Hỏi bác Đồ Gái, bác bảo: *"Ấy, độ này cô ấy cứ ăn rồi lại đi. Bạn bè thậm thà thầm thụt, bác cũng chả biết..."*

Một hôm trước phiên chợ Nủa, chị ra nhà tôi chơi, lúc về chị nói nhỏ cho tôi nghe: *"Mai em ra Ngã Ba, có cái này hay lắm..."* Tôi hỏi gặng chị thì chị bảo: *"Cứ ra Ngã Ba thì sẽ biết."* Mai. Hôm chợ Nủa, lúc phiên chợ bắt đầu đông, từ phía cổng Chợ Bò, một đoàn người đi đến. Dẫn đầu là người vác một lá cờ đỏ sao vàng thật lớn. Theo sau là đoàn người, toàn là trai trẻ, và có cả đàn bà nữa, họ ăn mặc thật gọn ghẽ. Người thì vác con dao phạt bờ, người thì vác cái dáo, cái mác. Mặt ai cũng hầm hầm trông rất dữ. Vừa đi họ vừa giơ nắm đấm lên cao, hô vang những câu:

"Đả đảo phát xít Nhật."

"Đả đảo bè lũ tay sai phong kiến..."

Đi cuối cùng có một anh tay cầm khẩu súng lục, mắt sáng quắc. Hình như anh ta nhìn thẳng vào mắt tôi và tôi sợ. Đoàn người qua mặt tôi thật nhanh, đông không biết bao nhiêu. Họ đi qua chợ. Chợ đang đông, muốn vỡ nhưng họ không rẽ vào chợ. Họ đi tuốt ra cổng Giếng, tụ lại ở gò Gai, hô vang các khẩu hiệu tại đó, rồi tản đi rất nhanh, biến đi đâu tài quá. Chợ lại họp như thường. Các vị chức sắc trong làng lo lắng. Có người bảo: *"Phải đi cáo quan huyện. Chứ để thế này có ngày oan gia."* Từ đó trong làng người ta bàn tán, người này "ở trong bóng tối", người kia được "móc nối", toàn những tiếng mới mẻ.

Rồi những người đi buôn từ ngoài tỉnh về bảo: *"Ở ngoài tỉnh, 'Mặt Trận' đã cướp chính quyền rồi."*

Cả làng rộn rã. Một buổi tối, thay vì mõ rao, là một người cầm loa, đến những đầu ngõ lúc nửa đêm, bắc loa gọi: *"A lô, a lô. Ngày mai, từ sáng sớm, tất cả nam, phụ, lão, ấu tập họp tại sân đình để đi biểu tình..."* Đó là một đêm thật lạ. Cả làng như cùng thức dậy với tiếng loa. Mới sáng sớm, mọi người ra đình đã thấy một lá cờ đỏ sao vàng, buộc vào cáo sào dài, dựng ở giữa sân cỏ. Cả làng tụ lại.

Mấy anh thanh niên, nghe đâu từ trên huyện về, có súng lục giắt cạp quần. Các thanh niên này mời mọi người xếp hàng tề chỉnh, sẵn sàng gậy gộc, dáo mác để lên huyện cướp chính quyền. Trong đám thanh niên đứng ra hô hào ấy, tôi thấy cả chị Đan. Chị Đan của tôi. Người đã bế ẵm tôi, đã hát ru tôi những ngày tấm bé. Chị buộc tóc sau gáy. Quần túm lại. Nhưng oai nhất và khiếp nhất là chị cuốn quanh bụng một cái bao lớn, và giắt ở đó một khẩu súng lục, lòi chuôi súng ra ngoài. Chị leo lên cái bàn, giơ nắm đấm lên cao và hô *"Bài phong, phản đế."* Tôi nhìn theo chị, vừa thấy xa lạ, vừa có phần hãnh diện với những đứa nhỏ xung quanh: *"Chị Đan của tao đấy!"* Khi đoàn người xuất hành, chị thấy tôi, mắt chị như dịu lại một khắc và như mỉm cười, rồi chị khuất đi rất nhanh theo đoàn người đi cướp chính quyền.

Từ đó nhà bác Đồ Gái chỉ có mình bác. Có người bảo: *"Cái Đan nó làm to thế mai kia tha hồ mà nhờ."* Bác Đồ Gái chỉ cười và đáp: *"Ôi chao, nhờ đâu chả thấy, chỉ thấy mất tăm mất hút. Lâu lâu vác xác về, cả bè cả lũ, ăn hại chứ báu gì..."* Từ đó cuộc sống mới cuốn chị Đan của tôi và những thanh niên cùng lứa tuổi đi khỏi luỹ tre làng. Chị từ giã cây khế, quên các bài ca dao tình tứ thuở nào.

Chị đi theo "đời sống mới để giành cơm áo." Cũng từ đó tôi lớn dần. Cuộc chiến bùng lên với bao oan

nghiệt, khủng khiếp. Cuộc chiến đã hút tôi ra khỏi xóm làng, đưa tôi vào Nam, đem tôi tới những vùng biển rộng. Những đêm trăng sáng, biển lặng, trên con tàu chiến lênh đênh, nhìn về núi non, đất nước, lòng tôi chất chứa những bồi hồi. Tôi nhớ những người thân, nhớ con đường cũ, gốc đa xưa, tôi nhớ chị Đan, nhớ Cái Gái, nhớ những người bạn một thời thơ ấu cũ, nhớ cây khế của thuở nào xa...

Rồi cuộc chiến đột ngột tàn và tôi ra khỏi đất nước với bao cay đắng, ngậm ngùi. Những năm sau 75, tôi sót xa tự hỏi: *"Càng lúc ta càng xa đất nước, làng xưa. Có bao giờ trở lại. Chắc là vô vọng..."*

Vậy mà tháng Tư năm 1994, tôi trở về quê cũ, làng xưa. Sau bao nhiêu ngậm ngùi tái ngộ, tôi hỏi đến Cái Gái, mới hay *"Ồ Cái Gái, con Cô Thầy đó hả, chết lâu rồi."* Tôi hỏi về chị Đan thì nghe *"Bà ấy đã mất. Chúng em có chuyển quà của bác cho con gái bà ấy."* Mỗi người nói một câu về chị Đan. Cuộc đời chị được chắp nối lại như một huyền thoại đã xa, đầy bùi ngùi, chua xót: *"Ấy, lúc đầu là thế, mọi người cuồn cuộn ra đi. Cô Đan tham gia cách mạng từ trong bóng tối, rồi thoát ly, bỏ làng đi và đi mãi. Chỉ những lúc đau ốm mới tìm về. Bà Đồ đã già, bao năm còm cõi một mình một bóng, lại phải cặm cụi săn sóc cô ấy. Ăn trả bữa được ít ngày rồi cô ấy lại ra đi. Nói ra dài lắm. Tình duyên thì trắc trở. Cũng buồn. Xưa cô ấy vui là thế, ở tuổi già thì lặng lẽ, ốm đau. Đôi lúc nhớ đến những ngày còn trẻ, bà ấy vẫn thường nhớ đến và hỏi thăm bác. Vâng, những lúc như thế bà ấy thường lặng im, rớm lệ... Đất nước hoà bình được mấy năm thì bà ấy được nghỉ hưu. Cũng chả ai biết rõ trước đó bà ấy làm gì, ở đâu. Nghèo khó còn hơn ngày xưa. Sống lặng lẽ được mấy năm thì bà ấy mất, tính ra cũng trên mười năm rồi. Tiếc rằng khi bác gửi quà biếu bà ấy thì bà đã không còn nữa để mừng vui, để nhận..."*

Trong nỗi bùi ngùi của ngày đoàn tụ, của xúc động nhớ thương, tôi luôn phải tự nhủ: *"Hãy bình tĩnh, bình tĩnh..."* Bình tĩnh, nhờ đó tôi đã vượt được nhiều xúc động như muốn vỡ oà. Nhưng đêm chót ở quê, trước khi cả nhà đi ngủ, các ngọn đèn đã được tắt, bầu trời bỗng hiện ra tối đen. Những con đom đóm từ đâu hiện về, lập loè bên những ngọn tre. Tôi như vừa được vứt từ bầu trời xuống, như vừa sống lại, thấy lại những đêm như thế này từ trên năm mươi năm cũ, những năm tôi còn bé. Bầu trời chi chít những vì sao. Những vì sao lấp lánh, như chào hỏi, như mời, như gọi, như chớp mắt ngậm ngùi.

Tôi bàng hoàng vô hạn. Một làn gió lạnh tạt qua, lòng tôi se sắt. Tôi nhìn lên bầu trời. Hình ông Thần Nông hiện ra đang "cúi đầu cấy lúa". Dải mũ dài là hai hàng ngôi sao bao đời vẫn y như thế. Tôi nhớ chị Đan quá. Tôi cứ nhìn mãi bầu trời. Thấp thoáng một ngôi sao ánh lên, sa xuống rồi tắt. Một ngôi sao đổi ngôi. Có phải một người nào vừa mới mất? Lúc chị Đan mất, có ngôi sao nào rơi lạc như thế không?...

Sáng hôm sau theo chương trình đã định, chúng tôi phải sẵn sàng chờ xe từ Hà Nội về đón. Niềm vui đoàn tụ chưa qua, nỗi buồn chia xa đã đến. Trên xe chật ních người. Khi xe bắt đầu chạy, tôi bỗng thấy trong xe có thoảng mùi thơm của tóc ai mới gội. Mùi bồ kết tan trong mùi chanh phảng phất đâu đây.

Tôi nhớ chị Đan quá. Xe chạy qua cánh đồng làng, ven đường có dải đất chi chít những nấm mộ.

Những cọng cỏ xanh trên chóp mộ ngả nghiêng đùa theo làn gió thổi, tiếp với mầu lúa xanh bát ngát đang thì con gái. Trong các nấm mộ ấy, nấm mộ nào là mộ chị Đan, nơi chị đã lặng lẽ gửi nắm xương tàn. Tôi lặng đi, buồn. Nỗi buồn chỉ một mình tôi biết. Ngoài trời nắng vẫn nhạt nhòa mênh mang. Tôi nói nhỏ, nói thầm, lời nói bay tan theo làn gió thổi: *"Chị Đan, em xin lỗi chị. Bao nhiêu năm chị em mình xa nhau, nhớ nhau. Vậy mà từ ngàn trùng xa cách về thăm quê, em đã không đến thăm mộ chị được..."*

Nước mắt tôi ứ lên đầy mắt.

Trong không gian bỗng như vang động tiếng hát của chị Đan. Chị đang hát trong làn gió mát dưới gốc cây khế của bao năm nào đã xa, quá xa.

Chị cười mà hai hàng lệ chảy:

"Trèo lên cây khế nửa ngày
Ai làm chua xót lòng mày, khế ơi!"

Chị Đan ơi! ■

PHAN LẠC TIẾP
(Nhà văn, cựu sĩ quan Hải Quân QL-VNCH; hiện sống tại thành phố San Diego, California,

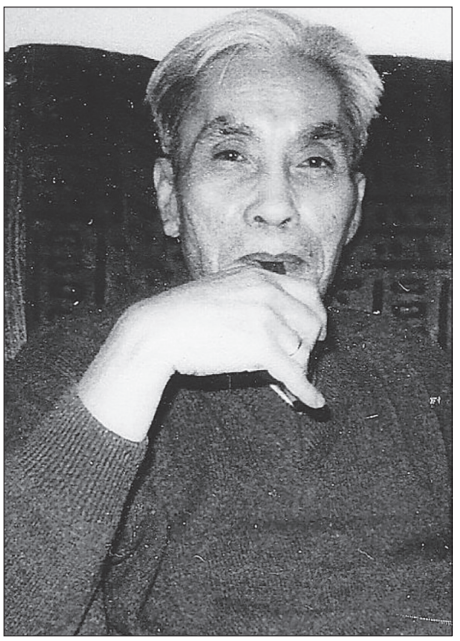

Thanh Tâm Tuyền
(1936 - 2006)

TẦM XUÂN

Trèo lên cây bưởi hái hoa
(Ca dao)

Tôi nhận được thư của một người bạn yêu thơ – vừa thương vừa giận tôi lắm – trách móc và đòi tôi ít nhất hãy tự giảng lấy một bài thơ của mình để độc giả có thể theo dõi nổi mình. Hằng ngày tôi bắt gặp những câu hỏi tương tự như: *"Thơ viết cái gì? Đọc không làm sao hiểu nổi,"* ở những người bạn mới gặp lần đầu, những học sinh rất thân của tôi.

Tất nhiên là tôi không thể nào chối một phần cái sự "tối tăm" của thơ tự do. Vì như tôi đã có dịp trình bày: Bản vị của một bài thơ tự do không nằm trên mỗi câu như ở thơ cũ (chữ *cũ* gồm cả cho thơ mới) mà đặt trên mỗi từ khúc. Đừng tìm ý nghĩa và tiết điệu của bài thơ theo mỗi câu mà hãy nắm trọn từng từ khúc một. Mỗi từ khúc là một toàn thể về ý nghĩa cũng như tiết điệu ở đấy người làm thơ liên kết những lớp hình ảnh xô đến – để diễn một ý lớn và một điệu trọn vẹn. Chính ở chỗ này – người làm thơ mở cửa tâm hồn tiếp đón rất nhiều hình ảnh cho một từ khúc – khiến thoáng ngó người đọc cảm thấy ý tưởng bị ngắt quãng vì những hình ảnh đứng bên nhau với cái lướt mắt sơ sài tưởng không liên lạc gì với nhau. Cho nên người đọc phải tìm được sự thống nhất khăng khít của những hình ảnh ấy.

Nguyên tắc chính của thơ tự do là tránh giảng giải phân trần, bài thơ tự nói bằng hình ảnh.

Tôi nhớ rằng trong một buổi nói chuyện về thơ tự do tại Câu Lạc Bộ Văn Nghệ năm kia, tôi đã trình bày "sự khó hiểu" trong thi văn không có gì mới lạ và đặc sắc. Có những câu thơ cổ đã rất quen với mọi người – ai cũng tưởng hiểu – nhưng khi cần giảng rõ thì thật là vất vả. Thói quen đã làm cho những câu thơ ấy thâm nhập với chúng ta. Thơ tự do cũng đòi hỏi cái thời gian được làm quen cần thiết.

Cũng trong buổi nói chuyện ấy, tôi có nhắc đến những câu ca dao sau này:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!

để chứng tỏ trong vài trường hợp, ca dao cũng liên kết những hình ảnh theo cách "tự do". Trong bốn câu thơ ấy, ý tưởng như đứt quãng chỉ câu thứ 4 rõ nghĩa còn ba câu trên mơ hồ gần như không liên lạc với câu dưới.

Tôi được một thính giả góp ý kiến rằng bài ca dao ấy chẳng có gì lạ, nó thuộc thể *hứng. Hứng* chỉ là một tên gọi không giảng được ý nghĩa nào. Ngoài hai thể phú và tỉ rõ ràng, người ta sẽ gọi là những những bài ca dao không tìm thấy sự liên lạc giữa các phần tử của bài. Phần thừa ấy gọi là hứng:

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây...
Hứng: câu trả lời thật tiện lợi và lười biếng.
Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!
- Ba đồng một mớ trầu cay
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu
Cá cắn câu, biết đâu mà gỡ?
Chim vào lồng biết thuở nào ra?

Tôi không chịu đứng lại ở chữ *hứng* vô nghĩa. Tôi tìm giải nghĩa cái hứng ấy của mọi bài ca dao – sự liên kết hình ảnh – cũng như mỗi bài thơ tự đo *[sic]* có ý nghĩa của nó không phải chắp nối bậy bạ tùy "hứng" mà thành.

***

Lần thứ nhất tôi mang bài ca dao này giảng ở một lớp học đông và ồn ào giữa đường phố Sàigòn – cái lớp học tôi đã gọi là "giấc mơ của tôi" vì mỗi lần bước ra khỏi lớp, tôi như vừa thoát khỏi giấc ngủ mệt nhọc và không ngó nhận được một khuôn mặt học sinh nào. Vận dụng hết sức cái trực giác sáng tạo, tôi chỉ mơ hồ cảm rằng hình như ba câu thơ đầu ám chỉ vẻ đẹp của người đàn bà:

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc...

Hoa bưởi trắng gợi đến mớ tóc xõa dài thơm đang hong nắng. *Nụ tầm xuân* đã nở còn xanh như duyên dáng người gái vừa trở thành thiếu phụ.

Rồi tôi mang bài ca dao ra khỏi thành phố, ở trong một căn lớp gỗ, cửa sổ mở dài trên con lạch đầy nước, bờ bên kia nhà ẩn sau những lớp cây hoang. Vào một buổi sáng mát, không khí êm tĩnh, tiếng nước đổ ào ào bên kia bờ – người ta tắm về sớm – tiếng búa gõ trên sắt của công việc, chỉ có tiếng nói của tôi, tôi khám phá được một bài thơ.

Trước hết trở về với ý toàn bài: Câu chuyện trao đổi giữa một người con trai chưa vợ và một người con gái đã có chồng. Chúng ta hãy đặt câu hỏi này: Câu chuyện như thế phải xảy ra ở chỗ nào? Ở nơi có mặt người thứ ba hẳn là không thể được. Bởi vậy không gian của câu chuyện tâm tình không thể là trên con đường làng hoặc ngoài đồng vắng, ý vị câu chuyện sẽ thô tục bao nhiêu.

Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc...

Ấn định khung cảnh cho cuộc gặp gỡ thoáng qua này. Đó là hai người hàng xóm cạnh nhau hai khoảng vườn nhà cách nhau bằng hàng dậu thưa. Người con trai trèo lên cây để ngắt hoa bưởi – cử chỉ bằng quơ những trữ tình – để tiện ngó sang vườn bên ở đấy thoáng bóng người ao ước. Rồi chàng bước xuống tiến đến bên dậu hái nụ tầm xuân – cử chỉ bằng quơ thứ hai vẫn chẳng kém trữ tình – và cất tiếng:

Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!

Người hàng xóm cũ đã lấy chồng, được ngày về thăm mẹ – phải hiểu như thế để giữ cái thanh sạch thơ mộng của mối tình – trả lời:

Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?

Nghĩa là còn con gái, nàng cũng đã để mắt xanh vào người hàng xóm mà thuở ấy chàng vô tình. Bây giờ chàng biết đến thì đã muộn.

Nỗi trắc trở chua xót ngừng lại giữa chừng:

Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra.

Hai câu bảy cuối cùng lửng lơ, câu chuyện bỏ dở. Có lẽ thoáng đâu nàng sợ bóng người thứ ba. Nàng trở vào nhà chưa kịp hết lời, nhưng mối tình ngang trái đã chấm hết. Vì chiều nay hay mai, nàng đã quay về nhà mình – nhà chồng – ở làng xa, cách những *"bốn quả đồi"* những *"ba ngọn suối"* những *"đôi cánh rừng"* và biết bao nhiêu cánh đồng.

Bao giờ người con trai gặp được cô hàng xóm về thăm nhà lần nữa? Và rồi chàng quên dần câu chuyện cũ dù hoa bưởi thơm nở trắng và nụ tầm xuân xanh biếc còn kia.

***

Tôi muốn xin các bạn một thái độ thưởng ngoạn nghệ thuật cần thiết: Tâm hồn mở rộng, hoàn toàn tự do, tránh bỏ mọi thiên kiến. Tôi muốn mời các bạn quay trở về với những gì quen thuộc nhất để tìm thấy những điều chứa dấu *[sic]* mới lạ và tìm vào những nơi lạ lùng để bắt gặp những điều gần gũi thân mật.

Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng.

Phải chăng người con trai đã nhìn vào đôi mắt trong suốt của người đẹp phân biệt mầu mây trời, để ao ước... Có phải đôi mắt ấy đẹp quá – đẹp muốn chết người – không các bạn?

Chớ rửa lồng mày chết cá ao anh

Mọi thế giới nghệ thuật đều mở cửa với các bạn những người đi vào bằng tất cả tâm hồn tự do trong sáng. ■

THANH TÂM TUYỀN
(1956)

Vương Đức Lệ
(1937 - 2008)

NGẪU HỨNG MÙA XUÂN

Một nguồn sinh lực mới
Cuồn cuộn chảy trong ta
Mai vàng hiền trước nở hoa,
Em còn nhan sắc, ta đà tóc sương. ■

Trần Tuấn Kiệt
(1939 - 2019)

ĐƯỜNG XUÂN

Ta về đâu những con đường
Lệ sầu ai rải phấn hương mau tàn
Xuân đời nhan sắc truy hoan
Rượu tình tri kỷ trần gian mấy người
Ca thâu đàn hát tan rồi
Mây xuân chở mộng qua trời về đâu. ■

Cao Đông Khánh
(1941 - 2000)

MAI NGỦ TRONG NHÀ

Mai em mai ngụ trong nhà
Để mai hái lá cho là đơm bông
Mai thành em phố khi không
Cánh tay mỹ nữ vàng khung cửa ngoài

Mai em mai có mai hoa
Sông là lượt chảy
trắng lòa mai sương
Mai, trưa, giấc ngủ, mai xanh
Dưới lưng lý lục trên từng lớp, lưu
Bước vào ghi nhớ chưa? Chưa,
Rằng mai mai nhé
con người vàng mai

Bàn tay hái lá đời đời
Trời hoang hiền nắng
một vài kính thưa
Bàn tay năm ngón chưa xưa
Bạc xong sợi tóc mai vừa vô song
Chiều mai mây lộng lẫy hồng
Đêm xong hải lý
ngày xong dặm đường
Mai nhan mai sắc mai dung
Mai trung trung đỏ
mai trùng lai ai. ■

Phạm Phong Dinh

PHIÊN TRỰC CUỐI NĂM

Nhà xác Bệnh Viện Quân Dân Y tỉnh trong tháng cuối năm đột nhiên nhận nhiều thi thể hơn những tháng mùa thu. Chiến sự nổ lớn khắp đất nước, thương binh được từng đoàn xe GMC ùn ùn chở vào nằm chật trong những phòng ngoại thương, đến nỗi ban giám đốc quyết định đưa những người lính sang nằm tạm bên Khu Nội Khoa. Những chiếc giường vải ka-ki dã chiến còn một ít trong kho tiếp liệu được đem ra dùng làm giường bệnh, nhưng vẫn không đủ. Bệnh viện một tỉnh nhỏ không có nhiều phương tiện vật chất như ở thủ đô Sài Gòn, hay những quân y viện ở những thành phố lớn như Đà Nẵng hoặc Cần Thơ. Đến lúc cả Khu Nội Khoa cũng thiếu luôn giường, bởi vẫn có nhiều thường dân còn nằm trong đó, người ta lại cho căng những tấm lều bạt lớn lên bất cứ những khoảnh đất trống nào còn có thể.

Từ khi quân đội Hoa Kỳ đã rút hết về nước, chiến tranh không giảm bớt như người ta thường mong mỏi vào những điều khoản ngừng bắn được quy định trong Hiệp Ước Ba Lê, trái lại nó càng được quân địch đẩy lên đến đỉnh cao nóng đỏ nhất của nó, mà nếu lính Mỹ có ở lại cũng phải chào thua. Bệnh nhân, thương binh nhiều quá, con số bác sĩ và y tá thì có giới hạn, nên bệnh viện buộc phải kêu cứu về Sài Gòn. Người ta cân nhắc, nghĩ ra một phương pháp tạm thời, là cho phép tăng thêm số sinh viên Y Khoa nội trú, nhưng phải về làm việc ở những bệnh viện quân dân y tỉnh đang có nhu cầu.

Giải pháp thứ hai mà Cục Quân Y – là cơ quan chỉ huy quản trị các tổng y viện, quân y viện và quân dân y bệnh viện – là đã đệ trình lên Bộ Tổng Tham Mưu từ những năm qua một kế hoạch huấn luyện các sĩ quan Trợ Y Quân Đội để thứ nhứt đưa những trợ y sĩ này về làm y sĩ trưởng các tiểu đoàn Bộ Binh, thứ hai bổ sung vào thành phần chuyên viên Y Khoa quá thiếu hụt ở các quân y viện. Chương trình huấn luyện các trợ y sĩ được thiết kế trong mười hai tháng, các sĩ quan, thường là các tân chuẩn úy từ các trường Bộ Binh Thủ Đức và Đồng Đế sẽ trải qua một học trình gồm sáu tháng lý thuyết và sáu tháng thực tập. Tuy được lưu học ở Trường Quân Y tọa lạc trên đường Nguyễn Tri Phương trong Chợ Lớn, nhưng Trường Quân Y lại rất thường gởi các sinh viên Trợ Y đến thực tập ở Tổng Y Viện Cộng Hòa, Gò Vấp.

Khả năng y khoa của các trợ y sĩ Quân Đội tạm coi là ngang bằng với trình độ y tá Quốc Gia. Các trợ y sĩ không có khả năng mổ xẻ nhiều như các bác sĩ chuyên nghiệp, nhưng trong những trường hợp khẩn cấp bất khả kháng, cả một hạ sĩ quan y tá Quân Đội ở mặt trận An Lộc hay Kontum, bởi các bác sĩ đã tử trận hay bị thương nặng, đều vẫn phải gồng mình làm công tác ngoại khoa, tức mổ xẻ cưa cắt. Các trợ y sĩ cũng thế, được đào tạo trui rèn trong môi trường y khoa tối tân nhất Đông Nam Á là Tổng Y Viện Cộng Hòa, nên nếu siêng năng trao dồi kỹ năng và kiến thức, thì khả năng y khoa của các trợ y sĩ có thể đảm đương được công tác y tế trưởng trong một tiểu đoàn Bộ Binh. Trường Y Khoa Sài Gòn kén sinh viên lắm. Năm, bảy ngàn ứng viên dự tuyển mà chỉ lấy có hai trăm, nhân đạo lắm thì "vớt" thêm năm chục, nên khi các nam bác sĩ vừa ra trường, Bộ Tổng Tham Mưu gởi văn thư đến "nhờ em tí, gắn cho mấy em cái lon Trung Úy rồi đẩy các em" ra các tiểu đoàn Nhảy Dù, Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Cách Dù làm Y Sĩ Trưởng Tiểu Đoàn. Bác sĩ đồng hóa Trung Úy Y Sĩ không nhiều nên các tiểu đoàn Biệt Động Quân, Bộ Binh và Địa Phương Quân đành hài lòng với các sĩ quan Trợ Y Sĩ về phục vụ trong tư cách tương đương một Y Sĩ Trưởng tiểu đoàn.

Ở thời điểm Bệnh Viện Quân Dân Y tỉnh kêu cứu, các Trợ Y Sĩ Chuẩn Úy Thái và Chuẩn Úy Hoàng đang trong thời kỳ thực tập ở Tổng Y Viện Cộng Hòa được gọi nhận sự vụ lệnh về trình diện ông bác sĩ giám đốc Bệnh Viện Quân Dân Y tỉnh. Thái và Hoàng những tưởng được ăn một cái Tết huy hoàng ở Sài Gòn, hào hoa vi vút với mấy em gái hậu phương, thì "đùng" một cái, các chàng bỗng thấy mình rơi vào một môi trường đầy máu me, "thịt thà". Về đúng ngay vài ngày trước ngày cuối năm. Thôi thì đành liều nhắn các em liệu mà nại bất cứ lý do rất ư là chính đáng nào đó đến tỉnh thăm, để các chàng trai đa tình *"hồn chới với ngỡ giữa xuân vàng dáng em sang."*[1] Nhưng mộng ước lãng mạn rất xa xỉ này có lẽ đến

[1] Lời nhạc phẩm *"Đồn Vắng Chiều Xuân"* của Trần Thiện Thanh (1942 - 2005)

chín mươi chín lẻ chín phần trăm không thể thực hiện được, bởi làm sao mà những cô gái bé bỏng ấy có thể vượt đường trường xa ra khỏi tầm tay bảo vệ của ba mẹ để dấn thân vào một cuộc phiêu lưu không thấy ngày mai. Điều mà Thái và Hoàng có thể làm được là sau khi ổn định cuộc sống ở đơn vị, thì cố mà xin ba mẹ trầu cau đến dạm hỏi để đưa các em "về dinh", là biện pháp tuyệt diệu nhất...

Vừa trình diện ông Thiếu Tá Chỉ Huy Trưởng Quân Y Viện xong, ông Thiếu Tá cho người đưa hai ông tân Trợ Y Sĩ sang Khu Nội Khoa. Đến lượt ông Đại Úy Trưởng Khu đẩy hai anh chàng "ngơ ngác con nai vàng" xuống ngay các giường bệnh. Ông Đại Úy có dáng đạo mạo của một ông bác sĩ dân sự, tuy đi lính đã lâu mà cái vẻ trí thức vẫn còn in đậm trên cái kính nhốp dầy cộm của ông. Ngồi sau cái bàn giấy rộng thênh thang ông bác sĩ trệ cặp kính xuống hỏi:

- Ông Đại Tá Hoàng Cơ Lân có khám giày các cậu mỗi sáng thứ Hai không?

Thái đứng nghiêm trả lời:

- Trình Đại Úy Bác Sĩ, Đại Tá Chỉ Huy Trưởng luôn duyệt hàng quân và khám giày sinh viên sĩ quan mỗi sáng thứ Hai chào cờ rất nghiêm nhặt, nhưng chúng tôi may mắn luôn đứng phía sau các anh sinh viên y sĩ nên thường là thoát ạ.

Ông Đại Úy mỉm cười trước câu trả lời tếu táo của Thái, ông ra dấu:

- Mấy cậu đứng xích qua một bên cho *moa* xem giày các cậu. Ừ, cũng tạm được, chứ nếu các *toa* là dân Võ Bị mà giày vớ ấm ớ như thế thì *moa* cứ là cho các *toa* chạy mười vòng sân bệnh viện.

- Dạ, chúng em cám ơn Bác Sĩ.

- Ngày xưa *moa* hay bị cụ Lân chiếu tướng vì *moa* to con, đẹp giai, bọn bạn đểu đẩy *moa* lên trước, thế mới khổ... Các cậu đã học được gì ở Trường Quân Y và Tổng Y Viện Cộng Hòa?

Đến lượt Chuẩn Úy Hoàng trả lời:

- Trình Bác Sĩ, bọn em học đủ thứ từ lý thuyết đến thực hành...

Ông Đại Úy khịt mũi:

- Đủ thứ là đủ thứ thế nào. Y khoa biển học mênh mông, chỉ học mỗi món cắt thịt nối xương là cũng đủ mướt mồ hôi hồi.

Hoàng lúng túng thấy rõ:

- Dạ, thì trường dạy gì thì tụi em học nấy ạ.

Đại Úy cười:

- Mấy cậu trẻ con này không biết trời cao đất rộng là thế nào. Thôi cứ xuống trại rồi mấy "cụ y tá" hướng dẫn thêm cho, chứ coi cái bộ vó búng ra sữa của các *toa, moa* không tin mấy *toa* chích một cái trúng lên mông người ta đâu.

- Dạ em vẫn thường về nhà chích vào ... cây chuối nên rất tự tin, có khi tụi em đè nhau ra chích mấy phát vitamin C gọi là thực tập sống ạ.

Ông Đại Úy gật gù:

- Ừ, được. Các cậu khá, *moa* thích những người trẻ hiếu học, có gì cần hỏi thì lên *moa* bảo thêm cho. Các cậu đi sang Phòng Tổng Quản Trị làm giấy tờ... À, mà này các cậu có chỗ ở ngoài phố chưa?

Thái không trả lời câu hỏi của ông bác sĩ:

- Dạ trong bệnh viện còn có chỗ nào trống cho tụi em ngụ đỡ không?

Ông Đại Úy sờ cằm suy nghĩ:

- Hừm, có thì cũng có đấy, nhưng biết mấy *toa* có dám ở không?

Thái ngạc nhiên hỏi:

- Bác sĩ muốn nói gì ạ, chẳng lẽ tụi em phải ở với ... ma à?

Câu hỏi của Thái cũng có cái lý đúng của nó, bởi từ dân thường cho đến lính tráng khi có việc vào nằm trong nhà thương, thì người ta luôn nghĩ đến những câu chuyện ma rùng rợn. Những câu chuyện ma này không biết khởi đầu xuất phát từ nguồn nào, nhưng qua nhiều lần "tam sao thất bản", tình tiết éo le gay cấn càng được pha chế cho nồng độ đậm đặc hơn, sự rùng rợn càng được nêm nếm thêm mắm muối, mà chỉ nghe kể giữa một đêm khuya tịch mịch, tóc gáy liền dựng đứng, máu me trong người như muốn chảy ngược lên đầu.

- Hừ, gần đúng như vậy, còn mấy căn phòng gần bên. *E hèm* ... nhà xác, các *toa* có muốn thì *moa* cấp cho. Nhưng các *toa* đừng quá bi quan, các cụ thường nói "đức trọng quỷ thần kinh", trông các cậu hiền lành thế kia chẳng ma nào nỡ nhát đâu.

Hai chàng sĩ quan trẻ nào đâu biết rằng ông bác sĩ chỉ nói đúng có một nửa sự thật. Nếu có những căn phòng ngon thế kia thì hẳn phải có người ở từ lâu, đâu cứ nhẩn nha bỏ trống chờ các chàng đến. Phải có cái lý do tại sao người ta không dám ngụ cư bên cạnh nhà xác chứ. Chỉ mới nghe nói đến hai tiếng "NHÀ XÁC" là đã đủ để nóng lạnh, da dẻ nổi những mụt ốc lăn tăn rồi, huống chi lại ăn ở dầm dề bên cạnh nó. Nhưng suy đi tính lại, Thái và Hoàng cân nhắc thấy không còn sự chọn lựa nào khác, đành phải miễn cưỡng chấp nhận. Với lại cùng ở với nhau trong một phòng thì cũng đỡ thấy tẻ lạnh cô đơn, dẫu ma nó có hiện lên thì cũng có người chống đỡ cho nhau. Được cấp chỗ ở miễn phí như thế, các chàng có thể tiết kiệm đáng kể tiền mướn nhà ngoài phố. Số tiền tiết kiệm ấy một nửa gởi về cho các bà mẹ gọi là "báo hiếu", một nửa cứ để dành đấy chờ ngày phép về Sài Gòn dẫn em đi dạo phố và ăn kem ở Bonard, đời sẽ đẹp biết bao. Nên Thái và Hoàng lên tiếng đồng tình:

- Dạ tụi em cảm ơn Bác Sĩ.

Trong Quân Y, những "ông cụ" bác sĩ dân sự được Bộ Tổng Tham Mưu "nhờ em tí" đè ra khoác cho bộ áo lính thường thích được cấp dưới gọi là "Bác Sĩ "hơn là chức vụ quân đội. Thái và Hoàng trước khi lên đường về tỉnh thì đã được ông Thượng Sĩ thường vụ Tổng Y Viện dặn dò:

- Các Thiếu Úy nên nhớ, muốn được lòng mấy ông quan lớn ở quân y viện thì phải gọi các cụ là "Bác Sĩ", đừng gọi thiếu tá hay đại úy này nọ, các cụ không khoái đâu.

Ông Thượng Sĩ thường vụ của bệnh viện dẫn hai chàng trợ y đi ngoằn ngoèo mấy lối, cuối cùng dừng lại trước một căn nhà tiền chế ngăn nhiều phòng. Người thượng sĩ già chắc đi lính từ thời các chàng còn bé tí, tô hô tê hê chạy tắm mưa ngoài trời, ông chỉ hai căn phòng ngoài cùng nhất:

- Cái nhà này lúc trước người Mỹ họ dựng lên để cho toán Quân Y làm việc. Khi họ rút về nước rồi thì bệnh viện sửa chữa chút ít làm nơi trú ngụ cho các quân nhân vãng lai. Còn hai phòng trống mấy thiếu úy cứ tùy nghi sử dụng.

Đến lượt ông Thượng Sĩ thường vụ chỉ cho biết có một nửa sự thật, bởi căn nhà tiền chế này là nơi người ta quàn xác lính Mỹ tử trận, phòng ốc được thiết trí máy lạnh. Để làm gì? Eo ơi, là để các nhân viên phẫu nghiệm làm công việc lấy phủ tạng xác chết tránh sự thối rửa nhanh chóng, lau gội thi thể sạch sẽ, rồi cho vào áo quan gởi ra phi trường đưa tử sĩ về cố hương. Quân nhân, nhân viên, y tá làm việc lâu năm trong bệnh viện, không mấy ai dám léo hánh đến khu nhà xác, chỉ miễn cưỡng lắm vì công việc thì mới đặt bước vào đây. Ban đêm thì càng không ai có can đảm mò vào nơi âm u nồng nực mùi tử khí này.

Căn nhà nằm im lìm giữa một khu vườn chuối hoang rậm rạp. Nhiều thân chuối vươn lên cao dễ đến gần bốn thước, tàng lá tỏa ra xum xuê, làm khoảng không gian bao trùm lên căn nhà tối sầm. Căn nhà tiền chế nằm nép mình dưới những tàn lá chuối quanh năm không có mấy ánh sáng mặt trời len lách chiếu xuống được, càng làm tăng thêm cái vẻ hoang sơ rùng rợn, khiến hai chàng chuẩn úy lạnh lòng nghĩ đến những câu chuyện ma từng được nghe kể khi còn học ở Trường Quân Y và thực tập ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. Càng tệ hại hơn, khi căn nhà xác nằm cách căn nhà tiền chế Mỹ chừng mươi thước, chình ình hiện ra chắn lấy tầm nhìn của Thái và Hoàng. Thời chiến tranh, thi thể thường dân chiến nạn và binh sĩ tử trận được đưa vào quàn trong nhà xác, dẫu có trung đội Chung Sự tẩn liệm chu đáo, nhưng cái mùi xác thịt rửa cứ luôn thoang thoảng vướng vất trong không khí, rất dễ gợi cho những người yếu bóng vía những ảo hình ghê rợn nhất.

Thái ớn lạnh tưởng tượng đằng sau những cánh cửa đóng im ỉm kia, hàng dài áo quan nằm xếp hàng câm nín bên những lon khói hương nồng mùi trầm và những ngọn đèn cầy đỏ cháy leo lét. Vong hồn tử sĩ còn luyến tiếc cõi dương gian chắc vẫn lẩn quẩn đâu đó trong căn nhà xác, chỉ chờ đêm tối xuống là hiện lên đi lang thang rên rỉ, kêu khóc vì nỗi nhớ thương cha mẹ, vợ con mãi mòn mỏi trông chờ ở quê nhà.

Hoàng chỉ vào những căn phòng khác đóng kín cửa:

- Còn những chỗ kia thì thế nào?

- À, chỉ là những nơi người ta làm nhà kho tồn trữ thuốc men, hóa chất và dụng cụ dùng trong nhà xác. Thiếu Úy đừng lo, khi có nhu cầu thì ban ngày lẫn ban đêm trung đội Chung Sự sẽ cử lính đến làm việc, lúc nào cũng có người.

- Thượng Sĩ nói như vậy là có nghĩa như thế nào?

Ông già nở một nụ cười móm mém:

- Mấy ông cũng thừa biết người ta đồn đại đủ thứ chuyện quanh khu nhà xác này, nên tôi nói thế thì mấy ông thầy cũng hiểu rồi.

- Thượng Sĩ muốn nói chuyện ma hiện?

Ông thượng sĩ lùa mấy ngón tay lên cái đầu tóc ngắn ngủn:

- Thì ... thì ... cũng đại khái thế. Nhưng mà tôi thường đi xuống nơi này nhiều lần, nào có thấy ma quỷ gì. Ối dào, âm dương hai ngã, ma sống đường ma, ta sống đường ta, sợ quái gì!

Chợt ông thượng sĩ nhớ ra một chuyện quan trọng:

- Mấy ông định ăn cơm ở đâu đấy? Có cái câu lạc bộ nhỏ trong này do ... tôi trúng thầu. Vợ tôi có nấu cơm tháng, mấy ông thích thì chúng tôi nấu cho, bảo đảm ngon, rẻ, bổ dưỡng, cơm ăn tự do. Đi ăn ngoài phố vừa xa vừa tốn kém, mấy ông thầy thấy sao? Hề hề, chúng tôi có nhận ký sổ...

Lời đề nghị của "ông chủ thầu câu lạc bộ" đến đúng lúc, hai chàng trợ y hài lòng lắm, còn "trăng sao" gì nữa, bước có mấy bước là đã có cái ăn rồi. Ông già lại khều thêm:

- Câu lạc bộ chúng tôi còn nhận giặt ủi may vá sửa quần áo xi-vin và quân phục với giá phải chăng, mấy ông thầy...

Hoàng khoát tay:

- Được rồi, Thượng Sĩ khỏi quảng cáo "hấp tẩy nỉ sẹc" nữa, chúng tôi sẽ tính. Ông về trước, chúng tôi cất hành lý rồi sang ăn cơm bên câu lạc bộ sau.

Nhìn theo cái dáng đi hân hoan của ông thượng sĩ, Thái hỏi bạn:

- Bây giờ mày tính sao, ở chung hay là ở riêng?

Hoàng tê tái nhìn căn nhà xác ẩn hiện sau đám chuối đầy vẻ hăm dọa:

- Ghê thấy cha, nói gần nói xa chẳng qua nói thật, tao có tánh sợ ma từ nhỏ, thôi thì mình cứ ở chung cho nó ấm lòng chiến sĩ. Chỉ nghĩ đến chuyện ban đêm mò ra đám chuối "tưới cây" là tao đã thấy nóng lạnh rồi.

Thái cũng sợ ma chẳng kém gì, nhưng chàng làm bộ làm tịch gật gù ra vẻ ta đây cứng cựa lắm:

- Ừ, cũng được, cứ tạm thời như vậy đi. Mày là thằng khoái ngáy lắm, nếu chịu không nổi thì tao tống mày sang phòng kia cho mày ngủ với ma.

Điều làm hai chàng trai trẻ hài lòng là buổi cơm chiều thật ngon. Có lẽ ông thượng sĩ già muốn "câu" thêm hai con cá to nên đã đặc biệt bảo vợ nấu một cái thực đơn ba món tuyệt diệu. Thông thường dọn cơm tháng thì ngoài món cơm trắng được ăn tự do, còn có một món mặn như thịt hay cá kho, cá chiên chẳng hạn, một tô canh bí bầu, mồng tơi nho nhỏ có ẩn hiện chút tôm tươi đỏ rói hay một món rau trộn, cuối cùng là một món xào với vài miếng thịt heo hay bò lẫn lộn với cà rốt, đậu ván, su su và các loại cải. Thái và Hoàng ngồi nhâm nhi nước trà đá chờ dọn cơm, những tưởng một bà già sẽ đem mâm chén ra, nhưng trời ơi, người dọn bàn là cô gái xinh như mộng: con gái ông thượng sĩ. Ôi chao, nàng có đôi má lúm đồng tiền trông có duyên không ngôn từ nào tả được, lại thêm cái nụ cười chết người ban cho hai chàng độc thân khi hai chiếc mâm cơm đã an ổn nằm trên bàn.

- Dạ mời các anh dùng cơm.

Rồi nàng yểu điệu quay người nhẹ nhàng bước đi. "Yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu". Từ giây phút đó không hẹn mà Thái và Hoàng cùng nhủ lòng, dù "bà già" nàng có nấu dở đến mấy, hai chàng vẫn cứ nhất quyết vào "tử thủ" ăn cơm tháng ở đây. Nhất

định phải gởi quần áo cho hai bàn tay trắng nuột mượt mà kia giặt giũ cho. (Bọn chàng cứ có cái ảo tưởng quá đáng như thế, chứ chỉ có ông thượng sĩ cho tất cả áo quần vào một cái bồn nho nhỏ đã khuấy sẵn nước với bột giặt, rồi cậu trai em của người đẹp nhảy vào giẫm đạp xào tới xào lui "tưng bừng hoa lá cành", chứ có bàn tay nõn nà nào mó vào đâu. Cứ ngỡ là nàng Tây Thi ngồi dưới bến sông giặt lụa không bằng.)

Ông thượng sĩ già xoa tay gật gù, thêm hai "con cá" ngu ngơ cắn câu, chuẩn bị cuốn sổ ký nợ là vừa. Đã là lính mà không "ký sổ" thì không phải là lính nữa. Câu lạc bộ không thiệt và không ngại khi cho thực khách ghi nợ, bởi đến tháng lãnh lương, thì ông thượng sĩ phát lương bên Hành Chánh Tài Chánh, ông bạn già thân thiết với ông thượng sĩ Tổng Quản Trị, sẽ khấu trừ tiền thiếu vào chỗ tiền lương của những "con cá" dại dột ấy. Mà nào có phải riêng gì Thái và Hoàng đâu, nhìn quanh toàn là nếu không anh trung sĩ chải chuốt này, thì cũng ông trung úy đẹp trai kia, rồi mấy anh y tá áo quần bảnh bao, các anh binh sĩ mày râu nhẵn nhụi, tất cả đều cùng nhìn theo một hướng khi cô gái ông thượng sĩ xuất hiện.

Để tăng thêm liều lượng của thứ "chất độc êm đềm", ông thượng sĩ thỉnh thoảng nhường chiếc ghế thâu ngân cho cô con gái. Tha hồ cho mọi người chiêm ngưỡng và "trồng cây si" nhé. Thực ra thì cô Loan đâu đã hẳn là một tuyệt thế giai nhân, nhưng một đóa hoa tươi mát độc nhất như thế kia ở giữa chốn ba quân quần hùng, nhan sắc của nàng đã đủ làm say đắm lòng người lắm rồi.

Thái chọn căn phòng nằm giữa, bởi chàng ngại căn phòng ngoài cùng nhất gần nhà xác quá, đêm ngủ chỉ sợ hồn ma ghé sang. Căn phòng sẽ trống rỗng nếu không có một cái tủ áo cũ đầy bụi bặm, một chiếc bàn đã bạc nước bóng với hai cái ghế và một cái giường sắt quân đội. Thái cùng Hoàng sang căn phòng bên kia ì ạch khiêng chiếc giường sắt thứ hai về bên này. Thật may mắn, những chiếc nệm giường vẫn còn nguyên vẹn, tuy đã bẹp gí xuống vì sức nặng của biết bao người nằm lên. Thái đem chiếc *poncho* lính ra trải thay cho tấm *drap* lên chiếc nệm, Hoàng bắt chước làm theo. Thế là đã đủ cho một đêm ngủ sau một ngày đi đường mệt nhọc và sau một bữa ăn "thịnh soạn". Trong căn phòng chỉ có một chiếc đèn bóng vàng tỏa những chùm ánh sáng èo uột, càng làm tăng thêm vẻ cô liêu tịch mịch. Bọn giun dế côn trùng bên ngoài đã bắt đầu cùng nhau thi nhau trỗi lên những nốt nhạc của đêm trường. Thái hỏi Hoàng:

- Mày muốn đóng cửa ngủ hay là để rộng cửa cho thoáng không khí?

Hoàng gãi đầu:

- Theo tao thì cứ đóng kín cửa ngủ cho nó ... ấm. Mình cũng nên để phòng khi đã ngủ say có kẻ trộm vào khuân hết đồ đạc và móc lấy hết tiền bạc thì khổ.

Hoàng nói có lý, Thái nghĩ nên đóng cửa là hay hơn, vả lại cái cửa sổ có những chiếc lá sách hở cũng đủ cho không khí mát tràn vào phòng rồi. Thế là hai chàng trai trẻ lúi húi giăng mùng trèo lên giường. Sau một ngày ngồi trên công-voa quân xa nhọc mệt, chẳng mấy chốc mà hồn phách của bọn Thái đã phiêu diêu trên cõi trời đêm thăm thẳm...

Không gian chìm ngập trong màn đêm đen đặc, bọn giun dế như một "thiên chức", chúng cần mẫn ca hát ru hai chàng trai trẻ đắm sâu vào những giấc mộng đẹp. Nhưng chưa hẳn... Đến nửa đêm, Thái đang nằm mơ thấy chàng tay nắm tay cùng người yêu dạo phố Bonard, thì đột nhiên từ bên kia Hoàng ú ớ kêu rú lên:

- Đi đi, *you go...*

Thái giật mình choàng dậy, quái cái thằng mộng mớ cũng "xổ" tiếng Mỹ.

Hoàng càng giãy giụa tợn:

- Thái... Thái...

Thái tốc mùng nhảy xuống giường chạy sang lay vai bạn:

- Hoàng... Hoàng... Tỉnh dậy...

Hoàng ngồi dậy ngơ ngác nhìn quanh, Thái trông thấy mấy giọt mồ hôi lấm tấm trên vầng trán rộng của bạn. Hoàng ngập ngừng hỏi:

- Thằng Mỹ đâu rồi?

Thái trợn mắt ngạc nhiên:

- Thằng Mỹ nào, ở đây giờ này còn thằng Mỹ nào nữa, tụi nó rút hết về nước từ lâu rồi.

Hoàng gãi đầu bối rối:

- Rõ ràng tao đang mơ màng thì có một thằng Mỹ tóc vàng mắt xanh, tướng tá kềnh càng coi ngon lành lắm, nó đến giở mùng tao lên hỏi... Để tao nhớ coi. À, cái gì, đại khái ... "diễn dịch" ra tiếng ta là ... mày là ai, chỗ của tao, mày đi đi...

Thái khịt mũi:

- Thôi mày đừng xổ tiếng Mỹ nữa, cứ phụ đề Việt ngữ là được rồi.

- Hừm, thì đại khái nó đuổi tao ra khỏi giường, tao cự nự không chịu đi thì trời ơi, nó thè lưỡi ra liếm vào mặt tao, lạnh bỏ xừ.

- Nên vì thế mà mày la lối om xòm?

- Hừ, bị ma nó hỏi thăm, mày không la mới là chuyện lạ!

Thái đỡ bạn nằm xuống:

- Thôi mày ngủ đi, hay là tao cứ để đèn sáng ma sợ nó không hiện lên nữa.

Thái xoay người muốn bước thì Hoàng đã nắm tay chàng:

- Tao muốn đi ngoài, mày đi với tao.

Thái bĩu môi:

- Tao là vú em của mày chắc?

- Thôi mà, làm khó nhau chi, tao thốn tới tận răng rồi, mày làm ơn.

- Thôi được, tao đi với mày.

Thái làm bộ ỡm ờ thế chứ trong lòng chàng phơi phới vui mừng, chàng cũng đang "thốn" từ đầu tới chân như nó chứ có hơn gì, nhưng nghĩ đến đám chuối dầy đặc bên căn nhà xác, Thái thà "nhịn" vẫn an toàn hơn. Hai người bạn đứng dưới một bụi chuối um tùm vừa "làm việc" vừa nói chuyện. Hoàng thì thầm:

- Chỉ có đêm đầu mà ma đã hiện lên tưng bừng, thôi chả thèm, tao sẽ kiếm nhà mướn ngoài phố.

Thái trấn an bạn:

- Sợ cái gì chứ, chỉ là chuyện mộng mị thôi mà.

Thái muốn thuyết phục Hoàng thêm nữa thì chợt Hoàng ra dấu, giọng run run:

- Suỵt, mày xem kìa, dường như có ai đàng kia...

Thái nhìn theo hướng chỉ của bạn về hướng nhà xác, thì chàng trông thấy một cái bóng người đang đứng trong hành lang trước những căn phòng chứa xác, Thái biết da dẻ chàng đang nổi gai ốc. Trống ngực đánh thình thình trong một nỗi ghê rợn, Thái tiến tới mấy bước để nhìn được rõ hơn. Cái bóng người ấy dường như là một người lính thì phải, vì Thái nhận ra bộ ka-ki trên người anh ta. Nhưng con người lạ lùng ấy thơ thẩn bên căn nhà xác lúc nửa đêm vắng lạnh như thế này để làm gì, chứ đối với Thái có cho kẹo chàng cũng chẳng dám đứng ngắm trời sao trước căn nhà xác như thế. Hoàng đứng bên Thái thì thào:

- Ma đó Thái ơi!

- Không phải đâu, có thể là mấy người lính Chung Sự làm việc đêm.

Cái bóng người đột nhiên chầm chậm xoay người nhìn về phía hai người bạn, cái dáng cao to của anh ta nổi lên trên nền tường vôi trắng lù lù như một cái khối đen kỳ dị đến nỗi Thái không tin rằng đó là một con người bình thường như bọn chàng. Bầu trời đầy sao, trên những tàn lá chuối bọn đom đóm ăn đêm lập lòe ánh sáng, nhưng không đủ cho Thái nhận diện được "con người" ấy được rõ ràng, chàng cất tiếng gọi;

- Ai đó?

Cái bóng đen không trả lời chàng, nó đi giật lùi, cánh tay vươn ra dài ngoằng bám lên bức tường. Thái tiến thêm mấy bước hỏi dồn:

- Lính Chung Sự phải không?

Hoàng bỗng ú ớ kêu lên, giọng tắc nghẹn:

- Thái, nó ... nó...

Hoàng chưa nói được hết lời thì cái bóng đen đã thoắt một cái ẩn mình biến mất sau cánh cửa tối om. Thái kéo bạn về phòng, chàng mở ba-lô tìm chiếc đèn pin.

- Mày đi với tao qua nhà xác xem thử.

Hoàng ngần ngừ:

- Thôi đi, qua đó làm gì.

- Mày không đi thì tao đi.

Cũng là dân sợ ma có hạng, nhưng máu tò mò nổi lên, Thái muốn biết giữa đêm khuya con người ấy đang làm gì trong nhà xác. Chẳng lẽ một chú "vẹm" ẩn náu trong đó toan tính những chuyện khủng bố bệnh viện. Đường đường là một chiến sĩ mà sợ một anh "vẹm" sao, Thái nhất định phải tóm nó. Nhưng chàng rùng mình ớn lạnh nghĩ đến một điều, liệu nó có lận lưng con "chó lửa" nào không, làng àng nó "phơ" cho một phát là tàn đời. Nghĩ là nghĩ như vậy chứ Thái đã bước đến bên khung cửa rồi. Mùi tử khí xông ra nồng nặc. Thái đưa tay đẩy nhẹ cánh cửa. Những chiếc bản lề rên rỉ trong một tràng tiếng ken két đầy vẻ hăm dọa. Thái tìm cái công-tắc đèn bật lên, chàng nhìn quanh tìm kiếm. Hoài công, chẳng có ai cả. Thật quái lạ, rõ ràng bọn chàng trông thấy anh lính ấy chạy vào bên trong, nhà xác chỉ có bốn bức tường trống rỗng, anh ta ẩn nấp ở đâu.

Trong lòng rờn rợn, Thái nhìn những chiếc quan tài màu đỏ loét nằm thành một hàng ngang kề bên nhau sát vào những bức tường. Tóc tai Thái dựng đứng lên. Hay là, có lẽ nào, cái bóng người đó là vong hồn của một trong những tử sĩ nằm trong chiếc quan tài này. Những bình hương đã tàn, những chiếc đèn cầy đã lụn đến đáy nằm câm nín trên những chiếc bàn gỗ tạp kê trước mỗi chiếc áo quan toát ra vẻ bi thương thê thiết của sự chết. Thái bồi hồi, ngậm ngùi trầm mặc trước những hy sinh của những người lính, những chiến hữu chưa từng quen biết nhau đang nằm trong những tấm gỗ, trong đó không ít các anh hình hài đâu có còn nguyên vẹn. Điều ấy Thái đã từng trải qua trong những ngày quan sát trung đội Chung Sự làm việc ở Tổng Y Viện Cộng Hòa. *Poncho* bọc thây, các anh về nơi vĩnh hằng, có khi chỉ là một nhúm thịt xương trên trận địa mà đồng đội cố thu nhặt đem về.

Đột nhiên Thái nhận ra rằng chàng đã không còn cảm thấy sợ hãi những hồn ma vất vưởng trong căn nhà xác này nữa, bởi những vong linh ấy chính là những người chiến hữu cùng chiến đấu dưới lá Quân Kỳ và cùng tôn thờ lá Quốc Kỳ Vàng với chàng, luôn nguyện cùng đổ máu bảo vệ lá cờ thiêng liêng đó. Thì làm sao mà những người bạn ấy có thể hù nhát bọn chàng cho đành lòng. Nếu các anh còn vương vấn cõi trần gian, thì chắc hẳn trong hồn các anh còn mang những nỗi niềm, những bứt rứt về những người còn sống. Cha mẹ, vợ con, những mái nhà êm ấm bên những cánh đồng lúa vàng ối, con trâu cái cày, hay những mái trường thân quen có những người tình học trò. Chỉ khi nào những nỗi niềm u uẩn ấy được thanh thỏa thì các anh mới nhẹ nhàng ra đi. Thái sẽ nói hết những gì chàng nghĩ với Hoàng để hắn nhận ra rằng những hồn ma không có gì đáng sợ nữa.

Thở ra một hơi dài nhẹ nhõm, Thái bước đến tìm những cây nhang còn sót lại, kính cẩn đốt lên và cắm vào những chiếc lon thiếc làm bình hương. Mùi nhang trầm tỏa ra vướng vất, những làn khói ẻo lả cất lên dưới ánh đèn vàng vọt trong những hình dáng huyễn hoặc, mà Thái có cảm tưởng như là những vong hồn đang uốn éo những điệu vũ của cõi âm. Thái quỳ xuống trước hàng áo quan mặc niệm tỏ lòng tôn kính những người lính Vị Quốc Vong Thân. Từ tiềm thức chàng vang lên tiếng hát nức nở của Thanh Lan. *"Ngày mai đi nhận xác chồng, anh lên lon giữa hai hàng nến chong, mùi hương cứ ngỡ hơi chồng..."*[2]

Sáng hôm sau, ông thượng sĩ thường vụ tìm Thái trong Khu Ngoại Khoa báo tin đến phiên Thái trực đơn vị ngày Ba Mươi Tết:

- Trong phòng trực đã có giường ngủ tươm tất, Thiếu Úy không cần phải đem mùng mền cá nhân đến nữa. Thiếu Úy Hoàng sẽ trực ngày mùng Một.

Thái cùng Hoàng đang được một anh hạ sĩ quan Y Tá và một cô y tá nữ quân nhân hướng dẫn cách rửa thương, băng bó và chích thuốc trụ sinh cho những thương binh. Đã từng được thực tập ở

2 *"Tưởng Như Còn Người Yêu"*, Phạm Duy phổ nhạc từ thơ Lê Thị Ý

Tổng Y Viện Cộng Hòa nên động tác của bọn chàng thành thạo lắm, anh trung sĩ y tá khen ngợi:

- Mấy Ông Thầy thao tác khéo ghê.

Nhưng cô y tá khó tính hơn:

- Mấy Thiếu Úy rửa vết thương còn nhẹ quá, mủ vàng còn sót nhiều.

Thái phân bua:

- Mình làm mạnh tay quá mấy anh ấy đau.

Cô y tá bĩu môi trông rất dễ thương:

- Chính điều đó sẽ làm hại các anh lính, các Thiếu Úy phải mạnh tay lên cho đến khi nào mấy anh lính kêu lên là mới đúng kỹ thuật. Còn sót mủ vàng trong vết thương là còn nguy hiểm cho các anh.

Hoàng gật đầu:

- Tụi tôi hiểu chứ. Nhưng mà mình "kéo tim đèn" như cưa gỗ mấy anh la làng là phải rồi.

Cô y tá và bọn Hoàng đều nói đúng hết. Mỗi lần cô đến thay băng rửa vết thương thì mấy thương binh tái mặt rụng rời bảo nhau:

- Thôi chết, "kéo tim đèn" đến anh em ơi.

"Kéo tim đèn" là gì nhỉ. Là lối rửa thương "tàn bạo" dành cho loại vết thương đạn bắn xuyên qua những phần mềm trong cơ thể như cánh tay hay bắp chân chẳng hạn. Cô y tá sẽ cầm cây kéo gắp nhấn miếng gạc đã tẩm cồn sát trùng vào cái lỗ sâu hun hút, rồi bàn tay bên kia trong cái găng sạch đón lấy đầu miếng gạc kéo tới kéo lui, kéo qua kéo lại mấy lần rất mạnh rất tận tình, khiến cho các "nạn nhân" của cô thiếu điều muốn ... "phọt" trong quần. Nào đã một lần là đủ. Người đẹp rút miếng gạc "rẹt" ra ngoài một cái, ruột gan mấy anh lính muốn vọt theo ra. Nàng đưa miếng gạc lên nhìn, nếu vẫn còn mủ vàng thì nàng lấy một miếng gạc khác tiếp tục ... "kéo tim đèn", cho đến khi nào nàng thấy hài lòng thì ... thôi. Đó là một trong những món "độc" ở bệnh viện mà các anh thương binh rất ngán sợ. Nhưng khi vết thương đã kéo da non, rồi lành lặn, các anh đã có thể đi dạo chơi ra khỏi cổng bệnh viện, thì các anh lại muốn tìm những Thiên Thần Áo Trắng ấy nói những lời cảm ơn chân thành.

Đã có không ít những mối tình lãng mạn đã nảy nở trong khuôn viên của những quân dân y bệnh viện trên khắp mọi miền đất nước giữa những chàng trai tiền tuyến với những cô y tá hậu phương. Trong những đêm nằm gối đầu bên nhau nhìn ánh trăng êm đềm chiếu qua khung cửa, chàng lính khẽ hôn nhẹ lên đôi má thơm nồng của vợ âu yếm hỏi:

- Em có còn nhớ ngày xưa em đã "hành hạ" anh như thế nào không, "cái tim đèn" làm sợi chỉ hồng ấy?

Nàng nép vào cánh tay rắn chắc của chồng thẹn thùng:

- Em không nhớ đâu, em chỉ biết cái ... cái ... "tim đèn" của anh đang làm cho em ... em ... rụng cả trái tim.

Chàng lính nở phồng mũi hân hoan:

- Thế ư?

Đêm Ba Mươi Tết, Thái xách chiếc đèn pin đi kiểm soát những vọng gác quanh vòng rào bệnh viện. Bộ Tổng Tham Mưu đã có văn thư xuống nhắc nhở tất cả mọi đơn vị, cơ quan Quân Đội, dù ở tiền tuyến hay hậu phương, đều không được cho lính bắn súng bừa bãi lúc không giờ giao mùa giữa năm cũ và năm mới. Nhưng cấm là một chuyện, mà cứ mỗi năm, khi điệu nhạc hùng *"Việt Nam! Việt Nam!"*[3] hào hứng trỗi lên báo đến giờ Giao Thừa, tổng thống sắp đọc bài Chúc Tết Chiến Sĩ và Đồng Bào, thì hàng trăm ngàn làn đạn lửa khắp miền đất nước tỏa lên bầu trời đêm thay cho tràng pháo Tết đón mừng Xuân đến. Người lính đón Xuân không bằng pháo nổ rượu nồng, mà chỉ là một vài viên đạn vút lên bầu trời cao, gởi lòng nhớ thương về chốn hậu phương, mà ở đó cũng đang tưng bừng đón mừng phút giao mùa. Từng viên đạn sáng rực trên trời cao như tấm lòng chân thành trong sáng của các anh.

Thái đã hứa với bạn là chàng sẽ năng đi vòng quanh khu nhà xác để Hoàng được an tâm ngon giấc không sợ ... bị ma quấy phá. Chàng đã giữ đúng lời hứa. Lúc mười hai giờ đêm, Thái đi đến khu nhà xác trong tiếng đạn bắn lên trời "lóc bóc" của từ những lô cốt. Hoàng vận quân phục chạy ra, vừa vặn gặp Thái khiến chàng ngạc nhiên:

- Mày định đi đâu mà coi bộ quần áo tươm tất dữ vậy?

- Phút Giao Thừa đón năm mới mình ăn mặc cho đàng hoàng sẽ được bình an may mắn suốt năm. Với lại mình là lính, *Tonton* đọc bài chúc Tết dân với quân, lại thêm có Quốc Ca trang trọng là thế, chúng ta phải tỏ rõ quân phong, quân kỷ của người lính.

Hoàng vỗ vai bạn:

- Tao đi tuần với mày.

- Mày không còn muốn ngủ nữa à?

-Ngủ nghê gì giữa giờ phút thiêng liêng như thế này, nhưng trời ơi, mày xem kìa, cũng lại có bóng người trước căn nhà xác nữa rồi...

Tiếng súng đã ngừng, không gian được trả lại màu đen thẫm, xa xa từ chiếc máy *radio* của ai vọng đến giọng nói quen thuộc của Tổng Thống. Nhưng cái bóng đen đã phá hỏng giây phút thiêng liêng của đêm Giao Thừa. Thay vào đó, từ căn nhà xác đưa đến tiếng khóc nỉ non, dường như của một người đàn bà. Dưới những tàng lá chuối rậm, hai người bạn trông thấy ẩn hiện mấy bóng người đang ngồi dựa vào bức tường vôi trắng. Tiếng khóc cất lên từ đó. Thái bảo bạn:

- Là người, không phải ma đâu Hoàng ơi!

Hoàng run giọng thì thầm:

- Giữa đêm khuya hiện ra ngồi khóc mà mày nói không phải là ma, vậy chứ là gì?

- Là gì thì mình tới hỏi xem sẽ rõ mà.

Thái bước đến gần chiếu ánh sáng đèn vào chỗ mấy cái bóng đen.

- Ai đó?

Tiếng khóc ai oán vọng đến rõ mồn một mà Thái đã biết chắc là của một người đàn bà:

- Dạ, là tôi... Tôi ... đi...

---

3 *"Việt Nam! Việt Nam"* sáng tác của nhạc sĩ Phạm Duy (1921 - 2013)

Thái bước đến để nhìn cho rõ hơn. Dưới ánh đèn pin mờ nhạt, chàng đã nhận ra một người đàn bà trong bộ quần áo bà ba sờn cũ, một đứa bé đang gục đầu vào bên chiếc ngực lép kẹp ngực của nàng say sưa với dòng sữa mẹ. Ánh sáng vô tình chiếu vào khiến cho người đàn bà thẹn thùng kéo hai mảnh áo ngực lại. Một con bé chừng ba, bốn tuổi nép vào bên cánh tay mẹ, đôi mắt mở to như hai viên thủy tinh đen nhánh nhìn lên hai người lính vừa ngơ ngác vừa sợ hãi. Thái lách ánh sáng sang một chỗ khác hỏi:

- Chị từ đâu đến và lại ở đây lúc khuya khoắt thế này?

Người đàn bà bật khóc:

- Dạ, tôi... Em ... ở ngoài Trung vào đây nhận xác chồng.

Nhắc đến người chồng tử sĩ, nỗi đau lại dâng tràn, người thiếu phụ gục đầu vào cánh tay áo khóc nức nở. Người mẹ cứ khóc mãi làm đứa bé gái cũng khóc theo. Đứa trẻ trong lòng mẹ bị cắt đứt dòng sữa, nó giãy giụa khóc lớn. Giữa đêm trường, tiếng khóc bi thương của ba mẹ con người đàn bà như một điệu nhạc buồn mà hai người bạn có thể cảm nhận được vị mặn đắng của máu và nước mắt trong đó. Đến lúc này thì Thái đã có thể trông rõ hơn gương mặt của người đàn bà. Một gương mặt cằn cỗi, già nua, tuy rằng cái vóc dáng ấy chỉ trong độ tuổi không quá ba mươi. Bộ quần áo nàng mặt trên người bạc thếch đã nói thay cho nàng, rằng người thiếu phụ là một người miền quê và hẳn là quê nghèo. *"Quê hương em nghèo lắm ai ơi. Mùa đông thiếu áo hè thời thiếu ăn..."*[4] Con bé nép bên mẹ mặc một chiếc màu ngà ngắn đến rốn, chiếc quần đen co theo đầu gối lên đến khoảng giữa cái ống chân ốm như một ống tre non. Trong khuỷu tay của người đàn bà, một chiếc giỏ lác xẹp lép, mà Thái nghĩ rằng chắc chẳng có cái gì đáng giá bên trong.

Thái kéo Hoàng ngồi xuống dịu dàng hỏi:

- Chị đã nhận được xác anh chưa và tại sao chị khóc, có điều gì khó khăn...?

Người đàn bà đưa cánh tay áo lên thấm nước mắt:

- Dạ, anh nằm bên trong em đã nhận được rồi, nhưng mà em không thấy được mặt anh lần cuối cùng, nên em khóc... Em đau lòng, vợ chồng ăn ở mấy năm tình nghĩa...

Nỗi đau như một khối đắng cay chặn cứng những sợi thanh quản, người đàn nói không nên lời, chỉ có tiếng khóc sùi sụt. Thái chạnh lòng không biết nói lời gì để an ủi người góa phụ. Chàng biết dẫu có tìm trăm ngàn lời cũng không bao giờ làm nguôi ngoai được nỗi đau thương trong con tim của những người vợ lính đi nhận xác chồng. Miền Trung xa xôi quá, khi người vợ lính nhận được phong thư báo tin chồng tử trận, đã Hy Sinh Vì Tổ Quốc và mời đi nhận xác, Thái đã tưởng tượng đến giây phút kinh hoàng của những người đàn bà bất hạnh ấy, đã ngã ra trên nền đất ngất xỉu hay giãy giụa, thảm thiết kêu gào đòi chiến tranh hãy trả người chồng lại cho họ. Hoàng bùi ngùi hỏi:

- Chị không có một nơi nào tạm trú sao mà phải ngồi ở đây suốt đêm vậy?

Người đàn bà nhìn Hoàng bằng một ánh mắt u buồn, giọng miền ngoài Bình Định hay Quảng Ngãi:

- Dạ em đến trễ quá, vừa kịp vào đây nhìn *ảnh*, khuya quá mẹ con em không biết đi đâu, với lại ... mẹ con em...

Những giọt nước mắt của người góa phụ rơi lả tả xuống nền đất:

- Mẹ con em ... đã bị mất hết quần áo và ... tiền bạc, em khổ quá mấy anh ơi...

Lấm lét nhìn hai người lính, con bé khóc rấm rứt, nó cắn ngón tay cái giữa hai hàm răng trắng đều, nhỏ xíu như những hạt bắp:

- Mẹ ơi, con đói!

Phụ họa với con bé, thằng nhỏ trong lòng bà mẹ lại khóc lớn. Thái cảm khái lắc đầu hỏi:

- Chị với mấy cháu đã ăn gì chưa?

Người đàn bà cúi đầu có vẻ xấu hổ:

- Dạ... Mẹ con em... Dạ...

Thái vuốt tóc con bé:

- Chị theo chúng tôi, chúng tôi có chỗ ngủ và sắp xếp bữa ăn cho các cháu.

Thái quay qua nói với Hoàng:

- Mày chạy lên câu lạc bộ nói cô Loan nấu mì gói hay nếu còn cơm dĩa thì tốt quá.

- Nhưng giờ này người ta đóng cửa rồi.

-Thì mày gõ cửa, không có thức ăn thì mày đừng về đây nhìn mặt tao nữa...

Thái đưa mẹ con người đàn bà vào căn phòng của bọn chàng:

- Đêm nay chị và các cháu tạm trú ở đây, ngày mai Phòng Xã Hội sẽ lo thủ tục cho chị nhận anh đem về ngoài đó.

Người góa phụ buồn rầu nhìn những ngón tay đan chéo nhau của nàng đặt trên gối:

- Nhà em nghèo lắm, quần quật quanh năm không đủ ăn, đường sá xa xôi, em không đủ sức đem *ảnh* đi...

Người thiếu phụ ngước lên ánh mắt cầu khẩn:

-Hay là Thiếu Úy xin người ta cho *ảnh* được vào nằm trong Nghĩa Trang Quân Đội cho có anh có em bạn lính với nhau, nằm một mình ngoài quê em buồn lắm...

Thái thở dài:

- Nếu chị không thể nhận anh thì Phòng Xã Hội và Ban Chung Sự họ sẽ đưa *ảnh* đi... Chị ở đây chờ tiễn *ảnh* ra nghĩa trang rồi sẽ về ngoài Trung phải không?

Đôi mắt người đàn ngập tràn nước mắt:

- Dạ, mai em về, em không thể ở lại đây nữa, em đau lòng...

Thái bùi ngùi tìm chiếc bóp lấy ra một ít tiền:

- Chị nhận tạm "cái này" để đi đường, nhưng chị đừng đi vội, ngày mai tôi đưa chị lên Phòng Xã Hội, người ta giúp thêm.

Người vợ lính hoảng hốt giấu tay sau lưng:

- Em không dám đâu, em không dám...

Thái buộc phải nắm lấy bàn tay nàng ấn số tiền vào:

- Chị cứ cầm lấy, đáng lẽ chúng tôi còn có nhiều hơn, nhưng mà lính tráng thì cũng không được dư dả mấy. Đây là tấm lòng

[4] Trích lời ca khúc *"Tiếng Sông Hương"* của Phạm Đình Chương (1929 - 1991)

của chúng tôi coi như là những nén hương chân thành nghiêng mình trước sự hy sinh của anh và sự mất mát quá lớn của gia đình.

Hoàng xách trên tay một chiếc gà-mèn nhiều ngăn đựng thức ăn và ôm trong lòng mấy chai nước ngọt. Loan bước theo sau, trong tay nàng có một cuộn chiếu tròn. Hoàng bày chén, đũa và thức ăn lên bàn trong khi Loan nói với người đàn bà:

- Đêm khuya câu lạc bộ chỉ còn một ít thứ này, chị và các cháu dùng tạm vậy, sáng mai chúng tôi sẽ có đầy đủ hơn.

Hoàng đón chiếc chiếu trong tay cô gái tươi cười nói bạn:

- Cô Loan cho mượn cái này, tao với mày qua phòng bên ngủ.

Thái thấy rất vui trong lòng. Sự hiện diện của Loan chứng tỏ tình cảm của nàng dành cho Hoàng đã dần sâu đậm thiết tha. Người ta nói tình yêu như tiếng sét bất ngờ hiển hiện giữa không gian, vừa mới gặp nhau mà đã thấy như có duyên nợ với nhau từ kiếp trước. Cái thằng cũng khá. Chỉ mới mấy ngày ngồi ăn cơm mà đã tán được cô con gái xinh như mộng của ông thượng sĩ già. Thái kéo Hoàng và Loan ra ngoài:

- Chúng mình để cho chị ấy và các cháu tự nhiên.

Thái quay vào ân cần dặn dò:

- Chị nghỉ nhé. Sáng mai chúng tôi đưa chị đến Phòng Xã Hội và Tổng Quản Trị để nhận thêm ít tiền và giấy tờ tử tuất.

Người đàn bà buông đũa xuống nghẹn ngào:

- Các Thiếu Úy và cô đây tốt quá, em xin đội ơn...

Thái xua tay:

- Chị đừng nói vậy, anh là lính, là chiến hữu của chúng tôi, giữa những người lính có cái tình Huynh Đệ Chi Binh với nhau. Đó là bổn phận của chúng tôi.

Thái vuốt tóc con bé, nó đang đưa chiếc muỗng múc nước mì cho vào cái miệng nhỏ xíu trông có vẻ ngon lành lắm...

Buổi sáng thức giấc, Thái bước sang gõ cửa phòng. Thật lạ lùng, chỉ có sự im lặng trả lời chàng. Thái tự hỏi, có lẽ mệt mỏi vì đường trường, mẹ con người đàn bà còn ngủ say chăng. Thái thận trọng gõ thêm mấy tiếng nữa. Vẫn không có sự hồi đáp. Thái sờ cằm suy nghĩ. Lạ nhỉ. Mãi sau, Thái quyết định đẩy nhẹ cánh cửa nhìn vào. Tiếng kẽo kẹt quen thuộc vang lên. Thái mở toang cửa rộng hơn, một nửa đầu len vào nhìn. Đột nhiên, Thái ú ớ, cổ họng nghẹn cứng:

- Trời ơi, đi đâu hết rồi!

Thái xô cửa bước vào. Kỳ lạ! Mùng, mền, chiếu, gối được xếp ngay ngắn, thật tươm tất, chứng tỏ sự đảm đang của một người đàn bà. Thái tự hỏi, người đàn bà ấy hấp tấp ra đi vì lý do gì. Thái tần ngần bước đến bên những chén đũa và những chai nước ngọt, chợt chàng rụng rời lao đao nghiêng ngã, xây xẩm phải phải chống tay vào thành bàn. Thái đã thấy gì? Tất cả những thức ăn và những chai nước ngọt vẫn còn nguyên vẹn như lúc Loan bày ra đêm qua. Những cái nút chai vẫn còn cứng ngắt, chưa được khui bao giờ. Thái còn nhìn thấy gì nữa? Xấp tiền chàng tặng cho người góa phụ nằm ngay ngắn trên bàn. Đầu óc Thái quay cuồng với muôn ngàn câu hỏi. Người đàn bà ấy là ai, là gì, hay là có phải nàng là...? Thái không dám đưa ý nghĩ của chàng đến một sự tưởng tượng điên rồ, rằng mẹ con nàng là những ... hồn ma đi nhận xác chồng, cha. Câu trả lời ấy Thái không bao giờ có lời giải đáp. Thái chỉ tình cờ có dịp đọc báo mấy ngày sau, để được biết rằng người ta đăng tin một chiếc xe đò đã lật nhào xuống Đèo Cả trong ngày Ba Mươi Tết. Tài xế, lơ xe và mấy mươi hành khách đều tử nạn...

Mãn hạn thực tập, Thái cùng Hoàng trở về Trường Quân Y làm lễ mãn khóa và chọn đơn vị. Hoàng may mắn chọn được về một tiểu đoàn Địa Phương Quân hoạt động trong một tỉnh gần bên tỉnh mà bọn chàng đã để lại nhiều kỷ niệm và nhiều hình ảnh còn vương vấn trong tim. Thái biết động lực thúc đẩy Hoàng chọn về nơi ấy, chàng vỗ vai chúc phúc bạn:

- Khi nào đám cưới thì mày báo tin cho tao biết, tao cố gắng xin phép về dự chia vui với mày và cô Loan.

Hoàng siết chặt tay bạn trong nỗi bùi ngùi cảm xúc trước giờ chia tay:

- Mày lên Cao Nguyên giữ gìn sức khỏe. Trên đó tao nghe nói lính hay bị sốt rét lắm, nhớ viết thư đều cho tao.

Thái đã tình nguyện chọn lên Cao Nguyên để chia sẻ chuyện tử sinh với những người lính ở những tiền đồn biên phòng. Chàng đã vướng cơn sốt rét rừng ác tính, suýt nữa đã tiêu đời lính. Trong lúc nằm tĩnh dưỡng ở Quân Y Viện Pleiku, Thái nhận được thư của bạn. Bức thư dài, nhiều thăm hỏi cảm động, nhiều câu chuyện kể về đời lính và tình yêu. Nhưng điều Thái chú ý và lạ lùng nhất là đoạn kết:

"Thái, tao nói chắc mày không tin. Tao với Loan thoát được cái chết từ những trận pháo kích rất dữ dội của địch. Tao đang gà gật mơ màng ngoài giao thông hào thì có một người lính rất lạ mặt đến gọi tao:

- Thiếu úy... thức dậy thiếu úy, địch tấn công.

Anh ta kéo tao chạy ra một chỗ khác, vừa vặn một trái đạn cối rớt ngay phóc ngay chỗ tao vừa nằm.

Khi trận đánh tàn, tao tìm hết khắp đồn mà chẳng thấy tăm dạng anh lính ấy, hỏi ai cũng không biết. Càng kỳ lạ hơn, một người đàn bà kéo Loan chạy ra khỏi hầm tránh được một trái đạn pháo lớn. Loan mới lên thăm tao trong ngày và ở đêm. Loan quả quyết với tao rằng, người đàn bà ấy chính là ... là ai, mày đã đoán ra được chưa. Là người đàn bà và hai đứa bé ở Bệnh Viện Quân Dân Y Tỉnh." ■

PHẠM PHONG DINH
(Cựu sĩ quan Quân Y QL-VNCH,
hiện định cư tại thành phố Winnipeg, Canada)

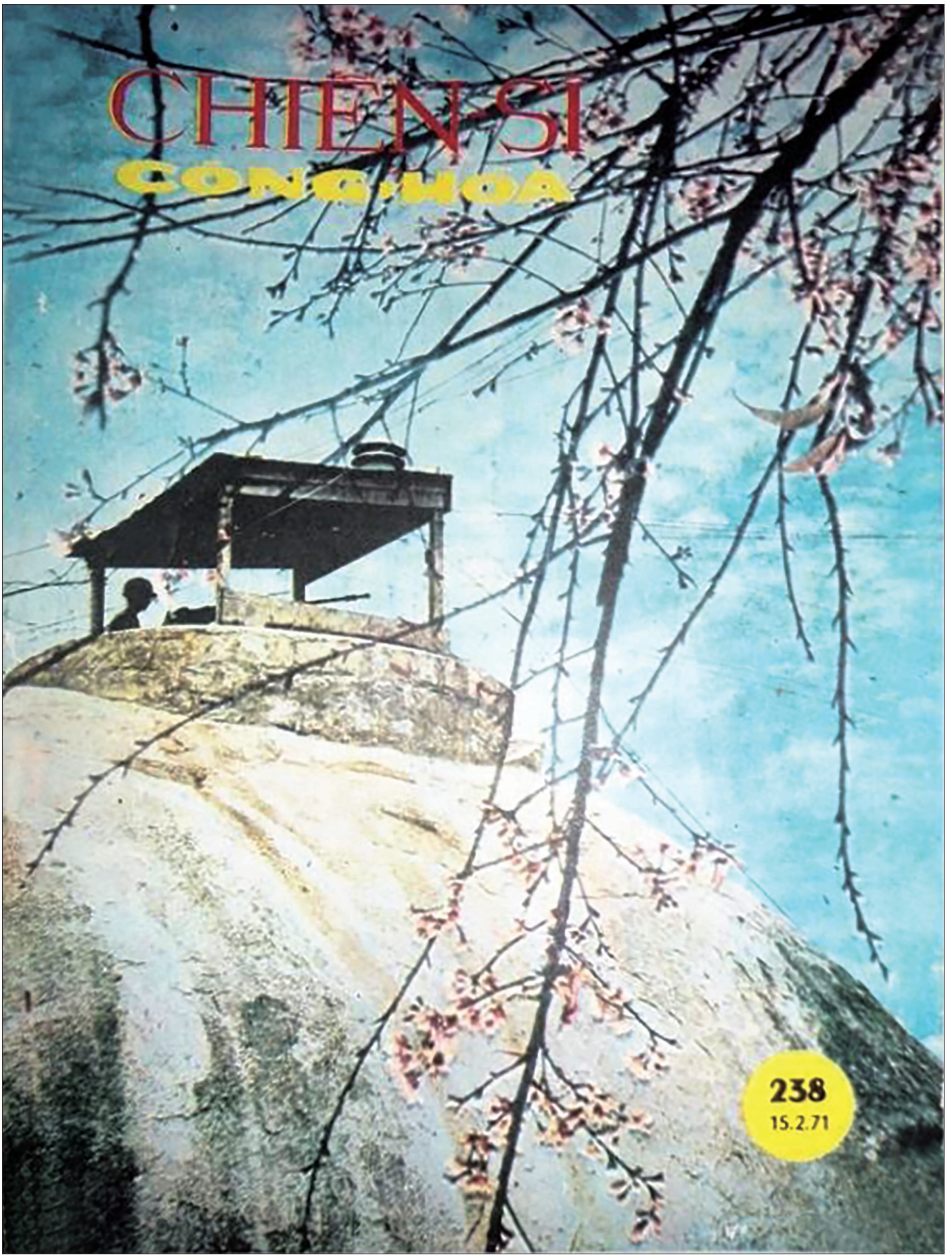

BÌA BÁO XUÂN "CHIẾN SĨ CỘNG HÒA" PHÁT HÀNH THÁNG 2, 1971

"TỐ NỮ": TRANH DÂN GIAN HÀNG TRỐNG

"MÚA RỒNG": TRANH ĐỒNG HỒ CỔ TRUYỀN

"CÁ CHÉP VƯỢT VŨ MÔN": TRANH DÂN GIAN HÀNG TRỐNG

Doãn Ngọc Thanh

CÁ VƯỢT VŨ MÔN

Chuyện kể rằng trời hạn hán đã mấy năm liền. Đất đai khô khốc, cây cỏ héo úa, sông lạch ao hồ đã bắt đầu cạn dần... Loài người thất thoát mùa màng, đói khổ triền miên. Các loài chim, thú cùng cá mú cũng đói khổ không kém. Tiếng than muôn loài lên thấu trời xanh...

Ngọc Hoàng trên Thiên Đình vội vàng triệu tập Hội nghị Diên Hồng với các tiên ông, tiên bà – và nhất là các Long Vương (Vua Rồng) ở bốn đại dương, để tìm cách cứu vãn các sinh linh. Buổi hội nghị diễn ra rất ồn ào – mọi người trách móc bốn Long Vương là những vị nhận trọng trách trông coi mưa móc cho khắp cõi thế gian mà sao để ra nông nỗi vậy...

Các Vua Rồng thưa rằng, thủa xưa loài người thuận theo thiên nhiên mà sống nên bốn mùa luân lưu theo chu kỳ, mưa thuận gió hòa, nên công việc của các Vua Rồng chỉ là phun mưa phụ giúp những vùng mây bay không tới, nhàn tản như chơi,... Nay loài người sinh sôi chật đất, lại ỷ văn minh tiến bộ, phá phách rừng già, lấp bể dời non, gây ô nhiễm từ biển sâu cho tới trời xanh – cho nên các chu kỳ mùa màng, nóng lạnh bị đảo lộn hết trơn! Các Long Vương tả xung hữu đột, làm việc toàn thời gian mà cũng không xuể... Vấn đề gay go nhất là thiếu nhân sự: bốn vị Long Vương trấn bốn biển Đông, Tây, Nam và Bắc, lấy bốn Long Bà thì cứ một trăm năm mới sinh được một Long Tử hoặc Long Nương – bởi thuộc dòng quý hiếm mà! Cho nên thế gian không đủ Rồng để làm mưa...

Ngọc Hoàng cùng các chư tiên nghe bản báo cáo thì xúm nhau lại, cả trăm bộ óc cùng làm việc – sau cùng đưa ra một bản quyết định gồm có hai kế hoạch chính: Kế hoạch đường dài là giao cho hai vị tiên Nam Tào và Bắc Đẩu đi xuống thế gian lo giáo dục lại loài người, dạy cho chúng biết tôn trọng môi sinh, hạn chế sinh đẻ, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tôn trọng các loài muông thú cùng đang chia sẻ thế gian... Kế hoạch cấp thời là phải ra một cuộc thi tuyển Rồng để làm mưa cấp kỳ. Cuộc thi mở ra cho tất cả các loài thủy vật trong ao hồ sông lạch trong đất liền – vì đó là nơi cần được cấp cứu nhất. Các Vua Rồng tuân lệnh Ngọc Hoàng dựng lên trường thi là ba Cửa Vũ Môn – tức là ba cửa sóng mà các thí sinh phải vượt qua.

Cửa thứ nhất sóng cao bằng chiếc thuyền buồm. Cửa thứ hai là hai ngọn sóng trên và sóng dưới cuốn ngược chiều nhau, rất nguy hiểm. Và ngọn thứ ba kinh khủng nhất – chính là ngọn Sóng Thần đã từng ụp xuống các hòn đảo thấp vùng Nam Dương!

Các loài thủy tộc kéo nhau đi thi như chảy hội – ai cũng khấp khởi hy vọng mình trúng tuyển là được nâng cấp thành rồng, le lói vô cùng! Cũng có những loài tự động

rút lui như loài cua – càng, ngoe đi ngang phè phè, lấy gì mà vượt sóng! – và loài rùa, vì vốn đã thuộc hàng Tứ Linh (Long, Ly, Quy, Phụng) rồi, nên chẳng phải bon chen... Ai không thi thì cũng tham dự đông đảo để cổ võ cá nhà!

Cuộc thi bắt đầu từ sáng sớm, các chư tiên đã đứng sẵn ở cuối Cửa Ba, đón chờ thí sinh tới mức là hươi gậy thần thông biến hoá thành rồng liền một khi. Thế nhưng cho đến trưa vẫn chưa một ai bơi tới Cửa Ba... Có những anh vượt được Cửa Một thì lại bị trấn ngộp bởi hai ngọn sóng ngược Cửa Hai. Xế trưa một đàn tôm càng và tôm hùm hùng dũng tiến ra... vượt Cửa Một!... Rồi vượt Cửa Hai ... tuy có bị cuốn xoay vòng vòng một lúc, trước sự reo hò của khán giả!!! Thừa thắng xông lên, cả đoàn kéo nhau qua Cửa Ba – nhưng có lẽ vì đuối sức, nên bị ngọn Sóng Thần chụp xuống té lộn nhào, té nặng tới độ ... túi c... lộn lên đầu luôn! Thế là thua... Cũng từ đó người Việt mình có lối nói *"Đồ lộn c... lên đầu!"* để chửi ... những người ngu.

Khán giả đang *"Ồ, ồ, ồ, ồ, ồ..."* thất vọng, thì một đàn cá chép bơi lên trông thật đẹp mắt. Anh thì màu bạc, anh thì vàng ròng, có anh mặc áo vệt đỏ vệt đen... Anh nào cũng đuôi thẳng lưỡi đao, kỳ và vây giương xòe như quạt sắt. Cả đoàn kéo nhau theo đội hình vượt Cửa Một nhẹ nhàng, rồi quẫy đuôi tránh ngọn sóng dưới, nương ngọn sóng trên vượt qua Cửa Hai, rồi thêm một cái đập đuôi mạnh nữa, ôm bọt Sóng Thần lướt qua Cửa Ba luôn!!! Khán giả hò reo ngất trời...

Chư tiên hươi gậy, các thí sinh cá chép chuyển mình thành rồng và bay liền ra biển hút nước, thực hiện ngay chuyện làm mưa cứu trăm họ... Ngọc Hoàng đẹp ý hết biết!

Từ đó loài cá chép đi vào huyền thoại là loài ... Chuẩn Rồng – danh giá vô song! Và hình ảnh cá chép vượt sóng được các nền văn minh như Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam dùng để khuyến khích các em trai chuyên chú học hành để thành công trên đường đời, như cá chép thành rồng! (Mở thêm một ngoặc ở đây: 23 tháng Chạp Ông Táo về trời để báo cáo với Ngọc Hoàng chuyện thế gian. Người Việt mình rất là ... nịnh ông: cúng mật hay kẹo bánh để ông nói ... toàn chuyện ngọt ngào, cúng cá chép tức là ... cung cấp rồng để ông cưỡi bay cho nhanh!)

P.S. BẢN TIN GIỜ CHÓT: Nhờ đoàn cá chép rồng cứu hạn, nước Úc sau bốn năm khô khan nay đã mưa đều đặn. Đoàn rồng mới làm việc có hơi hăng say, nên miền Bắc Úc ... đang bị lụt! Thiệt đúng là no dồn... Mực nước hồ dự trữ của Sydney đã lên tới 70%, nghĩa là có quyền xả lệnh hạn chế nước. Thế nhưng dân thành phố vẫn tình nguyện tiết kiệm – nhờ có học bài của Nam Tào. Dân chúng còn bảo nhau đi xe công cộng, đi xe đạp, bớt xài đồ điện, tái sinh lại rác rến, v.v... Và cứ mỗi tháng Ba sẽ có một đêm gọi là Giờ của Đất (Earth Hour), *cả nước sẽ tắt ngúm hết đèn, để cho ... Trái Đất nguội bớt.* ■

Hai Mươi Chín Tết 2008

DOÃN NGỌC THANH

(Tác giả sinh năm 1952, hiện định cư tại Sydney, Úc)

Bùi Giáng (1926 - 1998)

ĐINH CƯỜNG VẼ BÙI GIÁNG

THƯ XUÂN

Cám ơn em đã viết thư cho tôi, kể chuyện sông nước tỉnh nhà và chép lại cho tôi câu thơ của thi sĩ ấy. Em hỏi tôi: *"Xuân Ý là gì? Như thế nào là: 'mùa động đầu cành?' Anh ở Sài Gòn, anh tìm đâu ra một đồng trăng lục nhạt? Anh kiếm đâu một lối gần vàng thanh?"*

Vậy bây giờ tôi xin hỏi lại: Tại sao em nêu nhiều câu hỏi thế? Mà câu nào nghe cũng thần mến cảm thông? Có hồn thơ Xuân thơ ngây lan tràn trong đó. Tại sao? Tuổi mười sáu mà nêu câu hỏi về Xuân, thì đố ai dám giải thích. Em hiểu dùm? Em tha thứ nhé? Nếu thư này tôi viết rất vu vơ.

Làm thế nào giải đáp cho em ngay từ đầu? Câu hỏi của em làm tôi choáng váng. Một mùa Xuân mênh mông về tràn ngập cái phòng văn bé bỏng, làm rối bởi những trang bản thảo; hai con mắt của tôi bây giờ rất lim dim...

Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy
Nước xuôi dòng là cổ độ nhìn theo
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp bảy
Mộng mênh mang là mây phủ lưng đèo.

Phút giây mọi ưu tư chìm đầu mất. Giờ choáng váng quá, tôi bước vào bờ cõi huyền nhiệm của trường xuân, của hồng vàng vĩnh viễn. Những lầm lỗi hôm kia, những lỡ làng bữa nọ, thôi không còn ray rức. Trên tro tàn, cây lá đã hồi sinh. Linh hồn hoài vọng của tuổi mười sáu đã đi về làm long lanh sự vật.

Tôi nghĩ rằng hồn Xuân là tơ liễu. Tôi thử đưa lên bàn tay chạm vào một đồ vật, và thấy rằng đồ vật đã ngân lên đúng âm hưởng của tơ liễu hồn Xuân. Không có gì có thể ma chiết hi vọng của lòng người khi mùa Xuân đã về động đầu cành, khua đầu lá, nhịp đầu bãi, hay dậy vàng ở đầu bến cuối trăng. Giữa tăm tối mê cung, lòng nhân gian vẫn nhìn ra non nước sơ nguyên bên kia một màu sương lãng đãng.

Thế là bỗng dưng anh thành thi sĩ làm thơ từ sáng đến chiều. Nguyện rằng: Giờ nào cũng là giờ của thơ, của nhạc; mùa nào cũng là mùa vĩnh viễn của Xuân, sóng nào cũng là sóng phơi trường mộng, bể nào cũng là bể vàng kim hải, trang đời nào cũng là *"trang hồng phố Hội ra hoa, trổ bông mùa phượng cũ đà hồ phai."*

Đời không biên giới nữa.

Nấm cổ khâu rầu không đợi đó để kết liễu đời ta.

Xưa nay những đấng tài hoa,
Thác là thể phách, còn là tinh anh.

Thúy Kiều đã bắt gặp hồn Xuân bất tận. Trong chiều tảo mộ nàng linh cảm một nhịp cầu giao nối hai cõi bờ u hiển âm dương. Nàng vượt ra ngoài vòng vây hãm của thời gian để trò truyện với người xưa từ bao năm đã lìa trần giới. Những giới hạn nghiệt khắc của *"phù du trăm năm trong cõi"* không thao túng nổi tấm tỉnh thành thanh thoát của những khách *"vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa"*. Bởi vì khi ra ngòai cũng như khi vào trong, họ vẫn tạo lập được một thế giới kỳ bí trong tiết điệu của thơ ngân theo mỗi nhịp bàn chân vi vu bước tới. Chinh phục thời gian

mai hậu bằng cái tâm hồn bát ngát vương vẫn ngàn kỷ niệm trong ký ức tổ truyền nguyên vẹn với những hương màu ngan ngát của non nước ngàn xưa còn long lanh bên dòng tơ liễu?

Dưới dòng nước chảy trong veo
Bên dòng tơ liễu bóng chiều thiết tha.

Đó là hình ảnh thiên thu của tình yêu, của xuân mộng. Niềm giao cảm xóa hết cõi bờ gò đống ngổn ngang. Đôi lứa đầu xanh nhìn nhau buổi mới đã vượt qua hai cái *"bờ-bản-ngã- riêng-ta-riêng-người"* để cùng nhau bước vào trong dập dìu mùa hội, hội Hoa Đăng, hội Đố Lá, hội Đạp Thanh bên Bất-Tuyệt-Nguyên-Khê của Hữu-Thể-Tròn-Nguyên-Thiên-Cổ- Lạc.

Mùa Xuân là gì, thưa em? Tình yêu trong cổ lục là gì?

"Nhặt thưa trăng giọt đầu cành" có đủ sức bảo tồn nhịp miên man chiêm niệm? Bóng hoa dung tuổi mười sáu một lần dưới trăng nguyên tiêu lộng lẫy, có đủ hương màu để giữ gìn kỷ niệm với ngày sau?

Trùng phùng dù họa có khi
Thân này thôi có còn gì mà mong...

Giận mà nó nói thế. Thật ra, vẫn còn nhiều lắm chớ.

Còn nhiều ân ái chan chan,
Từng cay đắng lại nồng nàn hơn xưa
Bây giờ gương vỡ lại lành,
Khuôn thiên lừa lọc đã đành có nơi
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.

Cái chỗ huyền diệu của Nguyễn Du là đó. Giữa những cung bậc thống thiết đoạn trường, bao lần ta nghe xen lẫn về những xoang điệu vui tươi. Đó là hồn xuân hồi sinh trên dâu bể ngập mộng đời.

Nói như một triết gia hiện đại: *"Chỉ riêng cái hời hợt bên ngoài cuộc sống, cái nông cạn ở bề mặt cuộc đời là chia lìa, ly tán; chỉ riêng cái thực tại người lao xao lơ láo tớ thầy là có tuổi có tên, biểu chưng cái hỗn độn vào sau ra trước."*

Thật ra, sự vật không có phân ly chia cắt. Và nghệ thuật của con người ngàn thu vẫn xoay quanh một đề tài duy nhất và tình yêu muôn thuở vẫn gửi gấm về riêng một lời ước hẹn với Hữu Thể Sơ Nguyên. Và hết thảy mọi cái chết-mai-mãi vẫn là tượng số siêu việt của duy-nhất-một-hồn-Xuân hồi sinh trong tàn phế.

Em mười sáu tuổi với trực giác trong suốt hồn nhiên xin hãy đưa tay cho người thi sĩ. Chúng ta sẽ đồng thanh thưa lại với đời rằng:

Mười lăm năm bấy nhiêu lần hoen ố,
Mảnh quần hồng vẫn giữ vẹn một tấm gương...

Có một cái nguồn nước đổ *"Hoàng Hà chỉ thủy thiên thượng lai"* cứ chảy về bất tuyệt cho dạt dào xanh mãi những tâm hồn tình mộng thơ ngây.

Hai tình vẹn vẽ hòa hai
Chẳng trong chăn gối cũng ngoài cầm thơ
Khi chén rượu khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.
(Nguyễn Du)

Mùa Xuân bất tuyệt đã trở về. Bao nhiêu mối tương xứng được hòa giải. Thôi không còn *"cỏ áy bóng tà"*. Thôi không còn *"cái điều bạc mệnh"*.

Những tử sen ngó đào tơ
Ngàn thu vô hạn bây giờ là đây.

Chạy đâu cũng không thoát nhé. Mùa Xuân đón đợi ta ở khắp các nẻo đường, em có thấy không? Mười lăm năm, nửa đời nếm trải ... em Thúy vẫn trở về trùng ngộ với nguyên xuân. Pénélope vẫn chờ Ulysse trở về sau chiến cuộc mười mấy năm. Bở bể Pheacie vẫn có kẻ chờ ai trôi giạt. Anh xin ghé về nhìn gương mặt Nausicaa. Nhìn sơ một lần, nhưng anh nhớ mãi. Trên tơi bời tro tàn gạch vụn, từ Iliade đến Odyssée, Homère vẫn dựng lên hình bóng Xuân Thơ Dại Ngọc Ngà. Anh sờ lên mái tóc mình sương lổ đổ, anh sực nhớ rằng mình cũng mang đủ những bụi hồng, bụi đỏ, đất đen: Xuân chạy giặc, Xuân tản cư, Xuân đốn củi trong rừng nghe ve núi khóc, Xuân phố thị lận đận hoài; Xuân Hậu Giang, Xuân Lục Tỉnh. Để bây giờ đối diện với Xuân Mười Sáu của em.

Khuya nay mùa động đầu cành
Đồng trăng lục nhạt vàng thanh lối gần.

Phải rồi. Lối về Vĩnh Viễn có xa chỉ mấy đâu. Đồng trăng lục nhạt, đồng nội nhật quang lan, còn chờ ta mãi đó. Mùa động đầu cành lay lắt, hương mùa tư lự, em đã đem linh hồn gửi gắm, tôi cũng xin lựa lời thưa với cô bác: hãy vui lòng liều liệu giúp cho nhau. ■

BÙI GIÁNG

nắng nguyên đán

Chạy đi em, nắng gió bốn chân trời
về chân đất dưới chân em mọc cỏ
nắng nguyên đán lục lam hay hồng đỏ
tía vi vu hồng lục cũng bao hàm
chạy đi em! sương gió nắng thênh thang
trời đất đẹp từ bình minh vũ trụ
nắng nguyên đán của nguyên xuân đầy đủ
cỏ hoa hương chôi nhú lộc miên man
nắng xuân xanh mở cỏ mọc hai hàng
và riêng mở duy một hàng ẩn mật
nắng phơ phất vì sắc hương phơ phất
dưới khung trời mặt đất mở thênh thang
chạy đi em, gót ngọc bỏ hai hàng. ■

BÙI GIÁNG

Hà Huyền Chi

THỦY TIÊN

Cuối đồng gầy chậu Thủy Tiên
Rễ tuôn tóc trắng chảy nghiêng bán cầu
Vươn cao nụ nhớ đóa sầu
Lá thon thần kiếm chém nhầu thời xa
Hồn quê nở với hồn hoa
Chín năm luân lạc trong ta ngậm ngùi
Đem hoa tặng lại cho người
Khi không mấy hạt lệ trời bay ngang. ■

Tuệ Nga

VẠN LÝ HƯƠNG

Vẫn trắng bờ mây vấn vương
Mai, Đào lại nở bước tha phương
Hương quan gối mộng nhầu hoa ảnh
Trích địa sầu ai lạnh tuyết sương
Hà Nội chập chờn trăng ảo phố
Sài Gòn ngơ ngẩn bóng tà dương
Ai đi gom nắng mùa Xuân cũ
Trải ngát sông Tần, Vạn Lý Hương. ■

Trần Văn Nam

MÙA XUÂN TỪ GIÃ VIRGINIA

Từ nhiệt đới tôi đến miền xứ lạnh
Xuống máy bay đã thấy tuyết mùa đông
Ở Virginia mấy tháng ròng
Quen xe điện ngầm, hàng cây trụi lá.

Đường điện ngầm theo chiều sâu rất lạ
Chui dưới sông dài chạy đến thủ đô
Có khi trồi lên qua nghĩa địa mờ
Nơi những tổng thống ngàn năm yên nghỉ.

Vào mùa xuân ven sông trời tuyệt mỹ
Từng cây hoa đào phơn phớt hồng tươi
Những cành thông dưới ánh nắng xanh ngời
Mặt đất ẩm mùa băng tan đã tới.

Nhưng hình như con người chưa đổi mới
Phố vẫn im lìm kín cửa người dưng
Bộ hành lẻ loi, xe cộ không ngừng
Thành thị văn minh, bóng người sa mạc.

Nên tôi đi để không còn mất mát
Tìm mùa xuân nồng ấm ở đồng hương
Đi đến miền gần bờ Thái Bình Dương
Cuộc hành trình bằng chuyến xe vạn dặm. ■

Đỗ Quý Toàn

THI SĨ

Nếu như chúng ta yêu nhau bây giờ
Hẳn nhân loại cũng vơi nhiều đau khổ
Rừng hoang xa lại chan chứa ước mơ
Trong mặt đất sâu nước reo mừng rỡ

Nếu như anh được nâng niu hai bàn tay
Khuôn mặt dịu dàng như trăng mới nở
Mặt trăng hồng soi ngấn ngấn non xanh
Gió phới phới đêm trở thành sóng vỗ

Nếu như trên thế giới này chúng ta biết yêu
Mặt đất sẽ trở thành nguyên mới mẻ
Trên những con đường cỏ sẽ yêu hoa
Vợ sẽ yêu chồng và con yêu mẹ

Ta là thi sĩ nói tiếng hạnh phúc
Tiếng nói loài người nồng nàn da thịt
Ta là tiếng cười rơi vỡ trên lối đi
Dưới gót chân nàng reo vui tíu tít. ■

Thái Tú Hạp

TÍNH EM THÁNG GIÊNG

Cơn sốt tình mùa đông rụng vỡ
lá lên xanh như ngọc ở đầu non
trong vườn em tháng giêng vừa nẩy lộc
con chim nào vừa hót dễ thương

sầu đã chia xa như con sóng
mùa tịnh an đã nhóm lửa đêm qua
sáng thức dậy mở hồn trinh thơm ngát
vài cành hoa lấp lánh trước hiên nhà

em hãy rót cho ta đôi mắt biếc
lời chim ngoan về đậu trên môi
mùa thanh xuân ngọt ngào cây trái mật
em cho ta niềm hạnh phúc tinh khôi

ta ở đây tâm như dòng sông cũ
khói trầm quen hơi thở quê hương
tình già nua giữa mùa xuân biệt xứ
chưa một lần quay mặt dối gian

xin giữ lại cội mai vàng trong ý
đời hư vô thấp thoáng sương bay
dẫu một mai sầu chia mấy ngả
tình tháng giêng em như một cơn say... ■

Vĩnh Chánh

NHỮNG CÁI TẾT NĂM XƯA

Nhìn về những cái Tết khi còn ở quê nhà, Tết là một ngày lễ quan trọng duy nhất cho mọi người, mọi gia đình, cho cả nước. Bởi vậy có những năm mẹ tôi được chính phủ cho thêm lương tháng 13. Người lớn rộn ràng sửa soạn Tết theo cách người lớn, tỉ mỉ, chuẩn bị trước cả tháng. Con nít chúng tôi có những náo nức riêng. Nhà nhà đều ăn Tết, vui Tết.

Với đa số trong chúng ta, kỷ niệm về Tết Nguyên Đán khi còn ở quê nhà, hình ảnh anh chị em trong gia đình quấn quýt trong ba ngày Tết, những món ăn đặc biệt, những mứt món đủ màu sắc, mùi pháo nổ với những xác pháo đỏ thắm, thăm mừng tuổi họ hàng,... luôn là những kỷ niệm sâu đậm khó phai.

Sáng sớm Mùng Một Tết Nguyên Đán, mẹ tôi cùng các con mình đến nhà thờ làm bổn phận thiêng liêng, cầu nguyện và mừng tuổi Chúa. Xong lễ, gia đình chúng tôi cùng với gia đình bác, các cô chú đồng tụ tại nhà Ông Bà Nội tọa lạc ở phần đất cao nhất của xóm Đường Đá, Phủ Cam và trải dài xuống gần Bến Ngự. Một truyền thống của đại gia đình qua bao nhiêu năm, kể từ khi tôi bắt đầu có trí nhớ. Nghe kể lại, Ông Nội dậy sớm nhất bước ra khỏi nhà, tự đạp đất nhà mình trước khi tất cả con cháu đến chúc Tết. Gia đình nào đến trước sẽ vào thăm bàn hoa quả bánh mứt của Bà Nội ở nhà chính, hoặc đứng ngoài sân chờ đợi, chuyện trò rộn ràng với nhau trong khi những đứa con nít cùng trang lứa tranh nhau chạy chơi trong sân vườn rộng lớn. Khi mọi gia đình có mặt đầy đủ, tất cả đồng kéo qua tập trung trước căn nhà riêng của Ông Nội, nằm chéo góc bên cạnh nhà lớn.

Khi Ông Bà Nội đồng an vị vào hai chiếc ghế dựa lớn để ngay ở cửa chính được mở rộng, mặt mày rạng rỡ trong áo gấm đỏ, lễ Mừng Tuổi bắt đầu bằng tràng pháo nổ tưng bừng từ dây pháo dài treo trên cây. Riêng tôi bắt đầu ngất ngây với tiếng pháo nổ chát tai, xác pháo đỏ văng tung toé và mùi thuốc súng. Trong không khí trang nghiêm của ngày đầu xuân, bác của tôi bao giờ cũng là người đầu tiên mở đầu cho buổi lễ, khúm núm đứng trước Ông Bà Nội xướng to những lời chúc mừng, sau đó cả hai vợ chồng cùng quỳ trên chiếu vái lạy thân sinh. Tôi vẫn còn nhớ rõ bác tôi kêu Ông Bà Nội bằng "Thầy Mạ". Sau bác là đến phiên các chú, các cô, bao gồm luôn cả rể và dâu, trong đó có mẹ tôi, cùng tiến đến quỳ lạy Thầy Mạ. Bấy giờ, Ông Nội mới từ tốn ban lời mừng Tân Xuân cho từng người con, cũng theo thứ tự, từ con trai trưởng cho đến cô út.

Sau thế hệ con đến thế hệ cháu với mỗi gia đình theo thứ tự lần lượt bước vào chiếu hoa. Thông thường người con lớn nhất hiện diện tại chỗ đứng giới thiệu tên từng đứa em trong gia đình mình với Ông Bà Nội trước khi tất cả đều quỳ lạy mừng tuổi ông bà. Ông Nội thường hay hỏi từng đứa cháu về chuyện học hành, gia cảnh nếu đã lập gia đình, trước khi nói lời chúc đầu năm. Có những năm, tất cả các cháu được cho đứng sát với nhau và đồng quỳ lạy chúc mừng Ông Bà Nội một lần, sau khi một cháu lớn nhất đại diện mở đầu lời Mừng Tết ông bà...

Kế thế hệ cháu là đến thế hệ chắt, cùng quỳ lạy chung một lúc trong khi chắc lớn tuổi nhất trong đám nói lời cầu chúc Ông Bà Cố, với sự nhắc lời, trợ giúp của bậc cha mẹ bên ngoài. Trong những cái Tết trước khi Ông Nội tôi mất vào năm 1962, Ông Bà Nội tôi đã có trên cả chục đứa chít.

Xong lễ mừng tuổi Ông Bà Nội, các người con cùng dâu rể bước đến gần trò chuyện thân mật hơn, rót trà, rượu đưa mời Thầy Mạ của mình. Đó là lúc tôi thoáng thấy các phong bì đỏ được đưa vào tay Ông Nội và cả Bà Nội. Sau đó, Bà Nội mới thủng thỉnh mời tất cả mọi người vào nhà lớn thưởng thức các món Tết. Tôi nhìn thấy đủ loại mứt, từ mứt hột sen, mứt thơm, mứt dừa, mứt gừng, mứt mãng cầu, mứt kim quật, mứt khoai, mứt củ sen, đậu phụng ngào, hột dưa,... cho đến các món mặn như nem, chả heo, chả bò, chả thủ, tré, thịt quay, gà nấu đậu, vịt nấu măng khô, cải xanh nấu với giò heo, xôi lạp xưởng và tôm khô, xôi gấc, rồi bánh tét dưa món, bánh tét chiên, củ hành dầm nước mắm, củ kiệu, bánh chưng, bánh su sê, bánh thuẫn, bánh bột nếp, bánh hột sen và đậu xanh cái tròn cái vuông gói trong giấy kiếng nhiều màu sặc sỡ...

Bao nhiêu hương vị ngọt ngào, hiếm quý và cổ truyền của một cái Tết âm lịch do chính tay Bà Nội làm cùng các người con và dâu trong gia đình đem đến từ ngày hôm trước. Khi lớn hơn và ở xa hơn, tôi cũng đã từng đạp xe đạp đem đồ Tết của nhà mình đến biếu Ông Bà Nội. Và trên bàn luôn có món quà Tết của "Cậu" Cẩn và của chính Tổng Thống Ngô Đình Diệm gởi đến biếu cho tré Nội, vì Bà Nội tôi là em ruột của Bà Cụ Cố, tức là dì ruột của các vị đó.

Buổi ăn chấm dứt, đại gia đình xúm xít lập sòng chơi đổ Tam Hường, chơi bài các-tê (năm lá bài), bài xì-lát, tứ sắc, bài xẹp,... Tiếng la hét của người hên bạc, kẻ thua tiền, tiếng reo hò vui cười, chọc ghẹo hòa cùng với tiếng xoang xoảng của những con súc sắc đổ trong tô sứ, tiếng pháo lẻ nổ đì đùng ngoài sân từ lũ con nít chúng tôi làm không khí mùng Một Tết thêm hào hứng. Sau ăn trưa, đổ Tam Hường hay chơi bài lấy hên, các gia đình lần lượt kéo nhau đến đạp đất từng nhà một, không cách xa nhau lắm, với nhà bác trước rồi đến nhà các cô, chú, lập lại màn chúc Tết nhau, rồi ăn uống, và lì xì cho con nít. Truyền thống này vẫn tiếp nối dù sau này chỉ còn có Bà Nội, vẫn trang trọng và ấm cúng dù mức độ nhỏ hơn vì số con cháu thưa dần với các anh chị con bác và cô chú vì sinh kế, lập gia đình và đi học nơi xa nên khó về.

Trong ký ức tôi, cái hay nhất, cái đáng nhớ nhất, sống mãi trong lòng của mình, không phải là những khi được mừng tuổi tré Nội và đi thăm các bác, cô, chú. Hay là được cho mặc bộ quần áo mới, được lì xì đốt pháo, cho ăn bánh mứt và các món đặc biệt của Tết. Mà chính là những ngày trước Tết, đôi khi cả vài tuần trước Tết, khi các anh chị xúm nhau sửa soạn thức ăn, mứt món cho ba ngày Tết. Cái truyền thống đó chính là tinh thần đoàn tụ của một gia đình. Đó là tìm mua và chưng một cành mai vàng với những thiệp chúc Tết treo ở các nhánh nhỏ. Đó là cùng chia nhau cắt các củ cà rốt, củ cải, dưa leo, trái su hào, su le. Rồi đem phơi khô trên các rổ tròn vài ba nắng cùng với ớt, tỏi, củ hành, củ kiệu, để sau đó cho vào hũ, thấu to nhỏ, đổ thêm nước mắm nấu với đường làm dưa món, và hành dầm nước mắm và hành dầm chua. Sau màn dưa món là đến màn làm các loại bánh bột nếp, bánh đậu xanh khô ép vào khuôn, bánh hột sen vo tròn mà tôi có nhiệm vụ cắt giấy gương màu xanh đỏ vàng trắng cho các chị bao lại. Kế tiếp là những ngày lột vỏ hạt sen và lấy tim sen ra, xắt các củ gừng, cà-rốt, những trái dừa (cả non lẫn già), cắt các trái thơm, các củ sen, củ khoai, dùng cả chùm kim cúc đâm vào kim quật để lấy hột và vắt bớt nước chua ra,... để ngào với đường thành các loại mứt. Nhiệm vụ của tôi là canh lửa, quạt lò, thêm than cho hai, ba cái lò mà phần thưởng là thỉnh thoảng được cho ăn thử vài ba miếng. Một khi làm xong, các sản phẩm này, bao gồm mứt hạt sen, gừng khô và dẻo, mứt thơm, mứt dừa, mứt thơm trộn chung với mứt gừng dẻo, mứt củ sen, mứt cà rốt, mứt kim quật, mứt khoai lang, thường được cất giữ trong các thẩu hoặc trong các bao, thùng lớn... Tôi vẫn thích nhất là mứt dừa và đậu phụng ngào có các màu trắng xanh đỏ khác nhau và mứt khoai lang có thêm hương vị gừng, vàng cháy dính sát đáy nồi. Và món bánh tét chiên ăn với dưa món, nhưng phải chờ sau Tết mới ăn được món này.

Sau đó là đến đợt làm các loại bánh ngọt như bánh thuẫn và bánh *beignet* với các khuôn bằng kim loại và phải chiên với dầu. Mẹ tôi và anh chị tôi làm rất nhiều hai loại bánh này để trong cả chục thùng nhôm khá lớn trước đầy đựng dầu ăn hay nước mắm rửa sạch. Để sau đó, mẹ tôi cùng hai bà chị sinh đôi và tôi mang đến tặng cho các tù nhân trong Lao Thừa Phủ, nằm sau lưng tòa hành chánh tỉnh, ngay sát bên hông trường Đồng Khánh. Lao Thừa Phủ là nơi mẹ tôi bị Pháp cầm tù trong hai năm vì tham gia rải truyền đơn khi đang còn học nội trú trường Đồng Khánh, và người cũng từng lên tiếng với chúng tôi là chắc có những tù nhân bị giam oan trong đó.

Có năm, một số gia đình trong "xóm" trường Đồng Khánh, kể cả gia đình chúng tôi, rủ nhau nấu bánh chưng, bánh tét, vài đêm trước đêm Giao Thừa. Đây thật sự là một điều rất thú vị cho tôi khi được cho ngồi canh nồi bánh cùng với các anh chị lớn trong xóm, được nghe những câu chuyện lý thú và nhất là có một đêm không ngủ nằm trên các chiếu trải trên hành lang trước dãy các lớp học. Sáng hôm sau, một chiếc bánh chưng được vớt ra trước để chia nhau ăn thử, tôi xí được một miếng nhỏ. Ngon ơi là ngon! Nghĩ lại mà lòng vẫn còn tràn ngập kỷ niệm. Không ngon sao được khi thức trắng cả đêm đói bụng quá chừng mà "cháp" được một miếng thì phải ngon tuyệt và nhớ đời.

Các món khác như chả lụa, nem tré, hột dưa, táo tàu, hồng khô, mứt mãng cầu,... thì phải đi mua bên ngoài. Trước Tết, mẹ tôi bao giờ cũng mua một tạ gạo, như một dấu hiệu tốt cho nhà không thể thiếu gạo cơm, vốn là căn bản của mọi gia đình nhiều con. Những hũ dưa món, hộp mứt, những bánh trái rồi cũng được mẹ tôi sai chúng tôi đem biếu cho các dì trong trường Đồng Khánh, hay tặng cho các người quen đã từng cho mẹ tôi vay nợ mà mẹ tôi luôn nhớ ơn vì họ đã tin tưởng mẹ tôi khi thiếu hụt tiền để nuôi các anh chị học xa...

Vào những năm tôi lớn đủ để rủ các bạn trong xóm Đông Khánh đạp xe qua phố xem đoàn múa lân trình diễn trước các của tiệm của phố Trần Hưng Đạo, Phan Bội Châu hay Gia Hội,... theo nhìn các đoàn múa lân thay phiên nhau vừa nhún nhảy như thể đi quyền, vừa leo lên vai nhau hay leo lên thang cố lấy cho được phong bì đỏ đựng tiền, giữa những tiếng nổ chát tai của xâu pháo treo dài từ trên lầu xuống tận đất. Tôi cũng đến các hội chợ Tết, ngay trong khu công viên trước Cửa Thượng Tứ, xem hoa, xem xiếc, mua pháo, mua vé vào xem xe mô-tô chạy vòng vòng trong nhà tròn cao, nhìn người chơi bài ba lá, bầu cua cá cọp hay xổ số lô-tô. Sau này khi vào học ở Sàigòn, tôi cùng chúng bạn có dịp chen nhau đi chợ Tết Bến Thành, mua các loại khô sặc, khô cá thiều, khô nai,... cùng các loại mứt, rượu mận và trái cây miền Nam thơm ngon. Và nhất là dạo khu bán hoa trên con đường Nguyễn Huệ, vừa ngắm hoa vừa ngắm các thiếu nữ tuổi xuân thì.

Ngày cuối năm, tức ngày Ba Mươi Tết, chúng tôi thay phiên nhau dọn dẹp nhà cửa, làm vệ sinh cá nhân, chuẩn bị áo quần tươm tất cho ngày mai. Người làm đi chợ mua thêm vài món nấu liền vì chợ đóng cửa trong ba ngày Tết. Như các món gà nấu đậu, vịt nấu măng khô, canh cải nấu với giò heo... Tối hôm đó, mẹ tôi cùng các con mình xúm xít ngồi ăn bánh chưng và bánh tét với dưa món, hành dầm nước mắm với vài món mặn khác, cùng nhau thưởng thức vài món mứt nhà làm. Sau đó đến màn chơi đổ Tam Hường mà tôi mê nhất là tiếng leng keng trong thanh của ba con súc sắc trong cái tô lớn. Chờ nghe pháo nổ và đón Giao Thừa.

Đó là những năm tháng êm ấm tại Huế, của cái "thuở thanh bình ba trăm năm cũ" nơi tôi được nuôi dưỡng, yêu thương, lớn lên và đến trường. Khi cuộc sống dân chúng đâu đâu đều ấm no hạnh phúc.

Anh về qua xóm nhỏ, Em chờ dưới bóng dừa
Nắng chiều lên mái tóc, Tình quê hương đơn sơ
(Tình Quê Hương - Đan Thọ)

Tiếp theo là những năm biến động của phong trào sinh viên Phật Giáo tranh đấu, những chính lý chính trị ở trung ương, sự hiện diện của quân đội Mỹ đưa đến những hỗn loạn trong dân chúng và dấu hiệu leo thang của chiến cuộc, nhất là vào năm cuối của tôi ở trung học và năm đầu tiên ở đại học. Tết đến trong không khí hơi ngột ngạt.

Tết Mậu Thân 1968!

Đúng vậy! Có ai ngờ quân CS đã tráo trở xé thỏa thuận hưu chiến, đem chiến tranh đến tận các thành phố trong những ngày thiêng liêng của đất nước. Biết bao nhiêu người đã sống lo âu sợ hãi khi nhìn thấy chiến tranh với bom đạn và chết chóc đến ngay tận làng xóm mình, tận nơi nhà mình! Như trường hợp gia đình tôi. Đã nhìn thấy cảnh đổ nát kinh hoàng của thành phố, đã bị kẹt giữa hai lằn đạn. Đã chứng kiến sự dã man tàn ác của phe gọi là "giải phóng". Có bao nhiêu người là chứng nhân cho sự thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế khi người thân trong gia đình, người quen trong khu phố bị giết chết, bị bịt mắt đem đi thủ tiêu, bị tra khảo, đập vào đầu trước khi bị xô xuống khe suối hay bị cột chùm chôn sống với hai tay bó chặt sau lưng bằng dây điện thoại. Ở đâu ra những hố chôn tập thể tại trường Gia Hội, Gò Cát, Bãi Dâu, Tây Lộc, Phú Thứ, Đá Mài...? Và biết bao ngàn người đã ai oán khóc trong căm hờn và đã chít khăn tang...

Giờ đây, lòng tự hỏi lòng có vui không, có rộn rã khi Tết đến? Hình ảnh ông đồ già vẫn như xưa? Các trẻ nhỏ chạy theo pháo nổ? Những người dân bị mất công ăn việc làm, mất đất mất nhà, sẽ phải lang thang trong những ngày Tết? Những người con gái bị mua bán sang các nước sẽ có chăng thì giờ cúng vái tổ tiên, nhớ về cha mẹ? Những gia đình chịu mất mát, thiệt hại trong nạn Covid sẽ như thế nào? Cuộc sống thay đổi, ít người còn mơ những ngày tự tay làm bao thứ mứt món, mấy ai còn "tỉnh thức" ngồi canh nồi bánh chưng trong đêm Ba Mươi. Thật vậy, khi tinh thần Tết đang mất dần, khi không khí Tết không còn như xưa, khi gia đình các tù nhân lương tâm bị bao vây kinh tế, khi người dân đã nghèo nay lại nghèo hơn, thì các bạn đang ở hải ngoại, xin hãy cùng nhau hướng về quê nhà, thắp một nén hương lòng trong ngày Tết, chân thành cầu nguyện cho chế độ CS chóng tàn, nước Việt Nam không bị mất tấc đất nào cho bọn phương Bắc, dân lành tử tế vĩnh viễn sống không bị chèn ép trong đồng ca an bình, người người xây dựng lại truyền thống công bằng, bác ái, theo đúng nghĩa của người Việt chân chính thương mến nhau, giúp đỡ nhau – như đã từng có, trước đây, tại Miền Nam Việt Nam – trước khi nhóm người CS vô thần, vô tổ quốc xuất hiện thống trị đất nước bằng bạo lực và bạo tàn.

Tôi ước mơ có một ngày nào đó, khi chính thể CS hoàn toàn tan rã, khi con người công chính trở lại làm nền tảng trong xã hội mới, chúng ta sẽ trở về – những người bạn từ thời xa xưa – cùng nhau làm lại một bữa tiệc Tất Niên, mời vong linh các thầy, các bạn, các anh em đồng đội đã chết trong khói lửa chinh chiến, trong các biến cố tang thương của đất nước, trong các trại tù, trên biển,... cùng nhập tiệc. Kẻ đang sống cùng người thiên cổ bên cạnh nhau hoài niệm đến một nước từng là hình ảnh của Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín, nhớ về một miền thùy dương ngọt ngào nhân tính, một ngôi trường thân yêu giàu truyền thống giáo dục và y đức, một thành phố mến yêu thơ mộng. Để nghe những người quá cố tâm sự về cái chết oan khiên của mình. Được như vậy, hương hồn các vị đó sẽ sớm được siêu thoát và vĩnh viễn an nghỉ chốn nghìn thu. Và chúng ta đây giảm khắc khoải đau thương...

"Em ơi, dưa món năm mô em làm cũng ngon hết. Năm ni cũng hết sẩy. Nhớ chiên bánh tét cho anh ăn với dưa món nghe." ■

VĨNH CHÁNH
(Cựu sĩ quan Quân Y binh chủng Nhảy Dù,
hiện sống hưu trí tại thành phố Mission Viejo, California)

Nguyễn Mạnh Tiến

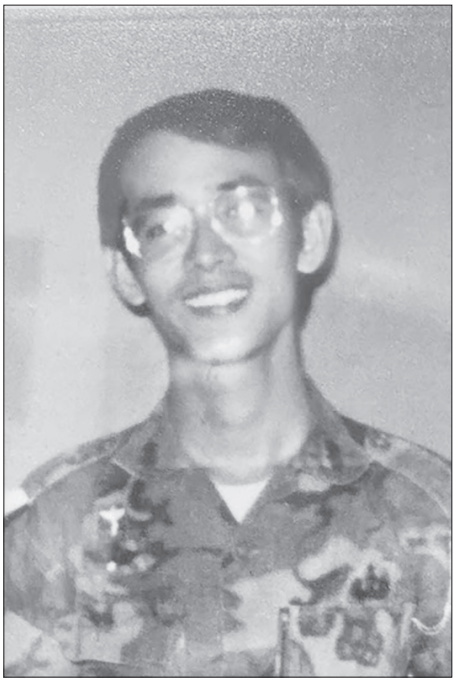

XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ[1]

[1] Tựa đề một sáng tác của nhóm nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân)

Trong gia đình tôi, ngày Tết luôn luôn là một ngày truyền thống trọng đại trong suốt năm. Đi đâu thì đi, vào tối Giao Thừa, bà ngoại, bố mẹ và tất cả các anh chị em tôi đều có mặt trong bữa cơm cuối năm thịnh soạn, bên bàn thờ gia tiên đã được sửa soạn trang trọng và tươm tất. Cơm nước xong, chúng tôi ngồi quây quần vừa cắn hạt dưa, ăn bánh mứt, vừa trò chuyện, rồi bầy cuộc rút bất xem thử hên xui, chờ đón Giao Thừa.

Năm nào cũng vậy, trước khi đồng hồ điểm 12 giờ khuya một chút là bố tôi áo quần tề chỉnh, mở cửa ra đường đi bộ một quãng, canh đúng giờ Giao Thừa là quay về gõ cửa, tự xông đất nhà mình. Bà ngoại, mẹ tôi và chúng tôi đã chờ sẵn để mở cửa đón ông, rồi mọi người chúc nhau những điều tốt đẹp cho năm mới. Bố tôi mở một chai *champagne*, rót cho cả nhà uống để tiễn năm cũ và đón mừng năm mới. Những chiếc bánh chưng đầu tiên trong năm được mở ra, ăn chung với dưa món, giò chả, thịt đông, là những món ăn truyền thống ngày Tết. Rồi canh bất lại được tiếp tục trong tiếng cười đùa vui vẻ. Cũng có năm tôi đi cùng bố mẹ lên chùa Xá Lợi (hoặc chùa gì tôi quên mất tên gần vườn Tao Đàn) để lễ Phật và hái lộc đầu xuân. Chẳng năm nào mà chúng tôi đi ngủ trước 2 giờ sáng.

Vậy mà sáng mồng Một Tết, vào khoảng 8 giờ là cả nhà đã lại quần áo chỉnh tề, tụ họp trong phòng khách để chính thức chúc Tết bà ngoại, bố mẹ và nhận những phong bao mừng tuổi đỏ chót, cho dù đã lớn. Sau đó tôi chở bố mẹ đi chúc Tết những bậc trưởng thượng trong họ suốt buổi sáng. Buổi chiều ngày mồng Một thì bố mẹ tôi ở nhà để tiếp bà con cấp nhỏ hơn đến chúc Tết . Còn tôi thì tự do. Hồi còn nhỏ thì mấy anh em đi chơi loanh quanh, lắc bầu cua, đánh bài cào với bọn trẻ hàng xóm. Lớn hơn thì đi chơi với bạn. Sau này thì thường chạy lên nhà người yêu chúc Tết ông bà nhạc tương lai, và ở chơi đến tối. Năm nào cũng vậy, với tôi Tết luôn luôn là một dịp tụ hội đầm ấm của cả gia đình, và là dịp mọi người gặp gỡ, chúc tụng lẫn nhau những điều tốt lành nhất cho năm mới.

Cuối năm 1973, tôi tốt nghiệp bác sĩ từ trường Đại Học Y Khoa Sàigòn. Vì đã gia nhập Quân Y ngay từ năm thứ nhất Y Khoa, đã qua huấn luyện quân sự căn bản, nên khác với các bạn dân y trong cùng lớp, chúng tôi chọn chỗ và đáo nhậm đơn vị ngay. Tôi chọn binh chủng Biệt Động Quân vì muốn phục vụ và sống trong một đơn vị chiến đấu để thực sự biết được thế nào là chiến tranh, thoả chí tang bồng và óc tò mò của một thanh niên còn "hăng tiết vịt"!

Đơn vị tôi trú đóng tại An Lộc, thị xã của tỉnh Bình Long. Sau Mùa Hè Đỏ Lửa, mặc dù quân ta tái chiếm được An Lộc, nhưng Quốc Lộ 13 là con đường độc đạo thông thương nối Bình Long với Sàigòn bị lực lượng Việt Cộng cắt đứt, biến An Lộc thành một ốc đảo cô lập, ra vào chỉ bằng phương tiện duy nhất là trực thăng.

Ngồi trên trực thăng bay vào An Lộc lần đầu, thú thật là tôi không mấy gì hào hứng. Từ cao độ 4,000 *feet* nhìn xuống, chỉ thấy bát ngát một màu xanh của rừng, màu xám của núi phía xa, và lỗ chỗ những hố bom đỏ lòm, vì đây là miền đất đỏ.

Bay giữa ban ngày mà bỗng nhiên trực thăng thả liên tiếp khoảng chục trái hỏa châu. Thấy tôi ngơ ngác, một anh lính đi phép về trong cùng chuyến bay giải thích rằng đấy là biện pháp để chống hỏa tiễn tầm nhiệt SA-7 do địch bắn lên phi cơ, để nếu có xảy ra thì hỏa tiễn sẽ nhắm vào mấy trái hỏa châu nóng đỏ rực kia mà tấn công. Đó là bài học thực tế chiến trường đầu đời của tôi, nghe cũng hơi lạnh xương sống!

Đơn vị tôi đóng ở ngay gần trung tâm thị xã, nơi một căn cứ cũ của quân đội Hoa Kỳ, gồm một số hầm kiên cố đào sâu xuống đất. Ngày nào địch cũng pháo kích, nên mọi sinh hoạt của đơn vị đều diễn ra dưới mặt đất, từ Trung Tâm Hành Quân, các Ban Truyền Tin, Tiếp Liệu, v.v... kể cả Ban Quân Y của tôi, đều có hầm riêng để làm việc. Hầm Quân Y khá rộng rãi, ngoài chỗ ngủ cho nhân viên còn có 15 giường cho thương bệnh binh, từ các tiểu đoàn BĐQ đóng chốt ngoài vòng đai thị xã chuyển về. Việc khám bệnh, chữa bệnh, v.v... đều diễn ra trong hầm, thường khi có việc gì cần mới lên mặt đất. Mới đầu thì tôi thấy tù túng khó chịu, sau cũng quen dần.

Sau này dạn dĩ hơn, tôi đi vòng vòng quan sát quang cảnh điêu tàn của thành phố. Thị xã An Lộc sau mấy tháng chịu hàng trăm ngàn quả pháo của quân Cộng nã vào, đã thành bình địa, không còn một cao ốc, một ngôi nhà nào nguyên vẹn. Những ngôi nhà không còn mái, tường sập loang lổ, cột rui bằng gỗ cháy đen. Rải rác trong nhiều con đường là những xác xe tăng địch bị quân ta bắn cháy. Cả thành phố chỉ còn toàn là quân nhân thuộc các đơn vị BĐQ, Địa Phương Quân và Nghĩa Quân. Không có bóng dáng của một người dân nào: họ đã được di tản về Lai Khê và Bình Dương ngay từ khi cuộc tấn công của VC bắt đầu. Độc nhất chỉ còn một quán bán cà-phê của bà Năm Gù, có hai cô con gái tuổi đôi mươi tên là cô Tính và cô Toán, hai bóng hồng duy nhất của An Lộc, và dĩ nhiên là đối tượng của hàng nghìn cây si quân đội.

Trong Ban Quân Y Liên Đoàn của tôi, có độ 20 hạ sĩ quan và binh sĩ. Khoảng 5, 6 người ở lại hậu cứ tại Long Bình lo sổ sách và tiếp vận. Số còn lại lên An Lộc hành quân, cứ vài tháng lại hoán đổi với toán hậu cứ. Hóa ra lính lại sướng hơn quan, cứ vài tháng ở rừng lại được về nghỉ khỏe vài tháng ở hậu cứ, trong khi "sếp" của họ (là tôi) phải nằm ở hành quân "mút mùa Lệ Thủy", vì tôi là bác sĩ duy nhất của Liên Đoàn!

Ngày lại ngày, đời sống trôi qua nhàm chán. Có những lúc chiến trường sôi động, thầy trò bận rộn muốn khùng luôn khi thương binh di tản về nằm đầy dưới hầm bệnh xá. Cũng có những thời gian thật rảnh rỗi, bệnh xá chỉ có dăm, ba bệnh binh bị thương nhẹ, sốt rét hay đau ốm nên ít công việc, thầy trò chúng tôi tiêu khiển bằng cách đánh cờ, đánh *domino* hay binh xập xám. Ăn uống thì vô cùng thanh đạm: có ban ẩm thực nấu ăn ngày hai bữa cho các sĩ quan Liên Đoàn, có canh tôm khô nấu với rau tiếp tế hàng tuần từ hậu cứ (thường đã héo queo), và chủ yếu là thịt hộp Quân Tiếp Vụ.

Lên đơn vị được vài tháng là đã cận Tết. "Sếp" lớn ra lệnh: Các sĩ quan đều phải ở lại, không ai được về phép ăn Tết vì đơn vị cấm trại, cảnh giác tối đa, đề phòng địch thừa cơ hội tấn công như hồi Tết Mậu Thân.

Tết năm ấy là Tết đầu tiên trong đời mà tôi phải xa nhà. Ngày Ba Mươi Tết, trừ mấy quân nhân có nhiệm vụ canh gác, doanh trại vắng hoe. Trời nóng như thiêu, nên quan cũng như lính ai nấy đều chui xuống hầm để tránh cơn nóng và gặm nhấm nỗi buồn của người lính "trấn thủ lưu đồn". Chiều đến, vài người bạn sĩ quan trong Liên Đoàn kéo xuống hầm Quân Y chơi với tôi. Có một chai *whisky* Nhật rẻ tiền, nhãn *Four Seasons*, do một anh may mắn được về phép mới lên mang theo, chia nhau bốn, năm mạng nhậu với cá khô, vèo một cái đã hết, chẳng thấm vào đâu. Ngồi nói dóc xuống mãi cũng chán, anh em lần lượt ra về. Đến chập choạng tối chỉ còn mình tôi nằm khoèo trong hầm, nghĩ đến gia đình giờ này đang tíu tít lo sửa soạn đón Giao Thừa, nhớ người yêu, nhớ không khí Tết gia đình đầm ấm, lòng buồn như chấu cắn!

Tôi thiếp ngủ lúc nào không biết, và chợt thức dậy khi nghe tiếng hát và tiếng đàn *guitare* vang lên trong căn hầm. Tôi rời chỗ ngủ bước ra ngoài. Dưới ánh điện le lói của chiếc đèn nhỏ chạy bằng pin truyền tin, một chú bệnh binh ngồi trên ghế bố vừa ôm đàn vừa hát, chung quanh là một số thương bệnh binh và nhân viên Ban Quân Y. Chú đang hát bài *"Xuân Này Con Không Về"*. Tài nghệ đàn hát của chú đúng ra là ... dưới trung bình. Thế nhưng, dàn thính giả của chú, kể cả tôi mới vừa gia nhập, tên nào tên nấy mặt thườn ra dài ngoẵng, có tên còn rưng rưng nước mắt!

"Con biết Xuân này Mẹ chờ tin con
Khi thấy mai đào nở vàng bên nương
Năm trước con hẹn rằng con sẽ về
Nay én bay đầy trước ngõ
Mà riêng con vẫn xa ngàn xa...
Nếu con không về chắc mẹ buồn lắm
Mái tranh nghèo không người sửa sang
Mẹ ơi con xuân này vắng nhà..."

Chú lính hát xong bài, thính giả hoan hô nhiệt liệt, yêu cầu hát tiếp. Chú chơi tiếp bài *"Đồn Vắng Chiều Xuân"*:

"Đầu xuân năm đó anh ra đi
Mùa xuân này đến anh chưa về
Những hôm vừa xong phiên gác chiều
Ven rừng kín hoa mai vàng
Chợt nhớ tới sắc áo năm nào em
đến thăm gác nhỏ...

Mùa hoa năm đó ta chung đôi
Mùa hoa này nữa xa nhau rồi
Nhớ đêm hành quân, thân ướt mềm
Băng dòng sông loang trăng đầy
Lòng ước muốn vớt ánh trăng thề viết tên em...
Đồn anh đóng ven rừng mai
Nếu mai không nở, anh đâu biết xuân về hay chưa..."[2]

Ở cái xứ khỉ ho cò gáy, khô cằn sỏi đá này, rừng thì rặt lồ ô xen lẫn những đồn điền cao su, đào đâu ra *"én bay đầy trước ngõ"*, *"mai đào nở vàng trên nương"* với *"ven rừng kín hoa mai vàng"* như mấy "ông nội" nhạc sĩ giàu tưởng tượng viết ra! Những bài hát này, dạo trước tôi xếp vào loại "nhạc sến", cho là bình dân rẻ tiền, không có giá trị nghệ thuật. Ấy thế mà hôm đó nghe mấy bài này, do một chú lính "kém tài năng" trình diễn, tôi lại thấy lòng chùng hẳn xuống, cảm động muốn khóc, vì chúng đánh đúng vào tâm trạng cô đơn của một tên lính xa nhà khi Tết đến!...

Mùa Tết năm sau tôi cũng bị giữ lại An Lộc vì chiến trường đầu năm 1975 rất khốc liệt. Rồi bọn cộng sản vào chiếm trọn miền Nam, do đó mấy mùa Tết liền tôi cũng không có mặt ở nhà, vì mắc đi ... "tù tập trung cải tạo"! Ra khỏi "nhà tù nhỏ" năm 1978, mặc dù đã về với gia đình nhưng vài cái Tết trong "nhà tù lớn" (là cả nước VN bị đầy đọa trong gông cùm CS) không để lại trong ký ức tôi những kỷ niệm tốt đẹp nào. Không khí đầm ấm, vui tươi của những mùa Xuân ngày cũ không còn nữa. Thay vào đó là những cái Tết gượng gạo trong lo âu và căng thẳng, vì luôn chỉ băn khoăn kiếm đường vượt biên.

Năm 1980, tôi cùng vị hôn thê – nay là bà xã – từ Sàigòn xuống Rạch Giá, lên chiếc ghe nhỏ mỏng manh thẳng đường ra biển, và may mắn đến được bờ bến Tự Do. Từ khi định cư ở nước Úc, năm nào chúng tôi cũng cố gắng tổ chức Tết theo truyền thống Việt Nam, rán hết sức để tạo không khí Tết trong gia đình. Tối Ba Mươi Tết bao giờ cũng phải có bàn thờ cúng tổ tiên, cúng Ông Táo tươm tất. Cả nhà sẽ thức đón Giao Thừa để chúc Tết lẫn nhau. Ngày mồng Một Tết, không ai đi làm hay đi học (từ lúc các cháu còn nhỏ cho đến khi lên trung học, đại học, v.v... chúng tôi đều báo và xin phép nhà trường cho các cháu nghỉ học), mặc quần áo chỉnh tề chính thức chúc Tết. Làm như thế mỗi năm, chúng tôi mong các con cũng theo gương đó mà sau này may ra còn giữ được chút hơi hướm gì gọi là văn hóa cổ truyền của dân tộc Việt. Nhưng cho dù có cố gắng đến đâu chăng nữa, không bao giờ tôi tìm lại được những cảm giác êm đềm và ấm cúng của những mùa Xuân năm cũ tại thành phố Sàigòn thân yêu, khi gia đình sum họp đầy đủ cha mẹ và các anh chị em.

Xa quê hương đã hơn 40 năm chưa một lần trở về, tôi vẫn mơ hoài đến một ngày tươi sáng, khi quê hương không còn quằn quại dưới ách cai trị của tập đoàn độc tài CSVN. Khi đó, gia đình tôi chắc chắn sẽ về lại Sàigòn để ăn một cái Tết có lẽ là sung sướng nhất trong đời, trên một đất nước Việt Nam thực sự tự do, dân chủ. Đó là giấc mơ to lớn nhất, là nguyện vọng thiết tha nhất của chúng tôi.

Trước cao trào đấu tranh đòi dân chủ ngày một lớn mạnh của người Việt trong nước, đặc biệt là có sự tham gia tích cực của giới trẻ quốc nội, cộng thêm sự hỗ trợ bền bỉ của người Việt hải ngoại, tôi tin chắc rằng ngày sụp đổ của CSVN sẽ không còn xa nữa.

"Thế khó Bỉ rồi thời lại Thái
Cơ thường Đồng hết lại sang Xuân..."

Ngày huy hoàng ấy của dân tộc VN chắc chắn sẽ đến trong tương lai gần! Mong lắm thay! ■

NGUYỄN MẠNH TIẾN
(Cựu sĩ quan Quân Y binh chủng Biệt Động Quân, hiện định cư tại Sydney, Australia)

[2] Sáng tác của Trần Thiện Thanh

nguyễn mạnh tiến

nửa đời tự cảm

Sáng nay giật mình thức sớm
Nhìn mặt mũi mình trong gương
Trông phương phi, hồng hào gớm!
Ai ngờ: thất quốc tha hương!

Mười năm trôi qua thấm thoắt
Từ khi lữ thứ quê người
Lăn theo nhịp đời quay quắt
Ngậm ngùi, *"trong héo ngoài tươi"*!

Ngày nào hệt như ngày nấy
Đời mòn dần trong văn phòng
Loay hoay hoài không thoát khỏi:
"Cái vòng danh lợi cong cong"!

Bao ước mơ khi trẻ tuổi
Bao hoài bão thuở thiếu thời
Trải qua vạn nghìn bầm dập
Đành theo mây trắng mà trôi!

Rồi sẽ một hôm chợt tỉnh
Thấy mình tóc trắng như vôi
Suốt kiếp bon chen toan tính
Cuối đời cũng thế mà thôi!

Trong đáy tim ta ấp ủ
Một lời ước nguyện tầm thường:
Mai kia, đến ngày nằm xuống,
Được vùi lòng đất quê hương! ■

NGUYỄN MẠNH TIẾN
(Sydney, 11/1991)

Phan Lạc Phúc
(1928 - 2016)

QUA CƠN MÊ

Tôi vừa nhận thư từ Seattle, Mỹ gửi sang. Không phải những người bạn thân quen của tôi mà nhìn tên người gửi thấy đề *"T. Nguyen"* lạ hoắc. Sang xứ sở văn minh thực dụng này, tên tuổi lộn đầu lộn đuôi mà chữ viết cũng ít khi dùng đến, nên tôi cầm lá thư mà chưa nhớ ra ai. Mỗi người sinh ra trên trái đất này đều có một nhân dáng riêng, cũng như có một nét chữ riêng, có ai giống ai đâu? Bây giờ bỏ cái riêng tư ấy đi, dùng toàn chữ in sẵn trong *computer* – tiện lợi thì có tiện lợi thật nhưng cầm cái thư tôi thấy nó lạnh lùng, khô khốc... Bề ngoài bao thơ không cho tôi một tín hiệu tình cảm nào, tôi hờ hững mở thư. Nhưng vừa đọc, tôi đã vô vàn cảm xúc: *"Anh P. ơi, chắc anh không nhớ được em đâu, nhưng em nhớ anh hoài, em nhớ* 'ông già chăn ngựa'. *Em là* 'La Sơn Phu Tử' *đây."* Những cụm từ *"ông già chăn ngựa "* và *"La Sơn Phu Tử"* đã như chiếc chìa khóa mở ra một quãng đời tù tưởng đã nhạt nhòa trong ký ức...

Dạo ấy là cuối năm 1977, chúng tôi vừa từ giã trại tù quản quản Liên trại 2 để đến một nhà tù chính thức Yên Hạ - Sơn La thuộc Công an - Bộ Nội vụ.

Cùng là đi "cải tạo" nhưng bên trong có chia ra nhiều loại. Loại "cải tạo" trong Nam tương đối nhẹ nhàng hơn, ngắn hạn hơn. Tù nặng, tù lâu là ra Bắc. Những năm đầu ra Bắc, tù đặt dưới quyền quản quản, tức là do bộ đội quản lý. Sau chừng từ hai đến ba năm, tù được chuyển dần từ trại "trâu xanh" (bộ đội) sang trại "bò vàng" (công an). Ở trại tù chính thức của Bộ Nội vụ như Trại Yên Hạ này, chúng tôi được gặp những bạn tù anh em ta bị bắt từ hồi Mậu Thân (1968) cũng như một số anh em khác là tù binh từ trận Hạ Lào (1971). Những trại tù này thường là trại hỗn hợp vừa có tù chính trị (như tụi tôi) vừa có tù hình sự. Bên hình sự có thiếu gì những người tù bị hình án nặng nề từ 20 năm đến chung thân ở đây.

Đến Trại Yên Hạ này, tôi được gặp Trung tá Kh., dân Tiếp Vận bị bắt hồi Mậu Thân khi về Huế ăn Tết thăm gia đình. Anh còn sống sót không nằm trong nấm mồ tập thể mấy nghìn người, kể ra cũng phải tạ ơn Trời Phật. Cho đến lúc này thì Kh. đã có thâm niên 9 năm tù, kinh nghiệm hơn tụi tôi nhiều lắm (mới có trên hai năm). Khi được hỏi về sự khác nhau, giống nhau giữa hai trại "trâu xanh" và "bò vàng", Kh. nói: *"Một bên là dao găm, một bên là thuốc độc, không biết bên nào êm ái hơn bên nào."* Ngừng một lát Kh. Nói tiếp: *"Tuy nhiên, qua các trại miền Bắc, tôi thấy cuộc sống tù đày tùy thuộc khá nhiều vào trại trưởng. Mới chuyển sang trại 'bò vàng' Công an mà các bạn được về đây là khá đấy. Ông cụ Việt, trại trưởng trại này, là một biệt lệ trong các cai tù... Rồi các bạn sẽ thấy."*

Chúng tôi nhận ra biệt lệ này ngay trong lần đầu tiên lên hội trường nghe "huấn thị". Trại trưởng Trại Yên Hạ, cấp bậc Trung tá Công an, thường được gọi thân mật là *"cụ Việt"*, là một ông già tóc bạc, tuổi trên dưới 60, dáng vẻ trầm tư, phát ngôn mực thước. Ông nói: *"Chúng tôi được trên giao nhiệm vụ quản lý các ông: cải tạo viên chính trị. Phạm nhân chính trị có quy chế riêng. Trại sẽ áp dụng đúng quy chế ấy đối với các ông. Tôi mong các ông chấp hành nội quy nghiêm chỉnh để trại chúng tôi thực hiện tốt mục đích trên giao mà các ông cũng tạo được kết quả bước đầu trong học tập cải tạo."*

Khác với cán bộ CS thường thấy, trại trưởng Yên Hạ nói ngay vào vấn đề, ngắn gọn, cụ thể – không lèm bèm chửi mắng mà cũng không lý thuyết chính trị rẻ tiền. Nhưng điều

đặc biệt là tù nhân chúng tôi chưa bao giờ nghe thấy ở đâu là ông cụ Việt này gọi chúng tôi là *"các ông"*. Sau Tháng 4 Đen 1975, chúng tôi tự biết mình đang đi xuống nấc thang thứ bét của xã hội, thuộc vào giai cấp bị triệt tiêu, chưa bị hành hạ, bắn giết lúc nào là may lúc ấy. Có bao giờ chúng tôi nghĩ rằng mình lại được gọi là *"các ông"* như thế. Tìm hiểu về người trại trưởng, tôi lại phải hỏi Kh., người tù thâm niên ở đây. Được tiếp xúc với trại trưởng nhiều lần, nên Kh. dường như hiểu biết khá rõ về ông cụ Việt. Kh. nói: *"Ông ta là người có văn hóa, nói tiếng Pháp khá hay, nguyên là trưởng xa* (chef train) *của Sở Hỏa Xa thời Pháp. Ông ta hình như có tham gia hội kín, hội hở trước 1940 và sau mới chuyển theo cách mạng. Vì 'quá trình' như thế nên bây giờ gần tuổi về hưu rồi mà cấp bậc vẫn lẹt đẹt trung tá. Xem như tên trại phó Đặng U. dần 'răng đen mã tấu' chính tông mới chưa đến 40 mà đã thiếu tá Công an rồi. Nó bóp còi qua mặt ông ta mấy hồi..."*

Đây là trại tù chính thức của Công an miền Bắc, và tôi nhận ra rằng những trại tù sau này mà tôi sẽ đi qua đều có một kiến trúc tương tự. Tường đá bao quanh cao chừng 4m (ở đây Sơn La "lưới núi" nên xây tường bằng đá hộc), ở trên có chăng thêm ba tầng dây thép gai chằng chịt. Bốn góc có bốn chòi canh, công an "bò vàng" gác suốt ngày đêm, đầu giờ, cuối giờ kẻng đánh lia chia, gắt gỏng. Ngay bên cạnh cổng giữa đi vào là văn phòng trực trại, nhìn vào một cái sân rộng gọi là sân "tập kết" nơi tù các đội tập họp đợi giờ xuất trại đi làm. Cuối sân tập kết là Nhà Văn hóa hay Hội trường, vừa là nơi hội họp, học tập toàn trại, vừa là nơi trình diễn văn nghệ. Dọc hai bên sân tập kết là hai khu nhà, gọi là Khu A và Khu B. Mỗi khu lại chia ra nhiều lô nhỏ có tường bao quanh. Mỗi lô có một nhà tù dài chia ra làm hai lán. Mỗi lán chứa hai đội tù, từ 70 đến 100 người, tùy theo nhân số lúc vắng, lúc đông. Chúng tôi đến Trại Yên Hạ này đầu mùa rét tháng 11 năm 1977 lúc tù rầm rộ kéo về mỗi người tù chỉ có được chừng 50cm vừa ăn vừa nằm chật cứng. Khu A là khu dành cho chúng tôi – tù chính trị, Khu B đối diện là khu hình sự. Theo quy định nhà tù, lô này không được sang lô kia, nếu không có phép của trực trại, và khu này với khu kia thì tuyệt đối cấm không được lai vãng.

Một buổi trưa, chúng tôi vừa tạm thu xếp chỗ nằm xong, chợt có tiếng la giật giọng từ bên khu B đối diện vọng sang: *"Chết tôi rồi, cứu tôi với. Ôi cụ Việt ơi!"* Từ một lô nhà khu hình sự một người tù đang cố sức chạy ra sân tập kết. Nhưng anh ta chạy không được vì một cán bộ Công an "bò vàng" đang nắm tóc người tù kéo giật xuống mà lên gối. Tiếng kêu cứu của người tù tắc nghẽn giữa những tiếng *"hự hự"* liên tiếp. Người cán bộ này ra đòn rất gọn rõ ra có nghề . Người tù rũ xuống như một đống giẻ rách mà cán bộ chưa tha. Còn "sút" thêm mấy quả vào lưng vào bụng. Chợt có tiếng ông cụ Việt từ một căn nhà gác ở bên ngoài cổng trại (ở dưới là văn phòng trại trưởng, ở trên là nơi ở) nói vọng vào: *"Cái gì thế?"* Có tiếng trại trưởng thì tên cán bộ mới từ từ bỏ đi... Tù bên khu B mới ra cõng người tù hình sự vào nhà, hình như đã ngất đi, trào máu họng.

Vừa mới sang nhà tù Công an mà chúng tôi đã được "dàn chào" như vậy nên "rét" quá. Lại phải đi hỏi Kh. bạn tù thâm niên. Kh. nói: *"Tù hình sự ở đây nó khiếp lắm. 'Đầu gấu' đấy. Hở ra là nó giết nhau ngay. Cho nên cán bộ an ninh kiểm chấp pháp (Chuẩn úy Trần M.) mới dữ như vậy. Nhưng trại trưởng ông cụ Việt thì không cho phép đánh tù. Có mặt ông là không được phép. Nhưng mà sau lưng ông là nó đánh ra gì. Đánh chết bỏ. Vài bữa nữa đi làm, các bạn đi về* phía *Mường Thải, thấy có cái nghĩa địa mả cũ, mả mới lỗ nhỏ, đó là chỗ tù theo nhau ra nằm ở đấy" "Tù chính trị cũng vậy à?" "Cũng nằm một chỗ nhưng có khác. Mả tù chính trị thì hơn được cái bia, hoặc là bằng đá hoặc là bằng gỗ. Còn mả hình sự thì vùi nông một nấm, coi như xong."*

Sau vụ dàn chào ghê rợn, một số anh em tù cải tạo thầm thì to nhỏ với nhau rằng: *"Trại trưởng ông cụ Việt đóng vai 'ông Thiện', phó trưởng trại Đặng U. với cán bộ giáo dục (tức chính trị viên của trại) Nguyễn Hồng L., và cán bộ an ninh kiểm chấp pháp Trần M. đóng vai 'ông Ác'. Đó là trò vừa đấm vừa xoa thường thấy."* Nhưng ở lâu hơn, tôi thấy hai khuynh hướng này đối chọi nhau rõ rệt, không phải chỉ là sách lược đối phó nhất thời.

Đã gần hết năm, một buổi họp bàn về tổ chức vui Tết năm Ngọ (1978) được cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. chủ trì. Anh cán bộ mặt gà mái này tuyên bố: *"Các anh sống một cuộc sống tay sai, trước là cho Pháp sau là cho Mỹ, nên các anh thiếu văn hóa, hay là không có văn hóa. Bây giờ đi cải tạo, cách mạng phải hướng dẫn các anh, dạy dỗ các anh sống có văn hóa. Trong dịp Tết này, trại dành cho các anh một nửa chương trình, một nửa cho Khu A, một nửa cho Khu B. Các anh hãy rán theo đường lối của cách mạng mà sửa soạn một chương trình văn nghệ, để xem các anh có mở mắt ra được chút nào không?"*

Còn ông trại trưởng ông cụ Việt, khi gặp Ban Văn nghệ chúng tôi được triệu tập lo chương trình Tết thì ông cụ lại nhỏ nhẹ nói rằng: *"Tết là một ngày lễ truyền thống của dân tộc. Các ông là người có học. Tôi hy vọng các ông sẽ đóng góp được một chương trình văn nghệ có ý nghĩa."* Cách ăn nói, thái độ khi tiếp xúc với chúng tôi của ông cụ Việt trại

trưởng ôn tồn, thoải mái, không có vẻ nghiến răng căm thù như thường thấy nơi cán bộ CS. Phải chăng nguồn gốc xuất thân của ông đã khiến ông có một niềm thông cảm tự nhiên đối với chúng tôi, những người tiểu tư sản thua quân, mất đất. Năm ấy chủ trương đấu tranh giai cấp còn rất mạnh; ở miền Nam đang vào cao điểm "đánh tư sản, mại bản" nên dân "Ngụy" chúng tôi từ trong tù cho đến ngoài xã hội được coi như một lũ "cùi" không ai dám đến gần. Đúng theo quy luật, chúng tôi là giai cấp bị triệt tiêu. Có những người bạn tù, có anh em ruột thịt làm lớn ở ngoài Bắc; những "nhà cách mạng" ấy đã vào Nam nhận họ, nhận "hàng", nhận tiền, nhận bạc để khi ra Bắc, nhờ mang một số quà đi thăm người thân cải tạo. Nhưng dù là anh em ruột thịt, cùng mẹ, cùng cha nhưng phần lớn các "nhà cách mạng" ấy quên luôn, không dám đi thăm. Dính líu với Ngụy quân-Ngụy quyền là phản động. *"Thời kỳ phát động chiến dịch, bố tôi bị đi cải tạo là tôi cũng phải quên bố tôi luôn nếu tôi muốn có số gạo, có bát cơm mà ăn, huống hồ là anh em họ hàng,"* một người tù hình sự đã nói với tôi như vậy. Thế mà ở đây đang mùa "đánh tư sản mại bản", ông cụ Việt chánh giám thị trại tù lại gọi chúng tôi là *"các ông"*. Tôi chưa gặp ở đâu, cai tù CS lại gọi đối xử với tù nhân như vậy...

Trại triệu tập Ban Văn nghệ tù chính trị bằng hai cách. Theo nghề nghiệp trước đây ghi trong hồ sơ và tin tức nhận được về những người tù có khả năng văn nghệ. Một người bạn của tôi được gọi ra thành lập Ban Kịch. Đó là bạn Nguyễn Văn Th., nguyên đạo diễn điện ảnh và sân khấu. Anh cũng là người được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc thời Đệ Nhất Cộng Hòa cùng với nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Th. già là bạn cùng Khóa 2 Thủ Đức và cùng ngành Chiến Tranh Chính Trị với tôi nên một bữa Th. tìm gặp tôi và nói: *"Cán bộ chính trị nó chửi mình nặng như thế thì dù là tù đi nữa, mình cũng phải làm cái gì chứ ông."* Nể lời bạn nên tôi cũng vào Ban Văn Nghệ với một nhiệm vụ khiêm nhượng "phụ tá khói lửa". Ở miền Bắc, kịch cũng như điện ảnh bao nhiêu năm qua đều sống với đề tài chiến tranh nên tổ chức nào cũng phải có người lo về khói lửa tức là vấn đề kỹ xảo về súng bắn, mìn nổ, lửa cháy, v.v... Nhưng nhiệm vụ khởi đầu của tôi chỉ là đem đến Ban Kịch một cái nùi rơm và cái điếu cày để anh em giải lao hút thuốc. Ngẫm ra rất đúng với nhiệm vụ được giao: có khói và có lửa.

Nguyễn Văn Th. được lệnh viết một cái kịch ngắn cho anh em trình diễn. Nhưng mà bạn tôi kẹt, viết mãi không ra. Một bữa tôi mới nói với Th.: *"Mình 'sức voi' mà đi viết kịch. Tư tưởng mình khác, tư tưởng của họ khác. Đầu óc họ luôn luôn căm thù, nghi kỵ, không khéo rồi 'bút sa gà chết'. Tại sao mình không lấy kịch của họ mà 'chơi?'" "Nhưng mà kịch của họ, nó chỉ chửi bố mình không làm sao mà diễn,"* Th. đủng đỉnh trả lời như vậy.

Khi mới về trại, tôi có thời gian lo liên lạc mượn một số sách, báo cho anh em, nên tôi biết thư viện trại có một số kịch bản. Trong trường kịch Quang Trung của Trúc Đường có một màn có thể tách ra diễn được. Tôi ngỏ ý với Th. già: *"Màn 'Lửa Kinh Thành' trong kịch 'Quang Trung' này viết khá. Nếu chơi màn kịch này, mình có hai điều lợi. Thứ nhất mình không mất công viết, kịch của họ, tác giả của họ mình khỏi lo về phần tư tưởng. Thứ hai kịch lịch sử nên anh em ta không có mặc cảm khi tập và khi diễn. Như thế may ra mới có 'chút lửa' cho anh em."* Tôi đưa kịch bản *"Lửa Kinh Thành"* cho Th. đọc và bạn tôi đồng ý; sau đó kịch được đưa lên Ban Giáo dục duyệt. Trong khi đó bộ phận nhạc do một số anh em ngành Tâm Lý Chiến đảm trách lo hát đồng ca, tốp ca, đơn ca và độc tấu tây ban cầm. Anh em bên nhạc cũng đồng ý chọn trình bày những bài ca ít sắt máu, ít căm thù mà vẫn bàng bạc một tấm lòng yêu quê hương xứ sở. Chương trình tổng quát được chuẩn y, gồm 30 phút ca nhạc, một giờ kịch, anh em bắt đầu vào tập dượt.

Chúng tôi tập ở trên hội trường, anh em hình sự tập trong một căn nhà Khu B. Chúng tôi được biết anh em hình sự được nghỉ lao động ăn tập trước chúng tôi hai tuần theo một chương trình đã được công diễn từ những năm trước, nay chỉ ôn luyện lại cho thuần thục. Nửa buổi, khi chúng tôi đang uống nước cầm hơi thì anh em văn nghệ hình sự xuống nhà bếp đem về một rổ khoai lang "bồi dưỡng". Theo như chúng tôi cảm nhận, Ban Giáo dục trại đang dốc hết tâm lực để phần trình diễn của anh em hình sự nhuần nhuyễn, vượt trội hơn phần văn nghệ của tù chính trị, nhằm *"dạy cho tụi Ngụy một bài học về văn hóa."*

Anh em trong Ban Văn nghệ Khu A tuy không nói ra nhưng cảm thấy có trách nhiệm trong trò chơi văn nghệ của mình. Đói thì đói nhưng anh em tập dượt hết mình.

Còn gần một tháng nữa mới đến Tết nhưng không khí thi đua văn nghệ giữa 2 Khu A, B đã lan truyền khắp trại. Anh em Khu A đi làm ngoài, có bữa kiếm được củ khoai, miếng sắn lại dấm dúi đem cho. Chúng tôi hiểu được sự chăm lo, kỳ vọng của anh em. Cuộc chiến tranh quân sự tàn rồi, cuộc chiến tranh văn hóa còn đang tiếp diễn.

Một hôm đang nửa buổi, trại trưởng ông cụ Việt vào hội trường dự khán anh em chúng tôi tập dượt. Thấy gần trưa rồi mà Ban Văn nghệ khu A vẫn xuông tình, ông cụ hỏi: *"Anh em không nghỉ ăn bồi dưỡng hay sao?"* Mấy người có trách nhiệm mới trình bày với trại trưởng là

chúng tôi vẫn tập "xuông" không có "bồi dưỡng". Ông cụ Việt liền cho gọi thi đua (mấy anh tù được cất nhắc lên làm chân chạy việc cho ban giám thị) lên chỉ thị: *"Cung cấp ngay chế độ bồi dưỡng hằng ngày cho Đội Văn nghệ Khu A."* Ông cụ còn dặn thêm: *"Lệnh trại trưởng cấp thêm cho mỗi Đội Văn nghệ của A lẫn B mỗi ngày một gói trà. Anh em tập dượt ca, kịch cần thấm giọng."* Thế là hàng ngày, "phụ tá khói lửa" là tôi lại thêm việc đun nước pha trà cho anh em nhấm nháp.

Đi vào thực hiện kịch lịch sử đối với chúng tôi, nó có ưu điểm nhưng cùng một lúc nó kéo theo nhiều điều phức tạp. Thứ nhất tập dượt cầu kỳ. Người "ngày xưa" ăn nói cử chỉ khác người ngày nay. Một ông quan văn với một ông quan võ chào hỏi, vuốt râu nó khác nhau, không giống nhau. Cách phát âm hay nói theo giọng nhà nghề "đài từ" của kịch lịch sử khác với kịch thời đại. Hơn nữa trang trí sân khấu, cách phục sức cho nhân vật kịch "ngày xưa" nó đòi hỏi nhiều nghiên cứu, nhiều phụ tùng hơn kịch "bây giờ", cái kho đạo cụ của trại không thỏa mãn được. Vào việc đạo diễn Th. già bấn xúc xích về việc dàn cảnh, về đạo cụ nên bạn già yêu cầu tôi lo giúp về phần tập luyện.

Bạn Th. già biết dạo xưa tôi có sinh hoạt trong Sông Hồng Kịch Xã ở Hà Nội trước khi động viên vào Quân Đội, trong khi đó Th. già viết cho báo Giang Sơn. Chúng tôi biết nhau từ ngày ấy. Vả chăng tôi vốn sinh trưởng ở nhà quê mà làng tôi vốn là đất Chèo, có một phường Chèo thường trực ở trong làng nên tự nhiên tôi quen thuộc với một số ước lệ của tuồng chèo cổ. Những năm đi kháng chiến ngoài bưng, tôi đi theo một đoàn tuyên truyền xung phong nên tôi cũng tàm tạm có một số kinh nghiệm về sân khấu. Cho nên nhận lời bạn già, tôi đang là "phụ tá khói lửa" lại thêm một chức vụ nữa "phụ tá đạo diễn".

Không gian kịch là tư dinh Đinh Đề Lĩnh, viên quan trấn thủ kinh thành Đông Đô (Thăng Long - Hà Nội). Thời gian là đêm mồng Bốn tháng Giêng năm Kỷ Dậu, đêm trước của toàn quân vua Quang Trung đại phá quân Thanh. Vở kịch đòi hỏi năm vai quan trọng: Đinh Đề Lĩnh, trấn thủ Thăng Long; thất vọng trước sự yếu hèn của hôn quân Lê Chiêu Thống, căm hận trước sự tham tàn bạo ngược của quân tướng nhà Thanh, nên phút cuối cùng Đinh Đề Lĩnh nghe theo lời khuyến dụ của La Sơn Phu Tử, đặc sứ của vua Quang Trung Nguyễn Huệ, mở cửa thành, đốt kho lương thảo khi nghĩa quân tấn công. Vai chính Đinh Đề Linh do Nguyễn Huy T., đại úy Đài Tự Do cục Tâm Lý Chiến đảm trách. T. là một con người tài hoa, hát hay, nhảy giỏi, dáng người cao mà thanh, vừa văn vừa võ, đã nhập vai Đinh Đề Linh rất đẹp. Anh chơi kịch từ thời sinh viên nên có đủ bản lĩnh trên sân khấu vừa say mê vừa tỉnh táo.

Vai La Sơn Phu Tử do Nguyễn T. cũng đại úy bên Tổng cục Chiến Tranh Chính Trị (người ở Seattle vừa viết thư cho tôi) nhận lãnh. Nguyễn T. vốn là em một người bạn tôi, nên tôi biết T. từ khi chưa bị động viên vào Quân Đội. T. đi Hướng Đạo nên quen thuộc với sân khấu. T. không dám tin ở tài sức của mình nhưng tôi khuyến khích T. nhận vai La Sơn Phu Tử. T. vốn người Thanh Hóa, nói được giọng già, dáng người văn nhã mà cứng cỏi, lại chuyển sang giọng Nghệ An - Hà Tĩnh rất ngọt nên có đầy đủ dáng vẻ của một mưu sĩ "đàng trong". Một vai phản diện rất "gay" là vai tướng nhà Thanh, nói tiếng Việt ngọng líu ngọng lo mà tham dâm hiếu sắc do Trung tá Lê Văn Hóa, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Văn nghệ Quân đoàn 4 phụ trách. Anh là người tràn đầy kinh nghiệm sân khấu lại thêm là "vua cười" của đội, luôn mồm hát, no cũng hát, đói cũng hát *"Ngộ bên Tàu à ... ngộ mới sang – sang Nam Việt bán buôn làm giàu..."* nên vai tướng Tàu như là vai viết riêng cho anh vậy.

Người nữ độc nhất, cô chủ quán mê hoặc tướng Tàu do Đại úy Tôn Thất L. thủ vai. Anh đi tù cực khổ, đói khát như vậy mà vẫn da trắng tóc dài, mắt sắc như dao làm gái Thăng Long rất đẹp. Riêng có một vai quê mùa, vai ông già chăn ngựa thọt chân, luôn luôn say xỉn do một đại úy Cảnh Sát đảm nhận vai mà tập mãi chưa vô. Anh có nhân dáng quê mùa, cục mịch, say mê vai diễn nhưng tiếng cười, giọng nói của anh nó văn minh quá, thành thị quá thiếu mất chất nhà quê. Mà đây là vai quần chúng, vai đại diện cho nhân dân phản kháng, nên trại để ý lắm. Thiếu úy Công an Q. đại diện cho Phòng Giáo dục, hằng ngày theo dõi chúng tôi tập dượt, lắc đầu trước vai ông già chăn ngựa mà phê bình đủng đỉnh "chưa được". Sau rồi, đạo diễn Th. già mới tham khảo ý kiến anh em mà bảo tôi rằng: *"Ông khỏi mất công dượt cho anh ấy nữa. Ông thì vừa già, vừa chân tập tễnh, lại vừa có chất quê ... thế thì ông 'chơi' ngay cái vai ấy đi cho nó tiện việc sổ sách."* Anh em cũng ồn ào đề nghị nên tôi lại kiêm luôn vai cụ Triệu – ông già chăn ngựa. Sở dĩ đạo diễn Th. già và tôi chú ý đến giọng nói là vì khi diễn kịch ở đây, chúng tôi diễn "chay" không có ban nhạc làm nền *(background music)*. Vì vậy phải đặt trọng tâm vào giọng "thoại", đưa vào đó nhiều màu sắc để phần nào quên đi cái thiếu vắng nhạc nền kia.

Có giọng Bắc trầm hùng cứng cỏi của Đinh Đề Lĩnh, giọng miền Trung uyển chuyển, sâu sắc của La Sơn Phu Tử, giọng ngọng nghịu của tướng Tàu, giọng Bắc pha Huế đài các của cô chủ quán, giọng quê mùa bạo liệt

của ông già chăn ngựa. Nút kịch được thắt khi La Sơn Phu Tử đang đêm được ông già chăn ngựa nhà ở gần bên đưa vào gặp Đinh Đề Lĩnh ở tư dinh để thuyết về điều hơn, lẽ thiệt. Kịch được thắt thêm một nút khi tướng Tàu sục sạo đi tìm cô chủ quán xinh đẹp, bất ngờ xộc vào tư dinh Đinh Đề Lĩnh khi La Sơn Phu Tử còn đang hiện diện. Để tránh cho cơ mưu của "đàng trong" đừng bại lộ, cũng là cởi nút cho vở kịch ... ông già chăn ngựa liền dũng cảm nhảy vào đâm chết tướng Tàu rồi cùng chết. Cái chết bất ngờ của ông già chăn ngựa như một giọt nước làm tràn ly khiến Đinh Đề Lĩnh còn đang do dự, chuyển hẳn sang thế nghĩa quân... mở cửa thành, đốt kho lương thảo khi đại quân vua Quang Trung tràn tới. Sau đó, bình minh mồng Năm tháng Giêng năm Kỷ Dậu cũng vừa hiển hiện.

Để lo việc trang trí sân khấu và phục sức cho nhân vật kịch, Trung tá Quản Cụ Tr., nguyên sinh viên Mỹ Thuật ngày nào bây giờ là trưởng ban đạo cụ, liền đem cái tài hoa còn lại của mình sửa chữa mấy đôi bốt hư của cán bộ thành hia cho văn quan, võ tướng nhà Lê, cải biến mấy cái mền dạ cũ màu đỏ, màu xám thành nhung y cho Đinh Đề Lĩnh, cho tướng nhà Thanh. Mấy cái đường kẻ đen trên tấm mền đỏ ngày nào bây giờ dưới bàn tay thần tình của Tr. đã biến thành hoa văn "thủy ba sóng dợn". Tướng nhà Thanh thì nhung y lẫm liệt, hia mão đàng hoàng. Nhưng khi Đinh Đề Lĩnh, võ quan nhị phẩm triều đình đội mão theo đúng nghi thức thì tôi có ý kiến là Đinh Đề Lĩnh không nên đội mão chỉ nên đội khăn. Đội mão xem ra nó "cải lương" hơn, không truyền thống bằng cái khăn lượt Việt Nam. Đạo diễn Th. già đồng ý. Anh Tr. cũng đồng ý tuy rằng anh rất tiếc chiếc mão "võ quan nhị phẩm" rất công phu của anh.

Trong thành tích trang trí tư dinh của Đinh Đề Lĩnh ngày Tết, anh Tr. đắc ý nhất là ba chữ đại tự anh viết trên bức hoành phi (bằng giấy): *"Huyết do hồng".* Tr. vừa là nghệ sĩ vừa là trí thức. Th. già và tôi hiểu ý anh, nắm tay anh thông cảm. Thiếu úy Công an Q., người thường xuyên sinh hoạt với chúng tôi, một bữa mới hỏi Th. già về ý nghĩa mấy chữ Nho này. Th. giải thích: *"Đây là ba chữ cuối trong vế đối, nhắc lại chiến công chống xâm lược phương Bắc của tiền nhân:* 'Đằng Giang tự cổ Huyết do hồng' *(Nước sông Bạch Đằng từ xưa đến nay vẫn còn đỏ máu)."* Tôi thấy Thiếu úy Q. gật gù, ngẫm nghĩ, và từ đó thái độ đối với chúng tôi có khác. Anh em chúng tôi dù sống kiếp tội đồ khổ sở, đói khát nhưng trong công tác văn nghệ này ai cũng cố gắng đóng góp một chút gì, để hy vọng nói lên rằng: Cho dù chúng tôi bị thua trận, bị cầm tù, bị lăng mạ, nhưng chúng tôi có văn hóa theo cách riêng của chúng tôi.

Đã đến ngày Ba Mươi Tết, năm Tỵ sắp sang năm Ngọ (1977 - 1978). Nghe anh em lưu cựu ở đầy 1âu nói rằng chưa có bao giờ trại ăn Tết to như thế. Có lệnh của trại trưởng là bao nhiêu tiền quỹ của năm cũ chi cho bằng hết nên Tết đến thịt trên 10 con heo, 1 con bò; tát ao lấy cá chắm, cá chép lên ăn Tết. Mấy vườn su hào cũng nhổ "đại trà" làm dưa. Toàn là món "cao cấp" cho toàn trại, toàn thể tù nhân ăn Tết. Trong 10 năm đi tù cải tạo, tôi ngẫm lại chưa có năm nào, ở đâu được ăn một cái "Tết tù" như vậy. Ngoài các món ăn, anh em tù nhân còn được lĩnh mỗi người hai bánh chưng, thuốc lá, thuốc lào, và đêm Ba Mươi đi xem kịch tất niên về toàn trại còn có cháo lòng bò bồi dưỡng. Nghe phong thanh là sau Tết trại trưởng Trung tá Trần Việt sẽ nghỉ hưu nên ông xả cảng: *"Cái gì của tù là trả hết cho tù."*

Bữa tổng dượt có mặt đủ Ban Giám thị trại, chương trình của Khu A chúng tôi được cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. chăm chút rất kỹ. Y ta để ý rất nhiều đến những sự "đóng góp" của chúng tôi vào vở kịch, hỏi khá kỹ về câu đối *"Đằng Giang tự cổ huyết do hồng".* Vốn bản tính đa nghi nên y không muốn đưa vào bất cứ điều gì không có trong kịch bản. Ông cụ Việt, có lẽ ông ta là người rộng rãi kiến văn nên ông cụ nói: *"Tư dinh một viên võ tướng có tâm hồn với đất nước mà treo bức hoành* 'Đằng Giang tự cổ huyết do hồng' *thì được lắm. Để đối phó với cường lân phương Bắc lại càng hay nữa."* Nhưng cán bộ giáo dục tỏ ý ngần ngại khi chúng tôi định hát đoạn đầu của bài *"Thăng Long Hành Khúc"* của Văn Cao vào đoạn kết của vở kịch. Nguyên văn trong kịch bản chỉ có *"tiếng hô* 'Sát!' *của đại quân ta nhỏ dần rồi màn hạ."* Ở đây chúng tôi trong hậu trường sẽ hô *"Sát, sát!"* đồng loạt rồi hát từ từ nhỏ đến to dần lên *"Cùng ngước mắt về phương Thăng Long thành cao đứng, trông khói sương chiều ám trên dòng sông. Nhị Hà còn kia, Nhị Hà còn đó, lũ quân giặc Tôn sập cầu trôi đầy sông."* Màn từ từ khép và đến đó là dứt kịch. Chúng tôi muốn cho cái *"coup de rideau"* nó thêm sức thuyết phục. Đã thử lại lúc màn hạ này mà không có tiếng đồng ca *"Thăng Long Hành Khúc"* ở bên trong. Nó nguội đi nhiều lắm. Cán bộ giáo dục cuối cùng chấp nhận "cách đạo diễn" của chúng tôi nhưng nhất quyết không bằng lòng hai chữ *"giặc Tôn"* mà phải đổi ra là "nhà Thanh" *"cho nó rõ nghĩa"* (chữ của y ta, bởi vì "giặc Tôn" có thể liên tưởng đến Tôn Đức Thắng chăng?).

Tối Ba Mươi Tết, Trại Yên Hạ nôn nả hẳn lên. Mới 7 giờ tối mà hội trường đã chật cứng. Phạm nhân Khu A ngồi bên phải, Khu B bên trái. Những dãy ghế phía trên là dành cho quan khách, gồm cán bộ khung xã sở tại, huyện ủy Phù Yên, cán bộ Công an và gia đình. Cứ như ý kiến

bữa tổng dượt thì đêm Ba Mươi Tết, Ban Văn nghệ sẽ diễn trong trại. Mồng Bốn Tết chúng tôi sẽ ra huyện lỵ Phù Yên diễn cho dân chúng tới xem. Cho nên buổi diễn hôm nay là buổi diễn trong chương trình "Vui Tết Đón Giao Thừa", vừa là buổi phúc khảo trước khi Ban Văn nghệ "đem chuông đi đấm xứ người".

Chương trình Khu B, bên hình sự được diễn đầu tiên. Cũng đồng ca, đơn ca, một màn kịch ngắn *"Đánh Mỹ"* và kết bằng màn dân ca Quan Họ Bắc Ninh. Anh em hình sự chơi chương trình này đã "thuộc" nên đối đáp, tung hứng rất là nhuần nhuyễn. Nhưng vì "bổn cũ soạn lại" nên nó làm cho tù chính trị chúng tôi chăm chú hơn là khán giả sở tại.

Bên hình sự có một ca sĩ tên Ng. hát rất hay, rất kỹ thuật; nghe nói anh ta đã tốt nghiệp thanh nhạc nên hát đâu có thua gì ca sĩ trên đài phát thanh. Ca sĩ bị tù mút mùa vì nghe nói anh mắc tội làm tem, phiếu giả. Kịch *"Đánh Mỹ"* thì không có gì mới. Vẫn theo công thức cũ: *"Mỹ cút, Ngụy nhào. quân ta kẻ thù nào cũng đánh thắng, khó khăn nào cũng vượt qua."* Nhưng phải công nhận anh em hình sự chơi nhạc cảnh Quan Họ *"Mời Trầu, Giã Bạn"* rất đằm thắm, ý nhị và duyên dáng. Đây là một tiết mục hay. Khi anh em cúi đầu chào khán giả, chúng tôi dù ở trên sân khấu, đang sửa soạn "ra trò" mà chúng tôi cũng không ngừng vỗ tay tán thưởng. Đoàn trưởng đoàn kịch Khu B. Quách H., đứng ở cánh gà phía bên kia, đứng nghiêm, để tay lên ngực cúi đầu chào lại chúng tôi như một sự cảm thông cái tình tri âm, tri kỷ.

Có lẽ "cái đinh" của đêm văn nghệ hôm nay đối với khán giả địa phương là chương trình văn nghệ của Khu A – tù chính trị. Họ chưa bao giờ được biết miền Nam thật sự như thế nào? Miền Nam đã thua, đã tan nát nhưng những tàn dư của miền Nam, lũ tù chính trị chúng tôi, vẫn còn đây. Họ đã được nghe "nhà nước ta" nói rất nhiều về miền Nam, nhưng "trăm nghe sao bằng một thấy". Văn nghệ, là một thái độ sống. Họ muốn biết thái độ sống của miền Nam thế nào qua những đại diện khốn khổ nhưng trung thực là chúng tôi. Chúng tôi cũng cảm nhận được điều đó nhưng trong tình trạng tù đày, bó buộc như thế này, biết ăn, biết nói làm sao? Thôi thì "sức người có hạn, được đến đâu hay đến đó".

Qua mấy màn ca nhạc, đồng ca, đơn ca, tôi nghiệm ra là về kỹ thuật, chúng tôi không sánh bằng anh em hình sự. Điều dễ dàng nhận thấy là tù chính trị già hơn, nên hơi hám kém hơn. Nhưng hiệu quả sân khấu thì chưa chắc ai hơn ai. Lấy ví dụ như ca sĩ Văn B . của chúng tôi hát làm sao tốt bằng, khỏe bằng Ng. bên khu B, nhưng khi anh hát xong tiếng vỗ tay có lẽ nhiều hơn, nồng ấm hơn. Ng. hát giọng ngực, lớn, vang nhưng anh hát theo lề lối thường thấy ở ngoài Bắc, không rõ lời. Nhiều khi không biết anh hát cái gì nữa chỉ thấy trước sau giọng ngân vang rền rĩ mà thôi. Còn Văn B. anh là ca sĩ tài tử (ngoài Bắc kêu bằng "nghiệp dư", thích thì hát chơi không phải nhà nghề) nên hát bài nào anh phổ tâm tình vào bài hát đó. Anh không trưng bày giọng hát mà như văn nghệ thường thấy ở miền Nam, anh có một tâm sự để mà kể lại. Anh thuộc loại "ca sĩ trữ tình" *(chanteur de charme)* không phải ca sĩ *Opera* như khuynh hướng ngoài Bắc. Cho nên nghe Văn B., ca sĩ miền Nam, hát không giỏi bằng, không khỏe bằng, nhưng nó dễ nghe hơn, nó thấm thía hơn, nó "con người" hơn. Mà cũng có thể vì cách hát của anh khác lạ hơn nên anh được chú ý và tán thưởng.

Tiết mục gây được nhiều tiếng cười sảng khoái là màn tốp ca. Anh em chúng tôi dựng tiết mục này theo lối AVT, nhằm kiếm được nụ cười trong tình trạng tối ám của nhà tù. Mà điều này cũng là một thực tế. Chúng tôi là phạm nhân nhưng trong đời sống chúng tôi vui cười nhiều hơn cán bộ coi tù. Ở ngoài Bắc, hoặc là người ta sống căng thẳng quá, hoặc là người ta phải ngụy trang lối sống cho nên phần đông mọi người mặt khó đăm đăm. Đây là bệnh "táo bón tinh thần "thường thấy nơi xã hội thiếu tự do. Ba bạn Đỗ H., Văn B., Trịnh P. hát hò, đối đáp với nhau thoải mái. *"Cái gì nhúc nhích là ta chén liền."* Tiếng cười đồng cảm vang lên. Từ cánh gà nhìn xuống, tiếng cười lan tỏa chỉ có người cau mặt là cán bộ giáo dục...

Màn gây ấn tượng sâu sắc là độc tấu tây ban cầm. Đây là loại đàn nhiều người chơi. Nhưng tập tành đến nơi đến chốn chơi được nhạc cổ điển hay bán cổ điển thì có rất ít người. Người anh em chơi tây ban cầm của chúng tôi đã có trên 10 năm cầm đàn. Anh bữa ấy độc tấu một bản bán cổ điển. Một cây đàn tây ban cầm mà như một dàn nhạc. Có lúc réo rắt như *violon*, lúc nhảy nhót như *mandoline*, khi rộn rã như *piano*, khi trầm hùng như một đoàn quân nhạc đón đoàn chiến binh chiến thắng trở về. Tôi nghĩ đám đông khán giả kia chưa chắc đã hiểu hết ý nghĩa của bài vừa diễn tấu nhưng nhìn bàn tay buông bắt đầy kỹ xảo, nghe âm thanh tiết tấu phong phú, họ hiểu rằng chơi đàn như vậy là một kỳ công. Kỳ công ấy là văn hóa.

Bây giờ bắt đầu tiết mục cuối cùng, tiết mục chủ yếu chấm dứt đêm văn nghệ, kịch *"Lửa Kinh Thành"*, trung tâm đầu tư công sức của chúng tôi. Tôi nhìn suốt một lượt. Sân khấu đã trang trí chỉnh tề. Diễn viên đã sẵn sàng, đạo cụ đầy đủ. Th. già nhìn tôi. Tôi giơ tay ra dấu sẵn sàng. Trưởng ban đạo cụ kiêm trang trí sân khấu, họa sĩ Tr., đưa cho Th. một thanh gỗ. Rất trịnh trọng, Th. – nhà đạo diễn – giơ cao thanh gỗ nện ba

lần xuống sàn sân khấu. Ba tiếng gõ truyền thống của sân khấu kịch bắt đầu. Màn từ từ mở. Tư dinh quan Đề Lĩnh với hoành phi, câu đối, lộ bộ, cờ hiệu trên án thư, kiếm treo trên tường đã phút chốc đưa người xem về không khí trang trọng và sương kính của thế kỷ 18. Một tràng pháo muộn của đêm mồng Bốn Tết từ đâu vẳng lại. Đinh Đề Lĩnh, võ phục uy nghiêm, lưng mang đoản kiếm, tiến lại gần án thư, cúi mặt thở dài. Chợt lính hầu khép nép hiện ra chắp tay thưa:

- Bẩm quan, người vừa đi chầu về.

- Có chầu chực gì được đâu. Hoàng Thượng còn bận sang hầu Tôn Tổng Đốc... Ở nhà có chuyện gì không?

- Bẩm quan, có ông cụ Triệu mấy lần sang kêu về cỏ ngựa. (Có tiếng i ới bên ngoài vang lên: "*Quan lớn về chưa?*") Đấy lại có tiếng ông cụ...

- Ra mời ông cụ Triệu vào đây.

(Ông cụ Triệu, ông già chăn ngựa, tập tễnh vì thọt chân, lảo đảo vì say rượu, chầm chậm bước vào.)

- Xin kính chào quan lớn.

- À cụ Triệu (giọng độ lượng). Thế nào? Cụ đã làm lễ tạ Ông Vải chưa?

- Bẩm quan, các cụ nhà tôi có về đâu mà tiễn. Con cháu còn không đủ ăn lấy gì mà thỉnh các cụ. Bẩm quan, từ ngày Hoàng Thượng hồi loan đến giờ, nhờ ơn Hoàng Thượng mà cả nước này đói xanh xao cả người ra đấy quan lớn ạ.

Vừa nghe đến đó, cả khối B hình sự như chạm phải một luồng điện, vùng lên vừa vỗ tay vừa cười la ầm ĩ. Qua nửa chương trình, tôi nghiệm ra khán giả Khu B thưởng thức văn nghệ rất nhạy bén. Không thích là ồ, là suyt, là thở dài ào ào, mà thích là vỗ tay là cười la thoải mái. Ở đây kịch vừa mới bắt đầu, động tác chưa "nhuyễn", tại sao anh em lại hoan nghênh như vậy? Sau hỏi ra mới biết là chưa có ở đâu dám động đến cái đói thâm căn cố đế của miền Bắc như vậy. Cả nước đói "xanh xao" mà vẫn phải luôn miệng *"Ơn đảng ơn người."* Đến những cảnh sau, khi động đến sự thối nát của đương triều, sự bạo ngược của đoàn quân họ Tôn, là anh em hình sự lại vỗ tay rôm rả. *"Cái quân họ Tôn này là nó vừa trí trá vừa ngông cuồng"* (vỗ tay). *"Tại sao nhà Lê lại có một ông vua ươn hèn như vậy, cõng rắn cắn gà nhà"* (vỗ tay rất lâu). Người miền Bắc sống dưới một chế độ chuyên chính lâu ngày, đã trở thành một "vương quốc nói dối". Không ai dám công khai nói thực ý kiến của mình. Có nói là phải nói gần nói xa, nói cạnh nói khóe. Đói phải nói là no, khổ phải nói là sướng. Đang trong tình trạng ấm ức như thế, *"ơn đảng ơn người"* như thế mà bây giờ có người dám nói thẳng ra giữa chốn trù nhân quảng tọa là *"từ ngày Hoàng Thượng hồi loan đến giờ nhờ ơn Hoàng Thượng mà cả nước đói xanh xao cả người"* thì dân hình sự nghe nó sướng quá, nó thỏa mãn quá. Nói đến quân họ Tôn thì họ không nghĩ đến Tôn Sĩ Nghị mà nghĩ đến Tôn Đức Thắng!. Ông vua nhà Lê ươn hèn thối nát họ không nghĩ đến vua Lê Chiêu Thống mà lại nghĩ đến ông "vua" Lê Duẩn đương thời.

Thực tình khi trình diễn chúng tôi không hề có hậu ý đó. Chỉ cốt tìm một kịch lịch sử để cho anh em có chỗ diễn mà thôi, những sự kiện trên hoàn toàn là sự ttùng hợp tình cờ. Nhưng anh em hình sự lại nghĩ chúng tôi cố ý nên khi vở kịch kết thúc là anh em hình sự đứng dậy vỗ tay như pháo nổ, nồi niêu xoong chảo gõ loạn lên, hoan hô kịch liệt. Đội trưởng Đội Văn nghệ khu B – Quách H. – chạy lại nói với Th. và tôi: *"Các đàn anh chơi kịch đâu ra đấy."* Mấy chú hình sự "đồng nghiệp văn nghệ" thì chạy lại cõng Đinh Đề Lĩnh, La Sơn Phu Tử mà quay mòng mòng.

Điều làm trại phó Đặng U., cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L. và cán bộ an ninh kiểm chấp pháp Trần M. khó chịu hơn hết là họ muốn qua văn nghệ khu B dạy cho chúng tôi một bài học về văn hóa thì bây giờ chính anh em hình sự sau buổi trình diễn lại càng gần gũi thân thiết với chúng tôi hơn.

Cái vui của đêm văn nghệ không kéo dài được bao lâu. Ngay mồng Hai Tết, còn đang ngày nghỉ, Th. và tôi cùng mấy anh em bên ca nhạc có lệnh đi họp với cán bộ giáo dục, đã nhận được một tin choáng váng *"Buổi diễn vào hôm mồng Bốn Tết ngoài huyện Phù Yên được hủy bỏ. Đội văn nghệ nghiệp dư giải tán ngay sau kỳ nghỉ Tết."* Chúng tôi phải về làm kiểm điểm về *"những sai phạm trong công tác văn nghệ."* Ngày mồng Bốn Tết, trước khi nộp kiểm điểm, Th. và tôi được Thiếu úy Q. phụ tá giáo dục, gọi ra nói khẽ: *"Trước sau như một, phải cam kết là diễn y như kịch bản, không thay đổi một chữ."* Không hiểu bạn tôi Th. làm kiểm điểm ra sao, riêng tôi cứ y thế thi hành. Có lẽ Thiếu úy Q., người đi sát chúng tôi khi tập dượt, phần nào thông cảm chúng tôi sau hơn một tháng trời sát cánh nên chút thiện lương còn lại đã khiến y chỉ cho chúng tôi cái cạm bẫy mà chúng tôi cần tránh. Nếu chúng tôi, trong khả năng thường thấy của đạo diễn, có sửa đổi kịch bản cho nó thêm phần sống động, là chúng tôi có thể bị ghép vào tội *"bôi xấu chế độ có hệ thống"* một trọng tội thuộc hàng quan điểm. Thực ra chúng tôi chỉ linh động phần trang trí mà không hề đổi thay kịch bản một chữ nào. Đương sự, phó trại trưởng Đặng U. đã chính thức lên trại trưởng khi Tết ra, cán bộ giáo dục Nguyễn Hồng L., cán bộ an ninh kiểm chấp pháp Trần M. khi đọc lại nguyên văn kịch bản của Trúc Đường chắc cũng nhận ra điều đó. Nhưng người CS vốn luôn luôn cảnh giác, cảnh giác nhiều quá thành đa nghi nên mới "có tật giật mình" như thế.

Sau một tuần lễ kiểm điểm đi kiểm điểm lại, người chịu tội thay cho toàn thể Ban Văn nghệ khu A là bạn trẻ Đỗ H. bên phần nhạc. Thật

ra khi sáng tác ra bản nhạc vui kiểu AVT, nhiều anh em xúm lại cùng làm, trong đó có tôi. Nhưng khi bị cán bộ giáo dục quy tội *"bôi bác chế độ"* trong câu *"cái gì nhúc nhích là ta chén liền"* Đỗ H. một mình nhận hết cho anh em. Trong ba người ca hát AVT, Đỗ H. cũng là người hát duyên dáng nhất, nên bị cán bộ gà mái Nguyễn Hồng L. cho rằng *"nhảy dậm giựt phát huy văn hóa đồi trụy."* Tôi thường ngày rất gần gũi Đỗ H., bởi vì H. ngoài việc tính tình khẳng khái, hát giỏi, thơ hay, anh còn là một người "biết sống". Nửa đùa nửa thật nhiều lúc anh gọi tôi là *"Ông Thầy"*. Có miếng khoai củ sắn anh thường chiếu cố đến tôi. Một hôm trời mưa không đi ra ngoài làm được anh cũng "bồi dưỡng" tôi miếng sắn. Tôi thấy rõ ràng sắn, khẩu phần của trại đầu phải sắn cải thiện bên ngoài. Cho nên dù luôn luôn đói, tôi không nhận củ sắn H. cho. "*Anh cứ ăn đi mà*" *"Chú mày coi tao ra làm sao mà lại đi ăn sắn khẩu phần của chú mày cho được."* Đỗ H. đủng đỉnh: *"Nói thật với anh, H. chỉ ăn một nửa số sắn trại phát là đủ rồi. Tập cho cái bao tử nó quen đi. Chế độ này nó chỉ giỏi 'nắm' cái bao tử của mình. Mình tập cho bao tử nó teo lại thì dù có bị 'nắm', nó cũng không ảnh hưởng bao nhiêu. Em thấy ngoài hiện trường anh cuốc hăng quá. Cuốc chút chút thôi chớ!"* Nghe xong tôi mới tỉnh ra mà nói: *"Thôi chú mày đừng có gọi tao là 'Ông Thầy' nữa, chú mày mới đúng là ông thầy của tụi tao."*

Người anh em của tôi, Đỗ H., bị lên làm việc trên phòng an ninh chấp pháp liên miên. Đỗ H. có nhắn một người bạn Nguyễn T. - La Sơn Phu Tử nói với tôi là bất cứ ở đâu, trong trại ngoài hiện trường đừng gặp Đỗ H., coi như không quen biết. Một buổi sớm mai, Đỗ H. được đi làm trở lại. Đỗ H. gầy rộc, mặt mũi vêu vao, thâm tím. Sau này tôi mới biết, đối với tù chính trị, cán bộ khi cần không có đánh công khai. Gọi lên "làm việc", đánh kín trong phòng chấp pháp.

***

Từ ngày trại phó Đặng U. lên làm trại trưởng, lũ tù cải tạo chúng tôi gieo neo vất vả hơn nhiều. Khẩu phần ít đi, làm việc nhiều hơn. Làm quần quật ban ngày, đêm còn "ngồi đồng" bình bầu, tự phê, tự kiểm,... Trời đã sang tháng 3, hoa gạo đã bắt đầu nở đỏ, chim "bắt cô trói cột" mà cán bộ bắt chúng tôi gọi là chim "khó khăn khắc phục" đã ra rả ở đầu rừng. Từ khi trại phó Đặng U. lên, tôi được thăng chức làm "phân cục trưởng" chuyên môn đi gánh c... Mỗi buổi sáng, gánh từ trại ra Đội Rau ba chuyến là xong. Chuyến cuối cùng, tắm rửa xong ra về, anh em chúng tôi bất ngờ gặp ông cụ Việt, nguyên trại trưởng đang ngồi trên chiếc xe đạp gần nhà kho của trại. *"Thưa cụ, cụ từ trên huyện về thăm trại?"* *"Vâng, các ông đi làm; tôi về lĩnh chút tem, phiếu."* Ngày ấy chế độ bao cấp còn thịnh hành, người ta sống bằng phiếu gạo, phiếu đường, phiếu sữa, phiếu bột ngọt, phiếu thuốc lá, thuốc lào, v.v... Ông cụ Việt chắc chưa chuyển hộ khẩu về huyện Phù Yên nên hàng tháng vẫn phải lên trại lĩnh chút nhu yếu phẩm. Tôi nghĩ vậy.

Nhưng buổi chiều đi làm tôi vẫn gặp ông cụ ngồi trên chiếc xe đạp cũ bên cạnh cửa kho. Chưa ai phát nhu yếu phẩm cho ông cụ, mà cũng không ai mời ông cụ vào nghỉ chân qua lúc ban trưa. Tôi tự nghĩ tại sao cùng là cán bộ với nhau, người ta lại phũ phàng với ông già như vậy? Tôi chợt nhớ đến câu nói của người tù hình sự khi mới về đây: *"Đang phát động chiến dịch 'đánh tư sản mại bản' nếu bố tôi có bị đi cải tạo tôi cũng phải quên bố tôi luôn, nếu tôi muốn có bát cơm mà ăn."* Sự nghỉ hưu bất ngờ và vội vã của ông cụ Việt có liên hệ gì đến việc ông cụ đối xử tử tế với tù nhân, đến việc ông gọi chúng tôi là *"các ông"*? Câu hỏi này cứ làm tôi băn khoăn thắc mắc mãi. Bất giác, một người tù khổ sai biệt xứ là tôi lại thấy cảm thương một người cai tù già *"cùng một lứa bên trời lận đận."*

Bạn T. "La Sơn Phu Tử":

Cái thư của bạn làm tôi bồi hồi nao nức về chuyện văn nghệ trong tù 19 năm xưa. Bạn nói là có lúc nào chúng ta gặp lại nhau "chơi" lại cái màn kịch *"Lửa Kinh Thành"* không nhỉ? Khó lắm bạn ơi. Làm sao người ở lục địa này, người lục địa kia hội họp bên nhau cho được. Lại còn chuyện người còn kẻ mất. "Tướng nhà Thanh", người bạn Lê Văn Hóa của chúng ta đã đi rồi. Anh mất ở trại Thanh Phong rừng sâu Hạ Lào. Anh cứ phù lên xẹp xuống như "thủy triều". Hôm cáng anh lên tuyến trên rồi nghe tin anh mất ở đó, nằm trên cáng mà anh vẫn hát "*Ò e, con ma đánh đu, thằng Tây nhảy dù, Zoro bắn súng...*" Người đâu mà lạ. Cười ngoài đời, cười trong tù, cười luôn khi sắp chết.

Bạn nói trong thư *"Ước gì chúng ta..."* Bạn ơi nếu tôi có một điều ước, tôi ước mong cho ngày nào trời đất phong quang, chúng ta được trở về đất nước Việt Nam yêu dấu, muốn đi đâu thì đi. Tôi sẽ đi tới những trại tù năm cũ, thăm lại người xưa, thăm lại các bạn tù chúng ta còn nằm lại. Tôi sẽ tới Trại Yên Hạ, tới quận Phù Yên hỏi xem ông cụ Việt trại trưởng năm xưa còn sống hay không? Nếu gặp được ông cụ tôi sẽ nắm lấy tay mà nói *"Tôi là là cựu tù nhân Yên Hạ đây, cụ còn nhớ tôi không, thưa cụ?"* ■

PHAN LẠC PHÚC

đào trung đạo

đêm xuân vượt sông hậu

(tặng Đặng Phùng Quân)

Vạch bờ bụi chàm đước lau xậy bên bờ
vắng rợn hoàng hôn lụn tắt
bờ bãi nức nở côn trùng
núp đợi tiếng mái chèo khua động
chờ bàn tay vẫy gọi vội vàng
ra dấu
người đàn bà thoáng gặp chiều nay
thảng lạnh khua chèo đẩy xuống qua doi khuất

quên bỏ thời gian
trầm mình trong khoang tối ảm mục
ngoài khe liếp con nước cạn lững lờ sóng trăng
qua bao nhiêu chòi canh lập lòe đèn lụn
chập chờn sống chết rủi may
trao số mệnh cho những kẻ ngược xuôi sông nước
sẵn sàng thua trắng hai tay

trên quãng vắng xuống xuôi con nước
em chống chèo cười mỉm bẳng quơ
anh muốn ôm choàng hít thở mùi mặn nồng sương gió
tặng em nụ hôn của kẻ phát vãng
trên bồng tóc rối bay
trên mắt môi góa phụ mỏi mòn chờ đợi
như một lời tạ ơn
nhưng rồi chỉ biết ngó trân trối đêm sâu
xa xa xóm làng lịm thiếp
em bỗng cất tiếng hát hững hờ
bài ca tiễn đưa có phải
trao về kẻ tội đồi bỏ xứ đêm nay

anh khao khát nhìn thấy một ban mai ngày mới
cho dù đã buông mặc hết thảy
như đã vung tay
thảy con xúc xắc
xuống dòng nước cạn
trong cùng kiệt
giữa cuồng nộ đắng cay
ra đi không nơi đến

hỏi ngôi sao băng vụt bay
mất hút giữa bầu trời rạn vỡ
đã bỏ đi không ngoái nhìn
cùng đêm tối đồng lõa
chỉ một lần cũng chỉ một lần thôi
nương theo con nước lòng sông Hậu
vào xuân mùa cạn xuồng trôi xuôi.

(1980 -2008)

xuân thì

(của T.V.)

Tháng Ba tay vẫy tần ngần,
Ngỡ như tình đã xa xăm kiếp nào.
Tháng Năm biệt tích ảm hao,
Hoang vu tình nhớ nghẹn ngào tình đau.

Mây thu xõa tóc miền cao,
Héo hon mắt thắm phai nhòa môi xanh.
Đêm khuya viết áng thư tình,
Xén băng ngọn tóc cắt hình dáng xưa.

Về đâu hỡi giấc mơ hoa,
Giận người sao nỡ phôi pha lạt tình.
Nhìn con lại nhớ bóng hình,
Đèn khuya thức giấc chợt mình ngó quanh.

Hôm nay cười rũ vai anh,
Tưởng như nằm mộng hái cành lộc xuân.
Ướp đầy ngực thở xôn xang,
Vòng tay ôm trọn ngọt ngào nụ hôn. ■

Song Vũ

NGÀY XUÂN NÓI CHUYỆN SỐ MỆNH

(Riêng tặng anh Vũ Văn H.)

"There are two ways to be fooled. One is to believe what isn't true; the other is to refuse to believe what is true."
Soren Kierkergaard (1813-1855)

Những ngày còn ở trong Trại Z30A, tôi nhớ tới anh H. Anh là nhân vật – theo tôi khá đặc biệt. Anh có một trí nhớ phi thường và một cách cư xử đôi lúc khá bất thường. Ví dụ khi đang nói chuyện với ai về một đề tài nào đó, bỗng dưng anh nhớ ra có một ý trùng hợp trong một bài thơ Đường nào đó, anh lập tức đứng phắt dậy ngâm nga toàn bài thơ rồi lấy cái tứ thơ phù hợp để tiếp tục "tán" tiếp. Đó là chưa kể khi anh thuyết giảng về một vấn đề gì, người nghe không hiểu đúng ý anh, anh buông ngay một câu:

- Cậu "đếch" hiểu gì cả. Sao dốt thế?

Bạn bè đến với anh để trò chuyện vì thế rất ít người. Sở dĩ anh thích tâm tình với tôi chỉ vì một lý do đơn giản. Anh nói gì tôi hiểu, tôi gật gù đồng tình; điều gì không hiểu khi anh chê tôi dốt, tôi cười trừ và thú nhận tội dốt thật và yêu cầu anh giải thích lại cho tôi hiểu. Đối với môn Tử Vi, chỉ cần nói ngày giờ tháng năm sinh, anh bấm chớp nhoáng trên bàn tay chừng hai, ba phút là anh có thể đọc vanh vách các sao an trên lá số của người xem. Vài ba tuần sau khi người xem tới hỏi lại một điều gì đó, anh có thể đọc lá số mà không cần phải lập lại ngày tháng năm sinh nữa. Anh có người em trai học cùng Võ Bị nhưng trước tôi một khóa, sau khi ra trường chừng một năm, em trai anh hy sinh trong một trận đánh ở Vùng 3 Chiến Thuật. Người em này là người anh thương nhất trong nhà. Có lần anh kể tôi nghe:

- Cậu có tin con người chết đi rồi đầu thai lại không?

Tôi bảo tôi tin nhưng cũng chỉ nghe thiên hạ nói thôi chứ bản thân thì chưa được chứng kiến bao giờ. Anh phang ngay một câu:

- Cậu dốt thiệt, trong cuộc đời cứ điều gì phải nhìn thấy mới tin thì chả có điều nào là đáng tin, vì cái mình đang nhìn thấy kia có chắc là nó không hay một cái gì khác đã được tô son, vẽ phấn lên đang xuất hiện trước mắt cậu. Cho nên có những điều không cần nhìn nhưng do sự trực cảm của giác quan khiến mình tin ngay mà không cần phải đòi điều kiện nhìn thấy. Trong Kinh Thánh có câu: *"Phúc cho những ai không thấy mà tin"* là ý đó. Đức Chúa Jêsus phán: *"Vì ngươi đã thấy ta, nên ngươi tin. Phước cho những kẻ chẳng từng thấy mà đã tin vậy!"* (Câu 29) (Giăng 20:24-31)

Tôi ngồi im không nói lại mà còn ra dáng gật gù đồng ý. Anh nói tiếp.

- Thằng em tôi chết gần một năm thì nhà tôi có bầu thằng con út. Lúc sinh ra cho tới lúc nó lớn, nó giống chú nó như lột. Tôi muốn nói tới vóc dáng và cả tính tình. Cả nhà tôi ai thấy nó cũng bảo sao mà nó giống chú Hùng nó thế không biết.

Trong trại lúc đó có anh tên Ch., là người phụ trách hớt tóc cho toàn trại. Một buổi chiều cuối năm 1984, trong lúc anh đang dọn dẹp đồ nghề, hai tên cán bộ quản giáo giỡn đùa đuổi nhau. Một tên đâm sầm vào anh làm rớt bể chiếc kiếng soi mặt anh thường dùng cho khách. Cuối tuần, anh đem chuyện bể kiếng đến hỏi chuyện anh H. không biết đó có phải là điềm xui xẻo gì cho gia đình hoặc anh hay không. Sau khi suy nghĩ ít phút, anh H. cười bảo:

- Ông lo gì, kỳ này có danh sách thả là có tên ông đó.

Anh Ch. bán tin bán nghi nhưng nhờ câu nói của anh H. mà anh cũng bớt lo lắng. Tết năm 1984, khoảng thời gian chừng hơn một tháng sau lời đoán của anh H. thì có đợt thả và anh Ch. có tên trong danh sách.

Khi biết câu chuyện này, tôi hỏi anh có phải anh coi lá số tử vi của anh Ch. hay không. Anh cười bảo:

- Đâu có. Hôm hai tên cán bộ làm vỡ tấm gương soi để hớt tóc thì anh Ch. đến hỏi tôi có điềm gỡ hay không? Tôi bảo tấm gương dùng để soi mặt người, cán bộ làm bể tấm gương là điềm nó không muốn thấy mặt anh Ch. nữa nên tôi đoán là anh ta sẽ về thôi.

Câu chuyện làm tôi liên tưởng tới chuyện anh kể về một cô gái hỏi tin chồng, mà anh từng kể tôi nghe trước đây. Trầm ngâm một lúc rồi anh nói:

- Mọi môn toán độn, Tử Vi lý số đều chỉ là phương tiện để phát hiện ra những điều mà giác quan của con người bị hạn chế không nhận được các tín hiệu phản hồi từ môi trường mình đang sống. Người ta gọi đó là "giác quan thứ sáu". Trong quân đội, nhất là những người đi tác chiến như cậu, thì tôi tin là cậu phải có giác quan này.

Tôi nói với anh là mặc dù tôi ít tin vào bùa chú ma thuật nhưng có những điều báo trước mà người đời thường gọi là "điềm" thỉnh thoảng tôi cũng thấy.

Tôi kể anh nghe người bạn thủ khoa khóa tôi trong một bữa ăn chiều cùng gia đình ở ngoài sân, bỗng một con chim sẻ bay tới rớt cái độp ngay trước mặt rồi giẫy chết. Mặc dù khi bạn tôi lượm con sẻ lên phát giác ra nó táp phải một con ong vò vẽ. Vợ chồng anh bạn tôi vừa lo vừa buồn, trong một buổi họp hành quân ở BTL/SĐ bạn kể tôi nghe. Tôi có an ủi hắn là con sẻ chết vì ong vò vẽ thôi chắc không sao. Vì bạn tôi lúc đó mới lên nắm tiểu đoàn trưởng hơn một tháng nên tôi có khuyên bạn tôi cố gắng cẩn thận khi đi hành quân thôi.

Hơn tháng sau là cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân 1968. Trong lúc đơn vị của tôi đang tái chiếm lại bến xe Mỹ Tho thì tiểu đoàn phó của bạn tôi là khóa đàn em kêu máy báo cho tôi hay bạn tôi mới bị tử thương bên kia sông Bảo Định. Khi kể lại câu chuyện này cho anh H., nghe xong anh kết luận:

- Cậu thấy không? Nói một cách tổng quát, con người ta sống chết, sang hèn là có số mệnh cả. Nhưng tôi phải nói ngay, *"Có trời mà cũng có ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"* như cụ Nguyễn Du đã từng dạy. Con người không có khả năng thay đổi hoàn toàn định mệnh của mình, nhưng có thể điều chỉnh hành vi, cung cách giao tiếp để sửa chữa những khiếm khuyết lỗi lầm trầm trọng do mình gây ra.

Từ lúc quen anh, cứ mỗi thứ Bảy hoặc Chủ Nhật tôi thường xuống tìm anh để trò chuyện học hỏi – anh vốn làm ở đội nhà bếp của trại. Hai anh em thường dẫn nhau ra căn nhà trống dùng làm hội trường, mắc võng nằm nói chuyện thiên hạ sự. Tôi nghĩ là anh thuộc lòng chừng khoảng trên dưới trăm bài thơ Đường. Đang nói chuyện về một vấn đề gì đó, khi có một câu hoặc một ý có liên hệ tới một bài thơ nào đó là anh sẵn sàng đọc luôn cả bài thơ trong đó có câu liên quan. Anh kể tôi nghe có thời gian anh làm trong toán công tác của Tòa Đại Sứ Việt Nam tại Trung Hoa Dân Quốc. Chính khoảng thời gian này – đầu chừng ba, bốn năm – đã khiến anh sưu tầm và nghiên cứu Tử Vi.

Cách đoán của anh cũng ít giống những cung cách thông thường tôi đọc được trong sách báo. Anh bảo:

- Điểm đầu tiên tôi phải nói cho bạn biết là đừng bao giờ bạn coi Tử Vi là một bộ môn khoa học chính xác như khoa học tự nhiên. Đúng là nó tự đặt ra những quy tắc để an sao và luận đoán dựa trên các cách cục. Nhưng khi lập xong một lá số chúng ta mới chỉ hoàn thành có một phần ba đoạn đường! Lá số là phần tiền thiên, một phác đồ tổng quát của một cá nhân. Tự nó chưa nói lên được điều nào về con người có lá số đó. Hai yếu tố khác phụ họa vào – đều mang tính quyết định – là địa dư của người có lá số, và kế đến là môi trường xã hội của người đó được sinh ra và lớn lên.

Anh còn nói với tôi:

- Cậu có tin vào các "tinh đẩu" an trong Tử Vi là những ngôi sao trên bầu trời không?

Không đợi tôi trả lời, anh nói tiếp:

- Hoàn toàn không thể, ngoại trừ hai sao Thái Âm và Thái Dương đại diện cho Mặt Trăng và Mặt Trời. Các "tinh đẩu" còn lại chỉ là một thứ ký tự giống như A, B, C,... vậy. Bạn có thể gắn cho nó bất cứ tên gì – miễn là cái tên đó gợi lên cho bạn một ý nghĩa, như Tả Phù, Hữu Bật,... Thiên Tướng, Phá Quân,. Thời cụ Trần Đoàn chắc chắn số sao mà các cụ biết đến được hoàn toàn là do con mắt nhìn thấy và chỉ là một số rất nhỏ so với số lượng sao mà chúng ta biết tới hiện nay. Ngoài ra, tác động của các sao trên trời, nếu có đối với con người, thực sự cũng chưa ai biết chắc là nó tác động tới cỡ nào. Nếu có chăng thì hai sao Mặt Trăng và Mặt Trời có lẽ là có ảnh hưởng mạnh nhất qua hình thức xoay vòng ngày và đêm. Thành ra, để cho dễ hiểu, sự phối hợp các dấu hiệu "tinh đẩu" lại với nhau sẽ tạo nên một câu nói có nghĩa, câu nói đó sẽ là "cách" của Tử Vi.

Anh lấy ví dụ, một ví dụ mà tôi nhớ mãi cho tới lúc ngồi viết lại bài này: "*Thiên Trù Cô Quả Song Hao. Danh hương tín dự bất tương tranh.*" Rồi anh giải thích:

- Thiên Trù là nhà bếp; Song Hao là sự tiêu xài tốn kém; Cô Quả là đơn độc một mình. Người nào Mệnh Thân có cách này là một thứ lãnh tụ. Bạn hãy tưởng tượng một người mà bữa ăn ngồi một mình, ăn toàn món đắt tiền thì bạn hiểu ra ngay thôi đúng không? Rồi một câu khác: Cung Tử Tức và tam hợp chiếu nếu hội đủ "Hoa Hỉ Tử Dưỡng" là gia đình cha mẹ con cái vui vẻ hạnh phúc (Con cái xinh đẹp, vui vẻ phụng dưỡng cha mẹ),...

Rồi những ngày tháng sau đó, chúng tôi tán gẫu về mọi đề tài trên trời, dưới đất. Anh có đặc điểm là nhìn sự vật theo chiều hướng *"Nó như vật vì nó phải như vậy không thể khác hơn..."* Tôi nói ví dụ, khoảng thời gian ấy (tức khoảng 1985 - 1985), số đông tù "cải tạo" đã được ra khỏi trại. Số người còn lại chắc cũng cũng chừng khoảng một phần ba. Với những công việc anh đảm nhận trong suốt thời gian phục vụ trong quân ngũ, nói thực tình chỉ toàn là công việc bàn giấy, thậm chí theo lời anh thổ lộ:

- Tớ nói thực tình, không biết cây Garant nó có bao nhiêu bộ phận, chứ đừng nói đến đã bắn phát nào chưa.

Anh tốt nghiệp trường Bộ Binh Khóa 5; ra trường sau khi Hiệp Định Genève ký kết rồi sau đó được điều động về Đệ Tứ Quân Khu làm trong Ban Tiếp Liệu. Anh thực sự chỉ biết mặt mũi "thằng Việt Cộng" ngoài các hình ảnh chụp trên báo chí, nói chi đến giao chiến ngoài chiến trường. Anh tâm sự, khi vào Long Giao, trong các bản tự khai khi cán bộ Cộng Sản cứ nhất quyết bắt anh phải liệt kê "tội ác" của mình, anh viết:

"Nếu việc bị động viên vào quân đội theo lệnh của quốc gia để thi hành trách nhiệm công dân mà coi là tội ác thì tôi chỉ có tội ác là chưa kịp chiến đấu bảo vệ đất nước thì đã hòa bình!"

Tôi hỏi anh có phải vì anh viết như thế nên anh bị giam đã bẩy, tám năm mà chưa về, trong khi các cấp chỉ huy của anh đã ra về gần hết không? Anh cười bảo:

- Không phải, cái số mình nó phải chịu như thế. Sang năm tới đây mình sẽ về thôi.

Tôi hỏi:

- Bộ anh đọc trên lá số của anh hay sao?

Anh cười:

- Đúng thế!

Tôi đùa nói:

- Thế nhỡ nó vẫn cứ nhốt anh thêm vài năm nữa thì sao?

Anh bảo:

- Thì cũng chịu vậy thôi chứ sao?

Tôi vặn lại:

- Anh bảo anh tin mỗi người có cái số của mình trên lá số, rồi anh lại chấp nhận khi những điều trên lá số đó sai với thực tế. Điều đó có mâu thuẫn không?

Anh ôn tồn giải thích:

- Những môn bói toán chỉ là một cách đọc hoặc ước định những nét chấm phá trên một thân phận con người. Thực ra mà nói, các cách coi bói hay dự đoán số phận chỉ là những phương tiện để người đoán dùng mà đọc một sự kiện nào đó. Có biết bao nhiêu là phương cách mà ta nói nôm na là coi bói. Tử Vi Tây, Tử Vi Tầu, Bói Dịch, bói chỉ tay, bói bài,... hằng hà sa số cách bói đồng thời cũng có hằng hà sa số kiểu thầy bói. Theo tôi nghĩ, một ông thầy nói trúng nhiều phụ thuộc vào khả năng cảm nhận của ông ta dựa trên sự kiện mà ông ta "đọc" được trên phương tiện ông ta dùng. Nói đơn giản, phụ thuộc vào ông thầy nhiều hơn vào phương tiện. Tôi kể bạn nghe một câu chuyện bói toán mà có thể bạn cũng được đọc đâu đó trong sách. Câu chuyện kể về ngày xưa ở bên Tàu trong thời Tần Thủy Hoàng, nhằm ngăn chặn các bộ lạc phía Bắc xâm lăng mà người Hán gọi là Rợ Hung Nô, Tần Thủy Hoàng cho đắp bức tường thành để ngăn chặn mà sau này ta gọi là Vạn Lý Trường Thành. Dân chúng trai tráng bị bắt đi lao công hầu như khắp nước. Ở một làng nọ, thanh niên trong làng cũng bị bắt buộc phải đi. Hai, ba năm, một chị chẳng có tin tức gì của chồng. Nhân có một ông thầy bói làng khác qua thăm viếng một người bà con trong làng, một trưa nọ chị ta gặp nhờ thầy xem chồng mình sống chết ra sao? Ông thầy giở cuốn sách ra trong đó có vài chục chữ viết to nét và yêu cầu chị chọn bất cứ chữ nào chị muốn. Xem qua xem lại thấy chữ nào cũng loằng ngoằng khó hiểu, chị bèn chỉ vào một chữ gồm bốn nét sổ ngang dọc trông như hình ô vuông. Ông thầy hỏi lại thêm chị ta một lần nữa để xác nhận, chị đó bảo đúng là chữ chị ta muốn. Đó là chữ "Tỉnh" nghĩa là cái giếng. Ông thầy tính toán xong nói trong vòng một tháng nữa chồng chị ta sẽ về. Quả đúng như lời đoán, một tháng sau chồng chị ta về thật. Câu chuyện được nói qua, nói lại cho nhiều người biết. Một chị khác ở xóm bên nghe vậy vội tới hỏi thăm, rồi sau đó cũng tới nhà ông thầy để hỏi về tin tức của chồng. Ông thầy cũng đưa ra cuốn sổ có chữ như lần trước và chị ta không nghĩ ngợi gì nhiều cũng chỉ ngay chữ "Tỉnh" như chị trước nói lại. Ông thầy coi xong ngẫm nghĩ một lát rồi bảo chồng chị ta không về và chừng một tháng nữa sẽ có tin. Đúng một tháng sau tin báo về chồng chị ấy bị tai nạn đã chết. Cả hai chị sau đó kéo lại nhà ông thầy yêu cầu giải thích vì sao cả cùng chọn một chữ mà người chồng sống, người chồng chết? Ông thầy mới giải nghĩa cho cả hai rằng: Chữ "Tỉnh" có nghĩa là cái giếng. Chị thứ nhất chọn chữ này vào buổi trưa khi đứng bóng. Có nghĩa là chị ta đứng trên miệng giếng tất soi xuống giếng thấy cái bóng của mình. Vợ chồng là hình và bóng của nhau nên chồng chị ấy thấy bóng có nghĩa rằng chị ấy nhìn thấy chồng mình. Do đó chồng chị ta còn sống và sẽ trở về. Còn chị thứ hai cũng câu hỏi và chữ đó nhưng lại xảy ra vào buổi hoàng hôn. Tất nhiên soi trong giếng sẽ chỉ còn cái bóng đen đâu có rõ mặt người, thành ra tôi bảo rằng chồng chị ấy không về.

Anh H. kể xong câu chuyện bèn nói với tôi:

- Đó, cậu xem thấy yếu tố thời gian thay đổi kết quả của câu trả lời như thế nào. Tử Vi cũng vậy thôi, cùng một ngày giờ năm tháng sinh ra nhưng một người ở Mỹ, Anh, Pháp chắc chắn khác hẳn một người sinh ra tại Việt Nam. Không nói đâu xa cùng trong nước mà người sinh trên cao nguyên không thể giống với một người sinh ở thành phố lớn. Một người sinh trong một gia đình trâm anh thế phiệt chắc chắn sẽ khác với một người sinh trong gia đình bần tiện... Thành ra xem một lá số không có nghĩa là cầm một tờ giấy đã lấy sẵn có sự sắp xếp các dấu hiệu rồi sau đó cứ thuộc công thức mà đưa ra các lời phán theo trong sách.

Tôi hỏi anh:

- Anh nói vậy có nghĩa là những sách bói toán Tử Vi không có giá trị gì sao?

Anh cười bảo:

- Không phải vậy, tôi chỉ muốn nói với bạn là người ta thường nói Tử Vi là khoa học và tìm mọi cách để "chứng minh" tính khoa học của nó là vô ích. Vì nói tới khoa học chúng ta thường liên tưởng tới những tính toán chính xác, tới những công thức, hệ luận, định lý,... là những thuật ngữ Tử Vi không xài. Tử Vi chỉ có các câu phú – một hình thức định đề trong toán học – ai tin thì dùng, ai không tin cũng không sao. Người đoán Tử Vi thường tự mình nghiệm lý trên những lá số mình từng xem và biết về người có lá số đó. Từ đó rút ra những kết quả đã được đối chiếu giữa lá số và sự kiện đã xảy ra cho đương số. Thành ra nói một cách dễ hiểu: Muốn coi Tử Vi cho đúng hãy học và tự xem cho mình! Còn xem cho người khác phần đoán đúng dựa trên hai yếu tố: Ông thầy coi có những giác quan nhậy bén đặc biệt khi vừa nhìn lá số của người xem, ông ta đã lờ mờ nhìn thấy những lời giải đáp rồi, lá số chỉ là để kiểm tra lại. Thứ hai, hoặc là giữa ông ta và người xem có một tương giao đặc biệt nên khi cầm lá số hoặc bấm lá số trên bàn tay, ông ta trực nhận những kết quả và nói ra một cách tự nhiên không cần suy luận gì hết...

Thực ra trong thâm tâm tôi luôn nghĩ là con người có cái số của riêng mình. Nếu không chúng ta sẽ không thể giải thích được sự xuất hiện của các lãnh tụ cộng sản, xuất thân hầu hết từ thành phần bần cố, hoạn lợn, cai đồn điền không có được một nền giáo dục căn bản, dòng dõi cũng hạ tiện khốn cùng, bỗng có lúc trồi lên làm tới chủ tịch nước, tổng bí thư đảng,... kiểu như Đỗ Mười, Lê Đức Anh. Hoặc nói ngay cả Hồ Chí Minh học hành dang dở, bỏ xứ mà đi làm bồi tàu, không thể so với các vị học giả đồng thời như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Vậy mà, họ Hồ lại thành công hơn các vị còn lại. Nếu không giải thích bằng cái số của họ Hồ tốt hơn các vị kia thì giải thích thế nào?

Khi tôi nêu câu hỏi này, anh H. cười và giải thích rằng đồng ý lá số của từng người có tính xác định tương lai, sự nghiệp của người ấy, nhưng lá số chỉ mới là một phần tiền thiên thôi. Nó còn lệ thuộc vào hai yếu tố quan trọng khác nữa: thời thế và lòng người nữa. Con người chỉ là một trong tam tài: Thiên Địa Nhân...

Tết năm Ất Sửu 1985, anh được cho về thật. Trước khi đọc lệnh thả chừng ba ngày, anh kêu tôi ra căn nhà trống dùng làm hội trường của trại để tâm sự. Anh bảo theo anh được biết, danh sách những người được thả trong đợt này có tên anh. Anh cho tôi địa chỉ nhà và nói với tôi:

- Nếu tôi không đoán lầm thì cậu cũng sẽ được về trong năm 88. Tôi có xem lá số của cậu và tôi nhìn ra một tính chất đặc biệt này: Cuộc đời của cậu luôn có những thay đổi, nói đúng hơn là sự đột biến mỗi khi đại tiểu hạn trùng phùng. (Ý anh muốn nói tới niên vận và đại vận trùng hợp nhau trên lá số tử vi của tôi.) Năm 1975 là năm gặp điều kiện này thành ra là năm tạo nên sự lật úp sự nghiệp của cậu với một chính tinh Thiên Tướng trong cung quá yếu trước ba thằng côn đồ Kình Đà Địa Kiếp xung phá. Nói một cách dân dã: từ "ông" trở thành "thằng". Sự trùng phùng thứ hai sẽ xảy ra vào năm Bính Thìn 1988 lúc này tình hình sáng sủa hơn, lá số trở về lại cách Cơ Nguyệt Đồng Lương Cách, nên tôi đoán là cậu sẽ được ra khỏi trại trong năm này. Năm Bính Thìn 1976 là năm khởi đầu của sự gẫy đổ, một sự xóa đi làm lại từ đầu, nên chi cậu bị đưa ra ngoài Bắc, nơi mà trước đây cậu từ đó ra đi. Mười hai năm sau nó trở lại đúng năm Mậu Thìn lại thêm một lần khởi động xây dựng lại từ đống gạch vụn đổ nát của thời gian trước đó, cho nên chắc chắn cậu sẽ về.

Có lẽ sợ tôi buồn, anh an ủi:

- Lá số của cậu kỳ lắm, có thể nói tổng quát là cậu luôn đi bên cạnh cái chết cận kề, nhưng rồi lại vượt qua như có phép lạ. Nói theo sách vở, cung Phúc Đức của cậu khá tốt nhờ thế mà cậu còn sống cho đến phút giây này. Như tôi vừa nói với cậu, sau này nếu cậu còn hứng thú môn này, thì cậu nhớ lời tôi dặn là năm nào đại tiểu hạn trùng phùng đều là những năm cậu phải cẩn thận, tốt có xấu có, tùy theo cung số của niên hạn nhưng nói đại để là phải thận trọng. Từ đây các cung còn lại đều không đáng lo, thậm chí có những năm còn khá tốt nữa, cậu phải tự tìm hiểu và nghiệm ra cho mình. Thực ra mà nói, tôi không cần an ủi cậu vì tôi biết rằng cậu có đủ bản lãnh để vượt qua những thăng trầm trong cuộc đời mình.

Nghe anh nói tôi lặng im nghe mà không hỏi thêm anh lời nào. Phần thì rầm ran những tin đồn thổi khá nhiều hầu như ngày nào cũng có qua các đợt thăm nuôi của gia đình về việc Hoa Kỳ có ý muốn đưa các người tù cải tạo ra khỏi trại tù cộng sản, phần vì thực sự tôi cũng chưa thấy dấu hiệu gì sáng sủa cho tương lai của dân tộc mình và cho ngay cả chính bản thân khi qua các lời phát biểu của Nguyễn Văn Linh trong thời gian đó, đại ý cho rằng những người đang bị giam giữ xứng đáng bị đem ra pháp trường tới hai, ba lần! Vả lại cộng thêm với những điều tôi đã thấy qua các hành vi tàn ác của Cộng Sản đối với những nhân viên công chức, thuộc quân đội Pháp trước đây bị lưu đầy biệt xứ cho tới chết mà tôi đã có cơ hội gặp gỡ nói chuyện khi còn bị tù ở Yên Bái. Tiếp đến khi tôi nghe nói tới kế hoạch của Lê Đức Thọ muốn định cư toàn bộ số tù nhân "cải tạo" ra khu Thanh Phong, Thanh Hóa cùng gia đình của họ thì tôi lại càng không tin rằng Cộng Sản sẵn sàng thả ra rồi cho những người

như chúng tôi ra đi định cư ở nước ngoài, ngoại trừ có một phép lạ.

Anh H. nói tiếp:

- Tôi đã được cháu trai đầu du học ở Úc từ năm 1973 hiện đang làm việc ở đó và đã bảo lãnh cho gia đình tôi. Qua lá số của cậu, tôi bảo đảm là cậu sau này cùng gia đình sẽ ra sinh sống tại hải ngoại chứ không phải từ Bắc vào Nam như cậu nghĩ đâu. Cố gắng mà giữ gìn sức khỏe và có thời giờ nghiên cứu môn Tử Vi để nghiệm lý lại cuộc đời của chính mình và cho gia đình mình. Tôi tiếc là trong thời gian tôi đi tù, bà xã tôi sợ quá đem giao hết mớ sách quý tôi sưu tầm được trong thời gian tôi làm việc ở Đài Bắc thành ra chắc phải qua Úc tôi mới hy vọng sưu tầm trở lại được.

Tôi nói với anh, sách Tử Vi trước đây tôi có coi một, hai cuốn nhưng thực sự hiểu biết chẳng bao nhiêu. Nhờ thời gian quen biết anh mà tôi vỡ ra được một số suy nghĩ. Tôi hy vọng sau này khi ra trại có thể liên lạc lại với anh để anh chỉ giáo thêm. Anh gật đầu đồng ý.

Tôi được thả vào tháng 2, 1988 Tết Mậu Thìn đúng như anh dự đoán. Ra trại chừng một tháng, tôi có qua thăm anh. Gia đình anh ở một con hẻm trên đường Công Lý gần Bộ Tổng Tham Mưu cũ. Anh được con trai bảo lãnh và đi qua Úc trong năm 1990. Tôi qua Hoa Kỳ tháng 5 năm 1992 lao đầu vào tìm công việc kiếm sống nuôi gia đình, thành ra cũng không còn thì giờ nghĩ ngợi tới chuyện Tử Vi nữa. Cũng từ ngày qua đây, tôi không có tin tức gì của anh nên cũng không liên lạc được, âu cũng là cái duyên không có đối với môn nghiên cứu này.

Cho đến mãi gần đây trong thời gian rảnh rỗi tôi thường vào các trang *web* để đọc sách báo, tò mò tôi tìm được khá nhiều trang nghiên cứu Tử Vi. Tôi thường theo dõi các bài viết là hai trang *Tử Vi Lý Số* và *Tử Vi Cổ Học*. Sách vở viết về Tử Vi hiện nay bằng tiếng Việt, hoặc được dịch từ tiếng Trung Hoa sang tiếng Việt nhiều vô kể. Các môn phái khác nhau trong luận đoán cũng đa dạng hơn cách đây vài chục năm. Tôi vẫn chứng nào tật nấy, đọc là đọc cho vui vậy thôi, vì lý do đơn giản, các sách viết đều đi vào các chi tiết rậm rạp quá không khái quát lên được những quy luật hoặc tính chất chung của các dấu hiệu – ý tôi muốn nói tới các sao – thành ra người xem chỉ còn có cách học thuộc lòng các cách bố trí trong các kết hợp các ký hiệu với nhau là một điều nhàm chán vất vả mà chưa chắc gì đoán đã trúng. Người ta thường nói các định luật tự nhiên thường rất đơn giản. Từ sự đơn giản ban đầu tiến tới việc kết hợp các yếu tố lại là hoàn toàn do suy luận dựa trên quy tắc đơn giản đó chứ không phải là sự kết hợp giữa những yếu tố phức tạp để truy cầu ra một câu trả lời cho một câu hỏi đơn giản.

Năm 2018 tôi được cháu trai, thấy tôi muốn đọc sách Tử Vi, mua cho tôi một cuốn của một tác giả người Tầu Mã Lai viết có tên là *"The Hidden Laws – Practical Techniques of Flying Star Zi, Wei Dou Shu"* (Những Quy Luật Ẩn Dấu - Những Kỹ Thuật Thực Tiễn về Phi Tinh của Tử Vi Đẩu Số) của tác giả Y. M. Lim. Cháu nói với tôi:

- Con hy vọng sách viết cho người Tây phương đọc, tác giả sẽ viết ngắn gọn khoa học hơn là kiểu viết của Tầu hoặc của ta luôn mong sách càng dày càng cuốn hút người xem.

Tôi hăm hở đọc cuốn sách này hy vọng tìm ra được những nguyên tắc quy luật nào đó để xem Tử Vi cho mình. Sau chừng hơn một tuần lễ với những cách bầy binh bố trận cho các sao thuộc hàng Tứ Hóa (Khoa Quyền Lộc Kỵ) bay tứ tung mù trời, tôi lùng bùng và bỏ cuộc. Điều oái oăm là thay vì tìm thấy quy luật nào đó, tôi lại chỉ tìm ra những nhận xét mang tính triết lý nhiều hơn của tác giả nói về cuộc đời. Ví dụ Lim nhận xét về sao Hóa Kỵ (tác nhân chính của mọi biến đổi trên các cung số) như sau:

"Trong lý thuyết Tứ Hóa, Hóa Kỵ giữ vai trò quan trọng nhất tương tự như cái chết, cho dù trong ý nghĩa ẩn dụ của nó. Bất kỳ khi nào có sự xuất hiện của Hóa Lộc, sẽ có Hóa Kỵ đi theo sau tương nhượng, giành giật. Trong tương quan Nghiệp Chướng, nếu Lộc là Nhân, Kỵ sẽ là Quả. Nếu Lộc là sự Khởi Đầu, Kỵ là sự Kết Thúc. Nếu Lộc là sự Tăng Trưởng, Kỵ là sự Dừng Lại. Nếu Lộc có nghĩa là điều tốt lành thì Kỵ là sự xấu xa. Nếu Lộc là sự lợi lạc thì Kỵ là sự thua lỗ. Sự biến đổi của Hóa Kỵ thường được các nhà luận đoán nhìn bằng con mắt tiêu cực như là chỉ dấu của một sự bất hạnh đang cận kề. Có những quỹ đạo của Hóa Kỵ có thể làm giảm nhẹ tác hại, đình động thậm chí xoay chuyển mang lại lợi ích, cho dù như vậy, những điều này cũng vẫn không làm xao lãng được những kết hợp tiêu cực của nó. Mọi người đều có Hóa Kỵ trong lá số của mình, nó tạo nên những tổn thất khác nhau trong cuộc đời của họ tùy thuộc vào sự tương tác với các cung số, vận hạn khác nhau. Mọi người phải sống với những hình thức rắc rối khó khăn khác nhau bất kể bối cảnh, hệ thống tín ngưỡng, và tín điều của mình.

Sự nhấn mạnh đến ý nghĩa của Hóa Kỵ trong – các quy luật ẩn dấu vẫn chưa đủ. Hiểu được Hóa Kỵ là hiểu được những hệ quả của cuộc đời, và tôi dám nói rằng, chinh phục được Hóa Kỵ, nói cách khác tương đương với chinh phục được cái chết. Hóa Kỵ giống cái chết, là sự thử thách của nhân loại bởi vì nó là một tiến trình tự nhiên. Nó là sự phi lý cần thiết để e sợ."

"In the four transformers theories, Ji is held strongly as an equivalent of death. Albeit in a more metamorphotical senses. When there is Lu, it will ceded by Ji, in a karmic

sense, if Lu is the cause, Ji is the effect, if Lu is the beginning, Ji is the end... The understand Ji is to understand the effects of life. And I daresay that to conquer Ji, on the other hand is equivalent to conquering death. Ji like death are trials of mankind and since it is a natural process, it is essentially irrational to fear it." (page 13)

Phần tiếp theo, tác giả phân tích chữ "Kỵ" bao gồm chữ "Kỷ" ở trên chữ "Tâm" rồi ông cho rằng, Hóa Kỵ chính là cái tâm của con người. Chính sự sử dụng cái Tâm của mình trong tương giao với ngoại vật đã tạo nên những phản ứng của môi trường lên chính mình. Nếu lấy cái tâm hiểm độc sẵn hận để đối nhân xử thế, tức khắc sẽ nhận lấy hậu quả khốc liệt từ sự tương tác đó dội ngược lại bản thân.

Đó là lý do những nhà tướng số thường nói "*Tướng tự tâm sinh tướng tùy tâm diệt*" để tạo nên khả năng thay đổi vận mạng của mình. Chỉ có điều trong đời sống thực, ta thỉnh thoảng lại gặp phải nghịch cảnh khi nhìn thấy những tai họa do vì chính lòng tốt của mình mang lại. Nói một cách công bằng trường hợp này cũng hãn hữu thôi. Cho dù điều ấy có xẩy đến, có lẽ ta cũng có thể an tâm hài lòng với chính mình trong lời an ủi rằng cái số mình nó như vậy.

Suy cho cùng học coi Tử Vi đòi hỏi phải có một cái duyên và một hứng thú chuyên tâm đặc biệt, còn lớt phớt lan man như bản thân tôi chắc chắn không thể học được. Viết tới đây tôi lại nhớ tới anh H. có lần đã đọc tôi nghe một bài thơ liên quan đến Tử Vi, mà theo anh nói là của Thiệu Khang Tiết như sau;

Ma thị Ma kinh giản yếu chương
Bất phần hiểu giác dữ kinh phương
Hốt quan Phật chỉ tư minh nguyệt
Viễn nhật mê thâm loạn kỷ cương.

Thiệu Khang Tiết (1011 - 1077)

Tử Vi chỉ là một phương tiện trong rất nhiều phương tiện khác để đoán định trước một sự việc sẽ xẩy ra như các môn bói Dịch, Lục Nhâm, Tarrot, Bói Bài, chỉ tay,... Khi người học không phân biệt được cái gì là phương tiện, cái gì là cứu cánh thì việc đoán định chắc chắn không thể chính xác được rồi từ đó dẫn tới những mê tín trong bói toán, khiến cho người xem càng hoang mang hơn thay vì là một cơ hội để xả bớt những phiền muộn lo âu cho bản thân mình. Đừng nhìn bàn tay Phật chỉ mặt trăng mà nhầm rằng mặt trăng chính là bàn tay ấy. Nói như tác giả Lim tôi vừa dẫn, chúng ta mang một cái Tâm Hóa Kỵ để cư xử với đời cũng có nghĩa là chúng ta đã tự xác định cái số mệnh của chính mình rồi.

Câu hỏi vẫn còn đọng lại: Như vậy tìm hiểu Tử Vi Đẩu Số làm gì khi Định Mệnh của con người đã an bài?

Đúng là con người có số phận của mình, nhưng Ông Trời cũng giành một chút tự do cho con người hành động nhằm làm gia tăng, hay giảm đi những khổ đau bất hạnh trong suốt cuộc hành trình từ lúc sinh ra cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Thêm nữa, khi hiểu rằng con người có Định Mệnh của mình, cũng có nghĩa là đã giảm đi một nửa những tham vọng không thể thực hiện được vì tin rằng mình "không có số" chứ không phải không có khả năng làm việc ấy, và do vậy có chút an nhiên tự tại mà vui sống.

Cuộc đời chúng ta gắn liền với một định mệnh nào đó mà ta không thể biết trước được mà cũng chính vì thế cuộc sống trở nên thú vị vì tính chất bất ngờ của nó. Giả định rằng ta biết trước số phận của mình chắc chắn cuộc sống sẽ rất tẻ nhạt buồn chán, chúng ta sẽ không có mục tiêu để vươn tới. Chỉ có điều con người thường hay rơi vào cực đoan ngay cả trong đức tin. Có người hoài nghi mọi sự, còn một số khác lại cả tin vào tất cả mọi thứ họ nghe hoặc thấy. Chính sự cực đoan này đã dẫn tới những thái độ sẵn sàng buông bỏ hết thảy mặc cho "số mạng" dẫn đi...

Dịch COVID-19 đang trong thời khắc hoành hành trên khắp thế giới, khắp châu lục. Nó tấn công không chừa nước nào: Cộng Sản độc tài toàn trị, tư bản tự do, dân chủ xã hội,... Nó cũng không thiên vị trong ban phát án tử cho bất cứ ai nó gặp trên đường, lãnh tụ, tỉ phú, người nổi tiếng, dân nghèo vô gia cư,... Nó không chỉ nhằm tiêu diệt con người, nó đánh sập luôn nền kinh tế thế giới – nồi cơm nhân loại. Nó chia tách con người ra từng cá nhân rời rạc *(social distancing)* để hy vọng sống còn, đồng thời làm suy giảm sự kết hợp giữa các cá nhân trong mối tương giao thân thiện cộng đồng – điều kiện khiến cho nhân loại phát triển và tồn tại. Có người nói "*Trời kêu ai người đó dạ,*" câu nói xác định niềm tin vào số mệnh con người. Và như tôi đã viết ở trên, đúng, con người có số phận của mình, nhưng nếu tự mình không biết tích cực phòng vệ mà buông xuôi thụ động thì cái chết sẽ cầm chắc cho dù mình không có số chết vì dịch.

Bài học đáng giá nhất qua cơn dịch có lẽ là điều này: Nhân loại nên sống với nhau tử tế hơn bởi vì kẻ thù thật sự của con người không phải là con người mà chính là những thứ chủ thuyết bất nhân, hoặc những sinh vật độc hại đang tiềm sinh trong lòng đất luôn rình rập xuất hiện để xóa sổ cả nhân loại.

Con người cần hận thù để nuôi dưỡng sự tàn sát lẫn nhau, còn vi-rút không cần điều kiện ấy nên sự sát hại của nó khủng khiếp gấp bội phần. ■

02/2020

SONG VŨ
(Cựu sĩ quan QL-VNCH,
hiện định cư tại San Jose, California)

Vĩnh Hảo

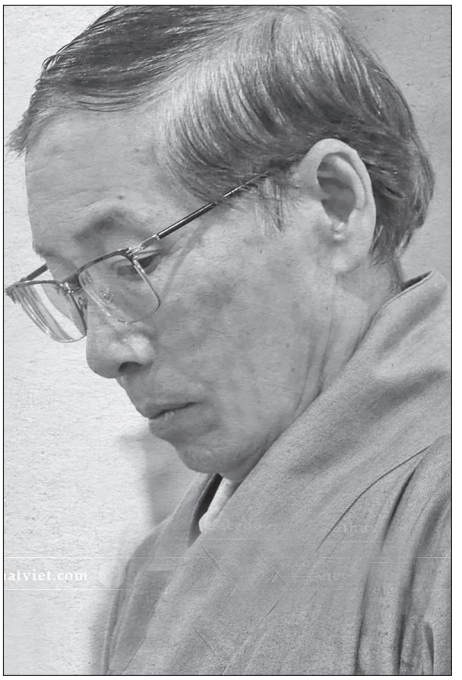

ĐỪNG BẢO XUÂN TÀN HOA RỤNG HẾT

Thuở còn bé, cứ mỗi độ năm hết Tết đến là lòng tôi rộn rã, náo nức; ngồi trong lớp chỉ mơ nghĩ đến hội chợ, quần áo mới, tiền lì xì, chơi bài, đánh bầu cua, v.v... không làm sao mà học cho vô. Nỗi háo hức mong đợi cái Tết đã khởi sự xâm chiếm lòng tôi tự những ngày đầu tháng Chạp cho đến tận giây phút Giao Thừa. Cứ mỗi tờ lịch rơi xuống, tôi nghe như nỗi háo hức tăng mạnh thêm lên; càng gần ngày Ba Mươi càng thấp thỏm, bồn chồn, vui không sao tả được.

Nhưng vui nhất là ngày Ba Mươi Tết. Ngày đó, trong nhà trước ngõ đã được mẹ và các anh chị lớn lau chùi, sửa soạn, trang trí xong xuôi hết rồi. Tôi cũng có góp công trong việc chùi đồ đồng chứ chẳng phải không, vì tôi nghĩ công việc hết thì Tết mới đến nhanh được.

Mẹ tôi sửa soạn cho bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà tổ tiên là kỹ lưỡng, chu đáo nhất. Đèn nến, hoa trái, trầm hương, trang nghiêm không kém gì bàn thờ ở chùa cả. Nhất là bộ lư đồng và các cặp chân đèn: sáng trưng, bóng lưỡng, y như vàng ròng vậy. Trên bàn thờ, ngoài hoa quả là những thứ mẹ tôi thường dâng cúng mỗi ngày Rằm và mồng Một, còn có bánh mứt, hạt dưa và nguyên một quả dưa hấu thật lớn nữa. Mẹ tôi chăm lo mọi thứ, chỉ dành cho ba tôi một công việc mà ông có thể làm được thôi, đó là trên đường từ sở về nhà, ghé mua một nhánh mai lớn từ hôm Hai Mươi Hai Tết, trước ngày đưa Ông Táo về Trời. Ba tôi đặt chậu mai lớn cạnh bàn thờ, gần phòng khách. Chính chậu mai này làm cho không khí Tết ra vẻ Tết hơn cả.

Đến gần ngày Ba Mươi Tết mà thấy mai chưa chịu hé nhụy là ba tôi thúc thuốc cho hoa nở kịp Tết. Không biết ba tôi học cái mẹo đó ở đâu; chỉ thấy, không khi nào ông để cho mẹ tôi thất vọng trong "công tác" duy nhất của dịp Tết mà bà giao ông làm.

Đến ngày Giao Thừa thì mai nở rộ. Sau tràng pháo đì đùng góp tiếng với hàng triệu phong pháo đang nổ giòn khắp non sông, ba mẹ rồi đến anh chị em tôi, lần lượt thắp nhang lễ Phật, lễ ông bà tổ tiên. Trong nhà, khói hương nghi ngút. Mùi thuốc pháo cũng trộn lẫn trong không khí ấm cúng của đêm giao thừa. Lễ xong thì đến mục mừng tuổi và lì xì. Mục này hình như là mục chính của đêm Giao Thừa, tôi nghĩ vậy. Ba mẹ tôi ngồi nơi phòng khách. Bầy con 14 đứa (vắng người chị cả đi du học), nhỏ đứng trước, lớn đứng sau, quần áo mới chỉnh tề, sắp thành hai hàng ngang để mừng tuổi ba mẹ. Người chị lớn thứ nhì thay mặt bầy con chúc Tết, cầu ba mẹ mạnh khỏe sống đời. Sau đó, ba tôi đáp lễ đôi dòng vắn tắt nhưng đầy thương yêu, cảm động. Lúc nào cũng vậy, ông đều khuyên chúng tôi ăn hiền ở lành, chăm chỉ học hành để mai này giúp ích cho xã hội, cho giống nòi mà còn làm nở mặt tông tộc nữa. Rồi mẹ tôi lì xì. Lớn trước nhỏ sau. Những bao lì xì đỏ mà thuở ấy, bọn nhỏ như tôi thấy nếu thiếu chúng thì Tết cũng mất hết ý nghĩa.

Hí hửng mở bao lì xì ra xem, sau đó lũ trẻ chúng tôi, nếu từ 13 tuổi trở xuống thì phải đi ngủ lại cho đến 6 giờ sáng mới được phép trở dậy để

đón Tết. Đi ngủ ngay sau giờ Giao Thừa quả thực là một cực hình cho tôi! Các anh chị từ 14 tuổi trở lên không biết thức làm gì? Chắc cũng chỉ ngồi ăn bánh mứt, cắn hạt dưa, uống trà thôi chứ có đại sự gì đâu! Nhưng nằm trăn trở một lúc tôi thấy không khí trong nhà sao im quá. Tôi đoán, vậy là những người lớn đã rời khỏi nhà, đi đâu rồi. Tôi lén trở dậy, vén màn nhìn ra phòng khách: không có ai cả; chỉ có mình ba tôi thôi. Có lẽ mẹ và các chị đi chùa sư nữ ở gần nhà, còn các anh thì đi chơi với bạn bè.

Ba tôi ngồi uống trà, tư lự. Suốt năm, hình như chỉ có lúc này là ông có thể được ngồi một mình. Ba tôi làm ở Tòa Hành Chánh tỉnh, một mình ông mà nuôi cả nhà mười mấy đứa con ăn học, cho nên không có phút giây nào thực sự rảnh rỗi cho ông ngơi nghỉ. Nhà đông con nên rộng cũng thành hẹp, chẳng còn khoảng trống nào cho ba tôi ngồi thở một mình với thế giới riêng của ông. Bây giờ ông ngồi đó, nét mặt không có vẻ gì là buồn cả. Có lẽ ông đang hồi niệm những chuyện cũ xa xưa thơ mộng nào đó trong cuộc tình của ông với mẹ. Nhưng thấy ông ngồi một mình như vậy, tôi bỗng chạnh lòng, muốn khóc. Tôi bước ra an ủi ông:

"Ba ơi, sao ba không đi chùa với me hả ba? Ba mệt hả?"

"Đâu có. Ba muốn ở nhà một mình, vừa coi nhà, vừa ngắm mai. Bây giờ ba mới đi chùa. Sao con không ngủ? *Nì*, ăn miếng mứt gừng cho ấm bụng."

Tôi nhìn cành mai ba cắm trong cái bình lớn cao gần bằng tôi. Cành mai vươn lên trên, tỏa ra tứ phía, đầy sức sống. Tôi không biết thưởng thức mai; chỉ coi sự hiện diện của nó như là dấu hiệu của Xuân, của Tết mà nếu không có nó thì thấy thiếu vắng vô cùng. Nhưng ba tôi thì ngồi uống trà, ngắm mai một cách lặng lẽ với vẻ đam mê thích thú. Tôi nói:

"Mai đẹp quá hả ba!"

"Ừ, đẹp. Thôi, con đi ngủ cho khoẻ, mai mới chơi được."

Tôi rút vào phòng nhưng ba cứ ngồi mãi một mình nơi phòng khách, uống trà, ngắm mai.

Cành mai rực rỡ nhất vào ngày mồng Hai, như thể toàn lực của nó được phát tiết vào ngày đó để rồi tàn dần theo những ngày Tết cuối. Khách nào đến cũng trầm trồ khen cành mai đẹp. Ba tôi chỉ cười. Mai còn nở nhưng ngày mồng Tám chúng tôi đã phải cắp sách trở lại trường. Tôi không muốn đi học nữa. Mai còn nở là còn Tết, sao lại phải đi học? Đi học đâu có lợi ích gì chứ! Tại sao người ta lại bày ra chuyện học hành chi cho mệt nhỉ! Hậm hực trong lòng vậy thôi chứ cũng phải đi học, không đi thì bị phạt đòn. Ba mẹ tôi không bao giờ đánh con, nhưng chị lớn của tôi sẽ chẳng bao giờ tha bầy em nghịch ngợm hay biếng học cả.

Mỗi chiều đi học về, tôi vẫn thấy cành mai đó. Dư âm ngày Tết còn đọng trong lòng tôi thì cũng còn biểu hiện nơi cành mai. Tôi sợ mất đi cành mai đẹp ấy. Bánh mứt, trái cây trên các bàn thờ đã được hạ xuống từ ba ngày đầu năm. Chỉ còn cành mai là dấu vết cuối cùng của những ngày xuân vui vẻ, hạnh phúc và ấm cúng trong gia đình. Mất nó đi thì tôi không còn bám víu vào đâu được nữa. Và nếu nó mất đi có nghĩa rằng ngày Tết đã thực sự qua rồi. Tôi sợ điều đó lắm.

Vậy đó mà cành mai còn nở đẹp đến Rằm tháng Giêng, khi mẹ tôi lại bày cúng hoa quả bánh trái, xôi chè trên các bàn thờ. Hai ngày sau đó, mẹ tôi mới sai anh tôi dẹp chậu mai. Cành mai được đem ra đầu ngõ, đặt bên cạnh thùng rác, dựa vào cây trụ điện trước nhà. Khuya hôm sau, xe rác dọn sạch. Buổi sáng ra nhìn lại, chỉ thấy một khoảng trống ở giữa thùng rác và trụ điện. Tôi buồn muốn khóc.

Có lẽ tôi là đứa trẻ ham thích cái vui trường cửu. Những cái Tết vui tươi của tuổi thơ khi trôi qua chỉ làm đậm thêm nỗi buồn trong tôi mà thôi. Nỗi buồn vì mất đi mùa xuân. Nỗi buồn vì hết Tết. Nỗi buồn vì những trò vui chơi không kéo dài. Nỗi buồn vì cành mai đẹp đã khô héo và bị xe hốt rác dọn đi. Tất cả những thứ ấy dường như đã thúc đẩy tôi, kêu gọi tôi đi tìm một mùa xuân bất diệt. Hai năm sau cái Tết ấy, tôi vào chùa xuất gia.

Ở chùa, một nếp sống mới mở ra. Tôi loay hoay sống theo quy củ thiền môn, sớm chiều kinh kệ công phu trên điện Phật; quét sân, nhổ cỏ, tưới cây ngoài vườn chùa; lau bàn, chùi nền trong phòng tăng,... thời giờ rảnh thì học kinh, học giáo lý, v.v... đến nỗi không còn hở phút giây nào để bận tâm về Xuân, về Tết, về những cuộc vui mà tôi mong là không bao giờ chấm dứt.

Ở chùa cũng có Xuân, có Tết, nhưng Tết ở chùa khác lắm. Chùa đón Tết như là một ngày vía Phật Di Lặc, hay là một dịp lễ lớn mà khách thập phương đến đông, cần phải đón tiếp. Ở chùa không có "ăn" Tết. Có gì đâu mà ăn! Quanh năm suốt tháng ăn chay đạm bạc thì Tết vẫn cứ là ba bữa ăn (có khi còn đạm bạc hơn bình thường, vì mấy ngày Tết nhà bếp đâu có nấu nướng chi, chỉ lột bánh chưng bánh tét thay cơm thôi). Chùa cũng không có chuyện

đánh bài đánh bạc, chơi cờ hay bầu cua cá cọp,... nên cũng chẳng có gì gọi là trò vui. Chỉ có mệt mà thôi! Làm chú tiểu thì phải đứng mãi nơi chánh điện để thỉnh chuông cho khách thập phương thay nhau lễ bái, hoặc thỉnh đại hồng chung suốt ngày. Quý thầy muốn tiếng chuông chùa ngân suốt những ngày Tết, nên các chú tiểu phải thay phiên nhau thỉnh chuông liên tục. Mệt lắm! Thỉnh chuông thì phải mặc áo tràng và vì vậy cũng phải giữ trang nghiêm suốt ngày. Đến tối vẫn còn người đến lễ Phật. Gần 12 giờ khuya mới được nghỉ. Xong ba ngày Tết thì thở phào như trút gánh nặng. Không buồn gì hết! Cảm ơn Tết đã qua mau để được ngơi nghỉ.

Chùa cũng có chưng bình hoa mai lớn, đẹp lắm. Tôi nghe nhiều người khen như vậy. Nhưng tôi không có thời giờ để quan tâm đến nó và khi nó bị dẹp đi, tôi cũng không biết là vào lúc nào. Mùa xuân, theo lối đó, có thể nói là không có; hay cũng có thể nói rằng tôi đã không có mùa xuân để mà mất nữa.

Vài năm sau, trưởng thành hơn một chút, tôi được cho đi học xa, ở một Phật Học Viện, đến Tết mới được về chùa của thầy tổ. Đêm Giao Thừa, làm lễ xong, bọn tiểu chúng tôi được cho phép ngồi uống trà, ăn mứt với thầy. Thầy cũng lì xì bọn tiểu chúng tôi, nhưng chúng tôi không để ý là có bao nhiêu tiền trong bao lì xì cả. Chúng tôi chỉ thích được ngồi bên thầy để có được không khí ấm cúng thương yêu mà thôi. Thầy cũng như cha. Khi chúng tôi bỏ gia đình đi tu, chúng tôi chỉ có mỗi người thân thương yêu, gần gũi chúng tôi nhất là thầy. Vừa uống trà, thầy vừa kể vài câu chuyện đạo cho chúng tôi nghe. Có khi thầy đọc thơ nữa. Những bài thơ Thiền, những bài thơ Xuân; trong đó có bài thi kệ nổi tiếng của Thiền sư Mãn Giác thời nhà Lý mà lúc ấy tôi mới được nghe qua lần đầu.

Thầy đọc bài âm Hán-Việt trước, sau đó mới đọc bài dịch nghĩa cho chúng tôi nghe:

"Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Trước mặt việc đi mãi
Trên đầu già đến rồi
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai."[1]

Nghe thầy đọc tôi rung động cả người. Tôi thấy được loáng thoáng những gì tôi đang kiếm tìm. Sau Tết, tôi rời chùa, trở lại Phật Học Viện để tiếp tục học. Lần này, tôi mang theo tâm tưởng cành mai của thầy tôi.

Tàn xuân Ất Mão (1975), khi cây mai cổ thụ tuyệt đẹp của trường tôi vừa rụng hết những cánh hoa cuối mùa, đất nước đổi thay.

Năm năm ở chùa, đến lúc đó tôi chỉ mới 16 tuổi và hãy còn là một chú sa-di ngây ngô chẳng hiểu gì về xã hội bên ngoài. Phật Học Viện giải tán. Các chú tiểu cùng trường lục tục trở về chùa cũ. Tôi ở lại trường cùng với các thầy, các chú thường trú ở đây, làm ruộng, làm vườn, quyết tâm tu tập hành trì, bỏ mặc thế sự ngoài tai, đến nỗi không biết rằng chính trong thời gian đó, ba tôi bị bắt đi "học tập cải tạo" (thực ra là đi tù), và gia đình tôi, vì là vợ con của một viên chức chế độ cũ, đã bị chính quyền mới xem như là một "gia đình xấu", các anh chị không thể tiếp tục dạy học, thậm chí còn không được gia nhập đội ngũ công nhân bốc vác của các xí nghiệp quốc doanh nữa.

***

Mùa xuân năm sau, tôi mới về lại chùa xưa thăm thầy và sau đó, về thăm gia đình đúng vào dịp Tết. Tôi không ngờ chưa đầy một năm sau biến cố 1975 mà gia đình tôi đã khánh tận. Nhà tôi không ăn Tết. Không có bánh mứt, hạt dưa. Không có bánh chưng, bánh tét. Không có pháo. Không có bài bạc. Và dĩ nhiên là không có cả cành mai đẹp. Ba mẹ tôi cũng không có tiền để đặt vào bao lì xì đỏ cho bầy con, trong đó hãy còn bốn đứa vị thành niên. Các anh chị đã lập gia đình không về vì ở xa. Những anh chị em còn lại thì ngồi ủ rũ trong nhà y như những tội nhân bị giam chờ ngày xét xử. Ai thấy tôi về cũng vui mừng nhưng cười gượng gạo. Hình như họ không muốn một người xuất gia như tôi, dù vẫn cứ là người ruột thịt trong nhà, phải chứng kiến sự suy sụp tàn tệ của gia đình.

Tôi nhìn thảm cảnh gia đình mà sửng sốt, bàng hoàng. Ba tôi lúc đó vì bệnh quá nặng, mới được thả về từ trại tập trung cải tạo; hai chân bị sưng phù lên, chỉ ngồi một chỗ. Tôi lên gác nói chuyện với mẹ. Bà biết tôi chỉ về thăm rồi sẽ trở lại trường nên có bao nhiêu tiền trong bọc bà dúi cho tôi, sợ rằng tôi khó có dịp về lại nữa để bà có cơ hội biểu lộ sự chăm sóc của bà. Tôi nghĩ có lẽ số tiền đó bà mới kiếm được nhờ bán cái bàn hay cái tủ trong nhà để mua gạo cho cả nhà ăn cầm hơi. Nhìn quanh, tôi thấy trống trơn những vật dụng của gia đình. Tôi trả lại mẹ số tiền đó, nghẹn ngào từ giã bà. Bước xuống nhà dưới, tôi kéo hai em nhỏ ra ngoài, móc hết tiền túi (mà tôi được thầy lì xì), đưa cho hai em mang vào cho gia đình có mà ăn Tết. Sau đó, tôi vội vàng trở về chùa. Tôi không chia sẻ được niềm đau và

[1] Bản dịch của Ngô Tất Tố

những khó khăn của gia đình. Tôi chỉ muốn bước ra khỏi thực tế đó để khỏi phải bật khóc. Từ đó, tôi ý thức được rằng mùa xuân năm ấy đã bị kết thúc bởi một cơn bão khủng khiếp, quét sạch bao nhiêu niềm vui và lẽ sống của dân tộc, trong đó có cả mái ấm của gia đình tôi.

Tôi về chùa, ngồi một mình nơi cột cờ trước chánh điện, nhìn xuống núi. Đã mấy năm rồi, từ khi vào chùa, mùa xuân đi qua đời tôi lặng lẽ như vậy. Tôi không còn những háo hức hay tiếc nuối về sự còn mất của mùa xuân nữa. Nhưng nghe như trong lòng đau buốt mãi bởi một vết thương nào đó.

***

Tàn xuân năm 1985, khi chính quyền tổ chức linh đình lễ kỷ niệm "10 năm chiến thắng" của họ thì tôi đang lẩn trốn vì lệnh truy nã của công an tỉnh Đồng Nai và Sàigòn. Cũng là lúc tàn xuân. Sự kết thúc của một cái này luôn là để mở màn cho một cái khác. Sự vui mừng của những người nọ có thể là nỗi khốn khổ của những người kia. Chỉ vài ngày sau đó, tôi bị bắt vì tội mà người ta gọi là "phản cách mạng". Không ai ngờ một chú tiểu chỉ biết quét lá đa trong sân chùa như tôi cuối cùng lại đi vào con đường đó. Nhưng tôi biết rằng tôi đã không "phản" ai. Tôi chỉ muốn đi tìm một mùa xuân vui tươi cho đất nước quê hương tôi mà thôi.

Mùa xuân năm sau là mùa xuân đầu tiên tôi ở trong tù. Ở đây, tù nhân cũng nôn nả đón Tết. Tối Ba Mươi, phòng giam tổ chức uống trà, ăn bánh tập thể và ca hát suốt đêm chờ giao thừa. Có kẻ hát bài *"Xuân Này Con Không Về"*, giọng không hay nhưng nghe truyền cảm lắm. Bài ca đánh trúng tâm trạng nhớ nhà của tù nhân khiến nhiều anh phải rưng rưng nước mắt. Tôi không khóc. Tôi nhìn ra cửa sổ và thấy cây mai tứ quý thấp thoáng trong bóng đêm. Cây mai này chúng tôi nhìn thấy hàng ngày nhưng không để ý lắm. Bây giờ, trong thời gian này, nó mới thật là giá trị. Ngày mai mồng Một, mọi người sẽ nhìn thấy nó và sẽ cảm thấy "Tết."

Một tuần sau Tết dương lịch của năm kế tiếp, tôi được trả tự do với một lệnh tạm tha vì bệnh nặng. Nhưng ba tôi đã mất hai ngày trước khi tôi về. Ông không còn đủ sức để chờ đợi thêm một mùa xuân không vui trên đất này nữa. Tết đó là Tết Đinh Mão, 1987, tôi có mặt ở nhà (vì lệnh tạm tha không cho tôi được về chùa, ý người cầm quyền buộc tôi phải hoàn tục). Mẹ tôi mua tặng ba tôi một cành mai nhỏ khiêm tốn, đặt trước bàn thờ. Rồi mẹ tôi rót trà cho ba vào đêm Giao Thừa. Tôi nhớ 20 năm trước, ba tôi ngồi uống trà một mình, ngắm mai. Tôi nhớ ba cho tôi miếng mứt gừng ăn cho ấm bụng, bảo tôi đi ngủ; rồi ba tiếp tục ngồi lặng lẽ uống trà, ngắm mai. Chỉ có Tết ba tôi mới được rảnh để thưởng thức giây phút một mình ấy.

Năm nay, 1991, xuân chưa kịp về, tôi đã nhận tin báo của mẹ tôi từ trong nước gửi ra, cho biết thầy tôi vừa mất. Tôi lặng người. Đến chùa làm lễ tưởng niệm thầy, tôi đọc một bài thơ ghi lại nhiều kỷ niệm giữa hai thầy trò. Tuổi trẻ của tôi đặt hết trong chùa nên tình cảm thầy-trò sâu đậm như tình phụ tử. Ba tôi mất, tôi đã đau khổ và khóc nấc lên khi ngồi lặng một mình. Bây giờ thầy tôi mất, tôi không khóc nên tiếng nấc như vậy, nhưng nước mắt cứ chảy mãi, chảy mãi.

Tôi nhớ cứ xuân về là thầy tự tay cắm mai cho chánh điện chùa. Nếu mai không nở kịp Tết thì thầy đem trui gốc để thúc cho mai nở. Hết xuân hết Tết rồi thầy cứ ngâm *"Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết, Đêm qua sân trước một cành mai."*

Nhiều mùa xuân đi qua rồi mà tôi bây giờ vẫn cứ như thuở nào: vẫn là một đứa bé ham thích cái gì lâu bền, trường cửu. Tôi không mong đợi những mùa xuân tạm bợ, giả tạo. Nhưng mùa xuân cứ đến. Rộ nở để chấm dứt một cái gì và tàn phai cũng để bắt đầu cho một cái gì khác. Tất cả tàn tạ, trôi qua, mất đi. Ba tôi không còn để ngắm mai. Thầy tôi không còn để cắm mai. Và quê hương tôi đã vắng đi những mùa xuân thực sự tươi vui trong nhiều năm qua. Nhưng loáng thoáng đâu đó trong cuộc sống, tôi vẫn như nhìn thấy một nhánh mai rực rỡ, vươn lên, đầy sức sống. Như thể trong cuộc tìm kiếm của tôi, thầy tôi đã trao cho tôi một nhánh mai bất diệt mà chính trong những lúc đau thương cùng cực nhất, tôi nhìn thấy nó: không phải để thưởng thức, để được an ủi, mà là để cảm nhận rằng có một cái gì đó trường cửu, luôn có mặt trong kiếp sống phù du này. ■

California, mùa đông năm 1991

VĨNH HẢO

(Tác giả sinh năm 1958,
định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1988)

luân hoán

xuân ca

1.
Nứt ra từ trái tim đời
mùa xuân lộng lẫy tuyệt vời kiều sa
nứt ra từ trái tim ta
mùa xuân thắm thiết hào hoa hơn nhiều

2.
năm xưa em thích lì xì
năm nay em ngoảnh mặt đi không thèm
cũng đành nghe lệnh trái tim
chung thân hồn để cho em gối đầu

3.
trong hồn mỗi nụ hoa xuân
có hương trời đất vô cùng hiển linh
trong làn môi ta hồn em
ngát hương hoa nở đêm đêm vì người

4.
mai vàng ngậm miệng chờ ai
chúa xuân đến chậm hay ai chưa về
lòng ta sửa soạn chỉnh tề
cung nghinh em lộng lẫy về nhập cung. ■

cao tần

thư quê hương

Thư quê hương như tên hề ốm nặng
Hồn tang thương sau mặt nạ tươi cười
Son phấn hân hoan phủ nghìn cay đắng
Mắt lệ đầy, miệng hát những lời vui...

Ta biết thư em vượt muôn cửa ải
Mắt sài lang soi nát cả linh hồn
Em chẳng được khóc cùng ta bằng chữ
Thì gửi chi dăm khẩu hiệu buồn nôn!

Gửi cho anh vài sợi tóc mẹ già
Rụng âm thầm trên hiên chiều hiu quạnh
(Nuôi một bầy con cuối đời vẫn lạnh)
Cho anh hồn ơn nặng một thời xa...

Anh muốn thở mùi nhọc nhằn nô lệ
Gửi cho anh manh áo rách con thơ
Con chào đời: ta rừng sâu lính trẻ
Ta non cao, con tập nói u ơ...
Giờ bước đầu đời chân non vấp ngã
Muốn nâng con nào biết có bao giờ

Gửi cho anh viên sỏi nhỏ bên đường
Anh sẽ đọc ra trăm nghìn lối cũ
Gửi cho anh vài nhánh cỏ quê hương
Anh sẽ đọc đất trời ta đã thở

Và gửi cho anh một tờ giấy trắng
Thấm nước trời quê qua mái dột đêm mưa
Để anh đọc: Mênh mông đời lạnh vắng
Em tiếc thương hoài ấm áp gối chăn xưa... ■

Hoàng Khởi Phong

GIÓ Ở QUÊ NHÀ

Khi nhận lời viết "tùy bút" cho số báo xuân, tôi tưởng chừng dễ, nào ngờ tôi đâu có được tùy tiện phóng bút bởi một lẽ giản dị đây là số đặc biệt về Tết. Cái *"tùy"* của tôi nằm gọn lỏn trong chữ *"Tết"*. Nó khó ở chỗ mười ba năm nay, tôi không được hưởng Tết bao giờ. Tết gợi cho tôi những buồn khổ, nhớ nhung. Tết gợi cho tôi những nghìn trùng xa cách. Tết gợi cho tôi những chua cay chán nản. Tết bây giờ chỉ gợi cho tôi một ý niệm rất mơ hồ về thời gian. Đã có lúc tôi muốn xua đuổi cái ý niệm mơ hồ này, như liệng một chiếc giầy cũ xuống cống. Sau cùng tôi vẫn phải giữ chiếc giầy, bởi tám phần mười thiên hạ đều có nguyên một đôi giầy mới, nói chi tới quần lụa áo là.

Cách đây tám năm, con trai tôi vượt biển. Nó đi cùng hai đứa cháu ruột, con anh tôi. Hai đứa lớn bị bắt, một mình con trai tôi chưa đầy tám tuổi tới được Bidong. Tôi đón nó tưởng chừng như giấc mộng. Từ đó hai cha con tôi ấp ủ những tháng Chạp buồn. Từ lúc có nó, tôi tầm nguyện một điều trong những lúc giao thời giữa cũ và mới. Điều tôi tầm nguyện đâu có lớn lao gì, tôi mong nó đọc, viết và hiểu tiếng Việt cặn kẽ. Tôi cố gắng sức rèn cặp những năm đầu, gần mười năm qua đi, nó nói tiếng Việt rành, nhưng cái thư viết về nhà ngớ ngẩn, đầu Ngô, mình Sở. Khoảng mấy năm gần đây, tôi buồn bã thấy nó lớn lên như những cây sậy ven đường, Mỹ không ra Mỹ và Việt cũng không thuần Việt. Cái hố ngăn cách giữa hai bố con cứ mỗi ngày một lớn. Chẳng bao lâu nữa cái hố không còn là một cái hố. Nó sẽ thành một vực sâu. Tôi vẫn tin chắc tuổi già của tôi sẽ không bao giờ ở trong viện dưỡng lão. Nhưng tôi cũng biết chắc con tôi sẽ phụng dưỡng tôi không giống cách của anh em tôi phụng dưỡng đấng sinh thành và tôi hy vọng tôi đủ sức chịu đựng sự khác biệt này.

Tôi không muốn viết những điều buồn bã, nhưng trong tôi có thật hiếm điều vui. Ít nhất "tùy bút" dẫu cho có bị gò vào Tết vẫn "tùy" ở lòng mình.

Tôi có một ý nghĩ nhỏ về điều vui. Nói cho cùng nó cũng chẳng vui gì. Tôi cho rằng bất cứ ai dẫu cho có đầy đủ gia đình, hiện diện đủ ba, bốn thế hệ ở nơi đây, trong những ngày giáp năm này mà không có gợn một chút buồn.

Tôi có cảm giác đó là người phạm tội, một cái tội mà không có một tòa án nào định được tội danh. Xin đừng một ai ngộ nhận tôi đau buồn, và muốn mọi người đau buồn không ít thì nhiều. Đó chẳng qua là một chút lòng, một chút nhân, một chút nào đó của đời sống, một chút nào đó của đất trời mở rộng.

Vậy thì xin đừng một ai muốn tôi viết về điều vui, khi trong tôi điều đó thật hiếm. Xin đừng ai bắt tôi làm thơ, viết văn ca tụng một mùa xuân chiến thắng, khi bóng dáng những đoàn quân kiêu hùng đã khuất lấp dưới chân mây, khi những người anh hùng đích thực giờ đây yên nghỉ trong lòng đất,

dưới làn nước vô lượng của đại dương. Xin đừng ai bắt tôi viết về cộng đồng đoàn kết khi chúng ta có cả trăm, cả ngàn đoàn thể. Ở nơi đây chúng ta có sự sung túc, nhưng tôi không thể viết về sung túc khi mới vài tháng trước đây, trong một lá thư vượt bao quan ải, vượt nghìn trùng sóng gió tới tôi, trong thư cô em tôi viết cô có con gà mái ấp, nở được một đàn gà con đẹp óng như tơ, cháu con anh Ba tôi tới nhà, nằng nặc xin một con. Cô em tôi tưởng nó thích vẻ đẹp của chú gà nhỏ, nhưng không thằng bé xin về nuôi chỉ mong cho lớn để được ăn thịt gà, được ăn cả một cái đùi gà.

Tôi cố viết đôi điều về hạnh phúc, một chút hạnh phúc thật nhỏ như về thăm quê nhà. Tôi không đứng về phe chống đối cật lực, tôi lại càng không đứng về phe cổ võ.

Chống đối cật lực ư? Có ai hiểu được cha tôi qua đời ba năm trước, mẹ tôi nối gót theo sau trước ngày mãn hạn đại tang vỏn vẹn có bốn ngày. Bà cụ đi thăm mộ và mời cụ ông về ăn giỗ, nào ngờ bị tai nạn giữa đường, Có ai hiểu được một đứa em lêu lổng thiếu thời, bỗng một hôm trở nên ngoan muốn phụng dưỡng bố mẹ, bị tước đi cái hạnh phúc nhỏ nhoi đó. Có ai hiểu được tôi còn một người vợ, một con gái nhỏ. Tôi ân hận về sự ra đi một mình, dẫu hoàn cảnh hiểm nguy đến đâu tôi vẫn nghĩ là không một lời bào chữa nào đủ. Đã mười năm nay tôi muốn ôm con, "*ngó trời đất cũ*" (mượn ý một câu thơ của Cao Tần). Nhưng tôi cũng không thể và càng không thể đứng về phe những kẻ lái buôn, đầu cơ và tích trữ lòng tưởng nhớ quê nhà, cái lòng tưởng nhớ này có lúc thật, có lúc giả. Nếu không giả sao lại có những kẻ vênh váo đi về, vung vãi tiền của, nói truyện trời xa. Hãy gạt bỏ ý niệm tị nạn kinh tế hay tị nạn chính trị. Hãy nói về tấm lòng, tôi lợm giọng khi nghĩ đến những hạng người này. Do đó tôi không đứng về phe chống đối một cách cật lực. Tôi nghĩ đến những người già, đã trải qua ba phần tư cuộc đời nơi quê nhà, nên có một biệt lệ của lòng nhân. Với những cụ già tóc như mây trắng, cuối đời muốn nhìn lại cố hương. Chúng ta không thể nhân danh bất cứ cái gì để cấm cản. Vả lại chúng ta đã thua một kẻ địch mà lòng vô nhân là vũ khí chính, chúng ta muốn đánh bại họ ư? Lòng nhân bản chính là vũ khí hữu hiệu nhất. Nhưng tôi chống, cục lực chống những kẻ sớm đánh tối đầu, những con buôn đầy lòng xảo trá, những kẻ hợm hĩnh, giả hình. Ngay tại đây tôi cũng chống những kẻ làm việc thiện không vì việc thiện. Họ xuất hiện ở mọi diễn đàn cốt chỉ để làm nổi bật phương danh của họ. Những ai làm việc thiện vì việc thiện, tôi cầu mong cho họ được dồi dào sức khỏe, sáng suốt và minh mẫn để việc thiện họ làm có hiệu quả hơn.

Mấy hôm nay trời chuyển mưa và gió lớn. Bão ở đâu kéo về, những đám mây chó mỗi buổi chiều, những đám mây Tần mỏng mảnh ban trưa bị những đám mây đen thô bạo đến chiếm cả vùng trời. Bão có lẽ rớt từ bên kia bờ biển, gió có lẽ cũng tự bên kia bờ biển, một loại gió thổi tạt vào mặt giống như gió Lào, chắc chắn đây không phải là gió Santa Ana, đây là gió Trường Sơn, gió rớt trên những cổ thành, gió xoáy trên những mộ địa, gió ở khắp hoàn vũ tụ lại ở đó, và đã băng đại dương.

Cũng không hẳn chỉ có gió của trời đất. Trong mỗi chúng ta lúc nào cũng có những cơn gió ẩn nấp tận đáy lòng, nó chờ một dịp nào đó, bắt đầu cất cánh. Hơn mười năm trước, trong cái Tết ly hương đầu, còn một chút hơi hướm quê nhà, tôi có làm một bài thơ trong đêm Giao Thừa, xin chép vào đây để chấm dứt cái "tùy" của Tết:

GIÓ Ở QUÊ NHÀ

Có phải đêm nay ta đầy ba
mươi hai tuổi?
Có ba mươi hai năm méo mó
chắp làm người
Có ba mươi hai năm trôi dài
trong bóng tối
Có ba mươi hai năm ngồi đợi
một bình minh
Buổi chiều nay ta uống rượu
thật nhiều
Ta chợt thấy ta là người lạ mặt
Hỡi bằng hữu của một thời tụ tập
Tan về đâu sau trận chiến não nề
Có còn chăng những câu thơ
hào sảng
Có còn chăng tiếng hát đượm
hồn người
Có còn chăng những men đời
chất ngất
Đời thật buồn như tiếng mõ
cầm canh
Sao quanh ta bỗng nhiên im lặng
Và gió ở quê nhà thổi lộng
hồn ta. ■

12/1988

HOÀNG KHỞI PHONG

(Nhà văn, nhà thơ,
Cựu sĩ quan Quân Cảnh QL-VNCH)

trần mộng tú

tường vi

Trong khu vườn thiếu phụ
chàng đi tìm mùa xuân
trên mặt tuyết trắng ngần
đóa tường vi đỏ thắm

chàng đốt một điếu thuốc
tình cháy trên ngón tay
bên hiên nhà hàng xóm
thiếu phụ khẽ thở dài

chàng cúi nhặt đóa hoa
hỏi tình sao vời vợi
hoa lạnh lùng không nói
tuyết phủ trên cánh gầy

chàng đi không trở lại
mùa xuân buồn không sang
trong khu vườn thiếu phụ
đóa tường vi chợt tàn. ■

trưa xuân về qua nhà cũ

thường quán

Lại chạy vào trời trưa khốc liệt
Tìm trong những lứa hoa xuân
Trẻ thơ nằm ngủ như măng
Xe nôi ta đẩy trên đường ban mai
Đường lau cỏ trắng mây đùn trắng
Trời nặng ngực cơ hồ
Nghe trong gió tiếng nhị hồ
Hay là tiếng trẻ những giờ
bướm ra
Trưa để sót lời ca
Rụng trong lả tả màu sa nhớ người
Những kẻ ở không rời
Những đời tăm tích biệt
Tiếng trẻ đòi nương trời
Gió chở đi về nơi không biết

Lại đẩy vào trời xanh khốc liệt
Những đứa trẻ của ngày xưa ơi
Làm sao biết có những đời hoa xuân
Chúng ta để lại bên đường
Như trong giấc mộng
vẫn thường bỏ quên?
Ngủ đi con thơ chỉ là
Niềm cảm thương
Chạy đi tìm mãi vẫn đường
hôm qua
Cầm tay những ngón măng
mềm lạ
Nhỏ bé để lòng ta
Cười lững thững đi về chỗ lệ
Giấu trong biển nắng cuối quê nhà
Mắt ngủ con đen chầm
Là quê hương trời xanh túc tá
Bỏ nghìn trưa ra sống thứ tha ta
Tên tuổi trẻ, kẻ lạ, lòng vụng về
không chăm sóc
Dõi nhìn mây trắng mãi đường xa
Còn nghe tuổi nhỏ người
đang bật khóc
Biết chỉ là hôm qua
Hôm qua không thể nào về được
Đường măng tre xanh rồi
Buổi nắng đầy nghìn vạn cánh
vỡ ra. ■

Thế Uyên
(1935 - 2013)

TẠ TỴ VỀ THẾ UYÊN

CON ĐƯỜNG QUA MÙA ĐÔNG

Bình thường ra miền Nam Việt Nam chỉ có hai mùa, một mùa mưa và một mùa nắng. Nhưng cứ vài năm, không theo một chu kỳ nào cả, lại có một mùa đông. Và năm đó, 1975, một mùa đông đã đến thật sự với "trại cải tạo" rộng lớn giành cho sĩ quan cấp úy ở gần chân núi Bà Đen này. Các sĩ quan cấp tá, tướng đã được Ủy Ban Quân Quản dặn dò là phải mang theo áo lạnh, còn sĩ quan cấp úy thì không. Do đó khi cái lạnh từ phương Bắc tỏa xuống, các bạn đồng đội của tôi đã phải từng toán đi đào các giao thông hào lấy lên các bao cát mà chính chúng tôi đã theo lệnh của ban lãnh đạo trại lấp đi để xoá bỏ những dấu tích của chiến tranh.

Các bạn tôi đã hì hục đào lên, chia nhau, giặt sạch từng bao cát, rồi hí hoáy ngồi cắt, may bằng những phương tiện thô sơ những chiếc áo lạnh thô sơ không kém – dao và kéo không hề có tại nơi này. Phần tôi may mắn hơn là đã cẩn thận mang theo một chiếc *blouson* cũ, nếu không thì cũng kẹt to vì không biết chắc mình có thể có những tài gì, nhưng tôi biết chắc tôi rất vụng về về tay chân. Cả đời tôi tới nay, tôi chỉ cầm kim chỉ lên có một thời gian duy nhất ở Sư Đoàn 5 để vá đũng quần luôn luôn rách xoạc sau những đêm đi kích, làm tổ báo động... Ban ngày, dưới bầu trời xám xì đầy mây bay nhanh, chiếc *blouson* đủ ấm cho tôi lang thang đi thăm bạn bè ở rải rác hay ngắm hoa nở – hoa vẫn cứ nở rộ trong hàng rào kẽm gai, khi thì tóc tiên hồng, khi thì hoa bìm bịp tím ngắt leo đầy một mái nhà doanh trại đổ nát, có khi chỉ là hoa cỏ nước mọc trong vũng nước đọng trong hàng rào kẽm gai rỉ sét Nhưng đến tối, thì trong cuộc đời, chưa bao giờ tôi bị lạnh nhiều đến như vậy. Tôi chỉ có mỗi một chiếc *poncho* trải rộng trên sàn xi-măng cho bạn bè nằm chung, và chỉ có một tấm khăn trải giường mỏng làm chăn. Đã thế tôi lại nằm đúng trên một đường xi-măng nứt dài, khí lạnh từ dưới đất tỏa lên nghi ngút nên cứ khoảng 3 giờ sáng là tôi không còn cách gì ngủ nổi, ngồi bó gối chờ đợi tiếng kẻng báo hiệu hết giờ giới nghiêm là phóng ra khỏi nhà, chạy ra đường lo tập thể thao cật lực. Thật không thể ngờ chính lúc đói ăn, suy dinh dưỡng nhất, tôi lại chăm tập thể dục một cách oái ăm như vậy.

Không những tôi cùng các bạn thiếu áo lạnh, thiếu chăn, thiếu giường, thiếu chiếu, thiếu cơm ăn, thiếu thuốc hút, mà còn trần trụi hơn nhiều. Mất gia đình, mất tự do thì là đương nhiên rồi, tương lai hoàn toàn mù mịt cũng là điều hiển nhiên. Chúng tôi còn mất vài thứ lạ lùng mà trước khi mất không bao giờ ngờ chúng lại quý đến như thế. Thí dụ như chúng tôi đã mất Quốc Gia của mình. Các cán bộ cộng sản không bao giờ công nhận có một Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa. Họ bắt chúng tôi phải chối bỏ Quốc Gia đó, phải hô lên công khai là bất quá chỉ có một thứ "Ngụy quyền tay sai cho đế quốc Mỹ", và chúng tôi chưa bao giờ là sĩ quan của một Quân Lực chính quy, chúng tôi chỉ là đám "tay sai ác ôn", một thứ còn tệ hại hơn những khố xanh khố đỏ, *pac-ti-giăng pạc-ti-gió* thời Pháp thuộc. Họ bắt chúng tôi phải nhận tội "phản quốc", "phản lại nhân dân Việt Nam", đương nhiên phải ... "tử hình". Phải nghe và tự mình lập lại công khai những "bài bổn" như vậy không

vui gì, nhưng cũng dễ làm thôi!... *"Dễ làm thôi!"* nghe thực chua chát, nhưng sự thực là thế. Nhiều bạn bè và tôi hiểu rằng trong lịch sử Việt Nam dài dặc, chưa phải là lần đầu tiên chúng ta có nội chiến. Dân tộc Việt Nam vốn nhiều sinh lực, trai chiến đấu giỏi và ham chiến đấu, gái Việt đẹp và đa tình, nên khi nào không có ngoại xâm, là xoay ra ... nội chiến. Cuộc Trịnh - Nguyễn phân tranh kéo dài nhiều thế kỷ đã không xa gì, cuộc chiến sống còn giữa anh em Nguyễn Huệ và Nguyễn Ánh còn gần gũi hơn. Và cuộc chiến nào cũng kết thúc bằng một bên thắng và một bên bại theo qui luật "được làm vua thua làm giặc": Năm 1975 thì miền Nam bại trận và chúng tôi là sĩ quan của đạo quân thất trận thì biến thành "Ngụy"! Và xưa nay đối với binh sĩ thì kẻ thắng nào cũng tha cho thì cũng may đời. Còn sĩ quan thì kẻ thắng không tha luôn mà lại ... mang nhốt trong các "trại cải tạo", thì ... thôi, cũng là được đi.

Vậy cái gì đã ghê gớm hơn thế để tôi phải nói rằng mùa Đông năm 1975, chúng tôi trở thành những kẻ trần trụi nhất trần gian?

Lý do là thế này: Nếu chúng ta có thể dễ dàng nhận tội chung, tội tập thể bao nhiêu thì nhận tội cho riêng cá nhân mình khó bấy nhiêu. Một người Trung Hoa có thể nhún vai một cách dễ dàng khi người ngoại quốc chê dân Tàu ở dơ, một người Do Thái có thể mỉm cười như người Tô Cách Lan khi có ai chê dân mình hà tiện, và người Việt Nam vào thế hệ cha anh chúng ta cũng không nổi giận khi người Pháp chê rằng trong đầu mỗi người Việt đều có một ông quan. Bởi thế các "sĩ quan cải tạo" đã trải qua những kinh hoàng trong mùa hè vừa qua, trong những đợt "thành khẩn khai báo" và "thành tâm ăn năn hối cải" những "tội ác trong quá khứ". Các cán bộ và bộ đội quân đội chính quy miền Bắc đang quản lý chúng tôi trong những năm 75 - 76 đã theo đúng chính sách đã được chính quyền cộng sản công bố, là không đánh đập tra tấn, không "mày tao chi tớ", không mắng chửi ai cả. Nhưng qua những buổi "học tập", "tự khai và tự nhận tội", họ đã vùi dập nhân phẩm con người, tư cách làm người của chúng tôi xuống đến tận cùng của sự tận cùng. Thí dụ như một trung uý Bộ Binh gốc giáo chức như tôi, đương nhiên tôi có "nợ máu" với nhân dân, với cách mạng rồi. Quả thực trong quá khứ tôi đã từng cầm súng "choảng" nhau với họ thực sự... Nhưng các cán bộ lại đưa ra những tiêu chuẩn nhận tội khác nữa: một trung úy Bộ Binh như tôi đã phải hiếp trung bình hai mươi cô gái miền Nam, phải đi bắt gà của dân quê nấu cháo nhậu trong lúc hành quân, thì lại là một vấn đề khác. Tôi không làm như thế và bạn bè tôi cũng không làm như thế, toàn bộ sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa từ lúc thành lập tới lúc này, không một ai làm như thế... Biện minh, cãi với cán bộ chăng, thì lại mang thêm cái tội "đến giờ phút này còn ngoan cố không chịu nhận tội, bộ muốn ở lại quét trại cải tạo suốt đời sao?" Trại của tôi hơi nhiều sĩ quan gốc giáo chức, họ đã trình bày rằng, giáo chức là những người hiền lành, làm thứ nghề không thể gọi là có tội, thì lập tức cán bộ trả lời ngay: *"Các anh có tội nhiều hơn ai hết vì chính các anh đã đào tạo ra những thanh niên có khả năng làm sĩ quan, làm viên chức cho Ngụy quyền, cho đế quốc Mỹ... Tội các anh như vậy còn lớn hơn tội của học trò anh đào tạo nữa! Hơn nữa, chính các những sĩ quan gốc giáo chức được biệt phái về trường cũ dạy học sau năm 1968 lại là nặng nhất vì các anh đó là CIA. Có là người của CIA thì mới được biệt phái. Cách mạng biết hết!"*

Đến đây thì tôi đồng ý với bạn bè là phải cãi thôi: bị chụp cái mũ CIA thì cầm chắc đi "cải tạo mút mùa".

Tôi biện minh với cán bộ quản giáo, không xong! Tôi biện minh với cán bộ tiểu đoàn, cũng không xong nữa. Rồi nhân một buổi "lên lớp" ở hội trường, có cán bộ trên trung đoàn xuống làm giảng viên, tôi xin quản giáo của tôi được lên gặp viên sĩ quan đảng viên này. Tôi lại trình bày một lần nữa về giáo chức miền Nam, thế nào là sĩ quan gốc giáo chức được biệt phái về nhiệm sở cũ. Anh ta lắng nghe rồi sau cùng cho ý kiến rằng: *"Cứ cho là các anh không phải là CIA, cứ cho là các anh chưa bao giờ vào lớp đánh đập học trò nghèo để chúng bỏ học giành chỗ cho học sinh nhà giàu, thì các anh vẫn có tội. CIA đưa các sĩ quan gốc giáo chức về dạy học, cốt để học trò thấy thầy mình là sĩ quan, đương nhiên chúng sẽ kính trọng 'Quân Đội Ngụy' qua hình ảnh ông thầy mình... Thôi thì cho là các anh vô tình đi chăng nữa thì cũng vẫn có tội vì đã làm công cụ cho âm mưu thâm độc của CIA!"*

Không phải chỉ có ngành giáo chức mới bị "búa" như vậy. Thí dụ như ngành Quốc Gia Hành Chánh thì đương nhiên phải nhận cái tội làm "quan cai trị tham ô bóc lột hà hiếp nhân dân". Có người bạn cãi: *"Kể từ khi ra trường tôi chưa hề bóc lột, chưa hề tham ô. Gia đình tôi vẫn nghèo, ở nhà thuê, xe hơi không có, quý kim cũng không, như vậy là tôi không có tội..."* Lần này câu trả lời của cán bộ còn ghê rợn hơn: *"Những kẻ tham ô bóc lột đương nhiên là có tội rồi. Nhưng những anh thanh liêm có tội lớn hơn vì các anh đó tin tưởng thực sự ở 'chế độ Ngụy' nên mới phục vụ hết lòng mà không cần tiền bạc chức tước!"* Còn ngành Y Khoa, ngành cứu nhân độ thế, thì các bác sĩ y tá xoàng ra cũng phải nhận tội là *"chỉ lo chữa cho các sĩ quan, còn đối với lính hay*

bộ đội bị thương bị bắt làm tù binh thì bỏ mặc cho chết luôn!" Dĩ nhiên cũng có bác sĩ Quân Y dám đứng ra cãi rằng anh không hề làm như thế, và đối với các bộ đội bị thương anh cũng tận tình cứu chữa, thì anh bạn này bị "kẻ" ngay rằng: *"À, anh này nham hiểm. Anh biết cách mạng chắc chắn sẽ thắng nên mới làm như thế để mưu toan lập công chạy tội chứ gì! Anh đừng có hòng qua mặt 'cách mạng'. 'Cách mạng' biết hết!"*

Và mọi sự không phải chỉ có thế. Ngay vấn đề "tự khai lý lịch" cũng ghê gớm không kém. Không phải chỉ điền vào một cái *form* mẫu có sẵn, cũng không phải là điền vào "sơ yếu lý lịch" hai trang thông dụng ở miền Nam từ sau tháng 4 năm 1975 tới hiện nay. Người "sĩ quan cải tạo" phải kê khai lý lịch "tam đại" hàng ngang, "tam đại" hàng dọc, kể cả bạn bè thân thiết. Mỗi một người phải kê khai tất cả cô chú bác bên phía cha, cậu mợ dì bên phía mẹ, và dĩ nhiên không thể thiếu mục cha mẹ vợ, anh chị em vợ,... Đúng là ngày xưa chế độ quân chủ khi tru di tam tộc ai, chắc cũng không đòi hỏi kỹ đến như thế. Và không phải chỉ có "kê khai", mà phải "phê phán" cuộc đời của từng người đó. Thí dụ ông nội làm tri huyện thời Pháp thuộc thì phải bảo đó là một "tên phản quốc, bóc lột nhân dân". Nếu em gái mình bé đi học, lớn lấy chồng không làm gì cả, thì phải phê bình rằng: *"Em tôi bị hưởng một nền giáo dục nô dịch nên suốt đời chỉ biết thu mình xó bếp, đêm đêm hiến thân xác cho chồng bầm giập, không biết đến chính nghĩa, không biết đến 'cách mạng' là gì!"*

Cứ như thế các nhát búa gõ liên tục ngày đêm trên đầu lũ "sĩ quan cải tạo" đói ăn, thiếu mặc, không giường không chăn, không tương lai, và không cả quá khứ nữa. Dần dần các cán bộ cứ thế xua các "cải tạo viên" vào một con đường hầm mà tít xa đầu kia chẳng còn gì ngoài gia đình, ngoài mẹ ngoài cha, ngoài vợ ngoài con. *"Gia đình, đoàn tụ gia đình, hãy học tập tốt lao động tốt để sớm trở về đoàn tụ với gia đình."* Đảng cộng sản một lần nữa lấy "gia đình" làm miếng mồi nhử, làm củ cà-rốt, làm đốm lửa le lói để nhử, để thuyết phục, để khuất phục các "cải tạo viên" từ bỏ tất cả quá khứ, từ bỏ nhân phẩm, từ bỏ tư cách làm người...

Trong cùng một hoàn cảnh khó khăn, mỗi người phản ứng theo một cách thức khác nhau, tùy bản chất, bản lãnh và quá khứ của mình. Về phần tôi, có cái may mắn là nền tảng sau cùng của tâm hồn tôi được đan kết bằng những tư tưởng Đông phương nhiều hơn là của Tây phương. Những gì tôi đã có trước 30-4-1975 đã chỉ trong vài ngày đã tan thành mây khói, tài sản, văn nghiệp, nếp sống cũ,... tất cả đã theo hư không mà đi. Nhưng điều đó không làm tôi trở thành chua chát như nhiều bạn bè đồng đội, bởi vì những tư tưởng của Lão Tử, của Trang Chu, của Thiền đã ẩn hiện lẩn khuất đâu đây. Gần gũi hơn là những Hàn Tín, những Phạm Lãi lảng vảng cười cợt vỗ về... Tất cả những người đó đã giúp tôi trong những ngày hè dài dặc ngôi giữa đồng đội nghe hết người này đến người khác "thành khẩn khai nhận tội" và "ăn năn hối cãi" với một nụ cười giấu kín. Cười cho mình và cho bạn bè và cho cả những người cán bộ đang điều khiển buổi họp – những kẻ mà chúng tôi thường gọi lén là các *"robot"*.

Nhưng không phải là lúc nào cũng dễ dàng mà chịu đựng với một nụ cười như thế. Nhiều lần tôi đã phải tựa đầu vào vách, nhắm mắt lại mà cố nghĩ cố biến thành một chiếc bè nhỏ đang trôi trên dòng nước lũ đỏ đục của sông Hồng thời thơ ấu đã xa. Rất nhiều lần tôi phải thì thào trong tâm: *Hãy nhớ đến cây tre, hãy là cây tre, cây tre oằn oại dưới cơn gió lốc nhưng không gãy không thể gãy... Hãy chịu đựng, hãy giữ kín tư tưởng thật của mình, hãy để bè trôi, hãy để cành tre tơi tả trước bão... Mày là nhà văn như thế nào mày biết, đảng cộng sản không muốn mang tiếng là giết mày, đảng lừa mày không chịu đựng nổi, vùng lên chống đối để có thể cùm cho chết dần trong thùng* conex, *hoặc là dụ mày làm mưu toan trốn trại để có thể chính danh mang ra xử bắn như một trung úy trại kế bên... Hãy đóng kịch cho khéo, hãy ráng "nín thở qua sông", nhịn năm năm hay mười năm để ra thoát với ngòi bút còn nguyên vẹn...* Hơn nữa tôi muốn trở về với vợ con, tôi muốn trở về với Thi của tôi, tôi muốn mang Thi cùng các con đi thật xa, tận cùng trời đất này, kiếm một miền đất cho Thi và lũ con có quyền sống như mọi người bình thường... Tới ngày đó, tôi sẽ cầm bút lên một lần nữa. Staline ghê rợn là thế, ghê rợn đến chính cả đảng viên cộng sản Nga lẫn các đảng khác trên thế giới còn phải sợ, vậy mà cũng chẳng cản được *Bác Sĩ Zivago* của Pasternak, *Tầng Đầu Địa Ngục*, *Quần Đảo Goulag* của Solzenytsin,...

Các bạn bè khác của tôi, cũng theo cách thế của họ, mỗi người gỡ một cách. Và rất nhanh, chúng tôi đã lấy lại nụ cười, thái độ vui vẻ trước sự ngạc nhiên của cán bộ. Và họ còn ngạc nhiên hơn nữa khi chứng kiến những màn "thú tội" sau cùng. Một người bạn cùng lán, dân miệt vườn chính cống, băn khoăn không biết thú tội nhận tội ra sao: anh vốn là sĩ quan Quân Cụ, từ ngày tới tốt nghiệp Thủ Đức tới 75, anh vẫn chỉ phụ trách việc tu sửa súng trường M.1 rồi M.16. Anh than thở không biết thú tội thì biết bao giờ mới được coi là *"tiến bộ để về với con* dzợ *đây!"*...

Trước 1975, tôi đã đọc kỹ một cuốn sách duy nhất về cuộc sống của các tù binh giam trong trại giam cộng

sản Việt Nam: *Les Ceinturions* của J. Larteguy. Tôi nhớ rõ đoạn tả các sĩ quan tù binh Pháp thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải: Một đại úy Pháp được "bình bầu" là "cải tạo viên tiến bộ điển hình" đứng lên tự tố cáo mình những "tội ác bịa đặt" đến mức độ làm các sĩ quan mới bị bắt phải phẫn nộ. Và họ chỉ hết bực dọc khi được bạn đồng đội cựu tù binh giải thích đó là cách tốt nhất để dễ sống và dễ thở mà thôi. Có ai cấm sau đó, khi về lán trại với nhau, tha hồ cười bằng thích... Nhớ lại đoạn văn đó, tôi bèn cố vấn cho ông bạn chất phác sĩ quan Quân Cụ ấy cách thế kể tội và nhận tội.

Ông bạn này cứ làm "y chang" cẩm nang, và hôm họp đội, anh ta đã dõng dạc kể tội mình như sau: Làm trung đội trưởng, anh đã trách nhiệm sửa chữa x khẩu súng một tháng, mỗi khẩu súng sửa xong, mang ra chiến trường trung bình đã bắn chết bao nhiêu bộ đội, và trong mấy năm, anh đã sát hại cỡ ... 20 ngàn bộ đội! Bạn bè phục lăn và ráng giữ nét mặt cho nghiêm trang. Chỉ cần một người cười thôi là "bể mánh" hết. Phần tôi, cứ tưởng phen này sẽ phò ông bạn Quân Cụ giật giải số một của tiểu đoàn một cách dễ dàng.

Không ngờ tôi đã lầm! Ngày lên hội trường, người được cán bộ chọn làm "cải tạo viên tiên tiến điển hình" là một ông bạn Pháo Binh. Với tư cách trung úy Pháo Binh, riêng trong Tết Mậu Thân, anh đã tính như sau: Với mỗi viên đạn 105 ly bắn ra sát hại trung bình 200 người. Với X viên đạn pháo đội anh đã bắn, tổng số bộ đội bị sát hại là X viên đạn nhân với 200 người. Dĩ nhiên thành tích của anh vượt xa con số 20 ngàn của anh bạn Quân Cụ của đội tôi dễ dàng... Và cứ như thế, hết bản thú tội này đến bản thú tội khác, riêng cái tiểu đoàn có khoảng một ngàn sĩ quan cấp úy này, chúng tôi đã thanh toán sạch sành sanh quân đội chính quy miền Bắc...

Nhưng dĩ nhiên các sĩ quan cao cấp của sư đoàn phụ trách các "trại cải tạo" vùng Trảng Lớn đã dần dần hiểu cái âm mưu tiếu lâm, thanh toán "nhẹ nhàng" quân đội của họ như thế. Một ngày đã sang mùa Thu, tất cả các đội được nghe phổ biến một thông cáo yêu cầu các cải tạo viên chấm dứt việc "phóng đại tội ác" theo kiểu như vậy. Thông cáo cũng nhấn mạnh kể từ nay phải "thành khẩn" khai đúng tội mình đã thực sự phạm mà thôi.

Mặc dù có những chuyện như thế, mặc dù bọn tôi vẫn suốt ngày ráng giữ vui, cười đùa như trẻ con, chế giễu bộ đội và cười cợt cả những thống khổ của bản thân hàng ngày hàng tuần, từng tháng. Chúng tôi vẫn tiếp tục cười khi chứng kiến các bạn làm bẫy chuột bằng dây kẽm gai, mang những con chuột hôi ngòm ấy nướng chui và ăn ngon lành. Chúng tôi vẫn tiếp tục chế các ông bạn ngày ngày luyện tập "Hàm Mô Công" của Âu Dương Tây Độc trong truyện kiếm hiệp của Kim Dung: những người bạn lớn tuổi hoặc vụng về tay chân không làm nổi bẫy chuột, đã ngồi thu lu im lặng hàng giờ bên các vũng nước tù để rình chộp những con ếch nhái bé xíu. Và cả tôi nữa, tôi đã cười đùa rất vui khi được bạn bè tặng một tô canh cua, nấu bằng một con cua đất duy nhất cho mười người ăn... Nhưng nói chung, chìm lắng dưới tất cả, mỗi người trong chúng tôi đều có những nỗi buồn cầm nín, và thấy tâm hồn mình bầm giập, như một xót xa không tên không tuổi...

Bởi thế, khi mùa đông năm đó ùa xuống chân núi Bà Đen, chưa bao giờ chúng tôi trần trụi đến như vậy trong cả cuộc đời mình. Chúng tôi không còn gì cả trên trần thế này, trừ gia đình, trừ vợ con, cha mẹ già, anh chị em thân thiết ruột thịt. Chúng tôi tha thiết, ao ước ngày và đêm, đêm và ngày được nhìn lại người thân, được cầm tay vợ tay người yêu, tay mẹ già, được ôm những đứa con còn trẻ dại. Trong "cuộc chiến không tiếng súng" giữa hai bên, kẻ chiến thắng, người chiến bại này, người cộng sản đã thắng một chiều: Họ đã đạt được mục tiêu làm chúng tôi không còn gì để mong ước, để ước mơ ngoài gia đình và gia đình, chỉ gia đình mà thôi. Kể từ nay họ có thể khống chế bọn tôi bằng lòng ao ước đoàn tụ gia đình, bằng niềm hy vọng duy nhất ấy. Nhưng đảng cộng sản cũng đã thua một điểm, một trận then chốt khi làm bầm giập tâm hồn chúng tôi. Khi đã trải qua những năm tháng ngồi nghe mắng và không được cãi về những "tội trạng" như đã miêu tả trên, trong thâm tâm và mãi mãi chúng tôi không bao giờ chấp nhận nổi một chế độ đã cố tâm giày đạp xuống đất đen nhân phẩm của con người đến mức độ như vậy.

Một buổi trưa mùa đông năm đó, bỗng dưng một người bạn cùng lán nghêu ngao hát vài câu của bài *Silent Night*. Tôi xúc động đến sững sờ, không thể nào ngồi yên được nữa. Tôi đi lang thang dưới một bầu trời đầy mây xám bay nhanh, ghé chỗ này nói dăm ba câu, đến chỗ kia dăm ba câu cho khuây khỏa.

Nhưng cũng có những lúc bạn bè cũng không giúp được gì cho tôi nữa. Tôi ra một chỗ khuất sát hàng rào kẽm gai. Nơi này ít có ai đặt chân tới, tôi có thể ngồi đó, nhìn vẩn vơ, nhìn trời đầy mây, nhìn một loài hoa cỏ xám trắng mọc trong kẽm gai, và nhất là nhìn nóc chuông nhà thờ thật xa. Nhiều khi, lòng mềm yếu như tơ nõn, như lá non, tôi đã nhìn hình thập tự trên tháp chuông xa mà cầu ước: Nếu Chúa Ki Tô, người mà tôi chỉ kính trọng như một vĩ nhân của nhân loại, nếu Ngài có thể cho tôi được trở về sống bên Thi và đưa người vợ yêu dấu này đi dự lễ Giáng Sinh, tôi sẽ thề nguyện theo Đạo...

Dĩ nhiên, cầu khấn xong, tôi cũng hiểu chẳng bao giờ đấng Ki Tô lại chấp nhận một sự mặc cả kỳ cục như vậy, dù Ngài là Đấng Toàn Năng hay chỉ là một vĩ nhân của nhân loại. Nhưng sau những phút như thế, tâm hồn tôi cũng nhẹ nhõm hơn. Tương tự như những lúc, sau những giờ học tập cực nhọc và buồn phiền, Nguyễn Đức Quang[1] đứng lên điều khiển cho tất cả hát bài hát duy nhất có lời và nhạc dễ thương trong dòng "nhạc đỏ" thời kỳ ấy. Bài ca tôi không biết nhan đề và cũng chẳng biết ai là tác giả. Tôi chỉ nhớ những câu mở đầu: *"Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng, nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương..."*[2]

Càng gần đến Noel, trời càng lạnh và tâm hồn bọn tôi càng hướng về gia đình nhiều hơn. Một buổi sáng đi lang thang, tôi đã tình cờ thấy "con người Du Ca" của những năm trước 75 đang lúi húi ngồi trên góc một nắp hầm xi- măng mài một cái gì. Tôi đến ngồi cạnh và hỏi, Nguyễn Đức Quang đã trả lời: *"Tôi đang mài một đôi guốc cho con gái tôi..."* trong khi vật đang cầm trên tay chỉ là một miếng gỗ vuông vức. Dí nhiên tôi đã hỏi ông bạn đã nổi tiếng khéo tay vì đã chế ra một chiếc đàn *guitar* hoàn toàn bằng dao và nẹp sắt thùng đạn với dây bện bằng dây mìn *claymore*, là sao anh không đục đẽo cho nhanh. Người bạn này đã trả lời: *"Tôi đâu có cần chóng xong. Tôi mài, tôi mài chỉ vì khi làm như thế, thấy đỡ nhớ con hơn..."*

Dĩ nhiên giữa một ông mặc cả với Chúa xin cho về với vợ là tôi và người ngồi mài guốc cho con đã nảy sinh một tình bạn mới. Mỗi khi Quang vác đàn tới đâu là có tôi theo tới đó. Và chẳng bao giờ tôi quên một đêm đầy ánh trăng và gió lạnh, đã rất khuya, dăm bẩy người leo lên một đống gạch lẫn khối bê-tông đổ nát. Người bạn Du Ca này sau khi liếc một vòng chung quanh xem có ai là ăng-ten không, đã nói: *"Này các bạn, tôi hát tặng các bạn bài hát này cho dễ vào giấc ngủ..."* Một lần nữa tôi không nhớ tên bài hát và tác giả, chỉ nhớ những lời hát dịu dàng: *"Đừng lay tôi nhé cuộc đời... Tôi còn trẻ dại, cho tôi mơ màng..."*[3]

Và đến ngày 24 của tháng 12 năm 1975, Nguyễn Đức Quang đã sang lán của tôi rất sớm, mang theo một tờ giấy có chép lời ca tiếng Việt của bản *Silent Night*. Trời lạnh và nhiều gió, hai đứa không ra ngoài, chỉ ngồi ở bậc cửa. Quang đã dạy tôi hát bài thánh ca này với những lời đã có từ rất nhiều năm, và cả bản do chính anh đặt lời. Tôi tin rằng trong cuộc đời anh bạn nhạc sĩ này, chưa bao giờ có một "ca sĩ tập sự" dở như tôi. Nhưng điều đó nào quan trọng gì. Bởi vì chúng tôi đâu có ý định hát hay, và cũng chẳng định "hát cho nhau nghe". Chúng tôi hát vì nhớ mẹ nhớ cha, nhớ vợ nhớ con, nhớ cuộc đời đã qua đi, nhớ sự nghiệp công danh đã trở thành mây khói...

Và đêm hôm đó, mặc dù ban chỉ huy trại đã chính thức bác lời xin tổ chức lễ Giáng Sinh, làm cây Noel và hang đá của các đại diện sĩ quan Công Giáo, chúng tôi vẫn chuẩn bị một đêm tưng bừng. Qua các cán bộ làm quản giáo, chúng tôi đã được biết đêm nay có tụ họp với nhau vui chơi quá giờ giới nghiêm thường lệ, cũng sẽ được thông cảm. Người bạn thân nhất nơi này của tôi là Nguyễn Quang Hiện đã nhận đúng lúc một gói quà của vợ chưa cưới, đã đứng ra tổ chức một buổi họp mặt đêm Giáng Sinh. Khoảng năm, sáu người bạn thân nhất, trong đó chỉ có một người duy nhất theo đạo Công Giáo, đã cùng tôi tụ họp gần sát kẽm gai, trên mặt nhựa đường một con lộ cũ. Chúng tôi mặc đủ thứ quần áo có thể có được để chống gió lạnh, thưởng thức món cà-phê kho bằng lon Guigoz do Nguyễn Quang Hiện thực hiện với sự phụ tá vụng về của tôi, nhâm nhi với đậu phọng, nước ngọt nóng pha bằng bột và kẹo. Cái gì cũng thực là quá ít, nhưng các "sĩ quan cải tạo" đã từ lâu quen chia sẻ với nhau những gì mình có. Chủ nhân của món đậu phọng rang chẳng bốc nhiều hơn bạn bè một hạt, và Nguyễn Quang Hiện cũng không uống hơn bạn bè một ngụm cà-phê...

Sau lễ Giáng Sinh, bọn tôi hầu như không có việc gì làm. Việc phân loại đã thực hiện xong, số phận đã được an bài tại một nơi xa tít, có thể tận Hà Nội hay đâu đó. Mọi người bên ngoài ráng giữ vui vẻ thường nhật, bên trong âm thầm tự hỏi bản án giành riêng cho bản thân mình sẽ là bao nhiêu năm. Một kẻ vui tính nhưng ưa khôi hài đen đã tuyên bố: Căn cứ vào báo Sàigòn Giải Phóng, Trung Quốc mới tha "sĩ quan cải tạo" sau cùng của Quân Đội Tưởng Giới Thạch sau 26 năm giam giữ, thì chúng ta tối đa cũng chỉ lãnh tới đó là cùng... Thế là mỗi người thêm một câu, tiếu lâm hóa phóng đại thêm.

Người thì tả cảnh ngày về, đi ba chân (ý nói phải chống gậy) đến cửa nhà thì một cô gái ra đón hỏi: *"Thưa cụ, cụ hỏi ai ạ? Cụ là ai thưa cụ?"* Cụ cải tạo bèn xưng tên, cô gái ngẫm nghĩ rồi trả lời: *"Bà ngoại cháu có kể rằng ông ngoại cháu mấy chục năm trước có tên như thế ,nhưng ông ngoại hồi cuối thế kỷ hai mươi đã đi lên rừng xanh 'cải tạo', và đã mất tăm tích kể từ đó..."* Các bạn khác kể ngày về của mình nhại theo đúng giọng văn

[1] Nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang (1944 - 2011)

[2] Ca khúc *"Tự Nguyện"* của Trương Quốc Khánh (ghi chú của KBC)

[3] Ca khúc *"Tôi Đang Mơ Giấc Mộng Dài"*, thơ Lệ Lan (bài *"Năn Nỉ"*), Phạm Duy phổ nhạc (ghi chú của KBC)

"Khi Từ Thức Về Trần"[4]. Về đến đường phố xưa, thấy thay bằng một xí nghiệp "vĩ đại" đang phun khói đầy trời. Buồn quá đi ra bãi biển, mở tờ giấy tha về ra coi lại tên tuổi mình, thì lập tức toàn thân biến thành bọt biển Thái Bình Dương...

Nhưng đến ngày Ba Mươi Tết năm đó, người vui tính nhất trong chúng tôi cũng thành ít nói. Càng chuẩn bị đón mừng năm mới, trời càng về chiều càng lạnh và tâm hồn chúng tôi cũng thế mà thôi. Sau bữa cơm chiều, dù có no bụng hơn ngày thường, cũng chỉ mang lại những phút vui thoáng qua. Tôi mặc chiếc áo ấm duy nhất, đi lang thang trong trại thăm các bạn bè ở rải rác, chỗ này một ly trà đường, chỗ kia một vài ngụm cà-phê nóng bỏng,... và chỉ về khu mình sau 11 giờ đêm. Một người từ bóng tối tiến ra chặn lại: *"Mời anh vào lễ Phật. Tất cả đã lễ xong chỉ còn thiếu anh..."* Đó là một sĩ quan của miệt vườn xa tít miền Nam, một Phật tử hiền lành có phong dáng của một ông Đạo Dừa, chất phác đến độ các quản giáo cũng phải nể, kệ cho muốn làm gì thì làm. Anh đã thiết lập một bàn thờ Phật vào đêm nay cho lán mình và ân cần mời tôi tới dự Giao Thừa nơi này. Tôi theo anh bước vào, bạn bè đã đủ cả. Tôi tiến đến đứng trước bàn thờ Phật, nhìn lên. Một bức họa đơn sơ đức Phật vẽ bằng than lấy ở bếp trên những tờ giấy trắng được phát trước đây để làm "lý lịch ba đời". Bình hoa và bình hương làm bằng vỏ đồ hộp, và dưới làn khói nhang bốc lên thong thả cuộn vòng dưới ánh sáng mờ nhạt, tôi bỗng sững người, tê cứng.

Rất nhiều năm về trước, khi tôi còn trẻ, tôi đã có lần khóc thật nhiều. Đó là ngày chôn cất ba tôi ở nghĩa trang Giác Minh. Tôi đã giữ được bình tĩnh trong những ngày tang lễ, tôi vẫn tự chủ khi cùng với anh Duy Lam[5] đứng bên mộ lễ tạ những người đưa đám. Nhưng đến khi chỉ còn có gia đình, đến lượt tôi mặc đồ tang số, cầm gậy tre cúi đầu trước mộ, thì nước mắt tôi trào ra không cách gì kìm được. Bỏ mặc mọi người quanh mộ, tôi ra gốc cây ngồi, cố trấn tĩnh. Nhưng vô ích! Nước mắt vẫn cứ chảy khi nghĩ đến người cha xấu số, chưa bao giờ có thể gọi là may mắn trong cả cuộc đời. Giấc mơ tuổi trẻ của ông, giấc mơ bay bổng như cánh chim bằng, đến cuối cuộc đời đã không còn gì, chẳng thực hiện được gì. Và đối với lũ con trai, ngay cả đến tôi cũng mới chỉ bắt đầu hiểu ông và thương ông mấy năm cuối cùng gần đây. Ông chỉ được đền bù đôi chút bằng lòng hãnh diện thấy hai con trai lớn đã trở thành hai nhà văn như lòng ông mơ ước bao năm. Và niềm an ủi chót của ông chỉ là Thi của tôi đã sinh kịp thời một đứa con trai đầu lòng làm cháu đích tôn ông là con trai duy nhất còn xót lại của một dòng nho sĩ của miền Vân Đình, Hà Đông. Nhưng tội nghiệp cho ông: bệnh lao đến thời kỳ chót đã không cho phép ông bồng bế đứa cháu đích tôn ấy. Ông chỉ ngồi ngắm nó trong tay Thi, và một lần khi được về phép, Thi đã kể khi ngủ mê, ông cũng gọi tên đứa cháu đầu tiên này... Càng nghĩ tới ông, tôi lại không sao trấn tĩnh nổi. Cho đến khi Thi đến quỳ cạnh tôi, đặt tay lên tay tôi... Tôi nhìn lên, dưới mái tóc đôi mắt nàng như đen thẫm dưới làn khăn sô trắng: Thi không nói gì, Thi chỉ khóc cùng tôi. Và chính vì thế khi đứng dậy, tôi đã thôi khóc khi cầm tay Thi tiến đến mộ làm những nghi lễ cuối cùng.

Từ ngày đó tôi đã tưởng không bao giờ, không điều gì có thể làm tôi khóc nữa. Trong nhiều năm, rất nhiều năm, tôi đã lao vào cõi văn chương chữ nghĩa, và tổ chức đấu tranh cho lý tưởng muốn gỡ đất nước ra khỏi gọng kềm của cả cộng sản lẫn tư bản. Tôi đã chiến đấu ngoài mặt trận, tôi đã chiến đấu trong thành phố, tôi đã lãnh những viên đạn vun vút quanh mình ngoài chiến tuyến, tôi đã lãnh cả trái *plastic* ném vào sân nhà ở giữa Sàigòn ... mà vẫn cứ như không. Tôi tưởng tôi đã đủ bản lãnh để không bao giờ khóc nữa.

Nhưng tôi đã lầm. Đêm Giao thừa của năm 1975, đứng quay lưng lại bạn bè và gió lạnh bên ngoài, trước bàn thờ Phật đơn sơ cùng cực ấy, tôi đã khóc một lần nữa. Nước mắt tôi đã chảy cho mẹ già, cho Thi, cho những con còn nhỏ dại... Tôi đã khóc cho tất cả và tôi cũng khóc cho cả chính tôi, cho cả cuộc đời đã qua, đã mất vĩnh viễn.

Nhưng cũng như lần trước, khi cả doanh trại và bầu trời vang ồn tiếng súng và tiếng loa tiếng nhạc đón mừng năm mới, tôi đã chùi khô nước mắt trên tay áo cũ trước khi phóng ra sân hò reo cùng bạn bè. Thôi thế cũng là xong một quá khứ. Bây giờ tôi đã sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng vượt mọi khó khăn đang trải dài trước mắt. Tôi đã đi xuyên qua một mùa đông thứ nhất, và tôi hiểu rõ con đường đi qua mùa đông còn dài, rất dài. Không những cho tôi, mà cho tất cả mọi người Việt, bên này hay bên kia Thái Bình Dương. ■

THẾ UYÊN

---

[4] *"Khi Từ Thức Về Trần"*, truyện dài của nhà văn Bình Nguyên Lộc (1914 - 1987) – (ghi chú của KBC)

[5] Nhà Văn Duy Lam (1932 - 2021). Duy Lam và Thế Uyên là anh em ruột, có mẹ là em của nhà văn Nhất Linh và Hoàng Đạo, và là chị của nhà văn Thạch Lam (ghi chú của KBC)

NGUYỆT SAN KBC SỐ BÁO CÁC THÁNG 11, 12/2023 và 1/2024

GIỚI THIỆU 18 TÁC PHẨM CỦA 18 TÁC GIẢ: *CTT TRẦN VĂN HƯƠNG, BÀ NGÔ ĐÌNH NHU, NGUYỄN ĐÌNH TUY, TẠ QUANG HOÀNG, NGUYỄN HỮU CHẾ, VÕ Ý, DOÃN DÂN, TÔ VĂN CẤP, TRẦN THỨC, TRẦN HOÀI THƯ, KHA LĂNG ĐA, PHẠM TÍN AN NINH, LÊ HOÀNG VIỆN, LÊ VĂN TRẠCH, MIKE MURRAY, HÙNG BI, NGUYÊN LÃNG, KHALED HOSSEINI*

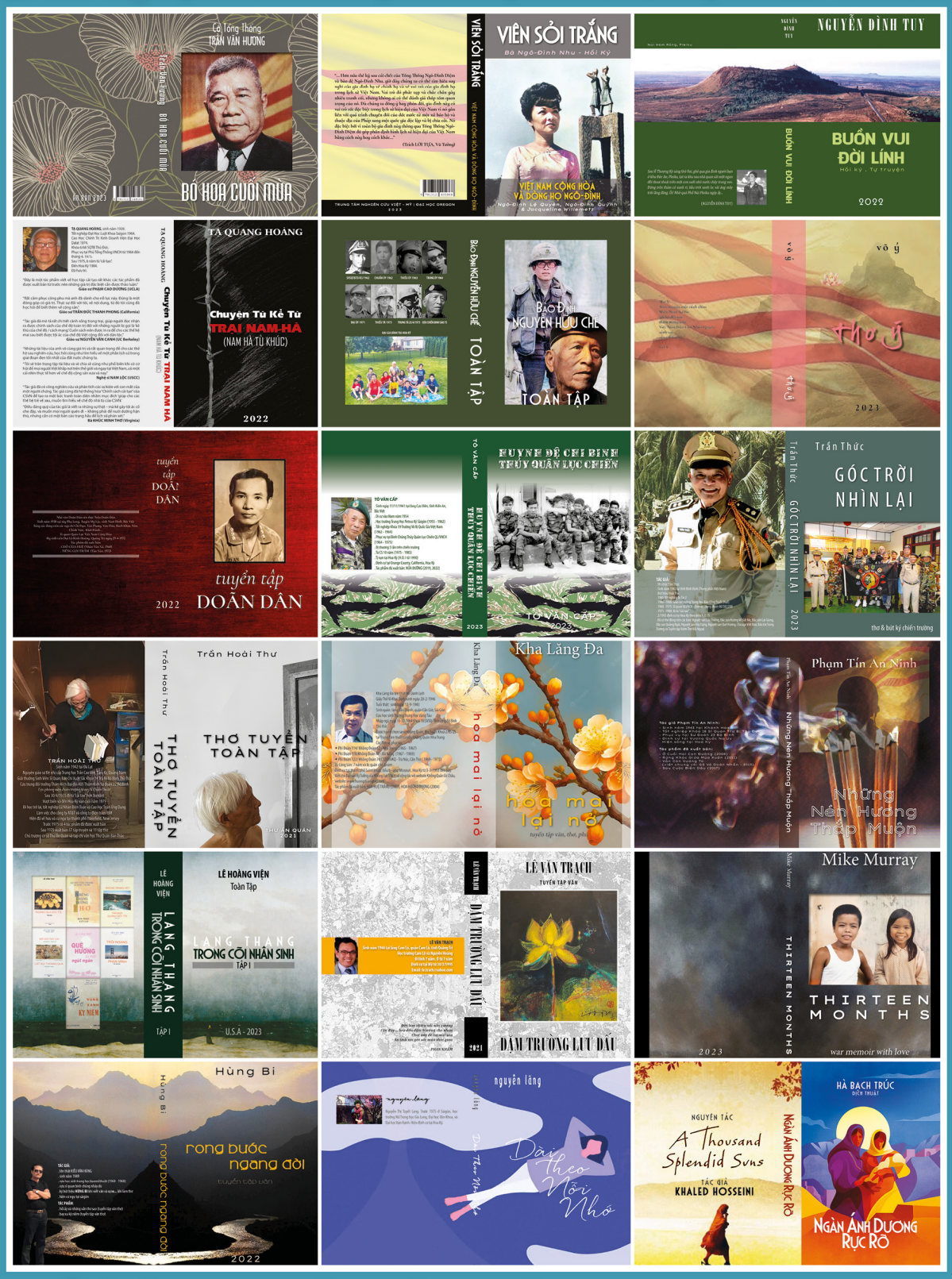

ĐỂ CÓ SÁCH, XIN VUI LÒNG LIÊN LẠC VỚI: nguyetsankbc@gmail.com